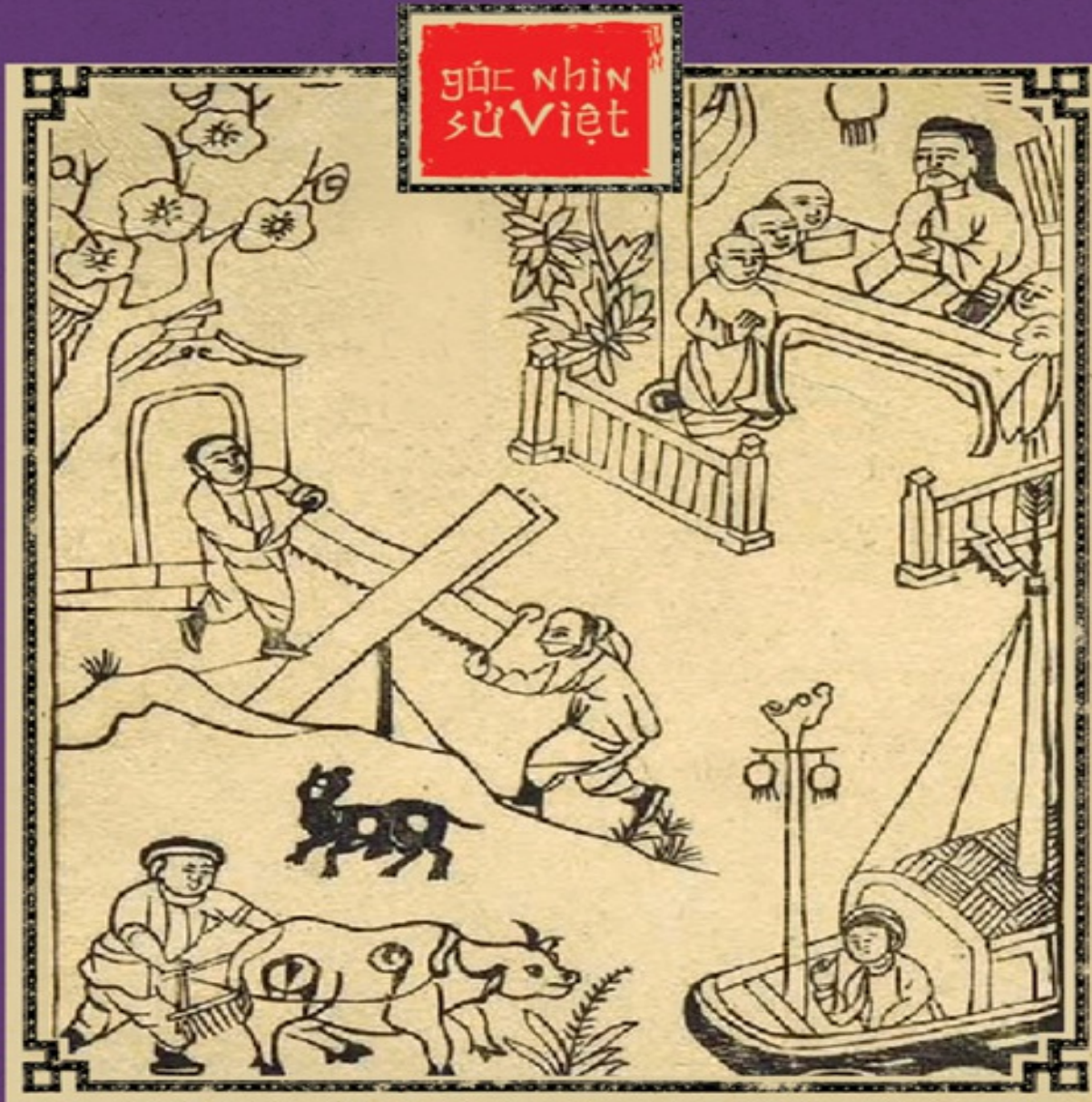


Phạm Đình Hồ & Nguyễn Ân

TANG THƯƠNG NGÃI LỤC



*Những câu chuyện quốc sử chưa ghi, dã sử chưa chép.
Tài liệu quý dùng để khảo cứu lịch sử, địa lý, điển lễ,
phong tục vào cuối đời Lê.*



NHÀ XUẤT BẢN
KHOA HỌC XÃ HỘI

Table of Contents

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU

QUY CÁCH BIÊN TẬP

TIỂU DẪN

TIỂU TRUYỆN PHẠM ĐÌNH HỒ

TIỂU TRUYỆN NGUYỄN ÁN

TỰA

I.

II.

PHẦN I. TANG THƯƠNG NGẪU LỤC - QUYỂN THƯỢNG

THẦN TÔNG HOÀNG ĐẾ(13)

HIỂN TÔNG HOÀNG ĐẾ

CHUYỆN CŨ TRONG PHỦ CHÚA

ÔNG NGUYỄN DUY THÌ

HỒ GƯƠNG

ÔNG NGUYỄN VĂN GIAI

NGƯỜI NÔNG PHU Ở NHƯ KINH

NGƯỜI NÔNG PHU Ở AN MÔ

MA ĐỒNG XUÂN

ÔNG NGUYỄN CÔNG HẰNG

ÔNG NGUYỄN BÁ DƯƠNG

QUẬN MÃ ĐẶNG LÂN

THÀNH ĐẠO TỬ

ÔNG LÊ THÌ HIẾN

ÔNG ĐỖ THẾ GIAI ÔNG HOÀNG NGŨ PHÚC

CHÙA TIÊN TÍCH

LIỆT PHỤ ĐOÀN PHU NHÂN

NGƯỜI LÀM MƯƠN Ở KINH THÀNH

ÔNG LÊ ANH TUẤN

ÔNG BÙI THẾ VINH

ÔNG NGUYỄN CÔNG HOÀN

ÔNG LÊ HỮU KIỀU

ÔNG NGUYỄN TRỌNG THƯỜNG

BÀI KÝ CHƠI NÚI PHẬT TÍCH - (CHÙA THẦY)

DẬT SỬ CỦA CỤ THÁI TẾ

ÔNG ĐÀM THẬN HUY

ÔNG LÊ TUẤN MẬU

ÔNG DƯƠNG BANG BẢN

ÔNG UÔNG SĨ ĐOAN

HÓA HỔ

ĐƯA CON ĐEN

HANG NÚI

ANH KẼ TRỘM LÀNG LÂM HỘ

ÔNG ĐỖ UÔNG

TƯỢNG QUÂN ĐOÀN THƯỢNG

SÔNG DỪNG

NÚI ĐÔNG LIỆT

NÚI RẾT

NỘI ĐẠO TRÀNG

BÀ VỢ THỨ ÔNG NGUYỄN KIỀU

PHẦN II. TANG THƯƠNG NGẪU LỤC - QUYỂN HẠ

ÔNG CHU VĂN TRINH

ÔNG LÊ TRÃI

ÔNG BÙI CẦM HỔ

THƠ MA

ÔNG PHẠM NGŨ LÃO

THI HỘI

MẢ MẸ ĐÀO KHẢN

CÁI MIẾU CỔ Ở CỬA ĐÔNG HOA

TƯỢNG GIÀ LAM Ở NGÔI CHÙA ĐỒNG

BIA NÚI THÀNH NAM

CỤ THÁI TẾ TÔI

SÔNG ĐỘC

MẢ TỔ QUẬN BẰNG

MIẾU THANH CẨM

DẬT SỰ CỦA ÔNG TIÊN HỌ PHẠM.

ÔNG ĐẶNG CHẤT

ÔNG NGUYỄN TÔNG KHUÊ

QUAN QUẬN LỘC Ở HÀM GIANG

TẢ AO TIÊN SINH.

THÀNH CỬ TRIỀU KHẨU

ÔNG VŨ DUỆ

ÔNG NGUYỄN VĂN GIAI(102)

MIẾU THUẦN DƯƠNG TỔ SƯ

NGƯỜI KHỔNG LỒ

ÔNG PHẠM ĐÌNH TRỌNG

CHÙA THIÊN MỤ

HỒ HOÀN KIẾM

CỬA KINH THÀNH

ÔNG HOÀNG SẦM

ÔNG ĐẶNG TRẦN CÔN

MẸ RANH CÀN SÁT

ĐỀN TRẦN VÕ

NÚI DỤC THÚY

MẢ TỔ HỌ NGUYỄN LÀNG QUẾ Ồ

ÔNG SẦM

ÔNG DƯƠNG CÔNG CAO

ÔNG NGUYỄN ĐẶNG CẢO

ÔNG BÙI HUY BÍCH

THÁP BÁO THIÊN

TIÊN QUẬN CHÚA

NGƯỜI BÁN THAN

II

III

I

II

III

IV

PHẠM TẤU

ÔNG VÕ CÔNG TRẤN

ÔNG NGUYỄN TRẬT

ÔNG VÕ SỬNG

CHUYẾT CÔNG THIÊN SƯ

ĐỀN LINH LANG

CHÙA KIM LIÊN

THÁNH TÔNG HOÀNG ĐẾ

THƠ ĐỀ SAU

TỬ SÁCH ALPHA DI SẢN - GÓC NHÌN SỬ VIỆT

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU

QUY CÁCH BIÊN TẬP

TIỂU DẪN

TIỂU TRUYỆN PHẠM ĐÌNH HỒ

TIỂU TRUYỆN NGUYỄN ÁN

TỰA

PHẦN I. TANG THƯƠNG NGẪU LỤC - QUYỂN THƯỢNG

THẦN TÔNG HOÀNG ĐẾ

HIỂN TÔNG HOÀNG ĐẾ

CHUYỆN CŨ TRONG PHỦ CHÚA

ÔNG NGUYỄN DUY THÌ

HỒ GƯƠM

ÔNG NGUYỄN VĂN GIAI

NGƯỜI NÔNG PHU Ở NHƯ KINH

NGƯỜI NÔNG PHU Ở AN MÔ

MA ĐỒNG XUÂN

ÔNG NGUYỄN CÔNG HẰNG

ÔNG NGUYỄN BÁ DƯƠNG

QUẬN MÃ ĐẶNG LÂN

THÀNH ĐẠO TỬ

ÔNG LÊ THÌ HIẾN

ÔNG ĐỖ THẾ GIAI ÔNG HOÀNG NGŨ PHÚC

CHÙA TIÊN TÍCH

LIỆT PHỤ ĐOÀN PHU NHÂN

NGƯỜI LÀM MƯƠN Ở KINH THÀNH

ÔNG LÊ ANH TUẤN

ÔNG BÙI THẾ VINH

ÔNG NGUYỄN CÔNG HOÀN

ÔNG LÊ HỮU KIỀU

ÔNG NGUYỄN TRỌNG THƯỜNG

BÀI KÝ CHƠI NÚI PHẬT TÍCH - (CHÙA THẦY)

DẬT SỬ CỦA CỤ THÁI TẾ

ÔNG ĐÀM THẬN HUY

ÔNG LÊ TUẤN MẬU

ÔNG DƯƠNG BANG BẢN

ÔNG UÔNG SĨ ĐOAN

HÓA HỔ

ĐỨA CON ĐEN

HANG NÚI

ANH KẼ TRỘM LÀNG LÂM HỘ

ÔNG ĐỖ UÔNG

TƯỚNG QUÂN ĐOÀN THƯỢNG

SÔNG DỪNG

NÚI ĐÔNG LIỆT

NÚI RẾT

NỘI ĐẠO TRÀNG

BÀ VỢ THỨ ÔNG NGUYỄN KIỀU

PHẦN II. TANG THƯƠNG NGÃU LỤC - QUYỂN HẠ

ÔNG CHU VĂN TRINH

ÔNG LÊ TRÃI

ÔNG BÙI CẦM HỔ

THƠ MA

ÔNG PHẠM NGŨ LÃO

THI HỘI

MẢ MẸ ĐÀO KHẢN

CÁI MIẾU CỔ Ở CỬA ĐÔNG HOA

TƯỢNG GIÀ LAM Ở NGÔI CHÙA ĐỒNG

BIA NÚI THÀNH NAM

CỤ THÁI TẾ TÔI

SÔNG ĐỘC

MẢ TỔ QUẬN BẰNG

MIẾU THANH CẨM

DẬT SỰ CỦA ÔNG TIÊN HỌ PHẠM

ÔNG ĐẶNG CHẤT

ÔNG NGUYỄN TÔNG KHUÊ

QUAN QUẬN LỘC Ở HÀM GIANG

TẢ AO TIÊN SINH

THÀNH CỬ TRIỀU KHẨU

ÔNG VŨ DUỆ

ÔNG NGUYỄN VĂN GIAI

MIẾU THUẦN DƯƠNG TỔ SƯ

NGƯỜI KHỔNG LỒ

ÔNG PHẠM ĐÌNH TRỌNG

CHÙA THIÊN MỤ

HỒ HOÀN KIẾM

CỬA KINH THÀNH

ÔNG HOÀNG SẼM

ÔNG ĐẶNG TRẦN CÔN

MẸ RANH CÀN SÁT

ĐỀN TRẦN VÕ

NÚI DỤC THÚY

MẢ TỔ HỌ NGUYỄN LÀNG QUẾ Ồ

ÔNG SẼM

ÔNG DƯƠNG CÔNG CAO

ÔNG NGUYỄN ĐĂNG CẢO

ÔNG BÙI HUY BÍCH

THÁP BÁO THIÊN

TIÊN QUẬN CHÚA

NGƯỜI BÁN THAN

PHẠM TẤU

ÔNG VÕ CÔNG TRẦN

ÔNG NGUYỄN TRẬT

ÔNG VÕ SỬƠNG

CHUYẾT CÔNG THIỀN SƯ

ĐỀN LINH LANG

CHÙA KIM LIÊN

THÁNH TÔNG HOÀNG ĐẾ

THƠ ĐỀ SAU

TỦ SÁCH ALPHA DI SẢN - GÓC NHÌN SỬ VIỆT

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

LỜI GIỚI THIỆU

Bạn đọc thân mến!

Lịch sử văn hóa của một dân tộc không phải của riêng cá nhân nào, chính vì vậy, việc bảo tồn, gìn giữ và phát triển lịch sử văn hóa cũng không phải riêng một người nào có thể gánh vác được, nó thuộc về nhận thức chung của toàn xã hội và vai trò của từng nhân tố trong mỗi chặng đường lịch sử. Lịch sử là một khoa học. Lịch sử không phải là việc thống kê sự kiện một cách khô khan rời rạc. Bởi mỗi sự kiện trong tiến trình đó đều có mối liên kết chặt chẽ với nhau bằng sợi dây vô hình xuyên suốt không gian và thời gian tạo nên lịch sử của một dân tộc.

Dân tộc Việt Nam trải hơn một nghìn năm Bắc thuộc, gần trăm năm dưới ách cai trị của thực dân, đế quốc, nhưng con cháu bà Trưng, bà Triệu, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung... vẫn kiên trì bền chí, tin tưởng ở quá khứ hào hùng, không ngừng tranh đấu hướng tới tương lai rộng mở vì độc lập tự do của đất nước.

Một dân tộc, một quốc gia muốn trường tồn và phát triển, ngoài việc đẩy mạnh phát triển cơ sở hạ tầng, khoa học kỹ thuật, điều quan trọng hơn nữa là phải có một nền tảng giáo dục vững chắc. Trong đó, giáo dục về lịch sử và lòng tự hào dân tộc là cần thiết để ghi khắc trong tâm trí các thế hệ, đặc biệt là tầng lớp thanh niên ý thức về nguồn gốc dân tộc, truyền thống văn hóa và nội lực quốc gia, đồng thời giúp định hình góc nhìn thấu đáo về vai trò của từng giai đoạn, triều đại và nhân vật - dù gây tranh cãi - tạo nên lịch sử đó.

Chính vì những giá trị to lớn đó, vấn đề học tập, tìm hiểu lịch sử nước nhà hiện đang là mối quan tâm hàng đầu của Nhà nước và toàn xã hội. Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Quỹ Phát triển Sử học Việt Nam, Tạp chí Xưa và Nay... và rất nhiều những tổ chức khác đã và đang kiên trì con đường thúc đẩy sự phát triển của nền khoa học lịch sử quốc gia, phổ biến tri thức lịch sử, góp phần giáo dục truyền thống văn hóa dân tộc tới toàn xã hội.

Đồng hành với mối quan tâm của toàn xã hội, Công ty Cổ phần Sách Alpha - một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất bản, với tôn chỉ "Tri thức là sức mạnh" - đặc biệt quan tâm tới việc góp phần nâng cao hiểu biết của người dân về truyền thống văn hóa lịch sử đất nước.

Theo nhiều kết quả khảo sát, đánh giá nhu cầu của bạn đọc cho thấy, "lỗ hổng lịch sử" ở không ít người trẻ hiện nay hoàn toàn có thể bù lấp một phần dựa trên nhiều nguồn tư liệu, công trình nghiên cứu, sách cổ sách quý hiện đang được các Viện nghiên cứu, các tổ chức, cá nhân lưu giữ. Để chung tay tái hiện một cách rõ nét những mảnh ghép lịch sử dân tộc, Công ty Cổ phần Sách Alpha đã triển khai dự án xuất bản mang tên **Góc nhìn sử Việt** với mục đích xuất bản lại và xuất bản mới một cách có hệ thống các công trình, tư liệu, sách nghiên cứu, sách văn học có giá trị... về lịch sử, bước đầu hình thành nên Tủ sách Alpha Di sản.

Xin trân trọng giới thiệu.

Công ty CP Sách Alpha

QUY CÁCH BIÊN TẬP

Tủ sách “Góc nhìn sử Việt” ra đời, mục đích giới thiệu đến bạn đọc những tác phẩm hay, có giá trị, đồng thời góp phần bảo lưu gìn giữ những giá trị văn hóa của đất nước. Để thực hiện bộ sách này, chúng tôi tuân thủ một số quy cách sau:

1. Bảo toàn văn phong, nội dung nguyên gốc, từ ngữ mang đậm văn hóa vùng miền trong tác phẩm (trừ khẩu âm).
2. Biên tập đối chiếu trên bản gốc sưu tầm được và có ghi rõ tái bản trên bản năm nào.
3. Chú thích từ ngữ cổ, từ Hán Việt.
4. Tra cứu bổ sung thông tin: tiểu dẫn, tiểu sử, sự kiện, nhân vật, phụ lục (nếu cần thiết)...
5. Sửa lỗi chính tả trong bản gốc.
6. Giản lược gạch nối từ ghép, khôi phục từ Việt hóa tiếng nước ngoài khi có đủ tài liệu tra cứu tin cậy (trừ trường hợp từ ngữ đó đã dịch thành thuần Việt).
7. Trường hợp thông tin lịch sử trong sách có sai lệch so với chính sử, chúng tôi sẽ chú thích hoặc đăng phụ lục ở cuối sách.
8. Một số hình ảnh trong sách gốc bị mờ, chất lượng kém... chúng tôi sẽ đăng bổ sung - thay thế các hình ảnh có nội dung tương tự, chất lượng tốt (nếu có).

Mong đón nhận những ý kiến đóng góp của độc giả, hỗ trợ chúng tôi hoàn thiện tủ sách này.

Alpha Books

TIỂU DẪN

Bộ *Tang thương ngẫu lục* 桑滄偶錄 này do hai ông Phạm Đình Hồ và Nguyễn Án cùng soạn về năm Gia Long, chép những chuyện lặt vặt trong triều, ngoài nội mà hai ông đã nghe hoặc thấy từ khoảng cuối Lê trở về trước.

Toàn bộ gồm có 90 chuyện, chia làm hai quyển, quyển trên 40 chuyện, quyển dưới 50 chuyện. Hai ông sinh hồi cuối Lê, cái khoảng đời đã xảy ra rất nhiều những việc bể dâu biến đổi, mà bộ sách này chép nhiều câu chuyện biến thiên của hồi ấy, cho nên tên sách đặt là *Tang thương ngẫu lục*, nghĩa là những câu chuyện ghi chép tình cờ trong cuộc bể dâu.

Ban đầu sách này chỉ có bản viết trong một thời gian gần trăm năm. Đến năm Bính Thân niên hiệu Thành Thái thứ 8 (1896), ông Nghè Gia Xuyên Đỗ Văn Tân, Tổng đốc Hải Dương, quyển tiền khắc ván, từ đấy mới có bản in mà sự lưu hành mới được rộng hơn trước.

Vì nghĩ là một bộ sách xưa, có bổ trợ cho nền sử học, nên chúng tôi đem phiên dịch in ra.

Ngòi bút thô lậu của chúng tôi, không biết khỏi có những chỗ sai lầm chằng, còn chờ ở các bậc cao minh chỉ giáo.

Người dịch

TIỂU TRUYỆN PHẠM ĐÌNH HỔ

Ông Phạm Đình Hổ 范廷琥 (1768-1839⁽¹⁾), tự Tùng Niên 松年, hiệu Đông dã Tiều 東野樵, người làng Đan Loan huyện Đường An⁽²⁾ trấn Hải Dương, con quan Tham tri chính sự Phạm Đình Dư 范廷瓚. Vì là con vị đại thần, nên đương thời thường gọi là ông Chiêu Hổ.

Ông tư chất thông minh, học vấn rộng rãi. Tuổi trẻ thi đậu Sinh đồ, rồi vào học trường Quốc tử giám. Gặp khi quân Tây Sơn từ phương Nam kéo ra đất Bắc, nhà tan nước vỡ, từ đấy ông sống cái đời của một kẻ hàn nho. Bản triều đại đình, trong đời Gia Long, ông có đi thi ba khoa hương, nhưng đều trượt cả. Nhân sĩ Bắc Hà, ai cũng biết tiếng ông là người hay chữ. Vì thế thấy ông thi trượt, có người bảo ông bị quan trường ghét mà đánh hỏng, bởi có ông nói năng không chịu giữ gìn. Hồi ấy ông có nhà ở phường Thái Cực, huyện Thọ Xương, trong thành Thăng Long, hằng ngày rèn dạy học trò, và vui với văn chương học vấn, có soạn ra được nhiều sách vở, trở nên một nhà đại trước tác. Cũng trong hồi này ông kết bạn thơ rất thân mật với nữ sĩ Hồ Xuân Hương, thường cùng nhau vịnh ngâm xướng họa, có những bài quốc âm bén giọng chót nả.

Niên hiệu Minh Mệnh năm đầu (1820), có chỉ triệu bọn các ông Phạm Đình Hổ, Phan Huy Chú vào kinh đơi mệnh cất dùm, nhưng ông đương ốm không đi được. Mùa đông năm sau, ngự giá ra Bắc, vời ông vào chầu ở điện Cần Chánh trong thành Thăng Long, hỏi về học vấn thi cử và tình hình nhân tài đất Bắc, lại khuyên hễ có những sách vở về điển cố tiền triều, cùng là sách trước thuật ra được đều nên đem tiến trình. Bấy giờ ông cũng đương ốm yếu liệt bệt, vua truyền cấp cho mỗi tháng 2 phượng gạo lương và 2 quan tiền. Ông lạy tạ trở về rồi có dâng lên bốn bộ sách chép tay là những bộ này: *Lê triều hải điển* (2 quyển); *Bang giao điển lệ* (1 quyển); *Sứ quán bạn tiếp thư trát tập* (1 quyển); *Bạn tiếp thù phụng thi tập* (1 quyển).

Sau khi ông mạnh, được triệu vào kinh. Ban đầu lĩnh chức Hành tẩu trong viện Hàn lâm, sau thăng lên Biên tu, rồi lại thăng Thừa chỉ. Cuối cùng, được thăng đến chức Tế tửu ở trường Quốc tử giám. Năm Minh Mệnh thứ 13 (1832), vì già yếu xin về trí sĩ.

Những sách ông trước soạn ra được, ngoài bộ *Tang thương ngẫu lục* này soạn chung với ông Nguyễn Án thì còn có những bộ như: *Vũ trung tùy bút lục*, *Hy kinh trắc lã*, *Càn khôn nhất lãm* v.v...

Ông thọ đến ngoài 70 tuổi mới mất.

TIỂU TRUYỆN NGUYỄN ÁN

Ông Nguyễn Án 阮案 (1770-1815), tự Kính Phủ 敬甫, hiệu Ngu Hồ 愚湖, người làng Du Lâm, phủ Từ Sơn, trấn Kinh Bắc (Bắc Ninh), cháu đích tôn của ông tiến sĩ Nguyễn Bá (sau đổi là Nguyễn Thượng). Sinh gặp hồi cuối Lê loạn lạc, ông chỉ lấy thơ văn sách vở làm vui. Có làm nhà ở tại trên bờ hồ Gươm, tự hiệu là Kiếm Hồ ngư ẩn. Vì là bạn chơi thân của ông Chiêu Hồ, nên hai ông cùng nhau soạn chung ra bộ sách này. Bản triều thống nhất, niên hiệu Gia Long năm thứ 4 (1805), mở khoa thi hương đầu tiên ở xứ Bắc, ông Án đi thi đỗ Cống sinh. Năm Gia Long thứ 7 (1808), ông được bổ Tri huyện Tiên Minh (Hải Dương). Làm quan được 7 năm thì mất, thọ 46 tuổi. Văn chương trước thuật, trừ bộ sách *Tang thương ngẫu lục* soạn với ông Chiêu Hồ, ông còn có tập thơ *Phong lâm minh lĩ* 風林鳴籟詩集 nữa.

TỰA

I.

Tờ đất là một hóa cảnh, mở, đóng riêng chia, người vật là một sinh cơ, xưa, nay có khác. Duy lẽ đạo của ta như một bầu nguyên khí bàng bạc, mà thường ký ngụ ở trong khoảng chữ nghĩa văn chương. Ôi, gọi là *tang thương*, vì sao mà có tập sách này? Ốc hén trên núi, đó là tang thương của vân giới; gương cổ trong ruộng, đó là tang thương của việc người; kinh xưa không thể lại thấy, chỉ thấy những sách chưa đốt của người Tần(3), sử đúng không thể lại được, chỉ được bản thảo đã thành của Ban, Mã(4), đó là tang thương của sách vở. Song có người đem xướng mình ra, thì lại có sự không tang thương ở trong.

Nước Nam ta từ đời Hồng Lạc đến nay, chính thống thì như Đinh, Lý, Trần, Lê, tiếm ngự thì như Mạc, Hồ, Nhạc, Huệ, lại nào sứ quân rạch đất, đô hộ cầm quyền, những cuộc tang thương, há chẳng đã rất nhiều rồi sao! Than ôi, đạo ta vốn không có thời kỳ tang thương, nhưng người ta tất có cái cảm khái tang thương, ấy tập sách tang thương này sở dĩ có là vì thế đó.

Tùng Niên là quan Quốc tử Tế tửu, hiệu Đông Dã Tiều, do chân trung triệu mà ra, ông họ Phạm đó; Kính Phủ là quan huyện doãn Tiên Minh, hiệu Ngu Hồ, ông họ Nguyễn đó. Hai ông sinh về cuối đời Lê, gặp những cuộc biến bể dâu, nhưng bề học của các ông vẫn giữ được nguyên trong lặng. Cho nên phát hiện ra văn, Tùng Niên viết bài ký núi Phật Tích, Kính Phủ viết bài ký núi Tiên Tích, trong lời ký như có nét vẽ, có thể cùng với bài ký nguồn Đào hoa của Uyên Minh đời Tấn cùng truyền. Lại còn như kể chuyện ba vị vua hiền đời Lê như Thánh Tông, Thần Tông, Hiến Tông mà tường cả đến việc cũ ở trong phủ chúa; kể chuyện các vị danh thần đời Trần như Chu Văn An, Trương Hán Siêu, Phạm Ngũ Lão, mà đến cả thói ngang ngạnh của Quận mã Đặng Lân. Chép chuyện đền miếu ở thôn ấp, thì đến cả việc Thuần Dương tổ sư nhận làm là Liễu Hạnh công chúa, tượng cổ ở ngôi chùa đồng, bia đá ở núi Thành Nam, thần thiêng ở quán Trấn Võ, thánh giang ở đền Linh Lăng. Chép chuyện mả tổ nhà người thì đến cả mả mẹ Đào Khả, lại đem mả người thiếp của Phục Ba ra để đối chứng, thầy địa ở Tả Ao, mả phát ở Vân Diêm, tiết phụ nhà họ Đàm, võ thần làng Quế Ô. Tuy bậc danh công của lịch đại, hay người tài nữ của một thời, đều vào trong ngọn bút phẩm bình. Chân nhân đi theo tiên, cùng là nông phu trông thấy quý, cũng không hiểm là quái đản. Thậm đến cột gỗ biện gian, Thái Tây truyền đạo, cùng những việc lạ ăn người, hóa hổ, cũng đều ghi chép. Từ Lý, Trần, Lê, Trịnh đến nay, trên dưới mấy trăm năm, có những điều quốc sử chưa ghi, dã sử chưa chép, hai ông đều thu cả vào trong cõi mắt tang thương. Nếu hai ông hết thấy đều cho là việc tang thương mà quên đi, thì những chuyện ấy phỏng được mấy lâu mà mai một đi mất. May mà lấy ngòi bút tang thương biên chép, nên nó còn là cánh bè chở bến mê, ngọn đèn soi nhà tối, đặt tên là *Tang thương ngẫu lục*, ý nghĩa có thể nhận biết được vậy.

Nay ông Gia Xuyên đã gặp thời mà để ý vào việc kiếm sách, bác Hải Nông chưa gặp thời mà dùng công vào việc khắc ván, cùng với tôi đều người trong cuộc tang thương mà ý thú tình cờ gặp nhau. Vì thế nên tôi quen mình bỉ lậu, viết mấy lời lên đầu giấy, mong rằng không vì tang thương mà phải bỏ đi thì may lắm.

Hoàng triều năm Bính Thân(5) tháng tiểu xuân ngày thượng cấn(6)

Chủ nhân đình Tam An

Phùng Dực Bằng Sô

Cẩn tựa

II.

Việc không gì lớn bằng giữ gìn cái cũ, học không gì cần bằng bỏ trống chỗ ngồi, đó thật là lời nói biết lẽ.

Nước Nam ta trải trăm nghìn năm, vẫn là một nước văn hiến cũ, nhà làm sử đời nào cũng có. Song từ Lê về trước phần nhiều giản lược, khiến cho người khảo cổ thường phải băn khoăn, vậy thì những dã sử ngoại truyện, sao nên để cho mai một.

Mâu này từ thừa nhỏ hầu học gia nghiêm(7), thường được người đem những chuyện các bậc danh hiền đời trước của nước nhà mà kể cho nghe, như ông Hương cống họ Nguyễn ở làng Cổ Đô mài miết học tập(8), ông Thám hoa họ Giang ở làng Mông Phụ đi sứ về vang(9), ông Trang nguyên họ Vũ ở làng Trình Xá gieo ấn xuống bể mà chết theo nạn nước(10), và còn nhiều chuyện khác nữa. Đó cũng là đem những chuyện thật ở ngoài chính sử mà kể, trẻ dại biết gì, bấy giờ tôi chỉ biết vâng dạ mà thôi. Rồi sau đó đi làm quan xa, tôi từng được trông thấy tập *Tang thương ngẫu lục* ở nhà người bạn. Xem tên người viết thì là Tùng Niên và Kính Phủ, cũng chưa biết rõ là ai. Nhưng những chuyện biên chép trong đó, có nhiều chuyện đúng như tôi đã được nghe, vậy không còn ngờ gì đó là một tập chép những sự thực. Năm nay tôi ở nhà báo Đồng Văn, đã đem chuyện ông Hương cống Cổ Đô vào báo. Chợt người bạn cũ là bác Lê Hải Nông đem tập này đến mà bảo: “Đây là sách của bậc danh hiền làng tôi soạn ra, nay ông bạn đồng khoa của bác là quan Tổng đốc Hải Dương Đỗ Gia Xuyên quyền tiền lương bổng để khắc ván, vậy bác làm cho một bài tựa”. Hỏi ra thì Tùng Niên là quan Tế tửu Phạm Đình Hổ người làng Đan Loan, Kính Phủ là ông Hương cống Nguyễn Ân đỗ khoa thi hương thứ nhất của Quốc triều, người làng Du Lâm. Hai ông sinh về thời Cảnh Hưng nhà Lê, đến khi hoàng triều dấy lên mới ứng mệnh mà ra làm quan. Trong khoảng đó Tây (Tây Sơn), Bắc (Tàu) tranh giành non sông biển đổi, trắng xanh nhấp nhô, chớp mắt muôn màu, những việc tang thương, nói làm sao xiết. Bộ sách này vốn không phải là đúng với bộ mặt thật, những chữ lầm lạc, không khỏi chen lẫn ít nhiều, vậy cứ để khuyết nghi là phải. Tuu trung ghi chép những việc tai nghe mắt thấy, đủ để bổ khuyết cho cái chỗ sử không chép đến. Có những câu chuyện quái đản, đại khái là rút ra từ nét bút của chức Tả sử(11) và để ngụ cái ý thâm vi. Ban đầu chép các vua Thần Tông, Hiến Tông, sau cùng thì lấy giấc mộng của Thánh Tông, Thuần Tông để kết. Chuyện thuộc về bên nhà Phật, đáng nhẽ người quân tử không nói, hai ông cũng đã rằng vậy. Vậy mà trong sách lại thường nói đến luôn, và chép một cách thẳng thắn, không tỏ ra nghi ngờ gì cả, chính là có ký thác một cái ý ở trong đó vậy. Chao ôi, đó há chẳng là ý “đối với cái thời các bậc anh hiền đời Tam Đại, ta chưa kịp thấy nhưng mà vẫn để lòng mong ước”(12) đấy ư? Thời nay phong khí mở mang, mỗi ngày mỗi lạ. Bên ngoài bể cả, bậc đá phẳng như đá mài, đường sắt giăng như bàn cờ, rục rịch lầu pha lê, tung bùng đèn điện khí, đó là nương dâu đó chẳng? Lại như cánh máy bay lên trên không, cưỡi khí cầu đi tìm Bắc cực. Sau đây mấy chục năm nữa, những dấu vết của thời kỳ cũ kỹ, há chẳng theo cùng một giấc mộng mà biến mất không còn tý gì. Song trạm khắc đã chán thì lại nhớ đồ mộc, góc giác đã vỡ thì lại nhớ hình tròn, đó là cái tình rất thường mà cái lý tất đến như thế. Lấy cái ý khuyết nghi tồn cổ mà suy, không nên cầu thả làm cho văn xuôi chữ thuận, hãy để dành lại cho những người học kỹ nghĩ sâu sau này, như nhời ở bài tựa quyển *Chiến Quốc sách* đã nói, Mâu đối với quyển sách này, cũng nghĩ như vậy.

Niên hiệu Thành Thái năm Bính Thân sau tiết Đông chí.

Phó bảng khoa Canh Thìn, trông coi công việc tòa báo Đồng Văn.

Giá Sơn Kiều Oánh Mậu

Cẩn tựa

PHẦN I. TANG THƯƠNG NGÃU LỤC - QUYỂN THƯỢNG

THẦN TÔNG HOÀNG ĐẾ(13)

Vua Kính Tông hồi tiên triều (triều Lê), ở ngôi lâu năm, mà chưa sinh hoàng nam để lập làm Thái tử, thường cầu khẩn trời đất quý thần mãi. Rồi hoàng hậu Trịnh thị có mang, đến ngày lên giường cũ, mãi chưa sinh được, lòng vua lo lắng. Chợt vua chiêm bao thấy có người bảo: “Hoàng tử còn ở chợ Báo Thiên(14), hậu cung sinh mau sao được!”. Tỉnh dậy, vua sai nội giám thử ra chợ ấy dò xem. Bấy giờ vừa tang tảng sáng, chợ vắng tanh chưa có ai. Nội giám chỉ thấy dưới gầm phản hàng thịt, có lão ăn mày tóc bạc phơ, tuổi chừng 81, 82, đương nằm ở mặt đất mà rên hừ hừ, ngặt ngoài chờ chết. Nội giám vội chạy về tâu. Vua lại sai ra thăm hỏi xem. Sáng ra thì lão ăn mày chết mà giữa lúc ấy, trong cung hoàng hậu đã sinh ra hoàng tử. Hoàng tử nhón lên nối ngôi, tức là Thần Tông. Khi ở ngôi, lấy ngày sinh làm tiết Thọ Dương. Hằng năm đến ngày, nhà chức trách dựng hành tại(15) ở chợ Báo Thiên; bộ Lễ sắm xe giá tàn quạt, đến nơi hành tại, rước hai cây thiên tuế, vạn tuế làm bằng trúc về cung; quan ở tòa Kinh Diên rước hai cây ấy đi quanh giường ngự ba vòng, chúc Hoàng đế sống lâu muôn tuổi. Lễ cử hành xong, vua ngự ở điện Vạn Thọ, chịu lễ chầu mừng, ban yến ở sân điện. Các triều vua sau cũng theo như thế, gọi là lễ Khánh Thọ bảo thần. Vua sinh được bốn con là Chân Tông, Huyền Tông, Gia Tông, Hy Tông đều lên ngôi thiên tử, phúc thọ vào bậc nhất ở đời trung hưng.

Khoảng năm Vĩnh Hựu (1735-1740), vua Ý Tông thường chế hạc gỗ và lục sĩ Chiêm Thành (người phồng) dâng cúng ở trước tượng thờ vua Lý Thần Tông tại chùa Thiên Phúc, núi Phật Tích(16), vì tương truyền hậu thân vua Lý Thần Tông tức là vua Thần Tông triều Lê.

Xét cái thuyết tiền thân, hậu thân là xuất tự kinh điển nhà Phật, người quân tử(17) chẳng hề nói đến. Nếu quả có chuyện ấy thật thì tiền thân vua Lý Thần Tông là thầy tu Từ Đạo Hạnh, hậu thân là lão già ở chợ Báo Thiên, lại hậu thân là vua Thần Tông triều Lê; một ông sư, một lão ăn mày, tái sinh vào nhà đế vương, khiến người không thể hiểu nổi.

HIỂN TÔNG HOÀNG ĐẾ

Năm Cảnh Hưng Ất Ty (1785), gặp kỳ lễ thọ thất tuần của Hiển Tông hoàng đế, đình thần là ông Bùi Huy Bích, ông Hồ Sĩ Đống ở trong chính phủ, bàn dâng tôn hiệu là Uyên Ý Khâm Cung Nhân Từ Đức Thọ Hoàng Đế và làm lễ trong ngày tiết Thánh Thọ. Bấy giờ việc châu trong triều đường bỏ bể từ lâu; nền điện cũ ở Nùng Sơn bỏ làm điện Kính Thiên, thờ Hiệu thiên Thượng đế (giời), Hậu thổ Địa kỳ (đất), và phụ phối đức Thái Tổ hoàng đế. Những ngày mồng một và rằm, vua ra coi châu ở điện Cần Chính. Viện Đãi Lậu ở hai bên điện ấy nối nhau sụp đổ, cỏ mọc lên thềm và ngập đến đầu gối, phân ngựa vấy ra bừa bãi. Đến bấy giờ, sai viên Đề lĩnh đốc suất bọn vệ sĩ sửa dọn thềm son, chữa viện Đãi Lậu. Trước một ngày, quan Phủ doãn Phụng Thiên(18) là Hoàng Vĩnh Trân đem những thuộc quan mặc đồ triều phục, đến túc trực ở nhà giám Tư lễ, coi giữ biểu mừng. Đến ngày, hoàng thượng ngự lên bảo tọa, hai ban văn võ dàn theo thứ tự.

Ông Hoàng tử Đại tư đồ Sùng Nương công đứng đầu võ ban, ông Hồ Sĩ Đống đứng thứ hai; Quốc lão quận công Nguyễn Công Hãng(19) đứng đầu văn ban, ông Bùi Huy Bích đứng thứ hai. Tòa Hồng lô rống rả các viên Tự ban trong sở Hạp môn, chia ra nội tán ngoại tán để xướng lễ.

Ông Phan Huy Ích quỳ ở phía hữu ngự điện, tuyên đọc tờ biểu, tiếng vang ra tận cửa Đoan Môn. Lễ thành, viên thái giám mặc áo bào hồng, thắt đai văn tề, từ phía hữu ngự tọa xuống thềm tuyên chỉ, ban yến ở viện Đãi Lậu. Những ông già bà cả ở kinh đô đều nói:

- Từ niên hiệu Chính Hòa(20) đến nay, trải 80 năm, không được trông thấy lễ này.

Tờ biểu (có chép trong sách Hoàng Việt văn tuyển) mở đầu có hai vế:

黼座天開, 龜籌薦壽康之福

Phủ tọa thiên khai, quy trừ tiến thọ Khang chi phúc,

彤庭日麗, 虎拜揚保定之休

Đông đình nhật lệ, hổ bái dương bảo định chi hưu.

(Ngai thềm trời mở, thẻ rùa dâng phúc thọ Khang. Sân son nắng chiếu, gối hổ chúc lành bảo định).

Giữa có hai vế:

千春歷始登四紀

Thiên xuân lịch thủy đăng tứ kỷ,

萬年籌初逮七旬

Vạn niên trừ sơ đại thất tuần.

(Lịch nghìn xuân mới lên bốn kỷ(21);

Thẻ muôn năm vừa tới bảy tuần).

Còn nữa không chép ra đây hết.

CHUYỆN CŨ TRONG PHỦ CHÚA

Kính Phủ

Sau khi vạc đổi(22), có tên Đàng làm mưu cho tôi. Vốn là chân nội thị đời chúa Tĩnh Vương(23), kể lại những chuyện cũ ở trong cung phủ rất tường. Mỗi năm đến Tết trung thu, từ trước mấy tháng, chúa phát gấm trong cung ra để làm hàng trăm hàng nghìn cái đèn lồng, cái nào cũng tinh xảo tuyệt vời, mỗi cái giá đến mấy chục lạng vàng. Đến ngày, chúa ngự giá ra chơi Bắc cung. Cung có ao gọi là Long Trì, rộng nửa dặm, trong ao trồng rất nhiều hoa sen, hoa súng. Ven ao đắp đất, chõng đá làm núi, chỗ cao chỗ thấp, dàn đặt có hình có thế. Có những chỗ khuyú để cho nhạc công ngồi đàn sáo. Bờ ao trồng hàng mấy trăm cây phù dung, treo đèn ở trên. Sóng trắng dập dờn, trông xa tựa hồ hàng vạn ngôi sao sáng. Nội thị từ tam phẩm trở lên, chít khăn mặc áo như đàn bà, bày hàng ở rìa đường, bán những tạp hóa cùng các đồ hoa quả, chả, rượu, thức gì cũng có, chõng chất như núi. Cung nhân qua lại mua bán, vừa mua vừa cướp, không cần hỏi giá cả bao nhiêu; đua nhau đem những câu hát quê ra đối chọi với nhau, tiếng cười đùa vang cả trong ngoài. Nửa đêm chúa ngự kiệu đến ao, xuống thuyền. Quan hầu và các phi thiếp gõ ván hò reo, đi lại vùn vụt và lênh đênh trên sông. Chợt lúc lại đánh đàn, lại thổi sáo, lại ca hát, tiếng vang lạnh lạnh, khiến người tưởng như lên chơi cung Quảng hàn(24) mà nghe khúc nhạc Quân thiên(25). Chúa nhìn ngắm lấy làm vui sướng, đến mãi gà gáy mới về.

ÔNG NGUYỄN DUY THÌ

Quan Thượng thư Nguyễn Duy Thì là quan tể tướng có tiếng đời Trung hưng, giữ mình ngay thẳng và khéo xoay đổi được ý của vua chúa. Trong phủ chúa có một cái kiệu, kiểu cách và sơn vẽ rất lộng lẫy. Một hôm, ông đứng cạnh, chột ngã vật vào trong kiệu, cầm khẩu, không nói được câu gì. Chúa sai khiêng đưa về phủ. Sáng hôm sau, ông vào khải(26) rằng:

- Thần hôm qua ngộ cảm, đội ơn chúa thượng bao dung. Cái kiệu ấy, thần đã trót ốm nằm lên rồi, không tiện lại tiến phụng nữa. Xin sẽ sắm cái khác đẹp đẽ hơn, dâng nộp.

Chúa hiểu ý, không trách hỏi nữa.

Một lần, ông vào xin phép chúa để về Yên Lãng(27). Bấy giờ chúa yêu một bà phi người làng Mông Phụ, bà phi ấy được yêu chiều quý báu nên uy thế cũng khá to. Ông vẫn thường nói xa để khuyên ngăn chúa. Nay nhân dịp ông cáo về vắng, chúa ngự thuyền rồng lên kinh lý Sơn Tây, tiện đường rẽ vào thăm làng nhà bà phi. Thuyền chúa qua hạt Yên Lãng. Ông chờ rồi phục lạy ở bên sông, nói bốn phương không có giặc giã, sao lại vì một người đàn bà mà làm nhọc đến sáu quân, như vậy quốc thể còn ra sao nữa. Kíp truyền cho quân sĩ không được bơi thuyền tiến lên, hễ ai trái, sẽ lấy quân pháp trị tội. Chúa vì thế phải hồi loan.

Trong phủ(28) của ông có một nếp nhà gọi là nhà Tư chính(29), đó là nơi để khi lui chầu, ông về nghỉ ngơi. Trong nhà ấy chỉ có hai gã tiểu đồng hầu hạ; bà vợ và hầu thiếp, không ai được bén mảng tới, và cũng không dám đem việc riêng kêu xin gì cả. Một lần, có một cái án lớn, tội nhân đáng phải tử hình. Người nhà đem tiền của chạy chọt hết các cửa quyền quý, nhưng ai cũng bó tay, không thể cứu nổi. Người vợ tội nhân đón hai tiểu đồng mà khóc lạy, nhờ đưa hai nghìn lạng bạc lễ ông để ông gỡ tội cho. Tiểu đồng xoa tay nói:

- Tướng công đây không phải là người đem vàng bạc làm động lòng được. Nhưng tôi không nỡ trông thấy chị đau đớn, vậy để hàng thử xem.

Tiểu đồng đem bạc vào nhà Tư chính, để trên cạnh giường ông nằm. Đêm khuya, ông chột từ trong chính phủ về, trèo lên giường nằm, đụng phải; bạc rơi loảng xoảng xuống đất. Giật mình hỏi tiểu đồng sao lại có những vật này. Tiểu đồng quỳ xuống xin chịu tội chết và nói duyên cớ. Ông im lặng lúc lâu rồi nói:

- Thôi cho đứng dậy, ta không bắt tội mày. Tử hình là một cái án lớn. Vì mỗi lạng hai nghìn lạng, mày là một đứa bé con dám đem cái chết để đương lấy. Hoặc giả bởi ý gì giờ chẳng? Thế mà ấy cho mày bao nhiêu?

- Bẩm sáu trăm lạng.

- Thôi, số bạc này cho mày, ta không dùng gì đến.

Liền ngay lúc ấy, ông đi xe đến gõ cửa cung. Chúa giật mình trở dậy, cho vờ vào, hỏi chuyện, tưởng là có việc gì lớn lao về quân quốc. Ông nói hôm qua xét án, đã xử tội nhân phải chết, nhưng đêm về chiêm bao, thấy có người nói oan ức, không biết kêu đâu, vậy xin nhờ chúa xét lại! Chúa cười:

- Tiên sinh chịu khó quá, để đến sáng mai vào hầu sẽ nói có được không?

- Nhưng thần sợ để chậm, chốc lát rồi bị ý riêng nó làm thay đổi đi.

Chúa ân cần yên ủy mà tên tù rồi được khỏi chết.

HỒ GƯƠM

Đời Lê, năm Cảnh Hưng Bính Ngọ [1786] mùa hạ, tại hồ Hoàn Kiếm, đương nửa đêm bỗng có vật gì mọc lên ở hòn đảo, sáng rực bốn bề, bay sang đến bờ nam thì tắt. Sóng hồ cuộn lên. Sáng hôm sau, tôm cá nổi lên mặt hồ không biết bao nhiêu mà kể. Có người nói ở nhà Trung Hòa trong phủ chúa, cũng có vật gì mọc lên từ nóc nhà, sáng rực rồi tắt, cũng giống như ở hồ Hoàn Kiếm. Chưa bao lâu xảy ra việc quốc biến⁽³⁰⁾.

ÔNG NGUYỄN VĂN GIAI

Ông Nguyễn Văn Giai ở Thiên Lộc(31) hồi chương quản Lục bộ, các bậc thân quý của vua chúa đều phải nín hơi, không dám xúc phạm. Một vị quận mã(32) trong phủ chúa đi đánh trận thua chạy, ông bắt bỏ ngục, rồi xử vào tội tử. Chúa muốn tha nhưng rất khó nói. Nhân cầu đến dụ chỉ nhà vua, cũng vẫn không lay được chí định của ông. Bấy giờ ông có nhiều vợ, có đến năm sáu bà, địa vị hầu như là bà Chính phu nhân, mà có bà Ba được ông yêu dấu lắm. Bà quận chúa đem châu ngọc, nhờ bà phó mẫu(33) dẫn đến thăm bà ba và kể việc quận mã. Bà Ba từ chối mà rằng:

- Tướng công tôi là người thanh liêm, thẳng thắn. Việc lớn của triều đình, tôi đâu dám dự.

Quận chúa cố nói thiết tha, bà Ba bèn bảo:

- Nếu vậy sáng mai, quận chúa cho đem một con lợn nhỏ luộc chín, một mâm xôi thổi nếp cái, và kèm cả tương giấm, dao thớt nữa, lựa lúc tướng công tôi đi vắng, đưa vào.

Quận chúa mừng rỡ cảm ơn.

Sáng hôm sau, sắp sửa vào triều, ông bảo dọn cơm sáng để ăn. Bà Ba nói:

- Trong triều bây giờ các quan đến đầy rồi. Tướng công hãy vào rồi về sẽ xơi cơm thì hơn.

Ông lên kiệu đi. Lúc ở trong triều về thì bụng đói ngấu, thấy cái lồng bàn đây, mở ra, sẵn dao và thớt, thái luôn ngay thịt lợn ăn lẫn với xôi. Chỉ có một lúc hết cả. Ăn xong, ông chợt hỏi:

- À, những thứ ấy ở đâu mà có thế nhỉ?

Bà Ba kể duyên do. Ông rất tức bực, lúc lâu mới nói:

- Ta lầm lỗi rồi! Ta lầm lỗi rồi! Nhưng vì một bữa ăn no mà làm sống một mạng người, chẳng cũng bởi giờ hay sao!

Liền lên xe vào phủ, xin tha cho người có tội. Chúa mừng rỡ mà nghe theo ngay.

Một hôm, ông vào triều đi qua chợ Cửa Đông, thấy con cá mè lớn, bề ngang đầy thước. Ông dừng lại hỏi và khen ngợi. Rồi ông về nhà, thấy rất nhiều người đem biếu cá, toàn là những khúc cá mè cả. Ông đùa, bảo thử chấp lại xem, thấy chỉ thiếu đuôi, còn thì đều đủ thân hình con cá. Ông than rằng:

- Có lẽ con cháu ta sau này không được thịnh vượng chẳng(34)?

Sau khi ông mất, quả đúng như lời ấy.

...(35)

Sau đây, Quốc lão Phạm Công Trứ cầm quyền quốc chính. Có một viên tù trưởng thượng du phạm tội chết. Chị vợ luồn lọt với người bếp nhà ông. Người bếp xui đem biếu chim sẻ vàng, vì đó là món ông rất thích. Đem chim sẻ đến, người bếp nướng chả dâng lên. Ông ăn xong rồi hỏi. Người bếp đưa số vàng lễ ra và phục xuống xin chịu tội. Ông thò tay vào cổ họng móc để thổ ra rồi nói:

- Thôi, mày đem số vàng ấy đi, tao tha cho không quở trách nữa.

Khi án đem ra xử, ông nói với chúa Trịnh tha cho người tù trưởng ấy. Chúa cũng nghe theo.

Việc này với việc trên kia thật giống nhau.

Ôi! Hai ông đều là những quan Tể tướng có tiếng đời Trung hưng; một người thì vì thịt lợn, một người thì vì chả chim, vậy những sự ưa thích, há chẳng rất nên cẩn thận!

NGƯỜI NÔNG PHU Ở NHƯ KINH

Tùng Niên

Năm Kỷ Dậu (1789), binh lửa vừa yên, bệnh dịch nổi lên rất dữ. Người ta thường ban ngày trông thấy ma quỷ, tiếng kêu rên cùng tiếng khóc chen lẫn với nhau. Bọn tôi, bác Ninh Quý Hoàng, người ở Khôi Trì(36) thuật cho tôi nghe câu chuyện rằng:

“Một bác nông phu, người làng Như Kinh, đi ra ngoài đồng kiếm củi, gặp một đám đại quân tiến đến, bèn đặt gánh củi xuống, đứng tránh bên đường. Người lính đi đầu, đầu quấn khăn đỏ(37), tay cầm gươm, chính là người quen cũ của bác nông phu. Người ấy thấy bác, rất vui mừng, trệt khăn ở trên đầu mình, đội cho bác rồi rử vào hàng cơm, uống rượu chả nướng. Chẳng thấy chủ hàng hỏi gì cả. Bấy giờ đương hồi đói khát, bác nông phu được bữa thết, ăn uống thật no say. Chẳng mấy chốc, đạo trung quân đến; xe ngựa kéo qua đông nghìn nghịt và rất mau gấp. Người lính vội đứng lên giật lấy cái khăn rồi đi ra. Bác nông phu ngồi đấy làm cho chủ hàng và khách ăn đều phải giật mình. Họ bắt giữ lấy vì cho là ma quỷ(38). Nông phu kể việc mình đã thấy, đưa chủ hàng đến chỗ mình đặt gánh củi bên đường thì hai bó củi vẫn còn nguyên. Chủ hàng bèn tha cho đi”.

NGƯỜI NÔNG PHU Ở AN MÔ

Ông Ninh lại nói chuyện:

“Năm ấy, ở một làng nhỏ trong huyện An Mô, có người nông phu rất nghèo khổ, phải đi ăn xin, đêm cùng với một người đồng bạn ngủ ở cái quán trống không, bên cạnh đường cái quan. Đêm khuya, bụng đói nóng sôi, nằm trần trọc không sao ngủ được. Bấy giờ trăng sáng lờ mờ, xa trông thấy quân mã kéo đi đông nghịt.

Hai người cũng trông nhau sợ hãi, chui xuống gầm chõng nằm, khẽ nhìn ngó ra, nín hơi không dám thở mạnh. Ước độ nửa trống canh, thấy chiêng trống cò quạt đi xúm chung quanh một cái kiệu bát cống đến, dừng lại ở trước quán.

Trống chiêng tạm ngừng, thấy truyền gọi xã lệnh làng ấy ra hỏi, tiếng vang vang như là tiếng sấm. Không mấy chốc, thấy có một người đội mũ phước đầu [\(39\)](#), mặc áo thụng, đến quỳ ở trước kiệu nói rằng:

- Tôi là xã lệnh ở làng mỗ xin ra bái yết.

Bác nông phu nhìn ra, thấy giống như tạc pho tượng ở đình làng. Rồi trong kiệu truyền hỏi số lính đã làm xong chưa. Xã lệnh dập đầu nói:

- Chúng tôi đây làng nhỏ dân nghèo. Nay sau cơn binh lửa, họ đi trôi dạt chưa về, không lấy ai để bắt nộp được.

Trong kiệu quát lớn:

- Ta phụng lệnh điểm binh. Lệnh ra đã lâu mà nhà ngươi cố ý nói quanh, không nộp cho đủ. Vậy phải lấy quân pháp thi hành mới được.

Bên cạnh kiệu có mấy viên mặc đồ triều phục quỳ xuống kêu xin:

- Vị thần này sáng suốt thẳng thắn, vẫn được Đế đình ban khen, vậy xin ngài hãy rộng tha cho.

Nhân thúc viên xã lệnh đưa số lính ra nộp. Xã lệnh bất đắc dĩ khai hai tên đình ở trong làng, mà một tên chính là bác nông phu này.

Cả hai đều là người nghèo kiệt, không bầu vùi vào đâu mà sống. Trong kiệu truyền ra cho quan hầu nhận số rồi lại rầm rộ kéo đi. Gà trong xóm lúc ấy đã bắt đầu gáy sáng.

Bác nông phu sợ toát mồ hôi, cùng người đồng bạn lật đật ra về. Nhưng cũng lấy sự được thoát khỏi bể khổ làm mừng, nói với người làng cho một bữa ăn uống no say để chết. Người làng cũng ưng cho. Sau đó không bao lâu thì hắn ốm chết, mà một người nữa bị biên tên vào sổ cũng vậy”.

MA ĐỒNG XUÂN

Kính Phủ

Ông Trần Văn Vỹ, người làng Từ Ô, khi đi thi hội, trọ ở phường Đồng Xuân, nhà cũ của viên nội thần là quận Báu, tức là ngụ sở của ông ngoại tôi là quan Thiêm hiến, hiệu Thanh Khê.

Trên gác nhà ấy có lẩm yêu quái, hoặc hiện thành một vật to như cái đấu, đỏ chói và sáng rực bốn bề, một nhoáng thì tắt; hoặc kêu reo ở trên xà nhà, soi đèn thì chẳng thấy gì cả. Ông Trần không tin, kê giường lên nằm trên ấy, nói ma quái muốn trêu thì cứ trêu mình. Ngày đêm đọc sách mãi miết. Một hôm mỗi mệt nằm ngủ, ông thấy có một người con gái trẻ đẹp, đến gõ vào giường mà nói:

- Nhà Lê sắp mất, ông cũng không đỡ, đừng đọc sách để nạt tôi nữa.

Rồi ngâm một câu thơ:

沙場隱隱見漁村

Sa tràng ẩn ẩn kiến ngư thôn.

Nghĩa là: Chốn sa tràng thấp thoáng thấy xóm phường chài.

Trần tỉnh dậy hãy còn ghi nhớ, bèn phải triệt giường không dám nằm đấy nữa.

Năm ấy, Trần đi thi không đỗ. Chưa bao lâu, xảy việc quốc biến.

ÔNG NGUYỄN CÔNG HĂNG

Thượng thư Nguyễn Công Hăng là quan Tể tướng có danh đời chúa An Vương (Trịnh Cương)⁽⁴⁰⁾. Năm 21 tuổi, đỗ tiến sĩ, làm Đốc trấn An Bang (Quảng Yên). Đất trấn ấy, lưng dựa vào núi, mặt trông ra bể. Vua Hồng Thuận (Tương Dục) xưa có thơ ngự chế, khắc vào đá, trong có câu:

巨浸汪洋朝百川

Cự tẩm汪洋 triều bách xuyên

Nghĩa là: Bể lớn mênh mông trăm sông châu về. Ông chép bài thơ ấy cho các bạn đồng niên, chép làm chữ “巨 cự” ra chữ “巨 táp” nên có người thường chế giễu. Ông từ chức về kinh, học những điển cố, luật lệnh, sổ sách của triều đình, ba năm thuộc hết, bèn nói:

- Được rồi!

Bèn lại xin lĩnh chức. Ông đứng ở trong triều, gặp việc gì, cũng bạo can ngăn, lời nói thường tha thiết, thẳng thắn, làm cho chúa phải tan cơn giận. Khi đi sứ, làm bài khải tạ, có câu: “Xoa vuốt vẩy rồng, từng thấy tạnh quang cơn sấm sét”, chính là lời nói đúng sự thực.

Năm thứ 57 niên hiệu Khang Hy (1719) đời nhà Thanh, gặp kỳ tuế cống, ông do chức Binh bộ Tả thị lang sung làm Chánh sứ. Nguyên xưa, đức Thái Tổ hoàng đế (Lê Lợi) cùng quân Minh đánh nhau ở núi Mã Yên⁽⁴¹⁾, chém chết tướng Minh là An Viễn hầu Liễu Thăng. Đến khi giảng hòa, nộp cống, người Minh bắt đền, phải đúc người vàng thay thế. Đến hồi nhà Mạc cướp ngôi, Minh sai Cừu Loan, Bao Bá Ôn sang đánh; Mạc sợ phải đúc người vàng đúc lốt để cầu hòa. Đầu đời Trung hưng, nhà Minh lấy cớ tự tiện giết công thần của họ là Mạc Mậu Hợp, bắt phải đúc người vàng tạ lỗi, từ đấy thành thường lệ của sự tiến cống. Đến ông xin bãi bỏ lệ ấy. Các bộ viện đem cổ sự ra hỏi. Ông nói:

- Quốc vương tôi ngày nay giữ gìn nghiệp cũ, không dám bỏ khoáng việc chức cống. Còn cái chuyện cũ về việc thâu thành nạp khoản thì sứ thần không dám biết.

Họ lại hặc⁽⁴²⁾ về chuyện Liễu Thăng. Ông nói:

- Liễu Thăng là tướng nhà Minh. Hoàng Thanh⁽⁴³⁾ nay bao gồm có cả muôn nước, lại đi khư khư đòi món của đúc để trả mối thù của người xưa. Như vậy sao đủ để làm khuôn mẫu cho người sau.

Lệ cống phải có hũ nước để rửa ngọc trai, lấy ở cái giếng tại Loa Thành. Ông đổ đi, mức nước giếng Ba Sơn đem theo. Họ thử, không thấy nghiệm, kỳ kèo⁽⁴⁴⁾. Ông nói:

- Vì khí mạch lâu ngày nó biến đổi đi.

Hai thứ đồ cống ấy được miễn là bắt đầu từ ông vậy.

Đi sứ về, cùng ông Lê Anh Tuấn ở Thanh Mai cùng làm Tể tướng, hăm hở lấy việc thiên hạ làm trách nhiệm của mình, đem hết tâm tư, nghĩ việc chế tác, những phép tắc các chốn dinh tòa, đều là do ông sửa định cả. Vì nghĩ từ hồi Trung hưng về sau, những thể lệ về việc mũ áo trăm quan chưa được đúng hợp. Khi đi sứ, ông để ý kiếm tìm chế độ nhà Minh đem về; bèn sửa lại các đồ phẩm phục. Phàm khi đại triều, các quan đội mũ phước đầu, mặc áo bổ phục⁽⁴⁵⁾, đỏ là trên, lần xuống đến xanh, đến tím. Đồ mặc ngày thường làm việc thì văn chút khăn lang cân, võ chút khăn yếm vĩ, mặc áo thanh cát che đặng sau, thứ đến hạng chút khăn chữ đình. Quân phục thì nón thầy chùa, áo chèn tay. Những thể thức ấy đến nay hãy còn dùng.

Tính hay khích lệ khí tiết của kẻ sĩ; học trò trường Giám, thường cho được ngồi nói chuyện với các quan như thể ngang hàng. Bất chước lối kinh nghĩa của Tàu, sai các Nho thần phải tập, muốn thay đổi thể văn để thi học trò nhưng việc không thành. Vì thấy sự tiêu dùng của nhà

nước không đủ, nên giảm bớt số ruộng của các công thần, bị nhiều người oán. Chúa Trịnh muốn cho được mở phủ như ông Nguyễn Duy Thì đầu đời Trung hưng, sau có người gạt đi nên lại thôi.

Khi Uy vương (Trịnh Giang) làm thế tử, An vương (Trịnh Cương) sai ông làm chức sư phó. Ông mật đệ tờ khải(46) lên chúa, nói thế tử là người lười biếng, không thể gánh vác công việc được. An vương nói:

- Ta không phải không biết như thế, nhưng nghĩ từ ngày quyền lý việc nước, hẳn không có lỗi gì lớn cho nên chưa nỡ.

Ông dập đầu nói:

- Biết con không ai bằng cha. Xin chúa thương nên vì xã tắc mà lo tính.

Chúa Trịnh bèn cất tờ khải vào trong một cái hộp.

Gặp kỳ đại lễ, thế tử làm lễ sai nhảm. Chúa giận, vờ đình thần vào hộp, đình truất bỏ đi. Việc chưa làm xong thì chúa nhân sang chơi Cổ Bi, mất ở dọc đường. Ông bảy giờ ở kinh, Kỳ Viên phi giấu không phát tang, về đến kinh mới báo tin dữ. Ông họp trăm quan ở Đô đường nói rằng:

- Thế tử có tội với Tiên vương, Tiên vương đã có nói, vậy nay sao ta không bàn lập ông thứ?

Mọi người đều lặng im. Ông Nguyễn Hiệu, người ở Lan Khê, là thầy học của thế tử, cãi lại nói:

- Thế tử có lỗi gì đâu! Lời Tiên vương nói chỉ là để răn bảo. Không nên khinh dị mà bàn đến việc ấy.

Thế tử lên nối ngôi, bắt được tờ khải của ông, bèn đem ông lên an trí ở Tuyên Quang, liền lại sai Trung sứ đánh thuốc độc cho chết.

Xưa, An vương vì biết trong kiểu đất nhà mình có câu “truyền được tám đời thì vạ nổi từ trong tường vách”, nên mới bày cuộc xây dựng ở Cổ Bi để yểm trừ. Vương thường bảo ông rằng:

- Đất quý Cửu Long, tiên sinh nên đem mả nhà đến mà táng, đừng để rồi họ khác chiếm mất.

Vì thế rồi ông bị những nhời nói gièm. Khi đi sứ Tàu, qua thành Ứng Sơn, có làm bài thơ viếng Trung Liệt công(47) ở Dương Thúc am, trong có hai câu:

暗主休論崇愛豎

Ám chúa hưu luận sùng ái thụ,

皇天何忍毒忠臣

Hoàng thiên hà nhẫn độc trung thần.

Nghĩa là: Kể gì chuyện một ông vua mờ tối đi tin yêu một anh quan hoạn, chỉ đáng phàn nàn sao ông giời lại nỡ độc hại người tôi trung. Hai câu này tỏ ra là lời sấm ứng nghiệm vào đời ông về sau.

Đời truyền một hôm có một thầy xem bói chiết tự(48) vào thăm. Ông bảo xem cho mình. Nhân viết mấy chữ “十二月花殘 thập nhị nguyệt hoa tàn” (Tháng 12 hoa tàn) cho người ấy đoán; người ấy khuyên ông nên xử theo cách “cấp lưu dũng thoái” (49). Ông im lặng không nói gì. Chưa bao lâu thì xảy ra tai vạ.

Người thầy bói này không rõ tên họ, thường hay đi lại ở các nhà công khanh, nói nhiều câu ứng nghiệm lắm. Cuối đời Long Đức (Lê Thuần Tông) (1732-1735) vua Hiến Tông là địa vị con nối mà không được lập, trốn ở trên cái gác chuông chùa Phật Tích, gặp người thầy bói ấy, vua bảo xem hộ và viết một chữ “景 cảnh”. Người ấy liền phục lạy mà nói:

- Mặt giời soi xuống kinh đô(50), đó là cái tượng Thiên tử rồi.

Quả nhiên, sau vua Ý Tông (1735-1740) nhường ngôi. Hiến Tông được lập, đặt niên hiệu là Cảnh Hưng (1740-1786).

Một thuyết nói: Khi ông làm Tế tướng, có một ông quan trong triều ốm sắp chết, học trò đến lễ cầu đảo ở đền Tản Viên, chiêm bao thấy thần bảo: “Tòa Nam Đẩu giữ việc chú sinh(51), đó không phải việc của ta”. Người học trò cố kêu xin. Thần bảo: “Tướng công Nguyễn Hãn là bậc dị nhân, sao không đến kêu với ông ấy!”

Tỉnh dậy, người ấy về kể chuyện với ông. Ông bảo cho sống thêm một kỷ(52) nữa. Sau quả nhiên đúng như lời nói.

ÔNG NGUYỄN BÁ DƯƠNG

Tùng Niên

Ông Nguyễn Bá Dương, người làng Nguyễn Xá, huyện Thần Khê. Tính tuệch toạc, thích uống rượu. Nhà nghèo kiệt, nhưng vẫn sống một cách thản nhiên. Hồi lên du học ở kinh sư, ngoài một tấm áo, không có một cái gì đáng giá. Thường uống chịu rượu của người đàn bà kẻ Mơ (Hoàng Mai) nợ đến trăm đồng tiền, bị người đàn bà ấy đón đường để đòi. Cùng đi với người đàn bà, có cô con gái cũng người kẻ Mơ. Cô đặt gánh xuống can ngăn người đàn bà kia không được, tức mình cởi tiền lưng ra giả hộ, rồi vội quấy gánh đi. Ông đuổi theo tạ ơn và hỏi họ tên. Cô xua tay nói:

- Tôi thấy cậu là học trò, vì nổi rượu chè mà bị xấu hổ với một người đàn bà, nên không đành lòng mà giả hộ, không có ý gì mong sự đền báo.

Nói rồi đi thẳng, không ngoảnh lại.

Ông trở lại, hỏi người đàn bà, rồi ghi để vào lòng. Sau quấy cặp lên du học ở Sơn Tây, trọ ở một nhà hào trưởng. Thường làm văn, không có giấy viết, phải viết cả vào ghế, son mực nhằng nhịt, màu gỗ lèm nhèm.

Gặp năm thi hương, ông từ biệt chủ trọ về quê đi thi. Qua các kỳ khảo ở huyện và ở trấn, nức tiếng là người hay chữ. Khoa ấy, thi đỗ Hương tiến, năm sau lại đỗ luôn Tiến sĩ, cùng bảng với ông Ngô Thì Sĩ. Các bạn đồng khoa ai nấy đã xe ngựa tới đòi rợn rợn, nhưng ông vẫn nằm khoèo ở nhà trọ. Một bà quận phu nhân nghe tin ông đỗ, sai người đem kiệu đến đón, ước sự hôn nhân, gọi những con cháu mấy chục người ra, người nào cũng tha thướt gấm là, cho tùy ông kén chọn. Nhưng ông một mực xin lấy cô gái làng Mơ. Quận phu nhân nói:

- Cũng được.

Bèn sai đem xe ngựa vàng lụa đi đón cô gái làng Mơ về cho ông lấy làm vợ chính, còn người cháu gái quận phu nhân thì làm vợ thứ. Người ở kinh đô đều nắc nỏm khen là một câu chuyện hay.

Làm quan trong triều, ông có tiếng là thẳng tính. Khi giữ việc hình án Ái Châu (Thanh Hóa), có viên án trấn Mỗ, cậy thế chính cung Đặng phi, làm việc càn bậy. Ông bắt trời, bách phải nộp ra số tiền ăn đứt, nếu không sẽ đánh trượng cho chết. Mỗ phải nộp ra số tiền đã ăn đứt bốn trăm lạng vàng. Ông bỏ Mỗ vào ngục, rồi lập tức giơng xe về kinh, đem số vàng hối lộ, kèm cả một tờ khai đưa vào chúa Trịnh. Đặng phi nghe tin việc Mỗ bị nhục, khóc kể với chúa. Chúa cười mà rằng:

- Số vàng ăn đứt hiện có đây, còn oan gì nữa!

Phi hổ thẹn lui ra. Mỗ bèn phải tội. Người Ái Châu đến nay hãy còn khen và kể lại. Đòi truyền rằng khi ông chưa đỗ, du học ở kinh đô, một hôm gặp Bính Trung công, người ở Diên Hưng, đương chống gậy đứng ở cửa tư đệ(53). Công chợt hỏi rồi trở bức hình thông đá đắp ở trên tường bảo ông làm bài đề. Ông cầm bút đề ngay một bài tứ tuyệt:

石上青松百尺長

Thạch thượng thanh tùng bách xích trường,

飛花滿洞水生香

Phi hoa mãn động thủy sinh hương,

叮嚀樵子休輕伐

Đinh ninh tiều tử hưu khinh phạt,

留取他年作棟梁

Lưu thủ tha niên tác đống lương.

Dịch:

Trăm thước thông trên đá vững vàng,

Hoa bay đầy động nước sinh hương.

Đình ninh dặn chú tiều đừng dẫn,

Dành để mai sau chuốt cột rường.

Bính Trung công khen ngợi, tặng cho năm quan tiền. Khoảng cuối niên hiệu Cảnh Hưng (1786), bài thơ đề vách ấy vẫn còn.

QUẬN MÃ ĐẶNG LÂN

Kính Phủ

Quận mã Đặng Lân là em bà Đặng Tuyên phi của chúa Tĩnh Vương(54), thường hay ngông càn phạm phép. Y cưỡng gian một người đàn bà không được, bèn cắt vú người ta. Người chồng kiện đến quan, y bị giam ở ngục Ngự sử đài, rồi vì có phi xin cho mà được tha. Tĩnh Vương đem nàng quận chúa thứ hai gả cho Lân, các đồ trang liêm và của hồi môn, so với các triều trước, nhiều gấp mười lần. Phủ đệ dựng ở phía tây nam kinh thành Thăng Long, đồ ăn thức dùng đàng hoàng như một vị vương giả. Lân càng làm nhiều sự càn dỡ, nuôi trong nhà hơn trăm gia đồng, thường cho đội mũ, đeo gươm, ra ngoài chợ phố đi hung nhăng, uống rượu say, đánh người bị thương. Quan Kinh doãn không kiềm chế nổi. Mỗi khi Lân đi ra, đem theo đến hàng mấy chục con chó săn, con nào cũng đeo nhạc vàng, khoác áo thêu, hét trước hò sau, lấp cả đường lối. Một lần, nhân cơn tức giận, Lân giết chết nội giám là Sử Thọ hầu, rồi cắm thanh gươm ở trước cửa để không ai dám vào bắt. Quan Thự phủ quận mã Hoàng Bình Khiêm đến quát mắng, Lân sợ không dám nhúc nhích, bèn bị bắt tổng ngục. Đình thần họp bàn không biết quyết định ra sao, sau cùng xin với phi đày Lân ra ở An Quảng. Lân xếp dọn nhà cửa, mặc áo tù đi ra khỏi kinh. Nhà chức sự sẵn sẵn ghe thuyền ở bến sông Nhị Hà, y đem theo nàng hầu vợ lẽ rất nhiều, tiếng đàn sáo véo von không dứt. Ra đến nơi, quan địa phương phải làm nhà cửa cho y ở.

Về sau, Tuyên phi và Cung quốc công (Trịnh Cán) bị phế. Đặng Lân bị bắt bỏ ngục rồi nhịn ăn mà chết.

THÀNH ĐẠO TỬ

Thành Đạo Tử người ở Sơn Tây, tuổi trẻ thi đỗ Hương tiến, rồi chán nghề thi cử, đi giang hồ bông lông. Sau gặp và đi theo chân nhân Phạm Viên, vết chân trái khắp những sông to núi đẹp. Một hôm cùng với hai người đồng bối theo chân nhân đi chơi trên bể. Giữa khoảng gió to sóng lớn, bỗng thấy một con đường dài quanh co như ruột dê. Mọi người trèo lên chơi, rồi đi đến một trái núi, thấy có những cây cối um tùm, những quả đào lớn bằng cái đấu.

Chân nhân ngồi tạm nghỉ, nghiêng bầu uống rượu, cho mỗi người mấy quả đào và bảo đừng ai giấu hạt đem về. Kẻ theo hầu đều vâng nghe. Uống rượu xong, chân nhân ra đi. Thành Đạo Tử đi sau, cho là chân nhân không biết, giấu hạt trong lòng. Rồi lẩn quẩn nửa ngày không tìm được đường đi ra. Nghĩ có lẽ vì hạt đào giấu ở trong mình, bèn sờ lấy vất đi, mới đi ra được khỏi núi. Chân nhân đương ở phía trước, ngồi rót rượu uống, thấy Thành Đạo Tử đến, cười mà bảo rằng:

- Sao đi chậm thế?

Rồi chân nhân lấy một quyển sách bí mật trao cho, đoạn cùng với mấy người theo hầu bay vụt đi mất.

Thành Đạo Tử trở về, đi phóng lãng khắp nơi sơn thủy. Một lần cùng với kẻ đồ đệ đi chơi, dọc đường vào gõ cửa một nhà, hỏi thăm chủ nhân cận trạng(55) ra sao. Người coi cửa mỉm cười nói:

- Chủ nhân tôi mắc chứng đau tim, bùa dẫu tốn kém, vẫn chẳng ăn thua gì. Chẳng hay tiên sinh có chữa được không?

Thành Đạo Tử đáp: - Chữa được.

Người coi cửa mừng rỡ vào nói với bà chủ. Bà chủ mời vào, làm rượu thết, sai người nhà sắm sửa đàn tràng. Thành Đạo ngăn đi mà rằng:

- Không cần. Kia, trên nóc nhà có một con mụ nó cầm ngọn giáo đâm vào tim người bệnh. Bây giờ bắt một con cóc treo lên dọa nó, tự khắc nó phải lui.

Nhà chủ nghe nhờ làm theo. Bệnh quả nhiên khỏi. Nhà chủ đưa biểu rất hậu, nhưng Thành Đạo nhất định không lấy.

Thành Đạo lên chơi núi Thu Tinh, cầm đuốc vào soi xem trong hang, giữa chừng đuốc tắt, không biết lối nào mà ra cả. Trong hang có những tảng đá nát nhéo như bùn, ăn thấy mùi thơm ngon và khỏi được đói. Sau lâu thấy có một cái kiệu đi qua, kẻ theo hầu rất rộn rịp. Đến gần xem thì người đi kiệu là một người bạn học đã chết từ trước. Người ấy giật mình hỏi:

- Đây là nơi cửa ải của người và ma chia cách nhau. Sao bác lại đến đây làm gì?

Người bạn cởi áo mặc cho. Thành Đạo thấy trước mắt sáng sủa, bèn theo lối trở mà đi ra khỏi hang. Về đến nhà thì người nhà tưởng là chết, đã để tang trở, sắp đến kỳ cúng giỗ hết rồi.

Thành Đạo cùng với ông cụ họ Vũ làng tôi có quen, mỗi lần đến chơi, trong lúc uống rượu, thường giở ra nói chuyện. Sau không biết đi đàng nào mất.

ÔNG LÊ THÌ HIỂN

Kính Phủ

Quan Thái úy Lê Thì Hiến là người làng Phú Hào, huyện Lô Dương (Thanh Hóa) tính nết ngang tàng. Ông ra chơi Kinh, quen với chàng Năm là học trò ở Chiêu Văn quán. Chàng Năm là con nhà kép hát, không được thi cử, nhà rất nghèo nàn. Ông thường đi lấy trộm của người khác đem cho chàng Năm; hỏi ở đâu ra thì chỉ cười không đáp. Một hôm, chàng Năm bảo ông rằng:

- Tôi nghe xứ Quảng, Thuận(56) đất hiểm mà dân giàu, vị chúa ở đấy lại biết đãi người một cách nhường nhịn, đó là tư cách của bậc bá vương. Nếu ta đến đó, rồi đem mưu kế ra thuyết cho họ nghe, thì trên có thể làm được như Tề Hoàn, Tấn Văn, dưới cũng không mất được cái thể chân vạc. Ý bác nghĩ thế nào?

Ông thủng thỉnh nói:

- Chí tôi thì khác thế, nhưng tôi cũng không ngăn cản bác.

Ông hỏi đình bao giờ đi, chàng Năm nói sáng mai sẽ đợi ở từ biệt ở trạm Hoàng Mai. Ông y hẹn, đi qua hiệu bán vàng bạc ở Hoàng Đình, vào cuốc lấy hai món đồ rồi chạy đi rất nhanh không ai đuổi kịp. Đến Hoàng Mai, thấy vợ chồng chàng Năm đã ở đấy, hành lý trơ trổng chỉ có mấy cân gạo. Ông đưa đồ vàng tặng; chàng Năm cầm tay từ biệt nói:

- Chuyến này tôi đi xa muôn dặm mà được không chết, toàn là nhờ cái ơn của bác, tôi há dám chẳng ghi lòng. Ngày khác gặp nhau ở biên cương, tôi sẽ xin làm thành cái chí của bác để đền báo lại.

Sau hơn một tuần, chàng Năm vượt qua bờ cõi châu Hoan đến bờ bắc Linh Giang(57). Quân canh giữ bến sông quát hỏi nghiêm ngặt. Thuyền không qua được. Chàng Năm phải chặt gậy tre chống cự rồi dè dặt đi trèo mới sang được đến bờ nam. Quân coi giữ bờ nam bắt được trói lại, đem về dâng với chúa. Sau khi trò chuyện, Nam chúa bằng lòng lắm, bèn tha ra cho và dùng làm tướng. Chàng Năm bày những kế đánh giữ; đắp lũy ở Đông Hải, dài hơn trăm dặm, cong như hình cầu vồng, chắn ngang nam bắc, dựng vòm khói, khoét cửa súng, hễ có việc cảnh cấp thì vừa bắn súng vừa đốt lửa, thông đến tận quốc đô; các cửa bể Minh Linh, Nhật Lệ, đều đóng cọc và buộc khóa sắt để ngăn cản tàu thuyền, tùy tiện bố trí một cách vững bền và liên lạc. Đoàn rồi đem quân qua sông sang bắc, hạ thành giết tướng không biết bao nhiêu mà kể. Triều đình quên ăn mất ngủ, lo tính mọi cách để chống giữ, tuy có làm cho họ bớt sự tràn lấn, nhưng bờ cõi vẫn chưa lấy lại được hết. Bấy giờ ông Lê Thì Hiến ứng mộ tòng quân, từng đã lập được nhiều công trận, được thăng lên làm Đốc trấn, coi giữ hết các việc quân ở châu Hoan. Chàng Năm nghe tin nói:

- Tướng Bắc là bác Lê, vậy ta phải nên tránh mới được.

Bèn thu binh lui về, đưa thư xin giả những đất đã lấn, tự xưng là Nam phiên. Ông Lê dâng thư về triều xin ưng cho, nam bắc nghỉ binh, nhân dân châu Hoan châu Diễn được yên ổn mà sống. Ông ở trấn hơn 20 năm, trong địa hạt được vô sự, tiến phong Thái úy Hào quận công, khi mất được tặng tước vương. Dân Hoan châu nhớ ơn, lập miếu lên thờ đến nay hãy còn.

Cháu xa của ông là Thì Diểu đỗ Đồng tào sĩ xuất thân, làm quan đến Hữu kiểm điểm, có quen với tôi, thường đem những chuyện cũ của ông nói cho tôi nghe.

Một thuyết bảo khi chàng Năm sang qua sông, đi làm nghề chần trâu cho người. Một hôm dắt trâu qua cửa nhà quan Tướng quốc, nghe thấy trên nhà có tiếng đọc sách sang sáng, bèn buộc trâu ở ngoài đi vào. Quan Tướng quốc lúc ấy đương mặc đồ nho phục, ngồi giảng sách với các học trò. Chàng Năm chấp tay đứng ở dưới thềm nhóm ngó vào lúc lâu. Quan Tướng quốc lấy làm lạ hỏi:

- Có biết chữ không?

Chàng Năm nói:

- Tôi vừa thấy nói về Nho quân tử và Nho tiểu nhân, tôi thích được nghe lắm.

Tướng quốc nói:

- Thế nào là Nho quân tử và Nho tiểu nhân?

- Về Nho thì tôi chưa được rõ. Tôi làm nghề chăn trâu, xin nói về kẻ chăn trâu. Nay kẻ chăn trâu có kẻ chăn trâu quân tử, có kẻ chăn trâu tiểu nhân. Thế nào là tiểu nhân? Đi kiếm cỏ ở ngoài đồng kia đều là hạng này cả. Quân tử thì không thế; ôm tài chứa khí, bức bối không được cởi mở ra, bèn tạm trốn vào cái nghề đó, Ninh Thích gõ sừng, Bách Lý Hề bón cỏ, chính là hạng đó.

Quan Tướng quốc nghe lời nói ấy rất lấy làm kỳ, bèn xuống dưới thềm đón rước lên, nhưng chàng Năm xua tay rồi đi. Dò được biết chỗ chàng làm mướn, Tướng quốc sai người đến vời. Chàng từ chối mà rằng:

- Ngày xưa vua Tề Cảnh công đi săn, vời quan Ngụ Nhân bằng cò tinh mà người ta không đến, bởi vì không hợp lễ. Quan Tướng quốc đã không cho tôi là một kẻ hèn hạ, vậy mà lại muốn làm nhục tôi bằng cách vời không hợp lễ ư? Như vậy kẻ hèn hạ này không muốn đến.

Người đi mời trở về. Quan Tướng quốc bèn hun xông trai giới, sai sứ đem thư và lễ vật đến đón. Chàng Năm bấy giờ mới đứng dậy mặc áo nâu ngắn, đầu trần chân không mà đi. Sứ giả xin thay áo, chàng khước đi mà nói:

- Tôi vốn là một kẻ làm mướn, sao nên thay đổi cái vốn có của mình.

Chàng đến nơi, quan Tướng quốc ngoảnh về phía đông mà tôn thờ làm thầy, rồi tiến dẫn lên với chúa; chúa đắp đàn phong cho làm tướng.

Hai thuyết chưa rõ thuyết nào đúng, hãy chép lại cả(58).

ÔNG ĐỖ THẾ GIAI ÔNG HOÀNG NGŨ PHÚC

Kính Phủ

Ông Đỗ, ông Hoàng khi chưa gặp thời, làm bạn với một viên quan hoạn, Uy Vương ốm, bọn tiểu nhân làm nát chính sự, bốn phương trộm giặc nổi lên như ong. Viên quan hoạn hăm hở nói:

- Tôi xem vận giờ và việc người, họ Trịnh chắc là sắp mất, vậy sao ta chẳng phù một vị hoàng tử, vào trong rừng núi nổi nghĩa binh như việc cũ của Đức Cao hoàng khi xưa, nghiệp lớn chắc có thể thành được.

Hai ông nói:

- Không phải. Nhà Trịnh có công lớn, giờ cũng giúp vì, hoặc giả lại phục hưng cũng chưa biết chừng. Vả hãy để chờ xem, nếu không sẽ liệu cũng chưa muộn.

Viên quan hoạn sầm mặt đứng dậy, vung áo đi. Một lúc ông Đỗ đi ra, qua phủ Lương Quốc, thấy người em thứ tư và cùng một mẹ với Uy Vương đương ở cửa phủ, cùng bọn nội giám ngồi ở đất xem đánh chọi gà. Ông trông thấy kinh ngạc, về nói với ông Hoàng rằng:

- Đây thật là vì chúa của ta.

Bèn đem trâu rượu đến nói với người coi cổng để được vào yết kiến. Vương đệ rất trọng hai ông là người có tài khí. Chưa bao lâu Uy Vương thoái ngôi, vương đệ được lập, đó là Minh Vương. Vì hai ông đã theo từ khi ở tiềm ẩn(59), nên chúa hết lòng tín dụng. Ông Đỗ chủ việc trong, ông Hoàng chủ việc ngoài, giặc cướp các nơi đều bị quét trừ đến hết.

Viên quan hoạn đi, đem hoàng tôn Duy Chúc, Duy Mật cùng đi, đánh úp được đất Trấn Ninh mà chiếm giữ lấy, phụng hoàng tôn lên làm chúa, viên quan hoạn thì xưng là Minh quận công, đắp thành lũy, sửa giáp binh, hơn ba mươi năm, quân ngoài biên không được cớ giáp. Chúa Trịnh mỗi khi hỏi đến việc miền Tây (Trấn Ninh), hai ông lại thưa:

- Mưu chủ của họ hãy còn, chưa thể đồ tính được.

Duy Chúc mất, Duy Mật nổi, quận Minh đã chết, ông Hoàng mới nói với triều đình:

- Quận Minh chết thì hạ Trấn Ninh dễ dàng như thể đập nửa vậy.

Chúa Trịnh bèn dẫn quân, sai Đốc trấn Hoan Châu (Nghệ An) là ông Bùi Thế Đạt thống suất quan quân ba đạo tiến đánh. Duy Mật tự đốt mà chết, việc Trấn Ninh mới xong.

CHÙA TIÊN TÍCH

Chùa Tiên Tích phía Nam kinh thành, đời chúa Tĩnh có sửa chữa lại. Người ở kinh thành khuân tre gỗ, vác xẻng cuốc, bôn tẩu ở đường sá mấy năm công việc mới xong. Chùa rộng lớn, nóc chõng, cửa kép. Sân bảy tám miếng đá vuông, cao chừng hai thước, trên bày những chậu lan, gió thổi hây hây, thơm đưa phưng phức. Chùa đằng sau dựa vào đường cái, đằng trước trông xuống một con ngòi nước trong; cây tháp ở phía hữu cao chín tầng, bốn góc đeo nhạc, trang sức bằng những nét vàng xanh rực rỡ.

Từ đằng phía tây đi về phía nam vào đền chúa, đường xe quanh co đều lát đá cả. Con kênh oằn oèo chảy ra một cái hồ. Hồ sâu mà rộng, nước rất trong, mùa hè hoa sen nở nhiều, mùi hương bay xa ra mấy dặm. Men bờ hồ vào đến bờ kênh, chỗ cây chỗ đá chen lẫn nhau. Phía trước chùa về phía tả, chỗ nước kênh chảy thông ra hồ có bắc cái cầu, dưới cầu ghe thuyền đi lại được, trên cầu dựng thành mái nhà, khắc vẩy rồng trên những tấm ván. Bên cạnh cầu mấy chục bước, phía nam kênh và phía bắc hồ, dựng cái ly cung để làm chỗ vua chúa ngự chơi, trồng sáu, bảy cây muôm cây trúc và cây thông, cành lá chỉ chít đến nổi ánh mặt trời không lọt xuống được.

Dưới đất bày trâu đá hươu đá mỗi thứ hai con, sừng châu vào nhau, chế tạo rất tinh tế và hoạt động. Đó là những vật cũ của nước Chiêm Thành, do ông Hoàng khi đi đánh Nam lấy được. Cách hồ là nhà Kiều Nhạc hầu Nguyễn Khả. Hầu là bạn áo vải của chúa, thường mặc quần áo thường ra vào trong cung. Mỗi khi chúa đến chơi chùa lại đến thăm nhà hầu, thân viết bốn chữ “Tâm phúc hòa chung” để ban cho. Trụ trì chùa ấy là con gái của bà Thái trưởng quận chúa, em họ ngoại của chúa. Chúa những khi nhàn rồi ngự giá chơi chùa, cùng các phi tần nội thị thả thuyền chơi trên hồ, hát khúc ca hái sen, trên dưới thấp thoáng những ánh sáng bóng cây, so với cuộc đi chơi ở ngòi Vũ Lăng(60) cũng không phải quá đáng.

Năm Ất Tỵ (1785), lính canh cửa chùa đêm thấy có tiếng lát chát, tiếng y ỷ tựa như khóc lóc rất thê thảm, lắng nghe thì tiếng ấy phát ra ở trên bờ hồ, lúc không lúc có.

Sáng hôm sau ra xem chỗ ấy, thấy nước mắt của trâu còn ướt má, cỏ trên mặt đất đều bị xéo nát bừa bãi, hình như hai con trâu đá đã chọi húc nhau. Lính canh sợ hãi, bẩm báo vào triều: Triều đình sai thợ đá đập phá cả trâu lẫn hươu vất vào lò lửa. Chùa này đã triệt bỏ, khói mờ cỏ rậm phát phơ ở trong ngọn gió thu; muốn tìm lấy một hòn ngói vụn, một viên gạch tàn cũng không thể được. Trò đời thịnh suy thay đổi, buồn biết chừng nào!

LIỆT PHỤ ĐOÀN PHU NHÂN

Kính Phủ

Liệt phụ Đoàn phu nhân là vợ thứ của ông Du Lĩnh hầu Ngô Phúc Du người làng Trảo Nha (Hà Tĩnh). Hầu là con nhà tướng, trong năm Cảnh Hưng quân đội quân tiền phong. Tháng Sáu năm Bính Ngọ (1786), hầu chết tại trận. Bà vợ cả đi quy y cửa Phật. Đoàn đẹp mà không con, vẫn được hầu đối đãi như là vợ chính. Hầu chết nạn, Đoàn phu nhân vẫn cười nói như lúc thường; người nhà đều lấy làm lạ. Chưa bao lâu, phu nhân đem việc nhà dặn dò con hầu, rồi đến lập một đàn chay ở chùa Kiến Sơ làng Phù Đổng, tức chốn tu của bà vợ cả. Làm chay xong, phu nhân cùng bà vợ cả đem lũ con của hầu ra thiết vị ở bến Thúy Ái, nơi hầu chết nạn khi trước, ngoảnh về phía nam mà làm lễ chiêu hồn; mọi người xa gần kéo đến xem đông lắm. Đoạn rồi phu nhân vận mặc chải chuốt lịch sự, bới một chiếc thuyền con ra giữa dòng, gieo mình xuống nước mà chết. Dân ở đấy lập miếu lên thờ.

Quan Huấn đạo An Nhân Hà Sách Hiến có vịnh thơ rằng:

可憐二百餘年國

Khả liên nhị bách dư niên quốc,

天理民彝一婦人

Thiên lý dân di nhất phụ nhân.

Nghĩa là: Thương thay một cái nước dựng nên đã hơn hai trăm năm (nói triều Hậu Lê), mà đến lúc mất, chỉ có một người đàn bà giữ được lễ giới và đạo người. Người ta đều truyền tụng.

NGƯỜI LÀM MƯƠN Ở KINH THÀNH

Tùng Niên

Kinh thành có một người làm mướn, thường đến ở làm lụng cho Phạm chân nhân. Hắn than mình nghèo khổ, xin chân nhân cấp giúp cho. Chân nhân im lặng, rồi thông thả bảo chìa bàn tay hữu ra, thăm vế bùa vào, dặn sau này khi nào gặp lúc cùng quẫn, nên ngửa tay ấy để xin người cho tiền, có thể được 36 đồng. Anh phúc bạc, đừng nên lấy quá.

Người ấy theo nhời. Nhưng một hôm lại lấy quá số ấy, đến mãi năm quan mới thôi, rồi từ đấy không linh nghiệm nữa.

ÔNG LÊ ANH TUẤN

Tùng Niên

Ông Lê Anh Tuấn khi cầm quyền chính phủ, bà phu nhân từ làng Thanh Mai đến kinh, đi qua làng Đắc Sở(61), ngủ trọ ở nhà cạnh đền quan Tướng quân Lý Phục Man, chiêm bao nghe thấy tiếng ngựa xe rộn rịp, rồi có người nói là bà phu nhân của quan Tướng quân họ Lý vào thăm. Ngồi chơi xong, Lý phu nhân nói:

- Phu nhân đối với tôi là chỗ quen biết, tôi muốn nói xin một điều, chẳng hay có được không?
- Xin vâng.
- Nhờ phu nhân nói với tướng công hộ rằng, nhà cũ của chúng tôi đã nát, xin lưu ý cho.

Hỏi duyên cớ sao thì nói:

- Ông Lê Anh Vũ triều trước và ông Lê Anh Tuấn bây giờ, đều là hậu thân của Tướng quân tôi, phu nhân quên rồi sao?

Lê phu nhân vâng nhờ rồi bưng tỉnh, đến kinh nói với ông Lê. Ông tự bỏ tiền ra sửa chữa đền ấy. Nay đền hãy còn.

ÔNG BÙI THẾ VINH

Tùng Niên

Ông Bùi Thế Vinh là cụ ngoại bấy đời của tôi, đỗ tiến sĩ trong năm Diên Thành, làm quan đến Tự khanh. Nhà Mạc mất ngôi, ông lui về ở nhà, rồi cùng ông Đỗ Uông ở làng Đoàn Tùng, ông Nhữ Công Tông ở làng Nhữ Xá đều bị tiên triều vờ ra. Nhưng ông lấy một con dao rạch ở dưới đầu gối, rồi cáo bệnh không chịu ra. Bấy giờ bà Thượng quốc phu nhân, tự thất cổ tuần tiết. Hai người đều được người ta khen ngợi, có câu hát rằng:

Loài chi mà Thượng Thông Thượng Nhữ[\(62\)](#),

Những dơ tuồng tặc tử gian thần.

Nào dao lá trúc Đông Luân[\(63\)](#),

Nào thừng tiết nghĩa phu nhân kia là.

ÔNG NGUYỄN CÔNG HOÀN

Tùng Niên

Ông Nguyễn Công Hoàn người làng Cổ Đô huyện Tiên Phong⁽⁶⁴⁾, là thân phụ ông Thượng thư Bá Lân. Ông có tiếng văn hay lẫy lừng trong một thời; đối với ai ông cũng nhã nhận lịch sự, nhưng về chữ nghĩa thì không nhường ai bao giờ cả, đó là cái thiên tính như vậy.

Ông Lê Anh Tuấn người cùng huyện, thua nhỏ với ông là bạn vong niên. Gặp kỳ khảo ở huyện, ông Lê trúng nhất, ông trúng thứ hai. Ông đem văn ra so sánh, nhất định không chịu là mình kém. Ông Lê đỗ rồi làm quan, ông không chơi với nữa. Ông Thượng thư Bá Lân thua nhỏ học giỏi văn hay, tài năng suýt soát với ông, ông thường cùng ganh thi hơn kém. Ông Thượng cố tránh thì bị ông đánh chửi. Một lần hai cha con thả thuyền ở giữa dòng sông để làm văn thi, bảo hễ ai văn kém thì phải ném xuống sông. Văn làm xong, của ông hơi kém, liền nhảy xuống sông tự trầm thật; ông Thượng khóc lóc lội vớt lên. Một lần đến thăm quan Tể tướng Nguyễn Công Hãng, đến cổng ông đã réo ngay tên. Người canh cổng vào báo, ông Hãng lật đật chạy ra đón rước. Xin ông làm thơ *Lưu Nguyễn vào Thiên Thai*, trong tiệc ông làm thành sáu bài, còn truyền ở đời. Hồi xuống chơi kinh, làm bạn với chân nhân Phạm Viên; một hôm hỏi về sự cùng đạt, chân nhân nói:

- Số ông tiếc không làm nên được, nhưng con ông thì làm nên to.

Ông bèn bỏ cả việc đời, theo chân nhân học thuật nhìn lâu. Vào núi Mỹ Lương, nhưng dọc đường thiếu lương ăn, đến một xóm nọ. Trông xóm có ông già đón khách vào nhà... bảo làm món sơn hào đem lên. Chưa bao lâu, đi đến chỗ biệt nghiệp của sơn nhân, gã nhỏ dọn lên món thịt chuột thối để uống rượu, mùi hôi bắn xông lên góm chết, ông lấy vạt áo che mặt không dám trông. Chân nhân nói:

- Ông tục duyên còn nhiều, chưa thể học được.

Bèn đưa ông trở về.

Ông Thượng thư khi đỗ Hội nguyên, cả hai cha mẹ đều còn. Các bạn đỗ đồng khoa đến họp cả ở làng Cổ Đô để mừng. Ông Hoàn mặc bộ quần áo quê mùa ra tiếp khách, cười mà nói rằng:

- Thăng Bá Lân nhà tôi mà nó đỗ đầu thì ra thiên hạ vô nhân thật.

Hồi ông Lê Anh Tuấn làm tể tướng, ông Lân vì việc công bị lỗi, nghĩ phải nhờ cha đi nói hộ thì không thể gỡ được, bèn nói với cha. Nhưng ông Hoàn mặc kệ không nói gì. Cả họ khóc lóc van nài, ông mới khế gặt đầu một cái. Rồi ông đi chân không đến dinh quan Tể tướng, lội qua hồ mà vào, để chân bê bết bùn vào ngòi chỗ công sảnh, hỏi tướng công có nhà không. Lê công áo đai chững chạc ra đón mời. Ông nói:

- Vì chuyện thăng bé nhà tôi nên phải đến quấy quả cố nhân, một tiếng nhận nhời giá trọng nghìn vàng, tướng tôi không phải nói lắm.

Ông Lê vâng nhời thì ông liền đứng dậy ra về, nài thư thả nói chuyện vài câu, nhất định không ở.

Tuổi ông càng cao, sức học càng sâu rộng. Nghe ở Thanh Trì có một người học trò tập văn trường Giám lần nào cũng trúng giải nhất, bèn dò tìm đến tận nơi. Đêm khuya vào làng, vì đường quanh co, bèn lội qua ao, đến gõ cổng nhà người học trò mà nói:

- Ta là Nguyễn Công Hoàn đây. Có giỏi thì làm văn thi với ta nào.

Người học trò lật đật đi ra, nói nhún nhường từ chối. Ông không nghe. Người ấy xin khất đến kỳ văn trường Giám, ông mới trở về. Sau ông làm bài thi, luôn mấy kỳ chiếm được giải nhất trường Giám, ông mới về Sơn Tây.

Tuổi già, một lần ông đến thăm nơi thờ thiền sư Huyền Quang, chiêm bao thấy thiền sư bảo rằng:

- Việc Bích Cơ(65) được ông tìm ra, nghe đâu Thượng đế tăng tuổi cho ông một kỷ đấy.

Sau ông được sống lâu rồi mất.

ÔNG LÊ HỮU KIỀU

Ông Lê tuổi trẻ là người không chịu buộc mình theo lễ phép; học ông Thám hoa Vũ Thành, vẫn được ông Thám coi trọng. Thường giao du với chân nhân Phạm Viên. Một lần ông Thám ra bài cho tập làm, đầu bài là: “Về Sở, người Sở không tin; về Hán, người Hán sợ hãi, vậy thì túc hạ định về đâu?” Chân nhân đùa làm thử, nhờ ông đưa để ông Thám chấm cho. Ông Thám giật mình nói:

- Người làm văn này phải là bậc thần tiên.

Sai người đón mời nhưng chân nhân chối từ không đến.

Ông đi theo mấy tháng, chân nhân khuyên nên trở về. Sau thi đỗ làm quan, giữ mình ngay thẳng không chịu a dua với ai, nhất là ghét đạo Phật lắm. Hồi đi sứ Tàu qua một cái chùa, thấy ở chỗ mái hồi lang(66) có một tòa tượng chữ đề là “Lê Hữu Kiều Bồ Tát”. Ông bỗng giác ngộ, từ đấy để tâm nghiên cứu kinh điển nhà Phật. Khi thôi làm quan, mở ra một sở tuyên giảng đạo Phật, người đến nghe giảng lúc nào cũng hàng mấy trăm, phần nhiều là những người có tiếng trong rừng thiền cả. Chúa Trịnh Minh Vương và Tĩnh Vương có ban cho nhiều vị sư được hiệu là hòa thượng, những vị ấy đều là những học trò nghe giảng của ông.

ÔNG NGUYỄN TRỌNG THƯỜNG

Ông Nguyễn Trọng Thường người làng Trung Cần huyện Thanh Chương (Nghệ An). Thừa nhỏ nhờ ông ngoại nuôi nấng dạy bảo, có khiếu văn chương; đến tuổi thành đồng thì theo thầy học ngoài. Một đêm ông chiêm bao thấy một mỹ nhân đem chè, quả đến tặng biếu, cùng ông trò chuyện nói cười thân mật. Từ đấy thường đêm vẫn chiêm bao thấy thế, nhưng trải mấy năm giờ, giữa hai người không hề có chuyện sàm sỡ. Rồi một đêm mỹ nhân từ biệt để về, ông cầm tay hỏi ngày tái hội thì nói:

- Chúng ta sẽ gặp nhau ở trạm Phù Dung tại hồ Động Đình.

Năm 16 tuổi đỗ khoa hương, sắp sửa rồi tới kinh thi hội. Một hôm ông ngoại ra bài cho học trò tập, thấy trong bụi cây có một chàng thiếu niên chưa đến giờ Ngọ đã vào nộp quyển rồi đi ra. Ông ngoại xem rồi nói:

- Có lẽ là chân nhân Phạm Viên đùa gheo ta đây.

Nguyễn Trọng Thường liền ném bút đi theo. Ra đến ngoài đồng thì theo kịp. Khi đó chân nhân đi chơi núi Long Hồ. Đến cửa ải Trấn Nam, ông quỳ xuống thỉnh giáo, chân nhân nói:

- Việc thổ nạp không phải là việc của nhà người. Tiền trình rộng lớn, đừng nên đi theo đuổi việc thừa.

Bèn trao cho tập số Thái Ất, hẹn đến hồ Động Đình sẽ phải trả lại.

Ông thi đỗ rồi, trải làm quan trong quan ngoài nhưng rất hững hờ, không lấy sự làm quan làm thú. Khi đi sứ Tàu, đem việc nhà dặn bảo con cái, rồi đem nhiều tiền của đi theo. Qua trạm Phù Dung ở hồ Động Đình, thấy ở vệ đường có hai cái miếu, mà một cái đã hầu đổ nát. Hỏi dân ở đấy thì họ bảo: "Cái miếu sắp đổ, thần húy là Nguyễn Trọng Thường, hương tàn khói lạnh đã mấy chục năm rồi. Còn một cái miếu kia thờ bà phu nhân".

Ông hoảng nhiên nghĩ ra, bỏ tiền của nhờ người dân đấy làm lại hộ. Khi đi sứ trở về, thuyền qua hồ Động Đình, ông giở cái hộp đựng tập số Thái Ất ném xuống, cái hộp cuộn vào trong nước mà chìm mất. Đêm ngủ ở trạm Phù Dung, lại thấy mỹ nhân đến. Sáng hôm sau ông mất ở thuyền, sứ bộ phải đưa tang về.

BÀI KÝ CHƠI NÚI PHẬT TÍCH - (CHÙA THẦY)

Tùng Niên

Ngày 12 tháng Ba năm Bình Thìn (1796), cùng bác Nguyễn Nghiêu Minh, bác Trần Văn Chi, bác Nguyễn Quế Nham, bác Hoàng Hy Đổ đi chơi núi Phật Tích. Giờ mao từ kinh đô đi ra, giờ ngọ qua làng Kim Chỉ (làng Thìa ở huyện Đan Phượng), lên cái lầu chuông ở cạnh đường nhìn sang phía tây, trông núi Phật Tích thấy sắc núi xanh xanh. Qua bến đò Đắc Sở (Giá) đến làng Thụy Khuê, ở ngụ tại đền Nguyễn phu nhân ở phủ Quốc Oai. Phu nhân là em gái bà Minh Vương thái phi, xuất gia rồi chữa sữa các chùa ở làng Thiên Phúc, người dân đẩy lập đền lên thờ. Đền gối vào núi. Núi ở giáp giới hai làng Thiên Phúc, Thụy Khuê, sử gọi là núi Thạch Thất, tục gọi là núi Thầy, đó là nơi chứng đạo của Từ Đạo Hạnh đời Lý. Phía tả núi là ngọn Hàm Long, hình thế cao ngất và bay bướm, có cái ao Long Trì ôm lấy; một cái gò dựa vào ngọn ấy, là chính điện chùa Thiên Phúc. Điện kề nước, do thiền sư họ Từ dựng nên, một gian hai chái, quy chế rất cổ. Giữa thờ Phật, bên tả là chân thân của thiền sư, bên hữu là ngự dung vua Lý Thần Tông. Trước ngự dung, có những tượng chim hạc và lục sĩ Chiêm Thành mỗi thứ đều hai, do khoảng năm Vĩnh Hựu sắc truyền chế tạo. Tương truyền vua Thần Tông triều Lê là hậu thân vua Thần Tông triều Lý. Hai bên vách chùa bắc hai cái cầu qua ao: bên tả là cầu Nhật Tiên, trông vào đền Tam Phủ ở cái đảo trong ao, bên hữu là cầu Nguyệt Tiên, chặn lên trên tay hữu trái núi.

Giờ dần lên chùa Thiên Phúc, nhà sư trú trì là Tịch Khiết mời ngồi chơi nói chuyện. Tịch Khiết là người làng Thiên Phúc, trò chuyện rất có vẻ phong nhã. Giờ tuất trở về đền Phu nhân. Sáng hôm sau, Chân Túy Ông lên ngọn Hàm Long. Ông là con giai thứ ba của Nguyễn phu nhân, đỗ Hương tiến, nay nhập tịch làng Thụy Khuê.

Phía tả ngọn Hàm Long độ nửa dặm, có mả và miếu thờ Lã Nam Đế, dân dấy bảo là di tích của Lã Gia. Sách *Thiên Nam quốc ngữ* nói: “Mả Lã Gia ở vườn trúc”; chưa rõ làng nào phải. Xét trong sử ký thì Nam đế là hiệu của hai vua Tiên Lý, Hậu Lý, Lã Gia chỉ là Thừa tướng của Triệu Ai Vương; lời dân dấy nói tựa như không đúng, hãy cứ ghi vào đây để đợi người thức giả.

Trên sống núi có hai cái hang: một là Bồ Cốc, và một cái có cá sản ở trong nước gọi là Thần Cốc. Tiên triều đến ngự chơi đây, sai nội thần vào xem, thấy con rắn lớn lại phải quay ra.

Giờ ty, qua cầu Nguyệt Tiên, lần bậc lên núi. Trên lưng có núi bia, khắc bài thơ ngự chế của chúa Định Vương (Trịnh Căn). Lên mấy bậc nữa đến chùa Thiên Phúc riêng, nơi thiền sư đốt hương trì tụng khi trước. Trụ trì chùa này nguyên là một viên nội thần của tiên triều, thấy khách đến mới thết ân cần bằng những món ăn trong núi. Trước chùa đi xuống ba bậc là vườn trúc, nay không có trúc nữa, trong vườn dựng bốn cây tháp. Động Phật Tích ở sau chùa, động ngoài không đến nổi tối lắm, có bàn thờ Sơn thần ở bên phía tả. Một cái suối ở khe đá từ trên núi xuống, miệng suối có cái đầu rồng trồi lên, đầy về mùa hạ mà cạn về mùa đông. Những tấm bia mài đá tạc thành nhón nhỏ rất nhiều, nét chữ mập mờ, đều từ hồi Trung hưng trở về sau cả. Khoảng giữa động vách đá đứng sừng. Chồng đá trèo lên độ một trượng đến cửa động trong, đi vào phải bò, gọi là hang Cắc Cớ. Động trong ngang dọc ước độ 1 trượng, thiền sư trú xác ở đó, vết đầu vết chân trên vách đá đến nay hãy còn, người ta thường lấy sơn rập in. Canh dấy là một pho tượng của thiền sư. Tôi có lưu đề ở động ngoài 11 chữ “丙辰季春松年甫攜友登此 *Bính Thìn quý xuân Tùng Niên phủ huê hữu đặng thử*”, nghĩa là tháng quý xuân năm Bính Thìn, gã Tùng Niên dắt bạn lên chơi đây.

Giờ ngọ lên chỏm Chợ Giời, khắp giời mây quang, gió thanh hây hây. Đá núi lỏm chỏm, cái thành hình bàn, cái thành hình ghế, rồi hình lò rượ, hình chén rượ, vị trí thiên nhiên, khéo đẹp tuyệt vời. Trên đỉnh có một tảng đá phẳng phắn. Đứng trên ngọn này trông ra chung quanh, các núi Phương Hoàng, Quy Lân, Mã Yên, Long Đầu, Hoa Phát, đều quanh quất châu lại cả. Bác Hoàng Hy Đổ đốt hơn trăm cái pháo hoa, những kẻ kiếm củi chẵn trâu đều trông nhau ngơ ngác. Trở về động ngoài động Phật Tích, Chân Túy Ông và Trần Văn Chi cùng nhau uống rượ. Vườn núi ba bốn con thập thò qua lại ở khoảng nóc điện và cành cây. Hy Đổ, Quế Nham

vỗ tay cười, hang núi nổi lên những tiếng vang đáp lại. Giờ mùi xuống thăm chùa Phúc Lâm ở phía bắc núi, đề vài dòng chữ lên vách:

登山遊覽, 不覺詩興滿山, 不能收拾

Đăng sơn du lãm, bất giác thi hứng mãn sơn, bất năng thu thập.

Nghĩa là: Lên núi chơi xem, bất giác hứng thơ đầy núi, không thể thu nhặt lại được. Lạc khoản đề là “Song Thanh”. Bác Chân Ngộ đùa mà đề nổi vào rằng:

我亦不約而合

Ngã diệc bất ước nhi hợp.

Nghĩa là: Ta cũng không ước hẹn mà đúng như thế.

Rồi lên chùa Bối Am ở chỏm núi Bối Am. Chùa nhân cái động mà làm thành, nửa gỗ nửa đá. Theo bia ở trên vách đá thì do một bà tôn nữ họ Mạc về đời Hồng Ninh xuất của mà dựng nên. Trụ trì ở đó có nhiều những sư nữ. Trên vách thơ vịnh đề bừa bãi. Xem qua một lượt rồi trở xuống. Dưới núi ấy có hang Dũng Phật, thờ mấy tòa tượng cổ.

Giờ thân kéo Chân Túy Ông, Trần Văn Chi cùng đến ngồi uống rượu ở cầu Nhật Tiên. Sen trong ao mới mọc tốt tươi, màu xanh phơi phới trên mặt nước. Các bác Nghiêu Minh, Quế Nham, Hy Đỗ không biết uống rượu, ngồi bên bàn rượu uống nước trà. Đêm khuya mới trở về chỗ ngụ.

Ngày 14, sáng sớm khởi hành lên núi Hoa Phát. Núi ở phía tả núi Phật Tích, ghềnh đá chật hẹp, kém núi Phật Tích. Trên lưng chừng núi có cái gác chuông, Phật điện là chùa Hoa Phát. Sư nữ trụ trì nguyên là vợ người khách họ Phan, tuổi già xuất gia đầu Phật, pha trà thết khách, có cái phong vị chốn kẻ chợ. Đằng sau chùa đi xuống một bậc có cái tháp đá đứng sừng. Từ phía tả chùa men đá đi lên đỉnh núi, thấy có một khối đá lớn bằng cái nhà, chênh vênh như muốn lăn xuống. Canh khối đá ấy có cái chùa nửa mái, gần đây do người ở Ô Châu quyên tiền dựng lên, quanh vắng không có ai.

Giờ ty từ núi Hoa Phát lên núi Phương Hoàng. Hình thế núi này như một con chim lớn sà xuống. Giữa mở ra một cái động đá để bày thờ Phật tượng; hơi lam nặng trĩu, ướt cả áo người vào du quan. Trong động có ba cái hang, hai cái nhỏ mà nông, còn một cái nhọn sâu thăm không có đáy, tục truyền là có đường thông xuống địa phủ. Cửa động cây cối bà xòa, nhân nhóm lò ngồi nghỉ một lúc.

Giờ mùi già cảnh trở về phía đông. Đến làng Vân Canh (Từ Liêm), vào ngủ nhờ ở nhà người anh họ ngoại là ông Huyện thừa họ Phạm. Đêm nói chuyện về chùa Phật Tích, ông anh ngoại nói:

- Cụ ngoại tôi là quan Bảng nhãn có bà con gái tức bà cô ngoại tôi, thừa nhỏ mộ đạo Phật, chỉ đòi đi tu. Cụ Bảng tôi ép lấy chồng, bà tự đốt hai ngón tay để tổ chí. Rồi bà xuất gia tu ở chùa Tiên Lữ, thường sang chơi núi Phật Tích, vào hang Thần Cốc. Hang này tối đen mù mịt, ngày cũng như đêm. Đốt đuốc đi vào ước hai, ba ngày, hãy còn nghe tiếng gà tiếng chó kêu trên đất. Đi vào càng lâu càng thấy cảnh khác lạ, ở một chỗ thấp lổm, thấy những xương người chồng chất, nhũ đá rủ xuống, thành ra vô số hình hiểm quái, người đi thú bò, giường ghế mặc áo, không biết bao nhiêu mà kể.

Bên cạnh đường, có một dòng nước, sắc xanh như lam; một ông lái cầm thuyền đợi khách. Bờ bên kia trời lờ mờ sáng, chợ búa người vật, không khác gì ở nhân gian. Hỏi thăm thì ông lái bảo đó là chợ âm phủ. Do con đường đá đi lên phía trước, gặp một ông già khuyên sư nên trở về. Sư không nghe.

Chợt có một con rắn to bằng cái vựa nằm chắn ngang đường, bấy giờ sư mới chịu quay về. Ra khỏi hang thì tính từ khi đi đã được một tháng hai ngày. Sư là người trí giới rất cao, chắc không nói nhảm. Vì vậy cũng chép câu chuyện ấy vào đây.

Trên này là kể đại lược của cảnh núi, còn những cái gì tai mắt không tiếp xúc đến thì không dám nhiều nhờ.

*Ngày 15 giờ ngo,
Đông Dã Tiều Tùng Niên phủ chép.*

DẬT SỬ CỦA CỤ THÁI TẾ

Kính Phủ

Cụ Thái tể Trung Thuần công nhà tôi xưa đi công cán về, người Mạc bắt giữ lại. Bấy giờ, xa giá về Thanh Hoa, tin tức của triều đình đoạn tuyệt. Thượng thư nhà Mạc là ông Trần Lịch Chiêu, người làng Hoa Thiều cùng huyện, thấy ông là người có nghĩa khí, muốn tha cho, đem qua sở giam, nói chung chiêng là giời sắp sáng.

Cụ hiểu ý, lén bước đi ra. Đến làng An Thường thì quân đuổi theo đã cấp bách, cụ phải trốn vào nhà người, đào hang mà ẩn, đổi lột người làm mướn, gánh một gánh rau đi. Qua sông Bái, gặp một viên tướng du kích nhà Mạc là Mỗ. Hắn nhìn kỹ rồi mời về nhà, làm rượu khoản đãi. Cụ bỡ ngỡ không hiểu. Chợt viên ấy đưa vợ con ra, lạy mà rằng:

- Năm nọ ngài ở đài sảnh, có người kiện chúng tôi, ngài xử kẻ ấy kiện trái lẽ, đã quên rồi ư? Bấy giờ cụ mới nhớ ra. Cụ ở đấy mấy bữa rồi viên ấy cũng theo cụ vào Nam (Thanh Hóa).

ÔNG ĐÀM THẬN HUY

Kính Phủ

Ông Đàm Thận Huy người làng Ông Mặc (Bắc Ninh); bà mẹ là Mỗ phu nhân sinh ra được ông và ông thứ tên là Thận Giản. Trong làng bấy giờ có một ông già người làng Tả Ao, đất Hoan Châu (Nghệ An) đến làm địa lý, nhiều sự ứng nghiệm lạ. Phu nhân nghe tiếng, đến xin đặt hộ ngôi mà chồng. Ông già nhận nhời đặt cho nhưng cố ý trùng trình mãi, đi làm đất những đâu đâu, tối vẫn cứ về ở nhà họ Đàm.

Một khi gặp mưa, ông già bắt phu nhân cõng mình, hai ông xin thay thì ông già không khiến. Phu nhân cũng vui vẻ xin cõng. Đến đêm, ông già lén vào buồng ngủ thì phu nhân chống cự một cách nghiêm nghị. Ông già than rằng:

- Đó thật là một người đàn bà tiết tháo, ta phải đền bồi cho mới được.

Rồi ông già chọn chỗ đất tốt đặt mộ cho. Sau hai ông nối nhau thi đỗ. Gặp khi nhà Mạc cướp ngôi nhà Lê, ông trưởng, nhân đương làm Thượng thư bộ Lại, đem quân đánh kẻ nghịch, bị thua mà chết. Triều Lê khi Trung hưng, tặng tước vương và lập đền tiết nghĩa để thờ.

ÔNG LÊ TUẤN MẬU

Kính Phủ

Ông Lê Tuấn Mậu, người làng Xuân Lôi, huyện Yên Phong (Bắc Ninh) làm quan tiên triều đến chức Đô ngự sử. Bấy giờ Mạc Đăng Dung do đánh vật giỏi mà vọt lên đến quan to. Ông nhiếc hằn rằng:

- Anh đừng cậy sức. Ta rất có thể như thế được, nhưng không thêm làm đấy thôi.

Đăng Dung tức, xin với vua cùng ông thử sức. Ông hăng hái nhận lời, rồi bôi mỡ vào mình, cài kim vào tóc và khố, vật cho Đăng Dung ngã suýt chết.

Khi Đăng Dung cướp ngôi, ông thác bệnh không ra. Y cố mời mãi, ông bảo người đỡ vục ông vào triều, rồi nhổ vào mặt y mà chết.

ÔNG DƯƠNG BANG BẢN

Ông Dương Bang Bản người huyện Thanh Liêm; được ban quốc tính, đổi là Lê Tung. Tuổi già sinh được cậu con giai, nhờ vợ người phường chài nuôi hộ. Nhớn lên về nhà, nhưng người con giai không thiết học hành, chỉ cứ đi theo nhà phường chài. Ông nghĩ vì tính nết đã quen, không lấy làm lạ. Gặp ngày tiên hỷ, đương khi ông ở kinh, chiêm bao về nhà thấy những con ma tóc đỏ ngồi chêm chêm ở trên giường thờ, còn ông cha của ông, đai mũ chỉnh tề, nhưng đều đứng giãn ra ngoài cửa. Tỉnh dậy nghĩ ra, ông cho tìm khắp chốn.

Nhưng thuyền trôi bè nổi, lên đênh chẳng biết là về đâu. Nhà phường chài đem công tử đi, nhập tịch ở huyện Giao Thủy. Nhớn lên, công tử đỗ tiến sĩ. Khi vinh quy, người làng bảo nhau rằng:

- Anh chàng ở đâu, sao lại đến ở làng chúng ta!

Công tử nghe nói, dò hỏi những người thân cố, mới biết được gốc rễ.

ÔNG UÔNG SĨ ĐOAN

Kính Phủ

Ông Uông Sĩ Đoan khi chưa đỗ, ở rể tại một nhà giàu kia trong làng tôi, sinh được một con gái. Người vợ dữ tợn, hễ thấy bè bạn chồng đến chơi đều đuổi quày quạ và nói:

- Cái đồ dài lưng tốn vải ăn no lại nằm, làm gì mà bè bạn bằng nhặng lên thế!

Gặp khoa, ông sắm sửa đi thi, người vợ keo kiệt không chịu cấp hành lý cho đủ. Ông giận dữ, vung vàng đi ra. Người vợ đuổi theo lột hết cả quần áo. Ông phải lội xuống ao nấu núp. Một cô con gái làng bên cạnh, cùng bà mang vải đi chợ bán, thấy thế bảo bà thử hỏi xem đầu đuôi ra sao.

Rồi xé vải tặng cho để ông đóng khố. Khoa ấy, ông thi đỗ, bèn cưới người con gái nọ làm vợ. Ông làm quan trong triều hơn 60 năm, thọ 99 tuổi. Người con gái ấy được phong là chính phu nhân. Quan Bồi tụng Sĩ Lăng, quan Huyện lệnh Cẩm Giàng Sĩ Thiến, quan Lại bộ lang Sĩ Trạch, đều do phu nhân sinh ra cả.

HÓA HỔ

Kính Phủ

Mỗ là người Sơn Vi, vào rừng lạc đường, gặp một ông cụ già cởi áo mặc cho và dặn đi sau. Mỗ ngựa ngáy, một lúc đã thấy mình thành một con hổ. Các hổ khác kéo đến cùng mình thân cận, cùng nằm cùng ở, được thịt thì chia cho mình ăn.

Một hôm về nhà, nghe thấy vợ đương khóc, Mỗ thương xót gầm lên. Vợ sợ hãi khua thanh la để dậm dọa, Mỗ sợ phải đi. Mỗi một năm trên một tảng đá, lại thấy ông già đến bảo rằng:

- Cái áo mượn của ta ngày trước, giờ phải trả đây.

Nói rồi cười lên bụng Mỗ lấy gươm rạch rồi lột da, đau đớn tưởng đến chết được. Ông già chọt đi đànang nào mất. Nhìn thì mình lại trở lại là người ngày xưa; vội vã về nhà thì đã sắp đến kỳ giỗ đầu. Vạch lưng ra, trên lưng hãy còn những vết lông.

Chao ôi! Mỗ là hổ mà lại là người, người đấy mà lại là hổ, lạ lùng thật không nói xiết.

ĐỨA CON ĐEN

Kính Phủ

Người con gái ở phố Lai Trào, trấn Hoa Dương, lấy người lái buôn nước Tây đen. Sau người lái buôn về nước, nàng hỏi kỳ tái hội, thì hắn nói:

- Hễ ba năm không thấy sang thì cứ việc đi lấy chồng.

Quá kỳ hạn ấy, nàng đi cái giá về một người là Mỗ, sinh được một con giai, da thịt đen xạm, y như người chồng cũ. Hỏi người biết thì người ta bảo:

- Đó là dư khí hầy còn sót lại, cho nên rợ Hồ có cái tục rửa ruột.

Không bao lâu, người lái buôn đến tìm vợ, thấy đứa con, bèn kiện để đòi lại. Quan xử đứa con về người lái buôn, còn người vợ vẫn thuộc về Mỗ. Sau, nàng sinh mấy đứa con nữa thì đều như thường cả.

HANG NÚI

Kính Phủ

Hồi vào đánh Nam (Đàng Trong), có mấy người lính đi qua trong rừng, thấy một cái hang. Vào xem, ban đầu còn tối đen, nhưng sau sáng rạng dần. Một lúc, thấy trong đó có dân cư, tiếng nói riu rít, không thể hiểu được. Bọn lính vì đói, phải cướp lấy cái ăn, bọn người kia phải tan chạy cả. Một lúc, họ lại kéo đến rất đông. Bọn lính sợ, phải ra, dùng những tên nhọn vừa đi vừa bắn lại. Về thuật với mọi người, lại kéo vào xem thì đã chẳng thấy gì nữa.

ANH KẸ TRỘM LÀNG LÂM HỘ

Người chánh lý Mỗ làng Lâm Hộ, huyện Kim Hoa, vốn xưa là một anh ăn trộm. Hồi thân phụ tôi làm tri huyện ấy. Mỗ nhân việc quan đến huyện, kể lại hết những chuyện thiếu thời. Mỗ thường cùng Ất sang ăn trộm ở làng bên cạnh, đêm đi qua trong rừng, bỗng thấy động tâm. Đến làng bên, chia nhau rình ở cổng làng. Ước chừng nửa trống canh, Mỗ chợt nghe thấy tiếng huỳnh huỵch rất lớn, vội chạy lại xem. Một con hổ đương ôm Ất ngồi chồm chồm. Mỗ nhìn đăm đăm rồi vung tay xông đến đánh trúng trán hổ. Hổ gầm lên mà chạy. Ất thì ngã vật ra đất. Mỗ đến gần nâng đỡ, thấy Ất hơi thở rất yếu, hai má bị cào toạc đến một tác thịt. Mỗ hỏi thì lúc lâu Ất mới nói:

- Khát lắm!

Mỗ tìm loanh quanh, thấy dưới một mái nhà có rãnh nước nông, bèn dấp vào áo đem lại vắt rỏ cho Ất uống. Tỉnh rồi cống về, nửa đường thì phương đông đã rạng. Ất khởi, Mỗ thôi không làm nghề ăn trộm.

Than ôi! Cứu giúp bạn trong khi nguy cấp chẳng tiếc mình, đó là việc làm của những bậc liệt sĩ đời xưa. Nay lại thấy ở trong đám kẻ trộm, thật cũng là lạ lắm.

ÔNG ĐỖ UÔNG

Ông Đỗ Uông người làng Đoàn Tùng đời Mạc. Hồi chưa đỗ, từ kinh đô về, đến huyện tôi. Trời về tối. Trên đường vắng tanh không có ai qua lại. Chợt ở trong đền Thời Cử có mấy chục quân kỵ kéo ra, đuổi theo sau ông. Ông đi nhanh gấp đường, qua làng Hoạch Trạch, gọi lớn: - Bác Hoạch Trạch, cứu tôi với! - Trong đền im lặng. Đến làng Minh Luân, cũng lại gọi như vậy, thần đền xa đáp rằng:

- Em đối với bác Thời Cử là tình cùng huyện, không tiện ra giúp ông anh được, vậy ông anh nên đến cầu cứu với bác La Xá.

Ông theo nhờ. Đến La Xá, quả có mấy trăm quân giáp trụ theo ngay nhờ gọi mà kéo ra. Quân địch sợ phải rút lui. Về đến làng Đoàn Tùng, ông đốt hương làm lễ ở sân, viết một đạo sớ đem việc ấy tâu lên Thượng đế. Sớ đốt chưa xong, đã thấy giời nổi cơn sấm sét dữ dội. Mưa xuống như dốc chính nước. Đến sáng, nghe người ta đồn đền Thời Cử đã bị sét đánh tan tành rồi. Ông rất mừng thầm. Sau ông thi đỗ Bảng nhãn, sang đời Lê, làm quan đến Thượng thư, phong phúc thần.

TƯỚNG QUÂN ĐOÀN THƯỢNG

Tùng Niên

Tướng quân Đoàn Thượng, người làng Hồng Thị, huyện Trường Tân. Đời Lý Huệ Tông vâng mệnh đi dẹp giặc và trấn ở Hồng Châu. Nhà Lý mất, Đoàn chiếm giữ riêng một châu ấy. Quan thái sư nhà Trần là Thủ Độ bề ngoài giả vờ giảng hòa, nhưng ngầm truyền lệnh cho Hoài Đạo Hiếu Võ Vương Nguyễn Nộn đem trọng binh đánh úp.

Hai bên đương đánh nhau say sưa, quân Trần lại tự miền Văn Giang đón đánh phía trước. Tướng quân bỏ Nộn, quay về chống với phía tây, bị nhát thương ở cổ gần đứt, phải cỡi đai lưng buộc lấy, tức giận hằm hằm, chạy về phía đông. Đến làng An Nhân, có một ông già, đội mũ thất đai, chấp tay đứng bên đường mà nói:

- Tướng quân là bậc người trung liệt, Thượng đế đã cất dùng đấy.

Lại chỉ một cái gò làng bên mà nói:

- Đây là nơi huyết thực(67) của ngài, xin đừng bỏ qua.

Tướng quân vâng nhời. Đến chỗ ấy, xuống ngựa, gối giáo mà nằm. Liền có mối dùn đất lấp lên. Dân cư tạc tượng, lập miếu lên thờ. Đến sau, đê sông Nhị vỡ, nước xói đổ miếu. Khi nước xuống, tượng dạt đến làng An Nhân. Làng An Nhân bèn dựng miếu mới để thờ. Miếu dựa sông An Nhân, trước mặt trông ra con đường cái chính đi thông hai tỉnh Đông, Bắc, uy linh hiển hách, người buôn bán qua đường rất là sợ hãi. Một hôm, người coi miếu ấy bỗng ngã lăn ra đất lúc lâu, rồi vùng dậy ngồi lên ghế cao, gọi những kỳ cụ trong làng ra bảo rằng:

- Ngày mai phải quét dọn sạch sẽ vì có đức vua đến thăm cảnh. Người nào mặc áo đen và đi chân không là chính đúng đấy, phải chờ đón.

Mọi người da dọ theo nhời. Hôm sau, ai nấy mũ áo chững chạc đợi ở dưới đền. Mãi đến chiều tối, vẫn chưa thấy gì; mỗi một, đã toan giải tán. Chợt bờ bên kia sông có một vị sư, mình mặc chiếc áo lục thù, đằng sau có một tên tiểu đồng theo hầu, đi ngang qua cầu, đến trước cửa đền ngồi nghỉ. Mọi người đốt hương sụp lạy. Nhà sư lấy làm lạ, hỏi. Ai nấy đem lời thần tâu lại. Nguyên bấy giờ vua Trần Nhân Tông đã nhường ngôi cho con, tự xưng là Điều Ngự đại sĩ, xuất gia tu ở chùa Yên Tử, bên mình mang một cái lọ, một cái bát, thường đi lại trong các xóm làng, nhiều khi cũng chả ai biết nữa. Tối hôm ấy, dừng bước ở làng An Nhân, nghe câu chuyện thần nhân báo trước, ngài lấy làm thích, bèn ngủ trọ ở đấy một đêm. Ngài giảng bảo thần nhân về lẽ nhân quả, khuyên nên thể theo đức hiếu sinh của Giới, đừng nên làm tai vạ cho những người qua lại. Sớm hôm sau, ngài dậy sớm, trở về kinh sư. Đến tối, bỗng một cơn mưa to gió lớn nổi lên, rồi thần tọa quay mặt về đông. Từ đấy những người đi qua đường, không còn bị tai nạn gì nữa. Lịch triều phong tặng là Thượng đẳng thần. Lũy cũ ở Trường Tân, đến nay vẫn còn.

SÔNG DÙNG

Tùng Niên

Sông Dùng ở huyện Nam Đường (nay là Nam Đàn) là con sông lớn ở Hoan Châu. Nguồn phát ra từ Trầm Châu, đi qua Đại Đồng, Đồng Luân, lướt bên trại Sà Man, bến Phù Thạch mà chảy ra bể. Sông xô dữ dội, chỗ nào cũng có vực sâu, nhất là về khoảng những làng Đại Đồng, Đồng Luân, càng nhiều lắm. Bên cạnh những cái vực ấy, có những làng xóm ở đông đúc. Người ta thường thấy có mấy người đàn bà con gái đến chợ mua bán vận mặc nói năng ra lối thị thành. Có người dò theo, thấy bọn người ấy đi gần đến bến sông thì mất. Một hôm, có một người giai dân, xuống bến Đồng Luân rửa tay, rồi đứng hóng mát ở trong khoảng lau sậy, thấy trên bãi cát có hai người cưỡi ngựa chạy quanh ba vòng rồi cùng sóng cường mà đi xuống nước cả. Người ấy nín thở, đứng lặng xem ra thế nào. Một lúc, thấy mấy tòa lâu đài nổi lên ở giữa dòng sông, nhỏ như quyển sách, chỉ trong chớp mắt đã cao lên đồ sộ, kẻ đi người lại rộn rịp khá đông. Lúc lâu, người ấy ngựa cố không thể nhìn được, đành háng lên một tiếng. Lập tức những tòa lâu đài ấy đều chìm ngấm cả. Rồi có hai con cá lớn bị cụt đầu nổi ở bên sông, nước sông đỏ khé.

Đình quân, người làng Đại Đồng, quan làm đến tri phủ. Một lần qua chơi bến Rái Cá ở Hải Dương, Đình quân thấy một bà già bán hàng, tuổi chừng 63, 64, hỏi mình rằng:

- Ông có phải là người làng Đại Đồng không? Sao tiếng nói giống thế!

Đình quân nói:

- Làng ấy cách đây nghìn dặm, làm sao bà lại biết.

Bà già cười:

- Đại Đồng là nơi tôi vẫn chơi khi xưa, có ông không biết đấy thôi.

Hỏi kỹ thì bà nói:

- Tôi người ở đây, thuở nhỏ ra tắm sông, bị thần sông là Giang Đông hầu bắt lấy. Ở sông này được ba năm thì hầu cải bổ vào làm việc ở trấn Đồng Luân, coi vực Đại Đồng. Ngoài những lúc hầu hạ chăn màn, tôi thường lên chợ chơi, tiêu dao ở đấy đã nhiều ngày tháng lắm. À, cha con Thiếu Vệ, cha con Lý Chánh, nay vẫn còn cả chứ? Đó đều là những người hào trưởng trong làng. Thiếu Vệ có người con gái chết đuối đấy phải không?

- Phải.

- Thì chính hầu tôi kén làm vợ đấy. Long cung hay lấy vợ trên trần, thường sai lính tráng đi bắt; cũng một đôi khi các ngài đi bắt lấy nhưng mà rất ít. Ở trấn được năm năm, một lần có cánh bè từ mạn ngược xuống, chở kèm thêm bốn cây gỗ chò. Hầu bưng thích những cây gỗ ấy, tung nước lên cho bè đắm. Mấy tên thủy thủ chết oan. Họ kiện đến quan trấn, quan trấn xử hầu phải đuối về chỗ cũ. Về đến đây, hầu thả tôi lên. Tôi theo sóng chìm nổi bồng bềnh, bàng hoàng như trong giấc mộng. Người nhà vớt tôi, mấy ngày tôi mới tỉnh lại. Làng mây cung nước, đến nay trước mắt còn như thấy rành rành.

Câu chuyện bà già kể rất rành mạch. Đình quân đem chép vào trong quyển gia thư.

Đầm Đông Liệt ở huyện ấy (Nam Đàn), cách sông khá xa, thuyền bè không đi thông vào được. Tục truyền có con thuồng luồng ngấn, vượt linh thiêng lắm.

Một người lái buôn nước mắm ở huyện Hưng Nguyên, bữa kia từ Hoan Châu ra kinh, đỗ thuyền ở bến sông Nhị. Bấy giờ đương mùa hạ, nước to, người lái bán hàng xong, nhưng chưa giông buồm về được. Một hôm, người ấy thấy có ba, bốn người công sai, đem rượu thịt đến cùng mình đánh chén. Tiệc rượu gần vãn, họ lấy ra một phong thư, ghé tai bảo người lái buôn rằng:

- Tôi là quân hầu của thần thường luồng đầm Đông Liệt. Thần đi đánh núi Tản Viên, dọc đường bỏ mình, nhờ bác đưa giúp thư này đến vực Đồng Luân hộ.

Người lái vâng nhời, nhổ thuyền xuôi nam. Thuyền đi như tên, chốc lát qua nghìn dặm, tối hôm ấy đã đến Đồng Luân. Đến đấy, người lái gõ thuyền gọi, thấy dưới nước có tiếng thưa, rồi nhận lấy thư, dặn người lái hãy chờ đấy. Lúc lâu, nghe văng vẳng thấy tiếng khóc lóc. Đêm khuya, có hai người lính đội lên một hộp trầu, trong đó đựng 20 lạng vàng đưa để tạ ơn. Người lái từ chối:

- Xin cứ phù hộ cho sông nước vững vàng, đã là ban ơn rất nhiều rồi; tôi đâu dám nhận số vàng ấy.

Người lái chỉ xin nhận cái hộp mà trả lại vàng. Từ đấy, đi xuôi ngược giang hồ, một đời không gặp sự rủi ro gì cả.

NÚI ĐÔNG LIỆT

Núi Đông Liệt đứng trên bờ đầm, trên đỉnh có một chỗ trũng, tương truyền là vết cũ sao sa, rộng đến hơn một mẫu, nước có khi đầy có khi cạn. Trong núi có bàn cờ đá, cạnh bàn có một lối bàn chân, to hơn chân người thường. Có một người con gái giẫm chân vào đấy, bụng thấy cảm động rồi có mang, sinh ra một đứa con gái. Đứa con ấy lọt lòng ra đã biết nói, biết quá khứ và vị lai. Tiếng đồn đến triều đình, được vời vào kinh, hỏi việc quỷ thần. Hỏi đâu trả lời ngay đấy. Vì thấy là của quái dị, triều đình lại cho về. Được ba tuổi thì đứa bé chết. Người ta cho là tiên, lập miếu phụng thờ. Nay miếu hãy còn ở dưới núi.

NÚI RẾT

Núi ở giữa khoảng hai châu Hoan (Nghệ An), Ái (Thanh Hóa) có cái miếu thờ làm ngay ở cửa hang. Hằng năm phải lấy người làm vật cúng tế, người làng cắt lượt nhau mà chịu. Họ thường đem vàng bạc đi mua chuộc những người lang thang bốn phương đem về làm vật tế thân. Có một anh nghèo kiệt kia, đến lượt phải làm vật tế thân, không biết làm thế nào. Tới kỳ, anh tắm gội sạch sẽ để đi làm vật hy sinh, nhưng trong mình giấu sẵn một con dao sắc. Canh tư, anh ta hăng hái ra đi. Làng tế xong, khóa trái cửa lại rồi về. Anh ta cầm con dao, đứng ở cửa hang chực sẵn. Chừng độ một trống canh, thấy có mùi tanh nồng nặc. Rồi một con rết cực lớn, từ trong hang bò ra. Anh ta giơ dao đâm ngay, chỉ chốc lát thì con rết chết. Từ đấy, không còn cái quái ấy nữa. Núi này nay thành một nơi danh thắng, như là núi Phục Dục.

NỘI ĐẠO TRÀNG

Tùng Niên

Lê triều khi mới Trung hưng, việc binh đao vừa yên, tà yêu quỷ quái nổi lên nhiều, dân gian rất khổ sở. Tại làng An Đông, huyện Quảng Xương, có người tên là Trần Lộc, vốn làm nghề phù thủy. Một hôm đi qua núi Na, nhân đương ngày hè nắng dữ, Trần Lộc ngồi nghỉ ở dưới núi, bỗng ở trên đỉnh núi, giữa khoảng rừng cây rậm rạp, có một ông già đầu bạc phơ, đương đứng ngó xuống mà vẫy. Trần Lộc xắn áo đi lên, giữa trưa thì lên đến đỉnh núi, phục xuống làm lễ bái yết. Ông già vỗ về rằng:

- Nhà ngươi là người thành thực, đôn hậu, Thượng đế khen ngợi, sai ta trao cho những bí quyết.

Bèn ghé vào tai mà bảo cho và nói:

- Đó là những phép Phật thượng không. Nhà ngươi nên siêng năng làm việc tế độ, tòa sen sẽ chẳng xa gì.

Nói xong thì không thấy đâu cả. Trần Lộc trông lên trên không mà bái tạ. Rồi đem những phép ấy ra thử dùng thì đều linh nghiệm. Từ đấy nổi tiếng về nghề phù lục⁽⁶⁸⁾. Người ta gọi Trần là Phật Tổ Như Lai, hai con là Tả Hữu Tôn Thánh, người đồ đệ giỏi nhất là Tiền Quan Tôn Thánh, còn những người khác là Bồ Tát, Kim Cương, Minh Sư, Thượng, Trung, Hạ Thặng v.v... Nghe núi Mỏ Điều có một con yêu, thường làm tai nạn cho những khách qua đường, bèn đến để trị. Con yêu vẫn mặc lối cung trang, giữ trên đầu núi, cùng Tổ sư chống cự ba ngày không phân thua được. Tổ sư tức lắm, phóng một cái quyết lật đổ núi. Yêu hóa làm con quạ bay vút lên giới. Tổ sư lại phóng mấy cái quyết trúng vào mình nó, nó phải sa xuống đất mà chết.

Mười hai cửa bể ở miền tây nam, mỗi cửa đều có một thần sóng, thường làm cho nước bốc cao lên như núi, chốc lát lại tan đi. Thuyền bè gặp phải, không tài nào sống sót được. Tổ sư sai đồ đệ đi bắt, trừ được chín, còn sót lại ba. Xảy có việc phải đi coi nom ở Sùng Sơn nên không trừ nốt được.

Bấy giờ vua Thần Tông mắc một bệnh lạ. Có người bảo là cái nhân quả tái thế của vua Lý Thần Tông (xem *Lĩnh Nam chích quái*). Trong triều ngoài dã đều lo ngại. Đại nguyên súy Thanh Vương tính kế, xin vua nhường ngôi cho Thái tử, xưng Thái thượng hoàng, ở cung riêng để dưỡng bệnh. Trái dùng bùa, thuốc trong mấy năm, không chút hiệu nghiệm gì cả. Nghe tiếng Tổ sư, triều đình sai trung sứ đến vời. Tổ sư nghĩ vì cái yêu khí ở vùng tây nam mới yên, chưa dám rời mà đi vội, cử đồ đệ là Pháp bộ Kim cương đi thay; đấm vào ngực mà niệm chú. Hơn một tháng, Thượng hoàng khỏi bệnh, trở lại ngôi rồng, truyền xuống dựng đền thờ Nội đạo để tinh biểu⁽⁶⁹⁾. Kim cương trở về; đường qua làng Bồ Vệ. Giữa khi người làng đương làm lễ tế thần, Kim cương đứng đái ở trước đình, bị mấy người trẻ tuổi trong làng tức giận trối lại. Kim cương nói mãi mới được tha ra, bèn bắt một cái quyết trối, rồi đi. Lập tức già trẻ trong đình, ai nấy hai tay đập vào nhau mà ngồi dựa cột, chỗ năm người, chỗ ba người, muốn giăng ra cũng không được. Cả làng đều kinh ngạc. Có người nói vừa nãy có một vị thuật sĩ vô lễ, người làng trối rồi tha ra, hay là hấn phản chẳng? Cho người đi tìm thì chẳng thấy đâu cả. Việc đến tai triều đình, vua nói:

- Đó là Pháp bộ Kim cương đấy.

Hỏi đến Tổ sư. Tổ sư sợ, trách mắng Kim Cương, rồi bao nhiêu bài quyết đã trao cho, đều thu lại hết, chỉ còn những bài quyết thỉnh Phật và trừ tà là còn để lưu hành ở đời. Ở vùng Giang Bắc, có một phái gọi là Nội đạo tràng, lấy trượng trị bệnh. Đó không phải là phái này.

BÀ VỢ THỨ ÔNG NGUYỄN KIỀU

Bà vợ thứ ông Hạo Hiên Nguyễn Kiều là Đoàn Thị Điểm, người đất Giang Bắc, nguyên là em gái ông tỉnh nguyên(70) Đoàn Luân. Bà nổi tiếng là người văn học cùng anh vui trong thú nghiên bút. Nghiễm nhiên, có cái thế là hai nước địch.

Một buổi tối, bà ngồi trước đài trang tô điểm, ông Đoàn thì rửa tay ở trên cầu ao. Ông Đoàn khẩu chiến rằng:

照鏡畫眉，一點翻成兩點

Chiếu kính họa mi, nhất điểm phiên thành lưỡng điểm(71)

Bà liền đối ngay:

臨池玩月，隻輪轉作雙輪

Lâm trì ngoạn nguyệt, chích luân chuyển tác song luân.(72)

Ông Đặng Trần Côn mến tiếng, đưa bài thơ đến để xin được vào thăm. Bà cười mà rằng:

- Cậu học trò mới học ấy, bỏ gì nói chuyện.

Ông Đặng tức giận trở về, cố chí mài giũa học hành. Sau trở nên một bậc danh sĩ.

Bà kén chồng khe khắt lắm, bao nhiêu người muốn lấy, bà đều không vừa ý. Đến khi đã quá tuổi cập kê, mới lấy ông Hạo Hiên. Trong chốn khuê môn, vợ chồng kính trọng nhau như khách, đương thời lấy làm một chuyện đẹp.

Ông Hạo Hiên mất, những học trò theo học ông lại theo học bà, thành danh được mấy chục người.

Và có làm ra tập *Tục truyện kỳ*, trong có ba truyện *Hải khẩu linh từ*, *Vân Cát thần nữ*, *An Ấp liệt nữ*, còn lưu hành ở đời.

Người cháu là Mỗ, con gái ông tỉnh nguyên, bà vốn yêu dấu. Người cháu ấy lấy ông Nguyễn Xuân Huy, đốc trấn Sơn Nam. Khi ông Xuân Huy cùng người con giai chết, có câu đối rằng:

泉下承歡，應知君有子

Tuyền hạ thừa hoan, ưng tri quân hữu tử,

夢中對話，誰謂妾無夫

Mộng trung đối thoại, thùy vị thiếp vô phu.

Nghĩa là:

Dưới suối hầu vui, tỏ biết chàng có con.

Trong mộng chuyện trò, ai bảo thiếp không chồng.

Năm bà 78 tuổi, vẫn còn đi lại ở kinh kỳ, mở trường dạy học.

PHẦN II. TANG THƯƠNG NGÃU LỤC - QUYỂN HẠ

ÔNG CHU VĂN TRINH

Kính Phủ

Ông Chu Văn Trinh đời nhà Trần, húy là Văn An, tự là Linh Triệt, hiệu là Tiều Ẩn tiên sinh, người làng Quang Liệt, huyện Thanh Trì, đỗ tiến sĩ, làm quan đến chức Tư nghiệp ở Quốc tử giám.

Đời vua Dụ Tông, dâng bài sớ xin chém bảy người, treo mũ từ quan, về ẩn ở núi huyện Chí Linh, dạy học trò. Sĩ phu đều kính ngưỡng như núi Thái Sơn, sao Bắc Đẩu. Quan tư đồ Chương Túc hầu Trần Nguyên Đán có tặng bài thơ rằng:

黼冕桓圭心已灰

Phủ miện hoàn khuê tâm dĩ hôi,

風霜安敢困寒梅

Phong sương an cảm khốn hàn mai.

白雲萬疊山扉掩

Bạch vân vạn điệp sơn phi yếm,

紫陌多岐我馬墮

Tử mạch đa kỳ ngã mã đôi.

蕙帳勿驚孤鶴怨

Huệ trướng vật kinh cô hạc oán,

蒲輪好為下民迴

Bồ luân hảo vị hạ dân hồi.

熙朝社稷天方祚

Hy triều xã tắc thiên phương tộ,

肯使先生老碧隈

Khẳng sử tiên sinh lão bích ôi.

Nghĩa là: Cái lòng mũ đai trâm hốt (tức là lòng công danh) của tiên sinh đã nguội lạnh rồi, thân như một cây mai lạnh, không gió sương nào làm khốn được. Mây trắng muôn đợt cài cánh cửa núi, chỗ tiên sinh ở ẩn; đường trần lấm lối làm cho ngựa tiên sinh chồn mồi mà không muốn đi. Nằm trong màn huệ, đừng giật mình vì tiếng một con hạc lẻ bay kêu (đó là nói cái cảnh thanh cao của sự ẩn dật), nhưng xe bồ êm ái, tưởng cũng nên vì bọn hạ dân trông cậy vào mình mà quay trở lại. Xã tắc của hoàng triều đương được nhà Trời vừa giúp, lẽ đâu lại để cho tiên sinh già đời ở chốn non xanh.

Ấy, ông được đời kính trọng như vậy.

Đời truyền là khi ông dạy học ở thôn Cung Hoàng, trong bọn học trò có hai người thiếu niên, dung mạo kỳ vĩ, không bao giờ ngồi cùng chiếu với các học trò khác. Có người trông thấy họ đi từ nước lên; ông biết họ là thủy thần. Gặp năm nắng to, ông sai đi làm mưa. Hai người từ chối:

- Thượng đế phong khóa cả sông hồ, không có giọt nào mà làm được.

Ông bảo lấy nước ở cái ao rửa nghiên. Hai người nói:

- Lời thầy dạy không dám trái, nhưng trái ý Thượng đế, sẽ đều phải nghiêm phạt cả.

Hai thiếu niên đi thì một lúc, mưa xuống như trút. Bỗng chốc thấy có hai thân thường luồng cụt đầu rơi xuống. Ông thu nhặt lại rồi đem chôn. Nay má ở ngoài lũy làng, tục gọi má thường luồng.

Sau khi ông mất, người làng nhân chỗ nền cũ nhà học dựng nên đền thờ, lấy những bậc thân sĩ trong làng phối hưởng.

Trong năm Cảnh Hưng, ông Bùi Huy Bích chấp chính, dò hỏi dòng dõi, còn được mười sáu người, thấy đã đổi sang họ Nguyễn và đều ngu độn không biết gì, đều ở vào hạng cùng dân cả. Ông bắt trở lại họ cũ, và chọn một đứa trẻ dạy cho học, muốn sẽ tiến dẫn lên triều đình, bàn việc phong ấn, như người Tàu đối với dòng dõi Tống Nho là ông Trình, ông Chu. Nhưng chợt gặp biến nên việc ấy lại không làm được.

ÔNG LÊ TRÃI

Ông Lê Trãi thuở tiên triều, hiệu là Ước Trai tiên sinh, nguyên họ Nguyễn. Cha ông là Phi Khanh làm chức Tụ khanh, người huyện Phượng Nhãn, thích về phong thủy, nhân dời mà tổ đến táng ở làng Nhị Khê, huyện Thượng Phúc, rồi làm nhà ở làng ấy.

Ông đỗ tiến sĩ đời nhà Hồ, làm quan đến chức Ngự sử đài Chánh chương. Nhà Hồ mất, ông theo ông Tụ khanh tránh loạn ở Côn Sơn, có câu thơ: 夜依半斗望中原 *Đạ y Ngưu Đẩu vọng trung nguyên* (Đêm lần theo sao Ngưu, sao Đẩu trông về đất nước). Tấm lòng thương thời mẫn thế, thường lộ ra ở những câu thơ vịnh.

Bấy giờ, người làng Hoắc Sa ở Sơn Tây là Trần Nguyên Hãn làm nghề bán dầu, buổi tối qua làng Thụy Hương, vào ngủ ở đền Hy Khang đại vương Lý Ông Trọng. Đêm hôm ấy, nghe thấy vị thần ở làng bên cạnh đến rủ vương cùng lên châu đức Thượng đế. Vương từ chối là nhà có vị quốc công ngủ trọ. Gà gáy, vị thần ấy đi chầu về. Vương hỏi hôm nay thiên đình bàn những việc gì, thần nói:

- Thượng đế nghĩ nước Nam vô chủ, nên có sai Lê Lợi làm vua, Lê Trãi làm tôi.

Trần tỉnh dậy, bèn đi dò tìm được ông, rồi bảo cho biết. Lê Trãi đến hỏi lại thì chiêm bao thấy vương bảo rằng:

- Việc bí mật ở Thiên đình, không dám tiết lộ. Chị Tiên Dung biết rõ cả đấy. Vả lời người đàn bà nói thì Thượng đế ngài không quở trách. Nên đem một mâm vàng sét đến lễ, chị ấy sẽ kể cho mà nghe.

Ông theo nhờ, đến cầu bà chúa Tiên Dung, chiêm bao thấy bà gọi mà bảo:

- Lê Trãi! Lê Lợi làm vua, Lê Trãi làm tôi, nhà ngươi còn chưa biết ư?

Hỏi kỹ thì nói Lê Lợi người ở Lam Sơn, đất Thanh Hóa.

Ông bèn cùng ông Trần đến tìm, thấy Thái Tổ đương mặc áo nâu ngắn, vác bừa từ ngoài ruộng về. Vào ở mấy hôm, nhân khi gặp ngày tiên húy(73), nhà Thái Tổ giết lợn làm cỗ. Ông xuống bếp đun nấu. Thấy Thái Tổ cầm dao cắt thịt, vừa cắt vừa ăn; bèn bảo riêng với ông Trần rằng:

- Bà Tiên Dung nói dối ta đây.

Bèn đến đền để đòi vàng lại. Đêm ấy, bà Tiên Dung lại bảo:

- Lê Lợi làm vua, đã có mệnh lệnh nhất định rồi; chỉ có rằng thiên tinh chưa giáng đày thôi, sao không lại đến mà chờ đợi.

Bấy giờ Thái Tổ đã được quyển binh thư và thanh kiếm thần, đêm nằm đóng cửa mà đọc sách. Ông nhòm trộm, rồi cùng Trần đẩy cửa bước vào. Thái Tổ tuốt gươm xông ra, hai người đều phục xuống nói: "Chúng tôi đường xa lặn lội tìm đến, chỉ vì minh công là người có thể làm chủ thiên hạ được đấy thôi". Thái Tổ cười mà lưu lại, mưu việc khởi binh. Ông bảo chưa nên phát động vội. Bèn làm nhà dạy học. Ông chế ra những cái trống con, lại nấu mật đặc, nặn ra những hình con gà con chó, cho lũ trẻ nhỏ làm đồ chơi. Trẻ khác thấy thế, đua nhau nói với cha đến xin theo học. Lại thường lấy mỡ viết khắp lên những lá cây trong rừng rằng: 黎利爲君黎庶爲臣 *Lê Lợi vi quân, Lê Trãi vi thần* (Lê Lợi làm vua, Lê Trãi làm tôi).

Sâu kiến ăn mỡ, đục thành nét chữ. Những người đi kiếm củi thấy thế, cho làm sự thiêng liêng. Người nọ bảo với người kia, nhân thế, kẻ theo về mỗi ngày một nhiều.

Năm Mậu Tuất (1418) dấy quân, trước sau đánh hơn hai mươi trận. Ông thường tham dự vào quân trưởng bàn tính mưu lược. Năm Bính Ngọ (1426), đánh ở Tốt Động, quân ta đại thắng, tiến đến áp bức thành Đông Đô(74). Thành Sơn hầu nhà Minh là Vương Thông đóng

thành cố giữ.

Năm Đinh Mùi (1427) vua Minh sai An Viễn hầu Liễu Thăng, Kiềm quốc công Mộc Thạnh chia đường đều tiến, sang cứu Đông Đô. Vua đánh nhau với giặc ở núi Mã Yên, chém chết Liễu Thăng, bắt sống bọn Thôi Tu, Hoàng Phúc, hơn ba trăm người. Mộc Thạnh đương đêm phải chạy trốn, Vương Thông thì mở cửa thành ra hàng. Vua tha cho được trở về bắc. Từ đấy, hai nước thông hiếu, bao nhiêu giấy tờ đều do ông soạn cả. Khoảng năm Thiệu Bình, ông làm bài biểu tạ việc thăng quan, có những câu:

Viên môn trượng sách, lâm đại tiết nhi bán sinh trung nghĩa tự tri; hổ khẩu điền thân, quyết hòa nghị nhi lưỡng quốc can qua dĩ tức.

Nghĩa là: Cửa quân hiến kế, đứng trước tiết lớn mà nửa đời trung nghĩa tỏ hay; miệng cọp dẫn mình, quyết việc hòa nghị mà hai nước can qua yên ổn.

Đó là những lời đúng sự thực cả. Vì công lao được ban quốc tính, trao cho chức Vĩnh Lộc đại phu, Nhập nội hành khiển, Tri tam quán sự.

Ông Trần Nguyên Hãn sau tước đến Quốc công, khi mất được phong phúc thần. Nay có đền ở làng Hoắc Sa.

Văn chương của Lê Trãi có khí lực dồi dào. Khoảng năm Thuận Thiên, làm những bài văn như *Bình Ngô đại cáo*, *Bia Thần Đạo ở Vĩnh Lăng* tại Lam Kinh; đều có chép ở sách *Thực lục*, không cần phải thuật ra đây cho thừa nữa. Khoảng năm Thiệu Bình, nhà vua tặng bà Chiêu Nghi làm Hoàng thái phi⁽⁷⁵⁾, ông phụng mệnh thảo bài chế rằng:

朕惟

Trẫm duy

克敬惟親

Khắc kính duy thân,

遯追來孝

Duật truy lai hiếu.

撫高帝艱難之業

Phủ Cao đế gian nan chi nghiệp.

惟中閨翊亮之勤

Duy trung khuê dực lượng chi cần.

載敷大號於朝廷

Tái dương đại hiệu ư triều đình,

用妥淑靈於幽寂

Dụng thỏa thực linh ư u tịch.

具位某

Cụ vị mỗ,

秉持懿德

Bỉnh trì ý đức,

經事先朝

Kinh sự tiên triều.

遭板蕩之乾坤

Tao bản dăng chi càn khôn,

共櫛沐其風雨

Cộng trất mộc kỳ phong vũ.

奉承箕箒，無忘洒掃之心

Phụng thừa cơ trửu, vô vong sái tảo chi tâm,

紉補衣裳，期盡彌縫之益

Nhận bổ y thường, kỳ tận di phùng chi ích.

一心在御

Nhất tâm tại ngự,

十載靡虧

Thập tải mỹ khuy.

芒碭雲氣，睢水風沙，允備嘗於險阻

Mang Đường vân khí, Tuy Thủy phong sa, doãn bị thường ư hiểm trở,

攄沲麥飯，萁亭豆粥，常相助其渴饑

Hô Đà mạch phạn, Lâu Đình đậu chúc, thường tương trợ kỳ khát cơ.

致鰲極之奠安

Trí ngao cực chi điện an,

多鷄鳴之儆戒

Đa kê minh chi cảnh giới.

方母后不幸而升逝

Phương mẫu hậu bất hạnh nhi thăng thệ,

獨朕身有賴其扶持

Độc trẫm thân hữu lại kỳ phù trì.

深懷顧復之恩

Thâm hoài cố phục chi ân,

敢後追崇之典

Cảm hậu truy sùng chi điển.

粵考成周之遺制

Việt khảo Thành Chu chi di chế,

宜加太妃之新封

Nghi gia Thái phi chi tân phong.

于以彰保佑之功

Vu dĩ chương bảo hộ chi công,

于以盡哀榮之禮

Vu dĩ tận ai vinh chi lễ.

於戲

Ô hô!

諱翟命服, 流輝無間其存亡

Húy địch mệnh phục, lưu huy vô gián kỳ tồn vong,

馬臘漏泉, 賁飭有光於溟漠

Mã Lạp lậu toàn, bí sức hữu quang ư minh mạc.

Nghĩa là:

Trẫm nghĩ: Đối với đứng thân, trước nên hiếu kính. Giữ cái cơ nghiệp trải mấy gian nan mới dựng nên được của đức Cao hoàng đế, tất nhớ công siêng năng giúp đỡ của đức bà trong chốn khuê môn. Vậy phải tôn xưng hiệu lớn ở triều đình, để thỏa hồn linh thiêng ở nơi u tịch. Đức bà Mỗ, cầm giữ đức tốt, trải thờ tiên triều, gặp buổi trời đất chông chênh, từng cùng đức vua tắm gội mưa gió. Nâng khăn sửa túi, vá áo khâu xiêm, một lòng không sai, mười năm chẳng thiếu. Đức Cao hoàng từng trải những bước hiểm nghèo như vua Hán Cao, nào mây ráng ở Mang Đườn(76), nào gió cát ở Tuy Thủy(77); lại từng trải những khi đói khát như vua Quang Võ, nào cơm chiêm ở Hồ Đà(78), nào cháo đậu ở Lâu Đình, đều có đức bà chia sẻ và giúp đỡ cả. Rồi đến ngôi lớn được đặt vững, phần nhiều nhờ công bà săn sóc sớm hôm. Đương khi đức mẫu hậu không may về giới, chính trẫm được nhờ đức bà dìu dắt. Nhớ đến ơn ôm ấp, dám nhãng việc truy sùng(79). Vậy xét theo phép của nhà Thành Chu, tôn phong bà làm bực Thái phi, để tỏ công phù trì, để hợp lễ thương kính. Chao ôi, áo xiêm dăng tiến vinh quang chẳng cứ khi mất còn; nắm đất vun bồi, rục rờ đến tận cõi minh mạc”(80).

Khi tặng bà Chiêu Nghi làm Trinh Ý nguyên phi, ông phụng soạn bài chế rằng:

朕惟

Trẫm duy,

聖人制禮, 道莫大於親親

Thánh nhân chế lễ, đạo mạc đại ư thân thân,

朝廷推恩, 義尤敦於貴貴

Triều đình suy ân, nghĩa vưu đôn ư quý quý.

載頒制綽

Tái ban chế phát,

用賁幽扁

Dụng bỉ u quynh.

具位某

Cụ vị mỗ,

淑慎柔嘉

Thục thận nhu gia,

端貞靜一

Đoan trinh tĩnh nhất.

當乾坤草昧之際

Đương càn khôn thảo muội chi tế,

形宮壺勤儉之風

Hình cung khốn cần kiệm chi phong.

靈山之糗糞艱難，尤資主饋

Linh Sơn chi khứu phần gian nan, ưu tư chủ quỹ,

凜露之衣裳檻褸，正賴彌縫

Lẫm Lộ chi y thường lam lũ, chính lại di phùng.

每念佐輔先朝之功

Mỗi niệm tá phụ Tiên triều chi công,

豈忘保佑冲人之德

Khởi vong bảo hộ xung nhân chi đức.

時方大定

Thời phương đại định,

人已云亡

Nhân dĩ vân vong.

欲伸至孝之情

Dục thân chí hiếu chi tình,

敢後追崇之典

Cảm hậu truy sùng chi điển.

是用擢真三妃之列

Thị dụng trạc chân tam phi chi liệt,

以昭異數之榮

Dĩ chiêu dị số chi vinh.

於戲

Ô hô!

生養雖殊，恩有同於罔極

Sinh dưỡng tuy thù, ân hữu đồng ư vô cực,

死生無間，默佑於永終

Tử sinh vô gián, kỳ mặc hộ ư vĩnh chung.

Nghĩa là:

Trẫm nghĩ: Thánh nhân đặt lễ, đạo không gì trọng hơn thân mến người thân. Triều đình ra ân, nghĩa chẳng gì hậu hơn quý trọng bậc quý. Vậy ban chế sách để làm sáng rọi cõi tối mờ. Đức bà Mô, người vốn đứng đắn, dịu dàng, đoan trang, tinh nhất. Đương khi trời đất còn mờ tối, đã tỏ ra phong cách cần kiệm của chốn cung vi. Khi ở núi Linh Sơn, lương thực gieo neo, từng nhờ lo chạy. Buổi ở trại Lẫm Lộ, áo xiêm rách rưới, vẫn cậy khâu may. Những nhớ đến công giúp rập tiên triều, lại không quên đức bù trừ tiểu tử. Buổi vừa bình đình, người đã qua đời. Tình chí hiếu muốn tỏ ra, lễ truy sùng phải nhớ đến. Vậy tôn bà lên hàng ba vị hậu phi để tỏ sự vinh quý đặc biệt. Chao ôi, sinh nuôi dấu khác, ân khôn cùng chính cũng như nhau, vậy dù lúc sống hay lúc thác, xin cũng che chở hộ trì cho mãi mãi.

Đó đều là những bài văn đọc rất khoái trá miệng người cả.

Có lần, bị lỗi phải hạ ngục, nhưng ông lại được tha ra ngay. Lần thăng lên đến Tả gián nghị đại phu, kiêm Hàn lâm thừa chỉ học sĩ, tước Tế Văn hầu. Tính điềm đạm có chí ẩn dật, thơ tặng bạn có hai câu rằng:

身外浮名烟閣迴

Thân ngoại phù danh yên các quýnh,

夢中花鳥故山知

Mộng trung hoa điểu cố sơn tri.

Nghĩa là: Góc khói cao thăm để ghi công, đó chỉ là cái phù danh ở bên ngoài, thực mình vẫn mộng tưởng về chốn núi xưa thấy những hoa nở chim kêu, có núi xưa biết đấy.

Ông có cái biệt thự ở Kinh Bắc gọi là Tiêu Viên (tức Lệ Chi viên). Cuối năm Thiệu Bình, ông lên đọ mệnh Bắc triều tại cửa Nam Quan. Bấy giờ Thái Tông hoàng đế đi Bắc tuần, ngự giá đến chơi Tiêu Viên, rồi đêm hôm ấy mất. Người ta bảo vợ ông là nàng Nguyễn Thị Lộ đã làm sự thí nghịch, ông vì thế mắc nạn, cả một nhà không kỳ nhón bé đều bị giết.

Khi xưa, trận đánh quân Minh ở núi Mã Yên, quân ta bắt được Thượng thư nhà Minh là Hoàng Phúc. Hoàng giỏi xem phong thủy, khi ở nước ta đi xem khắp các kiểu đất và có biên ghi cả.

Đến nay Hoàng bị bắt, vì là một kẻ tù binh, nên ông Nguyễn(81) không cần kính trọng. Hoàng cười bảo rằng:

- Mả tổ nhà tôi có Xá Văn tinh, nên dù có nạn cũng chỉ trong trăm ngày mà thôi; không như mả nhà ông có vạ tru diệt.

Ông không tin. Sau Hoàng được tha về, mà ông thì vì vợ mà phải tội. Người ta cho là ứng nghiệm.

Nay xét mả tổ nhà ông ở Nhị Khê, huyết táng ở ruộng bằng phẳng, người thì cho là cách tướng quân mở cờ, người thì cho là hình tướng quân cụt đầu. Về phương Mùi, có cái gò Rùa, đuôi nó phả lại. Trong bản *Kiểm ký* của Hoàng Phúc nói rằng: “Nhị Khê mạch đoán, họa thâm tru di” chính là trở vào đấy vậy.

Đời truyền khi chưa hiển đạt, ông ở làng Nhị Khê dạy học trò, một hôm trở cái gò ngoài đồng bảo học trò rằng:

- Ngày mai các anh dọn cái gò ấy để thầy làm cái nhà học nhé!

Bọn học trò vâng nhời. Táng sáng hôm sau, ông nằm chiêm bao thấy một người đàn bà đến nói:

- Tôi mình yếu mà con còn nhỏ, xin hãy khoan cho ba ngày để tôi được dời đi nơi khác.

Tỉnh dậy, ông ra đồng xem, thấy học trò đã dọn cái gò xong rồi. Họ bắt được hai quả trứng, hỏi duyên có thì họ nói:

- Vừa rồi thấy một con rắn, chúng con đánh nó cụt đuôi.

Ông cầm hai quả trứng đem về giữ gìn. Đêm hôm ấy, giong đèn đọc sách, thấy một con rắn trắng leo trên câu đầu, nhỏ giọt máu xuống đúng vào chữ *đại* 代 là đời ở trên trang sách. Vết máu thấm xuống ba tờ giấy. Ông nghĩ ra mà rằng:

- Nó sẽ báo oán ta đến ba đời sau.

Trứng rắn nở ra được hai con, một dài, một ngắn. Ông sai đem thả xuống sông Tô Lịch ở làng bên; nay những rắn ấy làm thần sông.

Khi ông hiển đạt, thường mỗi ngày ở triều đình về, qua phố Hàng Chiếu, ông gặp một người

con gái nhan sắc rất đẹp. Hai bên dùng thơ đùa cợt, rồi ông yêu mến, lấy về làm thiếp. Trong năm Thiệu Bình, người ấy thường đi lại vào trong cung cấm. Vua Thái Tông cho làm chức nữ học sĩ. Đến khi vua thăng hà, triều đình đem nàng ra tra hỏi. Nàng nói là do ông xui. Vì thế nên ông phải tội. Khi lâm hình, người con gái ấy hóa làm con rắn mà bò xuống nước mất.

Ông có một người thiếp chạy trốn xuống vùng Sơn Nam, ở ẩn nhà người, rồi sinh ra được một người con trai là Anh Võ. Sau lâu, nhà chủ mới biết người đàn bà ấy là vợ lẽ của ông. Khoảng năm Quang Thuận vua Thánh Tông lên nối ngôi, thương ông là oan, xuống chiếu tầy tuyết, truy tặng là Thái sư Tuệ quốc công. Dò hỏi dòng sau, mới tìm được công tử đem về. Nhớ lên, Anh Võ trải làm quan ở đài ở sảnh, rồi phụng mệnh đi sứ Tàu. Khi qua hồ Động Đình, thấy trên mặt nước xuất hiện một con rắn, rồi sóng gió nổi lên dữ dội. Ông khẩn xin cho đi xong việc nước, sóng gió mới im. Sau khi đi chầu vua Tàu về, đến hồ Động Đình, thuyền bị úp sập mà chết đuối. Ông được truy tặng đến Thái sư Sùng quốc công.

Trong năm Cảnh Hưng, làm sổ dân chính, triều đình bàn muốn rút bớt ân trách đối với những công thần khai quốc. Khi xem đến đạo sắc của ông, quan Thị lang bộ Hộ là Bảng nhãn Lê Quý Đôn xé đi mà nói:

- Kẻ loạn thần tặc tử ấy, lại còn cáo sắc gì nữa!

Nói chưa dứt lời thì đã nằm xuống ngủ lịm đi, thấy hai người lính đến bắt đem đi một nơi, chung quanh có tường bao vây, những cây cổ thụ lớn đến hàng mươi người ôm, trên điện có mấy chục cái ghế bành, hành lang phía hữu đặt một cái giường, trên giường ngồi một vị quan văn, đội mũ phước đầu, mặc áo bố phục, hai bên tả hữu có những người hầu nghiêm túc. Lính điệu ông Bảng nhãn vào, bắt quỳ xuống dưới thềm. Vị văn quan ngồi trên giường quát lớn lên rằng:

- Ta là Tế Văn hầu đây! Nhà ngươi là một gã tiểu sinh sơ học, sao dám can rõ xúc phạm đến bậc huân cự của tiên triều. Tội đáng chết, không tha thứ được.

Ông Bảng nhãn nín hơi không dám ngẩng mặt lên trông. Canh đấy có một viên, khăn áo chỉnh chặc, nài xin hộ. Lúc lâu, Tế Văn hầu mới nguôi mà nói:

- Công danh sự nghiệp của ta, cố nhiên không thêm so sánh với nhà ngươi. Duy ngày thường ngươi vẫn lấy khoa bảng kiêu căng, vậy thử về đọc bài *Bình Ngô đại cáo* của ta, nếu văn ngươi có hay hơn thì xé sắc của ta cũng đáng.

Tỉnh dậy, ông Bảng nhãn vội phải viết giả đạo sắc như cũ. Các công thần nhân thế không bị rút bớt ân trách.

Ôi! Ông là người có những huân liệt(82) như thế mà không giữ nổi được mình, con cháu lại bị tru di hầu hết. Chó cỏ, rồng đất(83), vẫn là mối than chung từ xưa đến nay. Đáng buồn vậy thay!

ÔNG BÙI CẦM HỔ

Ông Bùi Cầm Hổ, người làng Đậu Liêu, huyện Thiên Lộc(84), học rộng và có tài kinh bang tế thế. Khi ông chơi ở kinh đô, có một người lái đi buôn xa về, người vợ nấu canh lươn cho ăn rồi chết, bởi có thứ lươn giống rắn và có nọc độc, có thể làm chết người được. Quan tòa xử người vợ ấy vào tội. Ông biết là oan, cố sức biện bạch, việc ấy được tỏ rõ ra. Vì thế, được triệu dùng làm quan trong triều. Đình thần thấy ông làm nên, không do thi cử, nên nhiều người không phục. Gặp khi có kỵ ở Thái miếu; định giờ làm lễ định vào trước lúc giờ sáng. Theo lệ thì trăm quan hôm ấy phải đến họp ở hành lang Thái miếu từ hồi nửa đêm, nhưng ông một mình lại đến túc trực từ giờ Dậu là tối hôm trước. Đêm hôm ấy, mưa to gió lớn. Chốc lát ngự giá tới nơi; trăm quan chưa một ai đến cả. Vua nghĩ là lễ lớn không nên đổi lại giờ khác, sai ông kiêm làm cả mọi việc. Một mình ông tới lui ở chỗ cái chén, cái nậm, hết thấy đều đúng lễ. Bấy giờ những thuộc viên bộ Lễ ý định chơi khăm, đốt trầm trong lư hương lại không lót gio ở dưới. Ông rút chiếc khăn ướt trong túi để lót dâng đến trước vua, tâu là lư hương nóng xin lấy khăn đỡ; lui xuống về mặt vẫn bình tĩnh. Lúc đọc chúc, cây nến ở trên điện bỗng tắt, ông cứ đọc mò, không sai một chữ nào cả. Đốt được lửa lên thì ông đọc đã xong. Vua nhân thế khen tài. Trong năm Thái Hòa, làm quan đến Ngự sử trung thừa, lĩnh chức Yên phủ trấn Lạng Sơn rồi thăng lên Tham tri chính sự. Làng ông ở giáp bể, ven núi, thường khổ về nạn nắng và lụt. Ông bèn men theo núi Hồng Lĩnh xếp đá làm cái đập, rồi khơi dẫn nước ngòi cho quanh queo chảy vào đồng ruộng, như kiểu kênh đào đời xưa. Cái ngòi ấy đào thành, tưới dội cho được hơn nghìn khoảnh ruộng, lợi cho người làng nhiều lắm.

Khi mất, người ta lập đền thờ ở dưới núi Bạch Ty và được phong là phúc thần. Cuối đời Cảnh Hưng, miền Hoan Châu(85) loạn lạc, duy đất ấy vì không lợi cả về quân bộ lẫn quân kỵ, nên riêng được yên ổn.

THƠ MA

Kính Phủ

Chùa Nguyệt Đường gần trấn Hoa Dương là một nơi đô hội. Gần đây, có một người học trò qua chơi, thấy trên vách có đề một bài thơ tứ tuyệt rằng:

幾年不到月堂門

Kỷ niên bất đáo Nguyệt Đường môn,

上刹依依鎖淚痕

Thượng sát y y tỏa lệ ngân.

宿草墳前妻妹恨

Túc thảo phần tiền thê muội hận,

荒邱一壘葬三魂

Hoang khâu nhất lũy táng tam hồn.

Nghĩa là: Đã mấy năm nay không đến chùa Nguyệt Đường, cảnh chùa còn nguyên phong cảnh lệ. Cổ cũ trước mồ, mọc lên hồi nổi hồn của vợ và của em gái, một cảnh bãi hoang chôn vùi ba cái hồn.

Lời rất thâm thúy, ngờ rằng đó là lời thơ ma.

ÔNG PHẠM NGŨ LÃO

Tùng Niên

Ông Phạm Ngũ Lão người làng Phù Ủng, huyện Đường Hào. Nhà mấy đời vẫn làm nghề nông. Ông mặt mũi khôi ngô, có văn tài võ lược. Nhà ông ở gần đường cái quan, thường ngồi xếp bằng vót nan ở bên đường. Nhân khi đức Trần Hưng Đạo từ dinh Vạn Kiếp về kinh, quân đi trước đến nơi, quát đuổi đứng dậy. Ông vẫn ngồi im không cựa cậy. Quân lấy ngọn giáo đâm vào đùi; ông vẫn cứ ngồi yên như cũ. Rồi xe ngài đến. Ngài lấy làm lạ hỏi. Ông thưa rằng:

- Tôi đương mãi nghĩ một việc nên không để ý đến.

Ngài càng lạ. Hỏi đến sự học thì kinh truyền thao lược, ứng đáp rất đâu ra đấy. Ngài sai lấy thuốc rịt vào chỗ bị đâm, rồi cho đi một chiếc xe sau đưa về, tiến lên triều đình, cho coi quân Cấm vệ. Vệ sĩ không phục, tâu xin cùng ông so đo. Ông bằng lòng, nhưng trước khi so đo, xin phép về nghỉ nhà ba tháng. Về nhà, ngày ngày ông ra cái gò lớn ngoài đồng, đứng cách một tầm mà nhảy lên. Nhảy mãi đến nổi cái gò phải trụt thấp xuống mất một nửa. Hết hạn nghỉ, ông lại trở lại Cấm thành, cùng bọn vệ sĩ so đo tài nghệ. Tay đâm chân đá, đi lại vùn vụt như bay, nghìn người không thể kháng cự nổi, ai nấy đều phải phục tài cả.

Bấy giờ, tù trưởng Ai Lao đem hơn một vạn con voi kéo sang cướp phá các trấn Hoan, Diễn; đi đến đâu thì quân bộ, quân kỵ của ta đều phải vỡ chạy. Triều đình sai ông đi đánh. Ông truyền cho những dân ngoài biên, làng nào cũng phải chặt những khúc gỗ tre dài năm, sáu thước, để tích sẵn đấy. Khi gặp giặc, ông xua quân đứng lùi lại, một mình đi chân không vào, vớ những khúc tre mà đánh vào chân voi. Voi đau, kêu rống lên rồi chạy tán loạn. Quân Ai Lao đương đêm phải trốn.

Đức Hưng Đạo Vương hai phen đánh giặc Hồ Nguyên, ông cũng có giúp sức được nhiều.

Ông trải làm đến Điện súy Thượng tướng quân, khi mất được phong làm phúc thần, dựng miếu thờ dựng ở ngay chỗ nền nhà cũ.

Ông thường có thơ rằng:

橫槊江山恰幾秋

Hoành sóc giang sơn cáp kỷ thu,

三軍貔虎氣吞牛

Tam quân tỳ hổ khí thôn Ngưu.

男兒未了功名債

Nam nhi vị liễu công danh trái,

羞聽人間說武侯

Tu thính nhân gian thuyết Vũ hầu.

Nghĩa là: “Cầm ngang ngọn giáo giữa non sông đã trải mấy thu, ba quân như hùm như sói có cái khí hùng muốn nuốt cả sao Ngưu. Làm người con trai mà không giả xong nợ công danh, sẽ phải hổ thẹn khi nghe người ta nói đến chuyện Gia Cát, Vũ hầu”. Cái khí khái của ông thừa sống thể nào, nay xem bài thơ cũng có thể tưởng tượng thấy được.

Gần đây ông Phạm Quý Thích ở bên làng láng giềng, làm bài thơ đề miếu ông, có những câu:

三朝事業餘編在

Tam triều sự nghiệp dư biên tại,

萬古江山一槊橫

Vạn cổ giang sơn nhất sóc hoành.

Nghĩa là: Sự nghiệp ba triều trong sử sách còn chép, non sông muôn thửa một ngọn giáo cầm ngang.

Lại có câu:

書生亦有吞牛志

Thư sinh diệc hữu thôn Ngưu chí,

惆悵遺吟和不成

Trù trưởng di ngâm họa bất thành.

Nghĩa là: Kẻ thư sinh này cũng có chí nuốt sao Ngưu, nhưng buồn thay bài thơ của ông muốn họa mà không thành được. Đó là những nhời làm ra vì mối sở cảm vậy.

THI HỘI

Tùng Niên

Từ hồi Trung hưng trở về sau, mỗi khi gặp khoa thi hội nào, ngày vào trường (kỳ) thứ nhất, sáng sớm từ đầu trống canh năm, trong ngoài đã phải chỉnh túc(86) đầu đầy. Tờ mờ sáng, hoàng thượng ngự ra với sự tiền hô hậu ủng đến điện Giảng Sách, hoặc gọi là điện Thi. Soái phủ (chúa Trịnh) đến trước ngự tọa làm lễ tham yết. Hoàng thượng đứng dậy, truyền miễn lạy và cho ngồi. Trăm quan đội mũ phốc đầu, mặc áo bổ phục, đi hia, đóng đai chững chạc, châu hầu chung quanh. Thi thần soạn đầu bài thi, tiến trình, rồi quan Khâm sai chịu mệnh mà đi ra cửa, ngồi kiệu che lọng vào trường, ra đầu bài thi. Gần trưa thì ngự giá về cung. Đến trường thứ hai, trường thứ ba, trường thứ tư, thì Sứ phủ đi thay. Các quan chỉ phải chít khăn, mặc áo rộng xanh, đi giày buộc dải, làm lễ, bốn lạy dâng đầu đề, rồi quan Khâm sai chịu mệnh đi ra như trường thứ nhất. Trải qua các triều, vua chúa đều coi làm thường lệ.

Đến khoa thi Hội năm Ất Mùi (1775) niên hiệu Cảnh Hưng, Thành Tổ Thịnh Vương (Trịnh Sâm) đến điện Giảng Sách, truyền chỉ cho trăm quan mũ áo triều yết phải như khi Hoàng thượng ngự ra xem thi. Quan Thượng thư Nguyễn Bá Lân chỉ mặc đồ thường phục, làm lễ bốn lạy, khải lên nói: “Các đấng liệt thánh tiên vương, xưa nay vẫn giữ đạo tôn phủ nhà vua, truyền đời trải hơn hai trăm năm; nay một sớm đổi thay, sợ làm kinh hãi cho sự xem nghe của mọi người.

Nguyễn Hoãn là Sư phó đại thần, không biết uốn nắn cho chúa đi vào đường chính, lại còn xin chém đầu ông Nguyễn Bá Lân để tạ thiên hạ. Chúa không vui lòng, bèn hồi loan.

Tối hôm ấy, một người học trò ở trong trường ra, ngủ gà nằm phục ở bên ngoài điện; đêm nghe thấy trong điện có tiếng người nói:

- Ba giường(87) đã đứt, nhà Lê còn bền được sao!

Bừng dậy tìm xem. Trong điện vắng vẻ, chẳng có một ai cả, bèn ra về. Sau khi vạc đổi, người ấy mới kể câu chuyện này với những người quen thuộc.

MẢ MẸ ĐÀO KHẢN

Tùng Niên

Đất làng Đa Ngu, huyện Văn Giang trấn Kinh Bắc, nhà phong thủy vẫn bảo là kiểu đất đẹp, hình trâu nằm. Trong tập *Địa kiểm* của Cao Biền có câu: “Thấy dây thì dừng, gặp cỏ thì ngừng”, chính là trở vào đó vậy.

Trong năm Cảnh Hưng đời Lê, có một họ to kia, nhờ thầy tìm đất tốt để táng, đào phải cái huyết trong quan ngoài quách, sơn son đỏ chói, trên khắc bốn chữ “Đào Khản chi mẫu”, nghĩa là mẹ của Đào Khản⁽⁸⁸⁾. Việc đến tai Sứ phủ. Sứ phủ sai quan đến xét rồi lại lấp nguyên giả như cũ.

Xét mả mẹ Đào Khản, đời truyền khi ông có tang, có người khách đến viếng, trở chỗ đất trâu nằm bảo là nên táng. Việc ấy có chép ở trong sử ký nhà Tấn, rành rành đủ làm chứng cứ. Chưa từng nghe thấy nói là chôn ở cái gò đất hình con trâu nằm. Vả lại, mả mẹ mà lại ghi mượn tên con, cũng là việc chưa từng thấy. Hãng cứ chép vào đây để đợi người biết.

Năm gần đây, con sông Ứng Mộ ở huyện Vĩnh Lai, nước chảy xói sâu vào một cái gò lớn làm bật ra một cổ quan tài sơn son thếp vàng, trên có dòng chữ: “Phục Ba tướng quân chi thiếp” nghĩa là vợ lẽ quan Phục Ba tướng quân. Lại ở một làng thuộc xứ Sơn Nam cũng vậy. Nhân phụ chép vào đây.

CÁI MIẾU CÔ Ở CỬA ĐÔNG HOA

Thành Thăng Long đắp từ đời vua Lý Thái Tổ. Hồi ấy nhà vua xuống lệnh rất là nghiêm khắc, những học trò ở trường Quốc học cũng đều phải ra cuốc đất đội sọt cá. Phạm sinh tên là Khởi Trương, người yếu ớt, không kham nổi việc nặng nhọc, ngã lăn ra ở bên cạnh cửa Đông Hoa, bị phu tráng đắp chông lên. Sau mấy tháng, người vợ mới ở nhà quê lên, ngoảnh vào tường thành mà gào khóc ba ngày không dứt. Bỗng nhiên thành đổ, Phạm sinh lộ ra, mặt vẫn tươi tỉnh như lúc sống, ai trông thấy cũng phải kinh dị. Việc đến tai triều đình, sai dựng miếu thờ ngay ở chỗ ấy, đến nay hãy còn. Gần đây người ta bảo là miếu Cửa Đông ở thành Lạng, đó là ngoa truyền⁽⁸⁹⁾.

TƯỢNG GIÀ LAM Ở NGÔI CHÙA ĐỒNG

Tùng Niên

Tháng Quý hạ(90) năm Mậu Ngọ (1798), vợ chồng anh Mỗ, người làng Kim Ngưu, huyện Văn Giang, cùng nhau gánh rơm cỏ nát ra đồng để phủ khoai. Buổi trưa, bỗng thấy một người đàn ông to lớn, cao hơn một trượng, mặt đỏ như gấc ở trong một ngôi chùa giữa đồng, đi ra, lôi người đàn bà vào. Mỗ vừa chạy vừa kêu, về đến cổng làng thì người làng kéo ra rất đông, cùng Mỗ đến cái chùa ấy. Mọi người vào chùa, thấy người đàn bà đương đứng dựa cột ở gian bên hữu phía trước Phật điện, mê mết như say; còn pho tượng Già Lam thì sắc mặt thốt nhiên biến đổi, trên tay hữu còn phủ một cái khăn vuông của người đàn bà. Ai nấy kinh dị, bèn đập đổ pho tượng mà phá hủy đi.

BIA NÚI THÀNH NAM

Kính Phủ

Thành Nam ở Tương Dương thuộc phủ Trà Lĩnh trấn Nghệ An, xây đắp về đời nhà Trần. Vì thành ở phía nam sông lớn, nên gọi là Thành Nam. Cách thành một quãng, có cái núi gọi là núi Thành Nam. Vua Minh Tông nhà Trần đi thân chinh Ai Lao, xa giá về đến Kiềm Châu, sai từ thần là ông Nguyễn Trung Ngạn đẽo đá ghi công. Chính là chỗ ấy.

Trong năm Cảnh Hưng đời Lê, Mường Thai kết liên với Lào Lung đánh phá Ai Lao, bức bách đến Trấn Ninh. Quan Đốc đồng Bùi Huy Bích phụng mệnh đi kinh lý việc biên, dừng xe ở Tương Dương, thường trèo lên núi xem bia. Chữ bia khắc to bằng bàn tay, sâu đến một tấc. Ông Bùi lấy mực đặc quét vào để in. Nay chép bài văn bia ấy như sau:

“Vị vua thứ sáu triều Trần nước Việt là Chương Nghiêu Văn Triết Thái thượng hoàng đế, ơn giời quyển cổ, gồm có cả đất trung hạ, trong bể ngoài bể, chẳng đâu là chẳng thần phục. Vậy mà Ai Lao là một xứ nhỏ mọn, còn dám trái với đức hóa nhà vua. Năm Ất Hợi (1335), vua thân đem hai đạo quân, đi tuần ở bờ cõi phía tây. Thế tử nước Chiêm Thành, bày tội nước Chân Lạp, nước Tiêm La, tù trưởng dân Mán là Sái-cầm-xa-lặc, tù trưởng Lâm Bồn mới quy phụ là Xaman, đầu đầy đều dâng đồ phương vật, tranh nhau đến xin vào bái kiến. Duy có nghịch Bổng giữ lỗi, sợ tội, chưa chịu đến chầu. Tháng Quý đông(91), vua đến đóng ở bãi Cự Đồn tại Mật Châu, sai các tướng và quân man di kéo vào nước nó, nghịch Bổng phải trông chiều gió mà chạy trốn. Bèn xuống chiếu hồi quân. Niên hiệu Khai Hựu năm thứ 7, Ất Hợi mùa đông, ngày tháng 12 nhuận, khắc đá”.

CỤ THÁI TẾ TÔI

Kính Phủ

Cụ tổ tám đời nhà tôi là quan Thái tể Trung Thuần, húy Thực, người làng Vân Điền, huyện Đông Ngạn. Đời ông của người, húy là Bồn, tặng phong Thái bảo, Duyên Phúc hầu. Thuở trẻ, trong làng có viên nội thần Mỗ mời thầy địa lý đến xem đất, điểm một cái huyệt. Hầu đi chăn trâu trông thấy, bụng ghi nhớ lấy. Sau Mỗ táng ở chỗ khác, Hầu rước tiên phần đến táng ở huyệt này. Ông Thái tể thuở nhỏ chăm chỉ học hành. Bấy giờ quan Thượng thư Đàm Cư ở làng Ông Mặc cùng huyện là người được hưởng phong ấp ở Vân Điền, thường xem ngôi đất ấy, biết rồi ông sẽ làm nên, bảo người lý trưởng nên miễn những tạp dịch cho ông để ông được chuyên vào việc học. Không bao lâu, ông đi du học về, cùng người trong làng làm việc cho ông Đàm. Ông Đàm trông thấy, hỏi tuổi rồi ra câu đối rằng:

十八力能擡土

Thập bát lực năng đài thổ

Nghĩa là: Mười tám tuổi có sức khuôn vác được đất.

Ông liền đối:

九五龍飛在天

Cửu ngũ long phi tại thiên

Nghĩa là: Hào cửu ngũ tượng rồng bay trên trời.[\(92\)](#)

Ông Đàm khen ngợi:

- Gã này, mai sau ta sẽ không thể theo kịp được.

Ông Đàm bèn vào nhà trong bàn việc hôn nhân, rồi đem người cháu gái (cháu gọi bằng ông) gả làm vợ ông. Bà ấy sau được phong là Quận phu nhân; ông tổ bảy đời tôi là quan Thái phó Cung Ý, húy Nghi, chính là do bà sinh ra vậy.

Khoa Ất Mùi niên hiệu Quang Hưng thứ 18 (1595) đời vua Thế Tông nhà Lê, là khoa thi thứ nhất của đời Trung hưng, ông thi đỗ Đình nguyên đệ nhị giáp tiến sĩ. Làm quan đến Tán trị Dực vận công thần, Hộ bộ Thượng thư, Thái phó, Lan quận công, về trí sĩ. Khi mất, được tặng Thái tể và ban tên thụy là Trung Thuần. Con là ông Cung Ý đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1619) niên hiệu Hoàng Định, làm quan đến Thiếu phó Dương quận công, khi mất tặng Thái phó, ban tên thụy là Cung Ý.

Thuở còn hàn vi, ông (Thái tể) cùng ông Trúng thức[\(93\)](#) ở làng Ông Mặc, là Đàm Nhị, đến năm cầu mộng ở đền Chân Võ, huyện Yên Phong. Ông nằm chắng thấy gì, duy ông Đàm thấy bài thơ rằng:

言覃玉耳夢詳明

Ngôn đàm ngọc nhĩ mộng tường minh,

第一開科第一名

Đệ nhất khai khoa đệ nhất danh.

父貴子貴孫又貴

Phụ quý, tử quý, tôn hựu quý,

子孫世世出公卿

Tử tôn thế thế xuất công khanh.

(Bài thơ này ở câu thứ nhất hai chữ “言覃 *ngôn đàm*” chấp lại thành chữ 譚 *đàm*, là họ Đàm, hai chữ “玉耳 *ngọc nhĩ*” chấp lại thành chữ 珥 *nhị*, là tên của ông Nhị. Nghĩa là Đàm Nhị chiêm bao tổ tởng, tên đỗ thứ nhất, ở khoa thứ nhất, cha sang, con sang cháu lại sang, con cháu đời đời làm nên công khanh.)

Về sau chính ông (Thái tử) thi đỗ làm quan, con cháu quý hiển, lại đúng như bài thơ ấy.

Đời truyền rằng ông học ông Thượng thư ở làng Kiệt Đặc (Chí Linh) là Nguyễn Công Phong. Sau khi nhà Mạc mất, ông Kiệt Đặc⁽⁹⁴⁾ ở ẩn không ra. Vì ông tiến cử, ông Kiệt Đặc được triệu dùng, trong năm Hoằng Định, làm quan đến Hình bộ Thượng thư, Mỹ Khê hầu. Bấy giờ ông làm chức Lễ bộ Thượng thư, vị ở đầu ban, cố từ không nhận. Chúa Trịnh hỏi có, ông nói vì có ông Kiệt Đặc là thầy. Chúa khen rồi nhắc ông Kiệt Đặc lên đứng đầu ban. Chuyện này thấy ở sách *Công dư tiếp ký*⁽⁹⁵⁾ phụ chép vào đây để tiện tham khảo.

SÔNG ĐỘC

Kính Phủ

Sông Độc ở xứ Sơn Nam, nguồn từ sông Hát chảy ra. Sông Hát là chi lưu của sông Phú Lương (sông Nhị), chảy đến làng Đốc Tín, ở huyện Kim Bảng hợp với sông Lương mà thành ra sông Độc. Chỗ ngã ba sông, trên có cái miếu thờ thần sông, vốn linh thiêng lắm. Những thuyền buôn qua lại, tất phải sửa đồ lên lễ, nếu không thì buồm, cột, chèo, lái, chẳng cái gì còn. Giữa sông có cái cột không biết dựng từ bao giờ. Tục truyền người ta có chuyện thề bồi, thường đến ôm cái cột ấy, ai cong queo sẽ bị lôi tuột xuống nước. Khoảng năm Cảnh Hưng, chúa Trịnh ngự giá đi tuần du phương Nam. Thuyền qua chỗ ấy, dưới sông bỗng nổi lên một cái bãi. Nước cạn, thuyền không đi được. Chúa sai khơi đào thì đào đến đâu lại đầy đến đấy. Sai người lên lễ, khẩn thần đến, hứa sẽ thăng trật. Thì chỉ chốc lát, trong nước bỗng có hai con rắn xuất hiện, dài hơn một thước và to bằng ống tre, bò ngoằn ngoèo qua cái bãi ấy. Rắn bò đến đâu, cát tan ra đến đấy, nước sông lại đầy lên như cũ. Chúa thấy sự linh thiêng, tiên phong cho thần đến làm bậc thượng đẳng.

Một người lính thị hậu là Mỗ trưng thuế ở cái làng gần đấy, thường ra sông tắm rồi ngồi ở bên hóng mát, lấy cái sáo ngẩn ra thổi, tiếng véo von rất hay. Chợt thấy một con rắn nhỏ bò đến bên cạnh, ngang nhiên cất đầu lên, mắt đỏ như mặt giời. Mỗ bèn nói:

- Mày muốn nghe ta thổi sáo chẳng? Thế thì theo ta về nhà.

Con rắn liền bò lên nón Mỗ mà nằm. Mỗ đem về đến đình. Trong đình, mọi người đương uống rượu, mời Mỗ vào thiết đãi. Chiều tối ra về, dọc đường, đánh rơi cái nón. Con rắn nằm lăn ra đất, không dậy. Mỗ giận nói:

- À, mày lại dối với tao à?

Liền lấy gót chân nện chết.

Chưa bao lâu, vị hầu tước quản lĩnh thị hậu ở kinh đô bị ốm, thuốc thang chữa mãi không công hiệu. Người nhà mời thầy phù thủy đến lập đàn thỉnh tướng. Tướng bốc đồng lên nói rằng:

- Hầu ốm không có gì khác, chỉ tại tên Mỗ nó giết con thần sông mà nên. Kíp bảo nó đến đền chịu tội. Nếu không mà thần giận quá, thì bệnh sẽ không thể khỏi được.

Gọi Mỗ đến hỏi. Mỗ kể rõ đầu đuôi và nói:

- Tôi làm trái thì tôi chịu lỗi, không dám để lụy đến ngài.

Hầu bèn sắm lễ vật cho Mỗ đi lễ. Mỗ ngầm lấy vải quấn chặt từ rốn xuống đến gối, cài khắp những con dao nhọn vào, lại giấu riêng một con dao sắc để dùng. Đến nơi, xuống ôm cái cột. Một lúc trượt xuống nước, nhưng chỉ ngập từ bụng trở xuống. Ước một trống canh lại ngoi lên, vẫy thuyền. Người mà Mỗ đón coi, thấy tay Mỗ đầm đìa những máu. Mọi người đứng xem, đều sợ toát cả mồ hôi. Một lúc, Mỗ lại ôm cột, nhưng hồi lâu không bị trượt xuống, bèn lên bờ về. Sáng hôm sau, trên sông vô số những thùng luồng, ba ba, chết nổi, nước sông đỏ ngầu. Rồi viên quan quản kia cũng được vô sự.

MẢ TỖ QUẬN BẰNG

Kính Phủ

Quận Bằng Nguyễn Hữu Chính, người làng Đông Hải, huyện Chân Phúc, đời trước vốn hào phú nhất trong một vùng. Thân phụ thích về phong thủy, nghe nói ông Giám sinh họ Đỗ ở huyện Thanh Chương theo chân nhân Phạm Viên đi chơi, học được những bí quyết về địa lý, bèn mời đến xin tìm đất táng mả họ. Giám sinh nhận nhời, bèn cắm cho một cái huyệt ở núi Côn Bằng. Rồi đó, người vợ có thai. Khi sinh, Đỗ giám sinh đến cửa nghe thấy tiếng khóc, giật mình mà nói:

- Đó là một kẻ gian hùng ở đời loạn, làm hại thiên hạ chính là ta rồi.

Đứa trẻ ấy nhón lên, chính là quận Bằng. Khoảng năm Chiêu Thống, quận Bằng làm đến Đại tư đồ Bình chương Quân quốc trọng sự. Một thầy tướng xem thấy, trở ra nói rằng:

- Đó là sao Thiên Cẩu giáng xuống, ngôi đến vương công, tai vạ tất không thể tránh khỏi.

Chưa bao lâu quận Bằng mắc nạn, đúng như lời nói ấy.

MIẾU THANH CẨM

Tùng Niên

Miếu Thanh Cẩm ở phường Đông Các, huyện Thọ Xương, thờ vị liệt sĩ nhà Mạc, là ông Mỗ. Ông họ tên không thể tra xét ra được, đỗ tiến sĩ nhà Mạc, làm quan đến đài sảnh. Bấy giờ Thành Tổ Triết Vương đem nghĩa quân xuống đông. Vua Mạc phải bỏ kinh thành chạy trốn sang bắc. Vương đem quân đuổi theo. Việc đã nguy cấp, ông đai vàng áo gấm, do hồ Thái Cực đi ra phố Đông Các, cản cương ngựa của vương. Vương rung chuông đứng dừng lại, họp các tướng bàn rồi đem ra chém. Đoạn lại nổi hiệu tiến quân, nhưng vua Mạc đã qua sông rồi. Nghĩa quân rút về, họ Mạc lại chiếm giữ Long Biên, bèn dựng miếu thờ ngay ở chỗ ấy, chắn ngang đường đi, hương lửa không dứt. Đời Hy Tổ Nhân Vương thường đã có lần sai phá miếu. Dưới miếu có má, khơi đào rồi dùng một cơ lính kéo lên mà không nhúc nhích. Vì thế mà miếu không bị phá hủy nữa.

DẬT SỰ CỦA ÔNG TIÊN HỌ PHẠM.

Tùng Niên

Phạm chân nhân tên là Viên, người làng An Bài, huyện Đông Thành. Đầu đuôi việc ông gặp tiên, đã tường trong tập tiểu truyện ông Ngô Phúc Lâm viết ra, đây không cần phải rậm nhồi(96) nữa. Đời truyền khi chân nhân đắc đạo trở về, cha là Thượng thư đương làm quan ở kinh đô. Gặp ngày giỗ bà mẹ, chân nhân dẫn bốn tên gia đồng khiêng một mâm cỗ đi biếu ông Thượng. Ra khỏi cổng làng độ một dặm, ông bảo bọn gia đồng nhắm mắt mà đi. Chốc lát, mở mắt đã đến chợ Cầu Dền ở kinh đô rồi. Lúc trở về, cũng như vậy.

Một hôm, ông mặc đồ sô gai, chống gậy vào nhà mà khóc ầm lên. Các anh em đều trách là sao lại như vậy. Không bao lâu, ông Thượng thư mất. Chân nhân bảo các anh em rằng:

- Tôi là một đứa con hư của cha mẹ, đi bông lông lâu năm, nay xin nằm rơm gối đất châu chực bên cửa để chuộc lỗi trước. Còn các việc lớn ma chay, xin để phần các anh em cả.

Mọi người bằng lòng. Khi sắp đưa ma, các anh em sắm sửa mọi thứ để làm nhà trạm, duy chân nhân vẫn lặng im chẳng làm gì cả. Đến trước một ngày, mới ra ngoài đồng, xem ngắm những chỗ làm lễ đình dư và thượng thực(97), một lúc trở về. Sáng hôm sau, đám đưa đến những chỗ ấy, đã thấy nhà cửa đồ sộ sẵn sàng, đều là quán ngói của các làng chung quanh; lợn, rượu, cỗ bàn, chẳng thức gì không có. Tế xong, dọn ra thết đãi bạn bè, khách khứa. Đêm đến, các cái quán đó đâu lại về đấy cả. Rồi ông hóa thành tiên, đi mất.

ÔNG ĐẶNG CHẤT

Tùng Niên

Ông Trọng nguyên làng Phù Đổng là Đặng Chất, khi chưa đỗ, một mình học tập ở trong một cái nhà. Một hôm dậy sớm, thấy người đàn bà bên láng giếng phơi hai cái yếm ở sân. Người ấy đi khỏi thì một người đàn bà khác cùng nhà rút mất. Tối về, hai mẹ cãi nhau ầm ĩ, rồi sửa xôi gà đem nhau ra thề ở đền Đồng Thiên vương. Ông tần mẫn lấy bút ghi lấy. Sau mấy tháng, người đàn bà ăn trộm cũng vẫn như cũ, ông cười mà rằng:

- Quỷ thần mới linh thiêng làm sao!

Rồi thần đến gõ cửa bảo:

- Ông trạng! Ông trạng! Sau này ông xử sự ở triều đình, sẽ lấy một mạng người để đền hai cái yếm phải không?

Ông sợ hãi rợn người, sáng ra đến đền tạ lỗi. Nhưng cũng nhân thế mà từ đó lòng mừng hí hửng.

ÔNG NGUYỄN TÔNG KHUÊ

Kính Phủ

Ông Nguyễn Tông Khuê người làng Phúc Khê, huyện Ngự Thiên (Hưng Nhân, Thái Bình), thuở nhỏ ngụ ở kinh đô, không thiết học hành, hằng ngày chỉ theo bọn trẻ đùa nghịch. Cha giận đánh đập, ông đến ẩn ở chùa Diên Hưng hàng tuần, đói thì ăn trộm những oản quả cúng Phật để ăn. Người ta biết, mách với người cha. Cha đến bắt về, nhểc mắng rất nhục nhã. Ông xin từ nay chăm chỉ đi học, rồi đến học ở trường ông Thám hoa Vũ Thành. Ông Vũ là bậc tôn sư đời bấy giờ, những học trò làm nên nhiều lắm. Khi ông Nguyễn mới đến học, cũng không có gì là xuất sắc. Một lần, ông Vũ ra đầu bài thơ “trống mái” để làm tập. Bài thơ ông làm có hai câu tam tứ rằng:

並立山頭玄石亂

Tịnh lập sơn đầu huyền thạch loạn,

雙飛漢表黑雲迷

Song phi hán biểu hắc vân mê.

Nghĩa là: Cùng đứng đầu non, đá xanh phải loạn, bay đôi trên gò, mây đen phải mờ. Ông Vũ khen ngợi rằng:

- Gã này mai sau tất sẽ làm thơ hay nổi tiếng.

Năm 28 tuổi, ông thi đỗ tiến sĩ khoa Tân Sửu (1721) niên hiệu Bảo Thái. Bấy giờ ông Nguyễn Đức Đôn ở Vịnh Kiều vẫn tự căng tài học của mình, khi vào trường thứ tư ra, nói với người ta rằng:

- Khoa này đỗ đầu, trừ ra có Nguyễn Tông Khuê, chứ những anh khác thì còn kém thua ta xa lắm.

Lúc ra bảng, ông trúng thứ nhất mà ông Vịnh Kiều trúng thứ hai. Vào đình đối, ông đỗ Hoàng giáp. Hai lần phụng mệnh sang sứ Tàu, làm đến quan Hộ bộ Tả thị lang, tước hầu. Tính ông ngay thẳng mà ghét sự tà khúc, không chịu kiêng tránh gì cả, nhân thế bị viên đại thần là Việp quận công (Hoàng Ngũ Phúc) không ưa, mượn chuyện tâu hặc, phải giáng xuống Hàn lâm thị độc và truất về làng. Thọ hơn 70 tuổi mới mất. Khi đi sứ Tàu có tập thơ *Sứ Hoa tòng vịnh* đến mấy trăm bài, được người Tàu rất là khen ngợi. Đến nay trải hơn năm mươi năm, người trong nước vẫn đều truyền tụng. Con là Tông Bảo làm Tri phủ Trà Lân, Tông Thực làm Hiến phó Kinh Bắc, cũng đều nổi tiếng hay thơ.

QUAN QUẬN LỘC Ở HÀM GIANG

Quận Lộc ở Hàm Giang là Đinh Văn Tả, hồi tuổi trẻ tênh toàng, bừa bãi, thích chơi với những kẻ vô lại. Sức vóc khỏe mạnh, át hết cả mọi người. Trước làng có con sông to rộng chừng một dặm, thường xuống bơi lội nô đùa luôn. Một hôm cùng bạn lứa uống rượu say nhè ở bên sông. Nghe bên kia sông có tiếng chiêng cúng tế trong một cái đình, bạn nói khích bảo đổ sang lấy trộm cái chiêng đem về được. Ông bảo: “Ừ, rồi sẽ lấy về cho coi”. Đêm hôm ấy, ông lội qua sông, sang lấy trộm chiêng, về đến giữa sông mới dấm vang lên. Người làng bên kia tỉnh dậy đuổi theo, nhưng đã không kịp.

Sau, ông vì mắc vào tội lỗi, phải giam ở ngục Đông Môn. Bấy giờ đương buổi dụng binh ở biên thù phía Nam, chúa Trịnh sai các tướng sĩ đặt bia ở trước lầu Ngũ Long thi nhau bắn súng. Ông cùng bọn ngục tốt đứng xem, cười mà rằng:

- Bắn có thể mà không trúng, không biết triều đình dùng bọn họ làm gì!

Người bắn tức giận, đưa súng cho ông, bảo có giỏi, thử bắn xem nào. Ông lại lấy một cái súng lớn, cạp vào bên má, bắn luôn mấy phát, phá vỡ ba bia. Người bắn ấy rất là kính phục. Bọn tướng sĩ lại kéo đến, bảo thử bắn lại cho xem. Ông bắn phát nào trúng phát ấy. Việc đến tai chúa, truyền tha tội cho, cho theo quân đi đánh phương Nam. Khi gặp quân địch, quan quân đóng giữ ở trên núi; quân địch tiến đánh, tướng sĩ đều lui chạy. Ông một mình phục trong rừng rậm, đợi quân địch đến, chĩa súng bắn ra. Quân địch sợ có mai phục phải rút lui. Quan quân quay lại đánh, bên địch phải thua vỡ lớn. Do thế mà ông nổi danh tiếng. Trải nhiều lần lập nên công lớn, ông được phong tước Quận công. Nhưng ông nộp giả hết cáo sắc để xin xóa tên trong sổ tội nhân. Rồi sau đó lại lập chiến công, làm quan lên đến bậc cực phẩm. Năm 80 tuổi, ốm nặng, chúa thân đến thăm, và hỏi có muốn nói điều gì. Ông nói nếu được ngay lúc chưa chết này, chúa phong cho làm phúc thần thì nhắm mắt đi, sẽ không còn điều gì băn khoăn nữa. Chúa ưng cho, sai tuyên sắc ngay ở trước giường. Chưa bao lâu, khỏi ốm, lại sống mấy năm nữa mới mất. Con cháu về sau, nhiều người trở nên bậc dũng tướng, có tiếng đánh giặc tài.

Bấy giờ Quốc lão Đặng Đình Tướng, con cháu đều quý hiển, áo xanh áo tía đầy triều. Người ta đặt ra câu ví: “Họ Đinh đánh giặc, họ Đặng làm quan”, lời đó đúng với sự thực.

Cháu xa của ông là Nhạ Hành, thích thư sử, nhún nhường, nhã nhặn, có phong độ của kẻ nho sĩ. Cuối đời Chiêu Thống, làm đến Điển Khẩu đại tướng quân, tước Hàm quận công. Năm Kỷ Dậu (1789), đem cả gia quyến theo vua chạy sang Trung Hoa. Khi bà mẹ mất, ông có làm câu đối:

日沉西領水東流，古今常態

Nhật trầm tây lĩnh, thủy đông lưu, cổ kim thường thái,

母夢南柯君北渡，家國俱憂

Mẫu mộng nam kha, quân bắc độ, gia quốc câu ưu.

Nghĩa là: Mặt trời chìm xuống núi tây, nước chảy về đàng đông, xưa nay vẫn thế; mẹ vào giấc mộng cảnh nam, vua chạy sang đất bắc, nhà nước đều buồn.

Ai nghe cũng phải thương cảm.

TẢ AO TIÊN SINH.

Thầy địa lý Tả Ao là ông Mỗ, người làng Tả Ao, huyện Nghi Xuân (Hà Tĩnh). Thuở nhỏ, mồ côi cha, nhà nghèo, mẹ mất sớm, ông theo một người khách buôn ở phố Phù Thạch⁽⁹⁸⁾ về Tàu, học nghề chữa mắt. Thầy thuốc Tàu khen người có hiểu, hết lòng dạy cho. Khi nghề đã thành, sắp sửa về nước, chợt có thầy địa lý chính tông, đau mắt đã lâu không khỏi, đến mời thầy thuốc này chữa cho. Thầy già yếu, không đi được, sai ông đi thay. Thầy địa lý khỏi mắt, trông mặt mũi ông rồi nói:

- Anh này có thể dạy được đây.

Bèn đem hết cái học của mình ra truyền cho. Hơn một năm, thầy muốn thử ông xem ra thế nào, bèn lấy cát đắp các hình sơn thủy, vùi một trăm đồng tiền ở dưới, đưa cho ông một trăm cái đinh để điểm huyệt. Ông điểm xong, gạt cát ra xem thì trúng chín mươi chín huyệt, sai có một huyệt mà thôi. Thầy địa lý nói:

- Khá lắm!

Bèn cho ông về. Lúc chia tay, thầy dặn:

- Đi qua núi Hồng Lĩnh, chớ có ngẩng nhìn.

Ông vâng lời, ra về. Đến nhà thì mẹ hãy còn mạnh. Đem phương thuốc học được ra chữa, mẹ khỏi mắt. Nhân có việc đi qua núi Hồng Lĩnh, nhớ lời thầy dặn, không hiểu duyên cớ thế nào. Thử trèo lên núi trông xem, ngắm được một cái huyệt rất quý, cười mà rằng:

- À, ra thầy dặn ta không được ngẩng lên nhìn là vì thế!

Bèn về đem tiên phần đến chôn. Không bao lâu, ông sinh ra được một con trai. Bấy giờ người Minh trông thiên văn nói:

- Các ngôi sao đều châu cả về phương nam, nước An Nam được đất rồi!

Nhà vua xuống chiếu cho các nhà phong thủy, ai đã cắm đất cho người An Nam hay dạy phong thủy cho người An Nam thì phải dùng kế phá đi. Nếu không, sẽ phải tội tru di tam tộc. Chiếu ban xuống, thầy địa lý đoán hẳn lại chỉ có ông chứ không còn ai, liền sai con sang do thám. Sang đến nơi, con thầy địa lý hỏi ông rằng:

- Từ khi về nước đến nay, bác đã táng được ngôi tiên phần nào chưa?

Ông đem tình thực kể. Người khách ấy bèn ngầm đào trộm ngôi mả và lừa đem con trai ông về Tàu.

Chưa bao lâu bà mẹ ông mất, ông định đem táng ở một cái huyệt ngoài hải đảo. Ngày giờ đã định, không may sóng gió cản trở, không ra chôn được, thành ra lỗi kỳ. Ông than rằng:

- Đó là cái huyệt miệng rồng, năm trăm năm mới mở một lần, mà chỉ mở trong một khắc. Nay đã lỡ rồi, còn gì nữa. Thật là số mệnh của ta!

Từ đấy, ông không tưởng gì đến gia nghiệp, thường đi chu du bốn phương đặt mả cho người. Khi mất, chỉ có hai người con gái.

Trước kia, khi còn ở nhà, ông đã ngắm sẵn huyệt cho mình, nói là kiểu con chó đuổi đàn dê, táng chỉ ba ngày sẽ thành địa tiên. Tuổi già, ông ở kinh đô về, người đã yếu sẵn. Ông có đem theo một người học trò cùng về, dặn công việc sau này. Nửa đường, người học trò lại chết. Ông về đến nhà thì ốm nặng, bảo người nhà khiêng đến huyệt ấy. Nhưng đường xa liệu chừng không đến nơi được, ông bèn chỉ một cái gò bên cạnh đường nói:

- Đó là một ngôi đất huyệt thực⁽⁹⁹⁾. Bất đắc dĩ thì chôn đó cũng được.

Ông xuống cáng, chỉ hướng cho người nhà đào, chôn lấp mình. Sau, quả nhiên làm phúc thần.

Chao ôi! Phương thuật của ông kể cũng rất lạ, vậy mà họ tên không truyền lại! Tiếc thay! (Có thuyết bảo ông họ Hoàng, tên Chỉ)[\(100\)](#).

THÀNH CŨ TRIỀU KHẨU

Thành cũ Triều Khẩu ở làng Triều Khẩu, huyện Hưng Nguyên (Nghệ An), người Minh đắp trong năm Vĩnh Lạc. Đức Thái Tổ tiên triều từ thôn Đỗ Gia qua sông vây đánh, chính là chỗ đó. Phía tây bắc thành có núi bao bọc, còn phía đông nam thì xây gạch. Lâu năm thành đổ, gai rậm ngút mắt. Đàng cửa nam là trường nuôi ngựa. Trên núi có hòn đá cắm cờ, hầy còn. Lưng chừng núi có miếu Tuyên Nghĩa, họ tên vị thần thờ đền ấy không rõ. Trong thành có một cái ao, tương truyền là di tích người Trung Hoa để của. Trâu bò xuống đầm bùn, đi lên, thường có những đồng tiền bám vào lông.

Khoảng năm Cảnh Hưng, ông Bùi Huy Bích làm Đốc đồng Nghệ An, những lúc việc quan nhàn rỗi, thường lên chơi đây, có bài thơ vịnh, bốn câu giữa như sau:

鬼廟岩腰名不攷

Quỷ miếu nham yêu danh bất khảo [\(101\)](#),

旗竿石上跡猶存

Kỳ can thạch thượng tích do tồn.

野牛戲浴埋錢窟

Dã ngưu hý dục mai tiền quật,

官馬閒遊砌甃門

Quan mã nhàn du xế bích môn.

Nghĩa là: Đền ma lưng núi không xét được tên họ, đồng đá cắm cờ dấu vết hầy còn. Trâu đồng đùa tắm ở vũng chôn tiền, ngựa quan chơi nhón ở cổng gạch xây.

Các câu khác không cần chép đủ ra đây, vì đã có trong *Nghệ An tập* của ông Bùi.

ÔNG VŨ DUỆ

Tùng Niên

Ông Trọng nguyên Vũ Duệ người làng Trình Xá, huyện Sơn Vi, vốn con nhà làm ruộng. Thuở nhỏ, cha mẹ ra đồng, ông cùng lũ trẻ lấy đất nặn một con voi con, gắn bướm vào làm tai, ghim đĩa vào làm vòi, bắt bốn con cua đội bốn chân cho nó đi. Có người khách đòi nợ đến cổng, hỏi cha đi đâu, ông nói:

- Cha tôi đi giết người.

Hỏi mẹ đi đâu, ông nói:

- Mẹ tôi đi làm sống người.

Khách lấy làm lạ hỏi; ông đòi có thưởng mới nói.

Khách bảo:

- Mà không giấu ta, ta sẽ xóa nợ cho nhà mà.

Ông đưa nắm đất nát, bắt phải in tay vào làm tin. Khách cũng gượng in. Ông mới cười mà nói:

- Cha tôi đi nhổ mạ, còn mẹ tôi đi cấy lúa.

Khách rất khen ngợi ông có khiếu tinh quái. Sau khách lại đến đòi nợ, ông giơ nắm đất ra làm tin. Khách không nói sao được nữa, khuyên người cha nên cố cho ông đi học, và xin lấy món tiền nợ ấy để đỡ dầu đèn.

Niên hiệu Hồng Đức năm thứ 21 (1490) ông đỗ đầu thiên hạ, làm quan đến Ngự sử đài Đô ngự sử.

Gặp khi trong nước có nhiều biến cố, ông theo vua Chiêu Tông chạy vào Thanh Hóa. Quyền thần Mạc Đăng Dung đem quân đón về, ông mắng chửi tàn nhẫn, rồi mang cả quả ấn ngự sử gieo mình xuống cửa bể Thần Phù, tự tử.

Khi tiên triều trung hưng, ấn Ngự sử đúc mãi không thành, bèn sai phường chài lặn xuống cửa bể ấy mò tìm. Người lặn xuống thấy ông vẫn đội mũ mặc áo như sống. Tính từ khi ông mất, đã hơn sáu mươi năm. Bấy giờ mới đưa về huyện Sơn Vi táng.

ÔNG NGUYỄN VĂN GIAI(102)

Quan Thượng Nguyễn Văn Giai thuở nhỏ học ông Thái học sinh Mỗ, người cùng làng. Nhà vốn nghèo, nhân có sức khỏe, thường phải đi gánh thuê lấy tiền mua sắm dầu đèn, giấy bút. Một hôm gánh thuê về, giờ nóng bức, ông lội xuống tắm ở cái ao trước cửa nhà thầy học.

Trong lúc đương bơi lội, quần áo trên bờ bị đũa vô lại nào lấy mất, ông phải ngâm mình dưới nước mãi không dám ngoi lên. Bên kia ao là nhà một ông giám sinh; có cô con gái ra ao định giặt, nhưng thấy ông đương tắm đành phải quay vào. Một lúc nữa, trở ra lại thấy như vậy. Rồi một lúc nữa, cô kia ra, loanh quanh ở bờ ao, bỏ lại trên bờ mấy chục thước vải. Ông cảm lòng cô gái, lấy trộm vải đóng khố rồi đi về nhà. Sau khi thi đỗ, ông đến nói với ông giám sinh, hỏi cô gái ấy làm vợ thứ. Ông giám sinh nói:

- Con gái tôi vô duyên. Hôm qua, tôi đã trót nhận lời gả cho một người học trò của tôi, cũng là bạn đồng khoa của ông đấy. Xin ông đừng lấy làm lạ sao tôi lại từ chối.

Ông đồng khoa kia đến, hai bên tranh biện mãi, không giải quyết xong. Ông nói:

- Tôi vốn đã có vợ từ lâu, không phải dám tham sắc đẹp để mua cười với bạn. Chỉ vì hồi trẻ, hàn vi, từng được đội ơn người khuê các để mắt xanh đến, nên đã dốc lòng mến yêu từ đấy. Giờ đất quý thần hản đều soi xét, lòng này có dám man muội đâu.

Nhân kể rõ câu chuyện ngày xưa. Ông giám sinh vào trong nhà, hỏi chuyện con gái thì con nói cũng đúng như vậy. Bèn gả cho ông Giai. Đó là bà phu nhân thứ ba, ông yêu quý bà như bà cả vậy.

MIẾU THUẦN DƯƠNG TỔ SƯ

Tùng Niên

Ngõ Hàng Nghiên ở thành Thăng Long, có miếu Thuần Dương tổ sư, không biết lập từ bao giờ. Chân nhân Phạm Viên thường gặp ông Thuần Dương ở đấy.

Họ Trương ở làng Như Kinh đời trước vốn nghèo lắm, mở cửa hàng bán nước ở cạnh đường, sớm chiều chỉ kiếm được đủ sống. Một hôm, thấy vị đạo nhân, râu ria tốt đẹp, đi qua đi lại rồi vào nghỉ. Trước rước mời rất cung kính. Đạo nhân cảm lòng tốt, bèn đặt cho một ngôi âm phần. Việc xong, hỏi tên họ thì đạo nhân nói:

- Ta họ Lã, nhà ở đầu ngõ Hàng Nghiên.

Trương ghi nhớ lấy. Sau cử người đến tạ lễ, hỏi thăm khắp cả, chẳng có ai họ Lã, chỉ có tòa miếu Thuần Dương. Từ cuộc binh hỏa năm Bính Ngọ (1786) trở về sau, các bậc già cả qua đời, những người cúng vái nhận lầm là miếu thờ bà chúa Liễu Hạnh, hoa vàng hài vóc bày đầy trước án. Những cái lầm lẫn như thế thật rất đáng phàn nàn.

NGƯỜI KHỔNG LỒ

Tùng Niên

Các động, các trại ở Tuyên Quang, phần nhiều ở xen vào tận hang núi, dân bản thổ thường làm nhà sàn để tránh thú dữ. Hồi quan Đốc đồng Nguyễn Đình Thạc ở trấn, có một người khổng lồ vào nhà trong xóm bắt người mà ăn. Nhà có mười người, ăn mất chín. Một người chạy trốn được lên báo quan; quan cho xe súng lớn đến bắn bừa vào. Người ấy ngồi chết trên nhà sàn, chân thõng xuống tận đất. Lôi ra thì thấy thân thể trần truồng, dài ước hơn hai trượng, tóc ngắn đến vai. Ông lấy làm lạ, về thuật chuyện với quan Bình chương Phan Trọng Phiên. Ông Phan nói:

- Đó là giống người ở biên cảnh tây nam. Năm Giáp Ngọ (1774), tôi đi đánh phương nam, có thấy trong kho vũ khố của họ Nguyễn một bộ da người, cũng suýt soát như thế, chứa đầy trấu. Hỏi người coi giữ, họ nói bắt được trong rừng. Chính người này thuộc về giống ấy.

ÔNG PHẠM ĐÌNH TRỌNG

Kính Phủ

Quan Thượng Phạm Đình Trọng người làng Kinh Dao, huyện Giáp Sơn (Hải Dương) gồm cả tài văn võ. Thuở nhỏ đi học, ông làm bài phú *Bắc môn tòa thước* có những câu thế này:

嗚呼華夷望重

Ô hô! Hoa di vọng trọng,

社稷功高

Xã tắc công cao.

枚數宋朝巨俊

Mai số Tống triều cự tuấn,

幾如寇老時髦

Kỷ như Khấu lão thời mao.

何故不在中書, 調鼎任商衡之重

Hà cố bất tại trung thư, điều đỉnh nhiệm Thương hành chi trọng.

却乃遠臨沙塞, 折衝當漢闔之勞

Khước nãi viễn lâm sa tái, chiết xung đương Hán khốn chi lao.

畢竟見忌于人

Tất cánh kiến kỵ vu nhân,

難平者事

Nan bình giả sự.

要盟恥甚於真宗

Yêu minh sỉ thậm ư Chân Tông,

沮約仇深於王子

Tự ước cừ thâm ư vương tử.

澶淵下閉門束手, 彼既膠宿怨之未舒

Thiên Uyên hạ bế môn thúc thủ, bỉ ký giao túc oán chi vị thư,

泰山巔牒玉泥金, 茲更慮奸謀之見沮

Thái Sơn diên điệp ngọc nê kim, tư cánh lự gian mưu chi kiến tự.

故久淹河上之翱翔

Cố cửu yêm hà thượng chi cao tường,

豈特爲朔方之捍禦

Khởi đặc vị sóc phương chi hãn ngữ.

Nghĩa là: “Than ôi, có vị danh vọng cao trọng đối với Trung Hoa và ngoại di, có công lớn đối với xã tắc, thử tính những nhân vật xuất sắc trong triều đình nhà Tống, mấy ai được như ông già Khấu Chuẩn. Vậy mà có sao không ở trong tòa Trung thư điều hòa nội vạc, cầm vững cán

cân nhà Thương, lại phải ra ngoài ải cát xa xăm, chống chọi giặc mạnh, giữ gìn cửa ngõ nhà Hán.

Chẳng qua, vì bị người ghen ghét, gặp việc khắt khe. Vua Chân Tông lấy làm xấu hổ việc cùng giặc giảng hòa, Vương Khâm Nhược lấy làm tức tối việc cản trở ý muốn của hần. Dưới thành Thiên Uyên đóng cửa bó tay, Khâm Nhược chưa quên mối hờn sai hần ra chống giữ ở đây; trên đỉnh Thái Sơn sắp bày bàn tế, nay hần lại sợ ngăn trở mưu gian. Vì thế mà ông lừng lơ mãi ở trên sông, há phải cốt vì việc chống giữ phương bắc” [\(103\)](#)

Xem xong bài phú này của ông, ai cũng lấy làm lạ. Sau, ông thi đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1739) niên hiệu Vĩnh Hựu. Rồi nhân nhà có tang, phải nghỉ quan về. Bấy giờ giặc Ninh Xá [\(104\)](#) nổi lên, vùng đông nam rối loạn. Ông thường nói với những người quen biết rằng:

- Đẹp yên giặc ấy, phi tay tôi không xong.

Không bao lâu, vì có công lừa bắt được tướng giặc Nguyễn Cừ, được thăng Công bộ Hữu thị lang, tước bá.

Trước đây, dư đảng giặc Ninh Xá bày người làng Lôi Động, huyện Thanh Hà là Nguyễn Hữu Cầu [\(105\)](#) lên làm thủ lĩnh, lui ra giữ Đồi Sơn, tựa núi cách bể làm thế cố thủ. Triều đình đem quân đánh mấy năm không được, sai ông làm chức Hiệp thống lĩnh, cùng Việp quận công Hoàng Ngũ Phúc chia đường cùng tiến, lập trại ở trên núi nhòm xuống. Đánh mãi không phá được giặc, ông sai chặt mấy trăm cây thông, đục rỗng ruột, nhồi đá sỏi và thuốc súng vào, bên ngoài đánh đai sắt, từ trên cao ném vào trại giặc, giết chết vô số. Giặc dùng ván gỗ thông để che. Ông lấy nhựa thông tẩm vào vải to, cát vụn, trộn với sỏi và thuốc súng, lại ném xuống như trước. Những miếng vải ấy thành ra những mồi lửa đốt cháy ván, giặc phải vỡ chạy về phía bắc. Đồi Sơn được yên, vì công ấy, ông được phong phó đô ngự sử, chánh thống lĩnh.

Chưa bao lâu, Cầu lại tập hợp đồ đảng, vào cướp vùng đông bắc, hoành hành không ai kiềm chế nổi, thời bấy giờ gọi là “giặc ma chơi”. Cầu có tài dùng ít đánh nhiều, cùng quan quân giao chiến, phóng ngựa xông bừa vào trận, làm cho quân nào cũng phải bỏ chạy. Duy có ông và quận Việp ra trận nghiêm chỉnh, nên chưa từng bị thất bại. Giặc phải sợ, gọi ông là con thần lằn, gọi quận Việp là thằng quạ đen, ý bảo khó lòng trêu ghẹo được. Một lần, ông dẫn hơn mười quân kỵ, gặp giặc đến, ai nấy đều sợ, muốn đi cho mau. Nhưng ông ngăn lại, đi vòng xuống một con đường nhỏ trong đồng. Con đường ấy kề một cái giếng, cỏ mọc nham nhở, bùn đục ngầu, người đi vô tình không nhận ra, ông ngồi cạnh giếng chờ quân giặc. Giặc đuổi đến, còn cách một quãng, hô to:

- Con thần lằn! Hôm nay, chúng tao phải bắt được mày!

Ông cũng quát:

- Thằng giặc nhãi ranh kia! Hôm nay ta không chém được đầu mày sao!

Giặc tức giận, đổ xô xuống đuổi, người và ngựa lẫn cả xuống giếng. Những quân đi theo muốn xuống bắt, nhưng ông không cho, bảo chạy đi. Khi giặc ra khỏi giếng, ông đã về đến huyện Giáp Sơn rồi.

Ông hành quân cẩn thận, không cầu lợi nhỏ. Hễ thành linh gặp giặc thì rung chuông dàn quân bao vây bên ngoài; nếu giặc đi thì dõi theo ở đằng xa. Thường thả những quân kỵ đi rảo để ngăn cản chuyện cướp bóc. Vì thế, giặc phải lén lút ứng phó một cách khó nhọc, cùng túng phải xin đầu hàng. Triều đình ban cho tướng giặc Nguyễn Hữu Cầu lĩnh ấn Ninh Đông tướng quân, phong tước Hương Nghĩa hầu. Ông hết sức can ngăn, nói:

- Giống lang sói ấy rồi thể nào cũng không để cho mình dùng đâu.

Bèn lại dẫn quân đuổi đánh. Giặc vỡ chạy. Cầu phải chạy vào Bào Giang ở Nghệ An. Bộ tướng của ông là tướng quân Phạm Đình Hãn bắt được. Từ đấy giặc mới yên. Triều đình luận công, ông được sắc phong làm Tuyên lược Dương võ công thần, thăng Binh bộ thượng thư, tước Hải quận công, lại được bổ làm Đốc suất trấn Nghệ An.

Khi trước, ông cùng viên Thự phủ Luyện quận công là Đỗ Thế Giai có mối hiềm khích(106). Gặp ngày trừ tịch, ông ở Nghệ An thấy trung sứ đem đến ban cho rượu thuốc. Viên tướng thân yếu ở dưới cờ là Thanh Kỳ toan rút dao giết sứ giả, rồi xin ông cất quân kéo về kinh đô để trừ bọn gian bên cạnh chúa. Ông gạt đi. Sáng hôm sau, ông mặc triều phục vọng bái về kinh rồi vào tư thất, rót rượu ngụ ra uống, mặt viết thư vờ quan Đốc đồng Trần Danh Lâm đến dặn dò việc sau. Ông Trần đến thì ông đã đổ máu ra cả bảy khiểu(107) mà chết. Bấy giờ Thanh Kỳ nghe tin ông mất, sắm sửa binh mã định đem cả châu Hoan theo về họ Nguyễn (chúa Nguyễn ở phương Nam). Ông Trần được thư của ông Phạm, đánh lừa Thanh Kỳ lên một cái gác, rồi phục quân giáp sĩ bắt chém chết. Tin buồn đưa về đến kinh, ông được truy tặng làm phúc thần, lập miếu thờ ở núi Càn Hương, phong cho con là Đình Nghi tước Đông Ngạn hầu. Đời Cảnh Hưng, Đình Nghi làm đến Phó đề lĩnh. Khi cố thái tử bị phế, giam ở dinh ông Nghi, ông Nghi lấy lễ trừ quân(108) mà thờ phụng. Chúa giận, bãi chức đề lĩnh, vì thế ông Nghi lặn đạn, không làm nên to được. Niên hiệu Chiêu Thống, năm Đinh Mùi (1787) truy lục công ấy, trao cho ông Nghi chức Trấn thủ Hải Dương. Năm Mậu Thân (1788), ông mất ở nhà.

Thanh Kỳ cũng người làng Kinh Dao, họ tên không tra xét. Lúc trẻ, khỏe mạnh, theo ông Phạm Đình Trọng đi đánh giặc, cai quản đám nghĩa sĩ Thanh Hà, Tứ Kỳ. Khi ông Trọng làm Thống lĩnh, thường ngồi trong một chiếc thuyền, chỉ có người nàng hầu yếu và Thanh Kỳ hầu bên. Một hôm sáng sớm, người nàng hầu ra rửa tay, kêu lớn lên là có giặc. Ông cứ ngồi yên không nhúc nhích. Thanh Kỳ chạy ra thì Cầu đã búa được vào thuyền sắp sửa trèo lên. Hai bên đánh nhau một lúc, Cầu phải lặn xuống nước, đi mất. Ông Phạm vì thế yếu hẳn lắm. Nhưng hẳn kiêu ngạo, hay làm những việc trái phép, ông đã nhiều lần muốn giết, rồi lại thôi. Đến nay hẳn chết.

Đời truyền rằng khi ông chưa đỗ, ở huyện Nghi Dương có một viên giám sinh già họ Đỗ, chơi với một viên giám sinh trẻ là Mỗ, người cùng huyện. Mỗ chết, họ Đỗ đến lo liệu giùm mọi công việc tang. Năm Kỷ Mùi (1739), gặp khoa thi hội, họ Đỗ lên kinh thi. Đường đi qua hạt Thượng Hồng, trời tối, họ Đỗ thấy Mỗ hiện lên mời mình về nhà, cửa nhà lộng lẫy, kẻ hầu người hạ rất oai vệ. Mỗ sai mỗ trâu đặt tiệc thết đãi. Họ Đỗ hỏi về tiền trình của mình, Mỗ chau mày nói:

- Bác thì rồi đến nhà tan, mệnh cùng, còn hỏi chuyện công danh làm gì!

Họ Đỗ van nài xin cứu cho, Mỗ nói:

- Khoa này, đầu bài phú ra rất hiếm hóc, hễ gặp người thí sinh nào tên là Phạm Đình Trọng thì bảo giúp cho người ta, đó cũng là một vị cứu tinh.

Một lát thì đi ngủ. Sáng sớm hôm sau trở dậy, từ biệt ra đi, ngoảnh lại trông thì thấy là đền Phạm Ngũ Lão, làng Phù Ứng. Hỏi thăm dân làng, thấy nói ban đêm có một con trâu vô có ngã lăn ra chết. Họ Đỗ ghi chuyện ấy vào lòng. Khoa ấy đi thi vào trường thứ ba, đầu bài phú ra là "Tuyển hiền nhậm năng" (Kén người hiền, dùng người tài). Có một thí sinh cùng thi hỏi họ Đỗ có nhớ bốn chữ ấy xuất xứ ở đâu, làm ơn bảo giúp.

Họ Đỗ hỏi, biết thí sinh ấy chính tên là Phạm Đình Trọng, bèn nói cho biết. Khoa ấy, ông Phạm đỗ tiến sĩ. Chưa bao lâu, giặc đông nổi dậy, vợ con họ Đỗ đều bị nạn cả, chỉ còn trơ một mình đến nương nhờ ông Phạm. Ông thường cấp giúp cho, đủ sống. Mấy lần dâng sổ quân công, ông định biên tên họ Đỗ vào, nhưng rồi lại thôi. Thành ra, họ Đỗ trọn đời chỉ là một viên giám sinh.

CHÙA THIÊN MỤ

Kính Phủ

Chùa ở huyện Hương Trà, xứ Thuận Hóa, dựng trên một trái đồi phẳng, có cái vẻ đẹp của khe núi. Tục truyền khi xưa, nhà phong thủy khai đào sông núi, thấy có một bà cụ già bảo người làng ở đấy dựng chùa để đón các thiên thần về, nhân đặt tên là chùa Thiên Mụ (bà cụ già nhà Giời).

Đoan quốc công Nguyễn Hoàng xưa có trùng tu, về sau cũng sửa chữa nhiều lần. Chùa có một cái khánh đá, tiếng lớn và trong, ghi là “Chính lịch nhị niên tạo” (109), hội chủ là Thế Tổ Minh Khang thái vương. Bên cạnh Phật tọa có bài vị tổ khảo bảy đời của họ Nguyễn. Khi chúa Nguyễn mất, có người bề tôi là Mỗ đến chùa bái yết, đề thơ ở vách, có hai câu:

可憐二百年基業

Khả liên nhị bách niên cơ nghiệp,

不及山僧一夢長

Bất cập sơn tăng nhất mộng trường.

Nghĩa là: Thương thay cơ nghiệp hai trăm năm, không dài bằng một giấc mộng của nhà sư trên núi.

Khoảng năm Cảnh Hưng, chùa hơi đổ nát, quan Đốc đồng Hoan Châu là Bùi Huy Bích phụng chỉ vào Huế tuyên dụ, thường cùng quan đốc thị là Trương Đăng Quỳ đi thuyền lên chơi xem, có làm những câu thơ như:

阮家七世牌空在

Nguyễn gia thất thế bài không tại,

僧舍千間瓦半零

Tăng xá thiên gian ngõa bán linh.

Nghĩa là: Bảy đời họ Nguyễn bài vị còn đây, bao nhiêu gian của nhà sư ở, ngói đã trụt mất đến nửa.

Lại có câu:

輕帆一片登臨處

Khinh phàm nhất phiến đăng lâm xứ,

閒拂苔階閱磬銘

Nhàn phất đài giai duyệt khánh minh.

Nghĩa là: Giương một cánh buồm nhẹ lên thăm phong cảnh, thấy cái thềm rêu để đứng nhìn bài minh khắc trên tấm khánh.

HỒ HOÀN KIẾM

Kính Phủ

Hồ Hoàn Kiếm thành Thăng Long ở bên cạnh phường Báo Thiên, thông với nước ngoài sông, hình thế rất to rộng. Ấy là nơi đức Thái Tổ hoàng đế tiên triều đánh rơi kiếm. Hồi Thái Tổ khởi nghĩa, ngài bắt được một thanh kiếm cổ, sau khi lên làm vua, thường vẫn đeo ở bên mình. Một hôm chơi thuyền ở trong hồ, bỗng thấy một con rùa rất lớn nổi lên mặt nước, bắn nó không trúng, ngài lấy thanh kiếm mà chỉ. Bất ngờ, thanh kiếm rơi xuống nước, con rùa cũng lặn theo. Ngài giận, sai lấp cửa hồ lại, đắp cái bờ ngang, tát hết nước để tìm. Nhưng chẳng thấy đâu cả. Đòi sau, nhân cái bờ ấy, chia ra làm hai hồ Tả Vọng, Hữu Vọng. Cuối đời Cảnh Hưng, có một vật gì mọc lên từ cái đảo trong hồ, sáng rực rồi tắt. Người ta cho là thanh bảo kiếm bay đi.

CỬA KINH THÀNH

Kính Phủ

Bốn cửa kinh thành đều xây từ đời vua Lý Thái Tổ. Năm gần đây, phá bớt tường ngoài cửa Đại Hưng. Phá được nửa vò, thấy một con rắn to bằng đòn tay, mình đen, vằn trắng, từ trong gạch đá chui ra, bò sang nóc nhà hàng phố rồi vùn vụt đi đàng nào mất. Bắt được ba con con, đều giết chết.

Tục truyền năm Cảnh Hưng, phá cửa Bạch Hồ, bắt được ở trong khe gạch một con rùa nhỏ như đồng tiền, đầu và chân vẫn còn cựa quậy. Vậy cũng phụ chép vào đây.

ÔNG HOÀNG SẦM

Ông Hoàng Sầm, ở Thù Sơn, đời đời làm nghề cày ruộng. Cha mất sớm, để lại cho mấy sào ruộng, mẹ con nương tựa nhau mà sống; năm 24 tuổi, vẫn chưa biết một chữ nào cả. Cùng huyện có quan Thượng Nguyễn Công Doãn trí sĩ về làng. Quan huyện bắt dân ra đón rước. Ông cũng ở trong số ấy, sung vào chân khiêng kiệu của tiểu thư. Khi khiêng, ông liếc mắt nhìn trộm, thấy tiểu thư là một người tư sắc tuyệt vời, bất giác lòng rung động.

Về nhà, ông nói với mẹ muốn được lấy cô con gái ấy. Mẹ cười và bảo đừng mơ ước hão huyền. Ông không nghe, mua một buồng cau, cố bắt mẹ phải đi dặm, lại đi theo sau mẹ, sợ mẹ đổi mình. Bà mẹ không nỡ trái ý con, đến đứng loanh quanh mãi ở cửa nhà quan Thượng. Quan Thượng lấy làm lạ hỏi. Bà mẹ kêu xin tha tội và kể việc con giai thúc bách. Quan Thượng cười mà rằng:

- Không hề gì!

Rồi sau gọi ông đến để xem người ra sao. Ông đóng một chiếc khố, đến phục lạy trước thềm. Quan Thượng nói:

- Con gái nhà quan không lẽ gả cho người bạch ốc. Anh sau này làm nên sự nghiệp như ta mới có thể lấy con ta được.

Ông lạy hai lạy nói:

- Xin vâng theo mệnh. Nhưng mong quan lớn đừng sai lời.

Về nhà, ông không nói gì với mẹ, đi bán trộm một sào ruộng được 30 quan tiền, tới kinh tìm đến một bậc danh nhân xin học. Học ba năm đã giỏi lắm, đi khảo trúng ở huyện Hiệp Hòa (nay thuộc Bắc Giang), rồi đi thi hương đỗ Giải nguyên. Đỗ khoa hương rồi, ông nhờ một người làng đến nói với quan Thượng xin đừng sai ước cũ, rồi lại tới kinh. Bấy giờ con gái quan Thượng tuy có mấy đám hỏi, nhưng chưa thành đám nào, vẫn còn ở nhà. Khoa Mậu Tuất (1538) niên hiệu Đại Chính đời nhà Mạc, ông 27 tuổi, thi đậu Thám hoa. Hôm vinh quy, làm lễ cưới ngay ở sân nhà quan Thượng. Người làng đều cho là một sự vẻ vang. Ông làm quan đến Lễ bộ Tả thị lang, tước Hoàn Phúc bá.

ÔNG ĐẶNG TRẦN CÔN

Tùng Niên

Ông người làng Nhân Mục, huyện Thanh Trì, bạn của đấng tiên quân tôi xưa. Tính thích rượu, đèn đuốc phóng túng. Trong khoảng trường ốc, văn chương ông tiếng lừng thiên hạ. Bấy giờ, chúa Uy Vương(110) phải dời đến ở cung Thượng Liên. Kinh thành tối đến cấm lửa rất ngặt. Ông đào hầm ở dưới đất đọc sách, không bỏ bề lúc nào. Thường đề tranh Tiêu Tương bát cảnh(111). Cảnh Tiêu tương dạ vũ (Mưa đêm ở sông Tiêu Tương), ông đề bài thơ như sau:

菰蒲澤國四滄滄

Cô bồ trạch quốc tứ thương thương,

誰把玲瓏滴夜長

Thùy bả lâm lang trích dạ trường.

乍過幽蘭啼楚客

Sạ quá u lan đề Sở khách,

忽來暗竹泣娥皇

Hốt lai ám trúc khấp Nga Hoàng.

蘋洲冷逼漁燈細

Tần châu lãnh bức ngư đăng tế,

蓬底秋驚旅鬢黃

Bồng đế thu kinh lữ mấn hoàng.

拂掠數峯猿樹外

Phất lược số phong viên thụ ngoại,

滄歌聲斷水茫茫

Thương ca thanh đoạn thủy mang mang.

Nghĩa là: Cỏ cao nước cả bốn bề xanh xanh, ai đem gieo hạt ngọc trong lúc đêm dài? Trần mưa chợt qua, cụm lan tối tăm để than người khách Sở(112) vụt đến bụi trúc âm thầm để khóc nàng Nga Hoàng(113). Bãi rau bị khí lạnh đè ép làm cho đèn chài nhỏ tí, gốc cỏ bông hơi thu ghé rợn làm cho mái tóc lữ thứ điểm vàng. Chợt qua ngoài lùm cây vượn leo trên mấy ngọn núi cao, khúc ca Thương Lương dứt tiếng(114), mặt nước sông man mác.

Cảnh Sơn thị tình lam (Chợ núi quang tạnh hơi lam) có những câu:

人家麓外湮光靜

Nhân gia lộc ngoại yên quang tĩnh,

酒店林間樹色明

Tửu điếm lâm gian thụ sắc minh.

Nghĩa là: Nhà dân ở ngoài núi hơi khói quang tạnh, quán rượu ở trong rừng màu cây tỏ rõ.

Và:

換米樵夫穿洞去

Hoán mễ tiều phu xuyên động khứ,

賣鮮漁子傍溪行

Mại tiên ngư tử bạng khê hành.

Nghĩa là: Chú tiều đổi gạo xuyên động mà đi, anh chài bán cá men khe mà bước.

Cảnh *Viễn phố quy phàm* (Bến xa buồm về) có những câu:

日暮無人迎掉問

Nhật mộ vô nhân nghinh trạo vấn,

五湖多少水湮秋

Ngũ hồ đa thiếu thủy yên thu.

Nghĩa là: Ngày đã tối không ai chờ thuyền để hỏi, năm hồ khói nước màu thu có ít hay nhiều.

Cảnh *Giang thiên mộ tuyết* (Buổi tối trên sông tuyết xuống) có những câu:

混沌千山埋草樹

Hỗn độn thiên sơn mai thảo thụ,

朦朧萬頃失烟波

Mông lung vạn khoảnh thất yên ba.

Nghĩa là: Man mác nghìn ngọn núi lấp cả cây cỏ, mịt mù muôn khoảnh nước mất cả khói sóng.

Và:

漁翁迷却蘆花渚

Ngư ông mê khước lô hoa chử,

向夜歸來玉滿簑

Hướng dạ quy lai ngọc mãn xoa.

Nghĩa là: Ông chài lạc cả đường về bến hoa lau, đêm về đến nơi thì ngọc (tuyết) giắt đầy tấm áo lá.

Cảnh *Bình sa lạc nhạn* có những câu:

細雨簾葭簫瑟裏

Tế vũ liêm hà tiêu sắt lý,

又添秋色滿南江

Hựu thêm thu sắc mãn nam giang.

Nghĩa là: Trong cảnh tiêu sắc của một giờ mưa phùn tưới lên những khóm cỏ liêm hà, lại thêm vẻ thu đầy trên sông nam.

Những thơ này phong cách cao trội, kể từ đời Trung hưng đến giờ, thi phái mới nhân đó chấn khởi lên được.

Các bài phú bát vận liên châu của ông, những người học đi thi, thường giữ gìn một cách quý báu. Bài phú *Trương Hàn nhớ rau rút cá mè* có những câu:

冷淡村穀, 半餉了八王之成敗

Lãnh đạm thôn hào, bán xướng liễu bát vương chi thành bại,

尋常野品，數盃殘兩晉之是非

Tầm thường dã phẩm, số bôi tàn lưỡng Tấn chi thị phi.

Nghĩa là: Món quê nhạt nhẽo, nửa bữa xong cuộc thành bại của tám vị vương, vị đồng tầm thường, mấy chén tàn chuyện thị phi của hai triều Tấn.

Bài phú *Trương Lương mặc áo vải* có những câu:

副車盈恨一襟博浪之沙痕暗濕

Phó xa doanh hận nhất khâm, Bắc Lãng chi sa ngân ám thấp,

黃石祕傳半袖圯橋之露點初稀

Hoàng Thạch bí truyền bán tụ, Di Kiều chi lộ điểm sơ hy.

Nghĩa là: Một vạt áo chứa đầy tức giận bởi nổi đánh lầm phải người phó xa mà không đánh trúng Tần Thủy Hoàng, vạt áo ấy còn dâm dấp ướt vì ngăn cát ở đất Bắc Lãng, nửa ống tay giấu quyển sách bí truyền của ông Hoàng Thạch, vừa khô vết sương ở cầu Di Kiều.

Bài phú *Tiếng gõ cửa* [\(115\)](#) có những câu:

門邱幾聲，手報無言之綸綍

Môn khẩu kỷ thanh, thủ báo vô ngôn chi luân phát,

規恢一字，喉通未到之關河

Quy khôi nhất vũ, hầu thông vị đáo chi quan hà.

Nghĩa là: Cửa gõ mấy tiếng, tay báo cái ý chỉ nói không ra nhời, (nghĩa câu dưới chưa rõ, tạm để khuyết nghi) [\(116\)](#).

Và:

乾坤盃裡經營，鼾睡之山河欲動

Càn khôn bôi lý kinh doanh, hãn thụ chi sơn hà dục động.

Nghĩa là: Xoay sở càn khôn trong chén rượu, làm cho một cõi non sông ngủ ngày bên cạnh như muốn giật mình [\(117\)](#).

Đó đều là những câu văn sang sảng đáng đọc.

Khi ông mới được trao chức Huấn đạo, bài văn yết miếu đức Thánh (Khổng Tử) có hai câu:

無位勛華

Vô vị Huân Hoa

能言天地

Năng ngôn thiên địa

Nghĩa là: Ngài như Nghiêu Thuấn không ngời và như trời đất biết nói [\(118\)](#). Hai câu này càng được người đời khen ngợi lắm.

Khoảng năm về già, ông làm ra khúc *Chinh phụ ngâm*, cả thảy đến mấy nghìn lời. Làm xong đưa ông Ngô Thì Sĩ xem, ông Ngô thán phục mà rằng:

- Văn này đánh đổ cả lão Ngô già này chứ còn gì nữa.

Khúc ngâm ấy người ta sao chép, truyền sang đến hai tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây nước Tàu, có người thức giả nói:

“Tinh thần trút cả vào đây, tác giả bài này chẳng qua chỉ ba năm thì chết”.

Sau ông làm đến chức quan Ngự sử rồi mất đúng như nhời trên ấy. Ông có tập tiểu thuyết *Bích câu kỳ ngộ* lưu hành ở đời.

MẸ RANH CÀN SÁT

Tùng Niên

Ở khoảng làng Hạ Lôi và Thượng Cát thuộc huyện Từ Liêm, có một thằng bé con nhà làm ruộng, tuổi ước lên 5 lên 6, thường nói với cha, xin sang ngủ ở nhà ông ngoại thôn bên, tối đi sớm về, trải mấy tháng đã quen lệ thường như vậy. Người chú thương cháu phải đi lại vất vả, một hôm gặp ông bà ngoại nó ở đường, bèn nói bảo cho cháu nó ngủ ở nhà. Người bà ngoại giật mình nói:

- Đã lâu cháu nó có sang ngủ nhà tôi nữa đâu, sao lại có câu chuyện ấy.

Người chú bấy giờ mới biết, không giả nhời sao. Đến tối, ngậm đi theo sau thằng bé. Ra khỏi cổng làng, gần đến một cái gò cây cối rậm rạp, thằng bé gọi với rằng:

- Mẹ ơi! Con đã đến đây.

Người chú ngồi núp ở một cái gò bên rình xem, thấy trong bụi cây có mấy chục đứa trẻ, đứa cười đứa khóc, một người đàn bà hai vú đều dài đến một thước, ôm lấy thằng bé cho nó bú. Thằng bé nói:

- Sớm đi tối đến, chỉ sợ rồi họ biết, sao mẹ chẳng đem con đi luôn có được không?

Người đàn bà an ủi.

- Hạn nợ chưa hết, con hãy phải đợi vài năm nữa. Nếu họ cho con ăn cá chép ba ba thì con chớ có ăn, nếu không thì mẹ sẽ không thể gần con được nữa.

Thằng bé vâng nhời, rồi hai mẹ con lại nói chuyện với nhau lằng nhằng. Người chú im lặng trở về. Đến sáng, mua hai thứ kia nấu chung làm một, gọi thằng bé bảo ăn. Thằng bé quả chối từ không ăn. Nhưng người chú cố đề ra đồ cho ăn và đồ tước cả ra mình nó. Buổi tối lại đi dò theo thằng bé ấy, thấy thằng bé đến cách cái gò độ mấy chục bước, con mẹ ranh cả kinh mà rằng:

- Mà không nghe lời dặn của tao, lại còn đến đây làm gì!

Rồi đuổi, không cho đến. Thằng bé đứng lúi lúi, khóc. Người chú liền quát lớn thì con mẹ kia phút biến đi. Người chú lại lấy xương ba ba, cá chép vớt khắp bụi cây. Đêm hôm ấy, thấy con mẹ kia đến gõ cửa van xin bỏ hai vật kia cho, nếu không sẽ làm yêu quái. Người chú bất đắc dĩ phải bằng lòng. Sớm hôm sau, dậy ra nhặt vớt hai vật kia xuống nước. Thằng bé từ đấy cũng không hề gì.

ĐỀN TRẤN VÕ

Tùng Niên

Miếu Ma ở huyện Yên Phong, trấn Kinh Bắc, nay đổi là miếu Xuân, đòi thượng cổ có con hồ chín đuôi, vẫn làm hại dân gian. Một khoảng xa hơn bốn mươi dặm, vắng tanh không ai dám ở. Nhờ có đức Huyền Thiên thượng đế, giáng xuống bắt con hồ ấy. Từ đấy, trải các triều vua, đều có thờ vọng và ghi vào lễ điển, dựng đền Trấn Võ ở phía tây bắc thành Thăng Long để trấn át linh khí của Hồ Tây. Đòi chúa Định Vương tiên triều mới đúc đồng làm tượng, cao mấy chục thước, xoa tóc đi chân không, chống gươm đứng giẫm lên con rùa, con rắn. Lại có bốn viên nguyên súy đứng ở phía trước, tượng Hồ tinh đứng một bên, uy dũng nghiêm chỉnh.

Đạo sĩ vốn quê Thanh Hóa, đòi cha đòi ông vẫn làm nghề phù thủy. Một lần, từ làng bên cạnh về nhà, gặp ông địa lý Tả Ao giữa đường kêu đói, bèn lấy cả oản chuối trong bọc ra biếu. Ông Tả Ao cảm bụng tốt, tặng cho một ngôi mộ tổ, nói cái ân một bữa, xin lấy việc ấy báo đền. Chưa bao lâu, Thành Tổ Triết Vương đem quân nghĩa kéo ra mặt đông, ngài bị cảm ở chỗ đóng quân, kíp triệu đạo sĩ đến cúng trừ. Đạo sĩ vừa phát bùa dầu thì bệnh vương đã khỏi, ngài sai ghi lấy công. Khoảng năm Quang Hưng (1573-1600) xa giá ngự ra Trung bộ, cho đạo sĩ được coi giữ đền Trấn Võ. Đạo sĩ đến đền, từ người trụ trì đến người coi việc đền hương đều dùng con cháu trong nhà cả.

Quan Thượng Mỗ người làng Hoàng Xá, khi đi sứ Trung Hoa, có rước pho tượng Tử Đồng để quân về nước tạm đặt ở tiền đường đền Trấn Võ sau lại thiên lên đỉnh núi Hoàng Xá. Rồi thấy đức Tử Đồng giáng bút nói rằng:

- An Nam là nước văn hiến, ta sẽ lấy những ngày 1 ngày 6 ứng mộng cho các học trò. Nguyên tượng thì phải trả về Trung Hoa, đừng đem ta đi vơ vất như vậy.

Chợt có thuyền của người bên Trung Hoa sang, đi tìm hỏi pho tượng ấy. Quan thượng thư tuân mệnh giả về, rồi ở chỗ di tích, tạc pho tượng mới để thờ phụng, nay ở trước đền Trấn Võ, về bên phía tả, pho tượng đội mũ phước đầu, mặc áo bổ phục chính là đó vậy. Gặp năm có khoa thi hội, sĩ tử bốn phương nhiều người tắm gội chay sạch đến đền làm lễ cầu mộng, báo ứng rất nghiệm. Tại chùa núi Hoàng Xá cũng vậy.

NÚI DỤC THÚY

Tùng Niên

Núi ở đất Tràng An xứ Thanh Hóa (nay thuộc Ninh Bình), kề bên cạnh sông Vân Sàng. Trên cây có cây tháp gọi là tháp Linh Tế, dựng lên từ năm Quảng Hựu thứ 7 nhà Lý, năm Khai Hựu nhà Trần có tu bổ lại, ông Trương Hán Siêu làm bài ký. Trong năm Cảnh Hưng có dựng ly cung để phòng khi vua chúa đi tuần hạnh. Nhân thế núi mà xây dựng, cũng chen lẫn nhân công vào, quy chế rất lộng lẫy. Thơ ngự chế của chúa và thơ ứng chế của các quan theo hầu đều khắc đá cả. Hồi đi bình nam, xa giá dừng lại ở đây. Sau khi vạc đổi, cung bỏ làm trường lương Tràng An, tháp cũng đổ nát, duy tấm bia đến nay hầy còn. Bài văn bia rằng:

Làng ta có nhiều cảnh đẹp, thuở nhỏ chơi xem, bước này chân đã hầu trải khắp. Thường có lần bỏ thuyền trèo lên núi này, lần bia cao rêu, nhận đọc thì biết cái tháp cũ dựng năm Tân Mùi niên hiệu Quảng Hựu thứ 7 triều nhà Lý. Đến lúc trèo lên trên đỉnh, thấy nền đồ gạch vỡ, bừa bộn ở trong khoảng cây đá hoang rậm, bất giác buồn ngùi buồn thương cho cuộc hưng vong thành bại, sao mới có hai trăm mấy chục năm, cây tháp đã trở nên dấu cũ và hầu đến tiêu mòn mất hết thế ru! Sau này không biết còn có làm lại nữa không? Từ khi có vũ trụ thì có núi này, những người lên chơi núi rồi đi mất vào dĩ vãng, không biết là đã bao nhiêu rồi! Sau đó ta đi làm khách bốn phương, rồi làm quan ở trong triều, bị vị ở nơi đài sảnh, thú cụ ẩn bên gò xa cách, chỉ thường được về thăm ở trong giấc mộng mà thôi. Đức Kim thương lên ngôi đến năm thứ hai, mùa đông tôi ở kinh sư, nhà sư trong núi là Tri Nhu tìm đến nói với tôi rằng:

“Cuộc xây dựng lại cây bảo tháp, khởi từ tháng Chạp năm Khai Hựu Đinh Sửu, đến nay trải sáu năm mới xong; xin ngài làm cho bài bi ký, công đức cao cả sẽ không biết chừng nào, mà sự báo ứng cũng sẽ như vậy. Khi chúng tôi mới định ngày khởi công, nhà sư Đức Văn chiêm bao thấy có hơn nghìn người họp trên đỉnh núi, trong đó có ba người sang trọng, tướng mạo khác thường bảo rằng: “Các người nên biết việc dựng tháp là việc hay nhất”. Hôm bắt tay làm, sư Đức Uyên lại chiêm bao thấy ông Trúc lâm Phổ Tuệ tôn giả kết ấn để trị. Lại sư Đức Tĩnh, Đức Minh, trước và sau vì việc xây con đường cửa tháp, nhân tảng đá lớn trút lở, người và đá đều lăn từ trên cao xuống đến mấy chục thước, ai trông thấy cũng sợ hãi, cho là phải vụn xương ra cám. Thế mà đến lúc xuống đỡ lên, sư không hề bị chỗ nào tổn thương cả. Tháp xây lên được bốn tầng, một đêm tỏa ánh sáng ra rực rỡ, xa gần đều trông thấy cả. Những việc như thế, đều là cái sức thần thông của đức Phật ta cả. Vả Nhu này nghe nói, ngày xưa vua A Dục(119) sai quý thần dựng lên tám vạn bốn nghìn cây tháp, người xem lễ như thực được thân tiếp với Phật; đầu gậy khắc tháp cũng trừ được yêu khí; tòa phù đồ (tháp) trên bể phút theo sương mù biến đi. Việc không phải là quái đản, nay và xưa cũng như nhau cả. Xin khắc những việc ấy vào đá, truyền lại đời sau, làm những câu chuyện hay ở cửa nhà Phật, và làm bờ bến cho những người tin tưởng, há chẳng nên ư?”

Ta nghĩ ông Thích Ca lấy lẽ tam không mà chứng đạo, sau khi tịch diệt, nhiều người thờ phụng Phật giáo để cổ hoạc chúng sinh, thiên hạ chia năm thì chùa chiền chiếm một, làm cho hư nát đạo thường, hao phí tiền của; dắt dẫn bao người ngu tối nhắm mắt hòa theo, bảo rằng không hóa thành yêu ma gian trá sao được. Những việc của bọn ấy họ làm thật rất không phải. Tuy nhiên, sư Tri Nhu đây là người theo hầu sư Phổ Tuệ, hiểu sâu đạo pháp của Trúc Lâm, gìn mình giữ nếp, thật là khắc khổ. Vả giờ hai bàn không, thành thủ đoạn lớn. Nghĩ đến việc đèo gốc mây, xếp hòn đá, từ tắc mà thước, mà trượng, bước tiến lên một bước, từng cao thêm một tầng, cho đến lúc vói vói đứng sừng, thế lẫn trời xanh, thêm sự tráng quan cho non sông, tranh công xây dựng cùng tạo hóa, thì há phải bao nhiêu kẻ tu hành tầm thường khác có thể so ví được. Ôi! Sau này lại mấy trăm năm, nếu có kẻ cũng như ta phải buồn rầu trước cuộc biến di, biết đâu lại chẳng có người như bọn nhà sư Tri Nhu này. Đến như nước xanh dọn sóng, bóng tháp in dòng, thuyền nhỏ trời chiều, lênh đèn bên dưới, đẩy mũi thuyền ra mà xem ngắm, gõ bơi chèo hát khúc Thương Lương, tìm cái gió trong cửa ông Tử Lăng trong một sợi dây câu, hỏi cái ước cũ của ông Đào Chu trong năm hồ khói sóng, cảnh ấy lòng ấy, chỉ duy có ta cùng với non sông ấy biết nhau mà thôi.

*Niên hiệu Thiệu Phong thứ 3 năm Quý Mùi (1343),
Nhập nội Hành khiển Tả ty Thị lang, kiêm Lạng Sơn lộ
Kinh lược sứ, Đôn tấu Trương Hán Siêu Thăng phủ ký.*

MẢ TỔ HỌ NGUYỄN LÀNG QUẾ Ổ

Kính Phủ

Họ Nguyễn ở Quế Ổ vốn là một họ danh tiếng về đời Lê Trung hưng. Tiên tổ khi xưa nhà nghèo, dựng lều ngoài đồng để làm nghề chăn vịt. Một hôm con ra thăm cha, không thấy đâu cả, có phong thư, mở xem mới biết cha mình đã bị những người Tàu đến đào hố của giết mất, moi ruột tế thần giữ cửa, chôn ở cái gò đất bên lều, và dặn đó là cát địa, đừng nên cất nhắc đi đâu cả, người con kêu khóc rồi đắp nấm mồ mà về.

Sau nhà ấy thường sinh ra những bậc danh tướng, có tiếng khỏe mạnh, nhưng phần nhiều về sau không được trọn vẹn, người ta cho là vì mồ mả xui nên. Khoảng năm Vĩnh Hựu, có người cháu là Đức Tổ do chức tướng quân đi đánh giặc, lúc lâm hành, trao cờ ấn cho kẻ bộ hạ mà bảo:

- Giữ lấy rồi đem về nộp với triều đình, ta tất không thể trở về được.

Rồi tướng quân gặp giặc Diên đến, hăm hở một ngựa xông ra, đánh nhau mê mải hồi lâu, rồi ngựa vấp ngã bị giặc giết chết.

Giặc Diên là người làng Ninh Xá huyện Chí Linh, dòng sau của ông Nguyễn Mại, sức khỏe tuyệt vời, mỗi bữa ăn hết nồi tư cơm, thuở nhỏ tập nghề võ, vẫn cùng tướng quân có tiếng giỏi ngang nhau. Nay Diên mừng mà rằng:

- Thế là từ nay ta không còn có người đối thủ nữa.

Tin buồn đưa về, triều đình khen Đức tướng quân là tiết nghĩa, truy phong làm Phúc thần, và cất dùng con là Đức Thân, Đức Ánh làm quan. Trận đánh ở Nhã Nam (ở Yên Thế, đánh nhau với Nguyễn Hữu Cầu), Đức Ánh cưỡi voi đốc chiến, bị thương ở cánh tay hữu gần gãy, xé vạt áo băng bó rồi lại xua binh tiến vào, tiếp đó bị giặc bắn chết, được truy tặng Quận tước. Bấy giờ Đức Thân đương làm Hữu tướng quân, tiến áp đến bên trại giặc, bị tin phải đạn bay mà mất. Con là Đức Vượng lại lĩnh quân của cha, đánh nhau rất hăng, được phong Bắc Ngạn hầu. Cuối đời Cảnh Hưng, lệ thuộc vào đạo quân Thuận Quảng. Tháng Năm năm Bính Ngọ, thành hãm, cũng vì đánh trận mà chết.

ÔNG SẤM

Kính Phủ

Người nhà giàu Mỗ ở làng Như Phụng, huyện Văn Giang, thường đi buôn bán ngoài bể khơi, bị sóng gió đánh đắm thuyền, dạt đến một cái đảo, thấy trên đảo toàn là những người đen xấu, ăn mặc cày cấy cũng giống như người đời. Mỗ ở đấy làm mướn mấy năm. Một hôm người trong đảo bảo rằng:

- Anh có muốn về thì đi theo ta.

Hắn trao cho năm một đầu thùng bảo nhắm mắt lại, rồi hắn bay tung lên trời, bên tai Mỗ nghe thấy tiếng sấm ù ù, một lúc thùng đứt mình lăn xuống đất, nhìn ra thì đã là cổng làng. Mỗ về đến nhà hình trạng biến đổi khác cả, người nhà không thể nhận được nữa, thuật chuyện lại rồi họ mới tin. Ngày nay con cháu đều đen, người ta bảo là họ ông Sấm.

ÔNG DƯƠNG CÔNG CAO

Kính Phủ

Ông người làng Hà Lỗ huyện Đông Ngàn. Hồi chưa đỗ, thường đến đền Chân Võ ở huyện Yên Phong cầu mộng. Thần bảo rằng: “Suốt đời làm dân hạng”. Tỉnh dậy buồn rầu, nguội lạnh cả lòng trường ốc. Khoa thi hội năm Mậu Thìn, theo một ông thầy học ở làng là viên giám sinh Mỗ đến kinh, mới vào đến tam trường thì viên giám sinh mất, ông bèn mạo tên vào trường làm văn. Các cống sĩ đồn dây lên, nói có người mạo tên vào thi, trong trường rất rối loạn. Một thí sinh người làng Tỵ Xá là Nguyễn Duy Hiếu, con quan Thượng thư Nguyễn Duy Thì, đứng dậy bảo các cống sĩ rằng:

- Ba năm mới có một khoa thi, đó là một điển lễ lớn chọn tài, phải trái đã có công luận, ai nấy chỉ nên gắng lo về tiền trình của mình là hơn.

Các cống sĩ bấy giờ mới im lặng. Khi ra bảng, ông được hợp cách. Việc đến tai triều, đình thần muốn tước bỏ, nhưng còn bàn bạc chưa xong. Bấy giờ ông Nguyễn Duy Hiếu trúng cách, bạn khách đến mừng nhưng ông Hiếu không tiếp. Cha là ông Thượng thư hỏi vì có sao, ông Hiếu thưa:

- Vì nghĩ Dương Mỗ có kỳ tài mà bị truất cho nên con buồn, không muốn nhận lời mừng của ai.

Ông Thượng thư cố bắt phải ra tiếp khách rồi vào phủ nói với chúa rằng:

- Dương Công Cao thi hội trúng cách, há rằng thi hương lại không trúng cách ư? Khoa mục cốt ở chọn được người, không nên câu nệ những lễ luật có sẵn.

Chúa nghe theo, cho vào thi đình, ông đỗ nhị giáp. Sau bia đề tên ông, chúa là dân hạng. Thần mộng quả là ứng nghiệm.

ÔNG NGUYỄN ĐĂNG CẢO

Tùng Niên

Ông người làng Hoài Bảo huyện Tiên Du, tính nết bừa bãi, ngoài thịt chó và rượu ngon không còn ham thích cái gì, nông ngạo không coi ai vào đâu cả. Ngày vào điện thí, đáng nhẽ đồ dầu mới phải, nhưng triều đình đề nén, đặt xuống thứ ba. Đứng trong triều nói năng không kiêng sợ gì, nên mấy lần bị biếm truất. Sứ Tàu sang sách phong, đi đến trạm Xương Giang dừng lại, đưa cho thế tử một vuông gấm, viết lớn một chữ Càn 乾. Cả triều không ai giải đoán được, phải đặc chỉ triệu ông vào. Ông thưa rằng:

- Cái trò đánh đổ nhỏ nhặt ấy, bỏ gì chúa thượng phải bận lòng suy nghĩ.

Ông bèn cầm bút chấm mực viết một nét xoắn để trả lời, sứ Tàu liền đến ngay. Chúa hỏi duyên cớ, ông nói:

- Tượng của quẻ càn có ba nét ngang 三, thêm vào một nét xoắn | thì thành chữ vương 王, có thể thôi.

Khi ông sung làm chánh sứ sang cống Tàu, qua một cái quán giường cột lộng lẫy. Người bạn tổng xin ông đề cho mấy chữ biển ngạch, ông liền viết hai chữ *trùng nhị* 虫二. Người Tàu hỏi nghĩa là thế nào, ông cười mà rằng:

- Thế nghĩa là *Phong nguyệt vô biên* 風月無邊(120).

Ai nghe thấy cũng phải kính phục.

Việc đi sứ xong, ông xin về hưu, thường đội cái nón, chống cây gậy, xách bầu nước, lê đôi dép, qua lại thẩn thờ ở trong khoảng suối đá, ham vui quên về. Có khi nhân đêm trăng lên chơi núi Lạn Kha, canh một đã hết, bốn bề im lặng không có một người nào. Bỗng thấy trên núi có hai cây gậy cắm, giữa căng một sợi dây nhỏ, một đạo nhân nằm lên trên sợi dây ấy, ngủ ngáy khò khò. Ông lấy làm lạ quý dài ở dưới đất để đợi. Ước một trống canh đạo nhân ngồi dậy nói:

- Ông có phải là ông Thám hoa người làng Hoài Bảo không?

Ông dập đầu vâng nhận, xin bỏ việc côi đời theo đi tu tiên. Đạo nhân vung ngón tay trở một vòng rồi nói:

- Ông có số nhưng không có mệnh, đừng nên tự khổ.

Ông cố nài xin thì đạo nhân nói:

- Tu tiên phải ăn kiêng nhiều thứ mà thịt chó là một, vậy ông có thể kiêng được không?

Ông nói kiêng được. Đạo nhân bèn cuốn dây buộc gậy, đưa cho ông vác đi theo. Trải qua các núi sông, đều thấy khác phong cảnh ngày trước. Đến một cái chợ, mùi thịt chó ở trong hàng cơm thơm sực đưa vào lỗ mũi, ông thèm quá không thể nén được, xin cho ăn một bữa rồi từ rày thôi hẳn. Đạo nhân bằng lòng cầm hộ gậy và dây để cho ông vào. Ông ăn no rồi đi ra, đạo nhân bảo:

- Ta là Trần Đồ Nam đây. Ông có số không mệnh, thôi đừng nên tự khổ nữa.

Bèn trao cho ông một phương thuốc chữa trâu bò rồi vụt biến đi không trông thấy đâu nữa. Ông chùi mắt nhận kỹ, té ra đây là chợ Cầu Lim ở làng Nội Duệ, cách núi Lạn Kha mới độ chừng một dặm, ngăn ngơ buồn tiếc một hồi lâu.

ÔNG BÙI HUY BÍCH

Tùng Niên

Năm Cảnh Hưng Nhâm Dần (1782), chúa Điện Đô trẻ thơ lên cầm quyền chính, xa gần đều nô náo. Ngày 25 tháng Mười, quân Tam phủ làm loạn, phù lập con nướn của chúa cũ là Tông lên ngôi, đó là Đoan Nam Vương. Ông Bùi Huy Bích ở trong chính phủ, hết sức chèo chống, trong ngoài mới được tạm yên ổn.

Bấy giờ dưới lấn trên suy, rường mối trong triều ngày càng nát nát, ông lo lắng, thường vẫn thở ngán than dài. Bài văn khóc ông Quyền phủ Hồ Sĩ Đống, ông có những câu:

“Trên triều đình chính sự bừa bãi, lại thêm mùa màng bị nước lụt sâu cấy, đương mong ông hoặc có cứu chữa được tình thế chẳng. Nay ông từ trần thì tôi lại chưa được tránh bước người hiền để lui về nuôi giữ cái ngu của mình”.

Coi đó thấy tấm lòng của ông tỏ bày ra ở lời nói.

Một hôm ông chiêm bao thấy chúa Nghị Tổ Ân Vương ngự đi chơi núi, ông quỳ khải rằng:

- Việc nước đến cơ hỏng mất, còn mong ở đấng Tiên thánh vương sẽ tính kế cho xã tắc.

Chúa thở dài không nói gì, chỉ trở tay xuống dưới núi thì thấy ở giữa đám núi thịt bết máu, mũ xiêm xe kiệu bề bộn ngổn ngang không biết bao nhiêu mà kể. Rồi đó mấy lần ông xin thoái chức nhưng không được. Chưa bao lâu nước mất.

THÁP BÁO THIÊN

Tùng Niên

Cây tháp Đại Thắng Tư Thiên ở chùa Báo Thiên dựng từ đời vua Lý Thánh Tông. Tháp xây mười hai tầng, cao mấy chục trượng. Đời vẫn nói *An Nam tứ khí* 安南四器, nghĩa là nước An Nam có bốn cái công trình lớn thì tháp này là một(121). Khoảng năm Tuyên Đức nhà Minh, đức Thái Tổ hoàng đế Tiên triều tiến binh vây Đông Đô, viên quan giữ thành là Thành Sơn hầu Vương Thông phá hủy cây tháp để chế súng đá làm kế giữ thành.

Tiên triều nhân nền cũ, đắp cái núi đất phủ lên trên. Sau hồi vạc đổi, chùa bỏ hoang làm chợ Báo Thiên, núi làm chỗ xử tử người tội. Năm Giáp Dần (1791), đắp lấy những gạch đá nền tháp để tu bổ thành Thăng Long. Nền tháp mở ra, thấy có 8 pho tượng Kim Cương chia đứng bốn cửa, ngoài ra còn những tượng người tiên, chim muông, cho đến những giường ghế chén bát không thể kể xiết, toàn bằng đá cả. Những hòn gạch hoa, hòn nào cũng khắc những chữ 李家弟 三帝龍瑞太平四年造, nghĩa là niên hiệu Long Thụy Thái Bình thứ tư đời vua thứ ba triều nhà Lý đúc nên. Tôi bấy giờ có câu thơ rằng:

李氏故基成茂草

Lý thị cố cơ thành mậu thảo,

太平遺號委殘磚

Thái Bình di hiệu ủy tàn chuyên.

Nghĩa là:

Lý thị nền xưa vàng cỏ tốt,

Thái Bình hiệu cũ đồng sành hoang.

Đó là lời kỹ thực(122) vậy.

TIÊN QUẬN CHÚA

Tùng Niên

Cô gái yêu của bà chính phi chúa Minh Vương (Trịnh Doanh) là Tiên quận chúa, đã đính hôn với Hoàng thái tử Duy Vĩ.

Chưa thành hôn thì bà tạ thế, sau khi khâm liệm, truy sách làm Hoàng thái tử phi, lễ thành phục làm ở dinh bà Liêu công phu nhân là bảo mẫu của quận chúa.

Trước đó một ngày, Thái tử túc trực ở nhà tang, chiêm bao thấy kẻ Yết giả áo vàng dẫn vào vương phủ, trông thấy lâu đài cùng kẻ hầu người hạ, sang trọng gấp mười lần ngày thường.

Thái tử cùng quận chúa ngồi uống trà xong, nhà bếp dọn một mâm cỗ lên để hai người ăn, đàn sáo nổi lên ríu rít. Ăn xong, trò chuyện lúc lâu rồi quận chúa sai buồng mản cùng nhau âu yếm. Trong khi nằm trên gối, quận chúa bảo với Thái tử rằng:

- Thiếp chịu mệnh Thượng đế, xuống trần cùng Điện hạ kết mối duyên nợ kiếp xưa. Mới đây vì bà phi mẫu của thiếp đức mỏng, nên thiếp phải về, không được ở lại để hầu khăn túi cho trọn vẹn. Nhưng cái ngày sum họp sau đây cũng chẳng xa xôi là mấy, xin đừng nên bận nghĩ đến thiếp cho lắm.

Lúc tỉnh dậy hơi rượu chưa phai, hương thừa hã còn ngan ngát ở áo, bèn gọi bà Bảo mẫu nói chuyện cho nghe. Trông phong nghi phục sức của Quận chúa trong giấc chiêm bao, y như lúc ngày thường không khác gì cả.

Không bao lâu Thái tử phải nạn.

NGƯỜI BÁN THAN

Kính Phủ

Hồi họ Nguyễn cũ(123) mất, có kẻ di thần ở ẩn không chịu ra làm quan, lấy nghề bán than làm kế sống. Một hôm giữa đường gặp đám quan quân, ông họ Hoàng trông thấy lấy làm lạ, bảo làm bài thơ bán than bằng quốc ngữ. Mỗ liền làm ngay rằng:

Một gánh kiền khôn ruổi xuống ngàn,

Hỏi chi bán đấy gửi rằng than.

Chuốc mua miễn được đồng tiền tốt,

Hơn thiệt nài bao gốc củi tàn.

Ở với lửa hương cho vẹn tiết,

Thử xem sắt đá có bền gan.

Hận vì nhem nhuốc mong nghề khác,

Song lệ giờ kia lắm kẻ hàn.

Ông Hoàng rất tán thưởng, tặng cho năm quan tiền. Nhưng Mỗ không nhận, liền quấy gánh củi đi.

Xét người di thần của họ Nguyễn cũ này có làm ra thơ rất nhiều, không thể chép hết ra đây được. Hãy xin lục ra một vài bài:

誰分誰合末之何

Thùy phân thùy hợp mạt chi hà,

南北從來是一家

Nam bắc tông lai thị nhất gia.

盪襲官軍歌鼓角

Đãng tập quan quân ca cổ giốc,

奔逋臣主泣山河

Bôn bô thần chúa khấp sơn hà.

皤皤白髮歸何所

Ba Ba bạch phát quy hà sở,

耿耿丹心矢靡他

Cánh cánh đan tâm thỉ mĩ tha.

寄語皇天如悔禍

Ký ngữ hoàng thiên như hối họa,

肯教蒼赤陷兵戈

Khẳng giáo thương xích hãm binh qua.

Nghĩa là: Ai chia ra và hợp lại, chẳng biết làm sao, miền nam miền bắc nguyên xưa nay vẫn là một nhà. Quan quân miền bắc đi đánh chác xong, thối còi gióng trống hát khúc khải hoàn, trong khi ấy thì chúa tôi miền nam chạy trốn long đong mà khóc nổi nước non tan vỡ. Tóc bạc

phối phối biết về nơi nào? Lòng son lòi lọi thề không đổi chác. Nhẫn với ông Hoàng thiên nếu có lòng bản khoán về những tai nạn, há nỡ để cho dân chúng phải hãm vòng binh qua.

II

... (mất câu đầu)

二百年來席久安

Nhị bách niên lai tịch cửu an.

逋隸有情顯聖武

Bô lệ hữu tình ngung thánh võ,

具臣無口罵權奸

Cụ thần vô khẩu mạt quyền gian.

不能絕嶺夷齊鬼

Bất năng tuyệt đỉnh Di Tề quỷ,

何忍新階溥質官

Hà nhẫn tân giai Phổ Chất quan.

尚有先公遺澤想

Thượng hữu Tiên công di Trạch tưởng,

故寧殷義似周頑

Cố ninh Ân nghĩa tự Chu ngoan.

Nghĩa là: ... Hai trăm năm nay chiếu giường yên ổn. Những kẻ hèn hạ còn có lòng cảm đội ơn chúa, đáng thương kẻ bề tôi đủ đầu này không có miệng để mắng đũa gian thần. Đã không lên được đỉnh núi để chết làm con mà Di, Tề(124), sao nỡ còn đứng ở thềm triều mới để lĩnh chức quan như Phổ Chất(125). Vì còn tưởng nhớ đến những ơn xưa của các đấng Tiên công (chúa cũ), cho nên thà làm con người có nghĩa của nhà Ân tuy có giống như tên dân cứng cổ của nhà Chu.

III

當初恨不死忠貞

Đương sơ hận bất tử trung trinh,

千里羈臣趕王京

Thiên lý cơ thần sấn ngọc kinh.

箕子西行悲麥秀

Cơ Tử tây hành bi mạch tú,

文山北渡嘆佯零

Văn Sơn bắc độ thán dương linh.

關河舉目鄉情重

Quan hà cử mục hương tình trọng,

鍾鼎擡頭世味輕

Chung đỉnh đài đầu thế vị khinh.

遥望宋山何處是

Dao vọng Tống Sơn hà xứ thị,

吾先烈祖舊墳塋

Ngô tiên liệt tổ cựu phần dinh.

Nghĩa là: Năm xưa giặc mình chẳng chết theo với chữ trung trinh, nghìn dặm long đong đi đến chốn ngọc kinh này. Ông Cơ Tử trở về quê hương miền tây, buồn trông thấy kinh đô chúa cũ thành ra cánh đồng lúa tốt(126). Ông Văn Sơn vượt bể đi lên mạn bắc khi nước mất và thân mình bị bắt, than thở về cảnh trên mặt bể linh đình(127). Nước mắt trông núi sông, lòng quê nặng trĩu, ngẩng đầu ngó chung đỉnh, mùi đời coi khinh. Xa trông đất Tống Sơn ở về nơi nao, tại đây có những phần mộ của tổ tiên nhà chúa.

Một người con gái của Mỗ lưu lạc ở kinh, vào trong dinh người anh của tước hầu Kiều Nhạc họ Nguyễn, có làm hai câu thơ rằng:

來可亡吳傷浣婦

Lai khả vong Ngô thương cán phụ,

去能存楚愧包胥

Khứ năng tồn Sở quý Bao Tư.

Nghĩa là: Đến có thể làm mất nước Ngô, thương cho người đàn bà giặt sợi (trở Tây Thi), đi có thể giữ còn nước Sở, thẹn thay mình chẳng bằng Bao Tư. Hầu nghe thấy bèn đuổi đi.

Lời phụ xét của người dịch:

Thường đọc sách *Nam Hà tiếp lục*, cũng có thấy nói về vị dị thần này. Sách đó nói:

“Sau khi chúa Nguyễn ở Nam Hà mất, có vị hàn lâm chạy ra bắc ở thành Thăng Long, người ta khuyên làm quan nhưng không chịu làm, nhân làm thơ để tỏ ý”.

Về thơ chữ Hán của vị dị thần này, sách đó chép hơn đây một bài; tựa trung lại có những chữ không giống với ở đây, và một câu thơ thiếu mất trong bài thứ hai ở đây thì sách ấy có đủ. Vậy xin sao lục cả mấy bài ấy ra để tiện tham khảo.

I

北風攜手與誰俱

Bắc phong huề thủ dữ thùi câu,

月色天山影共孤

Nguyệt sắc thiên sơn ảnh cộng cô.

一日十時思故國

Nhất nhật thập thời tư cố quốc,

五更九夢到南州

Ngũ canh cửu mộng đáo nam châu.

不能白水旋車力

Bất năng Bạch Thủy toản xa lực,

空作長安浪渡夫

Không tác Trường An lãng độ phu.

尙有同狔公子在

Thượng hữu Đồng Nai công tử tại,

何堪垂淚嘆羸輸

Hà kham thùy lệ thán doanh thâu.

II

當初恨不子忠貞

Đương sơ hận bất tử trung trinh,

千里崎嶇赴玉京

Thiên lý khi khu phó ngọc kinh.

箕子西行悲麥秀

Cơ Tử tây hành bi mạch tú,

文山北渡嘆丁冷

Văn Sơn bắc độ thán đing linh.

山河舉目鄉情重

Sơn hà cử mục hương tình trọng,

鍾鼎擡頭世味輕

Chung đỉnh đài đầu thế vị khinh.

遙望愛州何處是

Dao vọng Ái Châu hà xứ thị,

吾先列聖舊墳塋

Ngô tiên liệt thánh cựu phần dinh.

III

天將一帶阻江山

Thiên tương nhất dải trở giang san,

二百餘年席九安

Nhị bách dư niên tịch cửu an.

逋隸有懷顯聖澤

Bô lệ hữu hoài ngung thánh trạch,

具臣無口罵權奸

Cụ thần vô khẩu mạ quyền gian.

不能絕嶺夷齊鬼

Bất năng tuyệt đỉnh Di Tề quỷ,

何忍新朝溥質官

Hà nhẫn tân triều Phổ Chất quan.

回想先王遺澤在

Hồi tưởng tiên vương di trạch tại,

故寧殷義作周禎

Cố ninh Ân nghĩa tác Chu ngoan.

IV

時分時合未之何

Thời phân thời hợp mạt chi hà,

南北從來是一家

Nam bắc tông lai thị nhất gia.

蕩定官軍歌鼓角

Đãng định quan quân ca cổ giốc,

逋奔臣子哭山河

Bô bôn thần tử khóc sơn hà.

遙遙白鬢歸何處

Dao dao bạch mấn quy hà xứ,

耿耿丹心矢靡他

Cánh cánh đan tâm thỉ mĩ tha.

何幸天心早悔禍

Hà hạnh thiên tâm tảo hối họa,

免教蒼赤陷干戈

Miễn giao thương xích hãm can qua.

PHẠM TẤU

Kính Phủ

Phạm Tấu người làng Hoàng Xá huyện Đông Quan, con bé của quan Đông các Phạm. Thừa nhỏ thông minh, đọc rộng các sách, văn chương rộng rãi mạnh mẽ. Khi đi khảo, đầu bài phú là 遇合眞君臣 *Ngộ hợp chân quân thần*(128), bài Phạm làm trong đó có một liên(129) rằng:

白帝灰興復之心, 創業之功未半

Bạch đế hôi hưng phục chi tâm, sáng nghiệp chi công vị bán,

五丈洒英雄之淚, 復讎之志難伸

Ngũ trượng sái anh hùng chi lệ, phục thù chí chí nan thân.

Nghĩa là: Thành Bạch Đế nguội lòng hưng phục, công phu sáng nghiệp chưa được nửa vời; gò Ngũ Trượng rơi lệ anh hùng, chí nguyện phục thù khôn bề thỏa mãn.

Khảo quan khen là có tài lạ, lấy lên đỗ đầu.

Khoảng năm Vĩnh Hựu, ông Đông các vì có ông cậu là Nguyễn Công Hãng bị tội, phải trốn lên Trấn Ninh, theo các ông Duy Chúc, Duy Mật dấy quân; ra trận bị bắt, triều đình kể tội rằng:

- Nhà ngươi là người trong khoa giáp, làm sao lại đi theo đảng nghịch?

Ông cười:

- Đã lâu nay danh phận không rõ, còn ai biết đâu mà phân biệt thuận nghịch.

Nói rồi vươn cổ ra chịu hình.

Phạm Tấu vì thế đâm ra bừa bãi, rượu uống bết nhè, đuổi cả vợ con, chẳng thiết gì xây dựng sản nghiệp, thường đi chơi khắp nơi sơn thủy, gặp lúc đắc ý thì uống rượu hát ngao, mãi miết quên về. Bấy giờ Quốc lão Hoàn quận công Nguyễn Hoãn ham đọc những sách về đạo gia, ngờ là Phạm có tiên thuật, mời đến chơi để hỏi. Phạm cười mà rằng:

- Ông là người nổi chìm trong bể hoạn, dạy làm sao được?

Quốc lão im lặng rồi mời đi. Cuối đời Cảnh Hưng, có người gặp ở chợ Thanh Hà, áo rách chân không, thản nhiên ngâm vịnh, cho rượu không từ chối, cho tiền cũng lấy nhưng ném tung cho lũ trẻ con tranh nhau nhặt làm vui. Quan huyện nghe nói mời đến nhà, thết cơm không ăn, chỉ uống rượu vô hạn; ngủ thì cứ để cả chân lấm, mời đi rửa nhất định không nghe. Ở mấy ngày rồi đi. Sau khi vạc đổi, chẳng rõ ra đời thế nào.

ÔNG VÕ CÔNG TRẤN

Kính Phủ

Quan Thượng thư Võ Công Trấn, người làng Đôn Thư, huyện Thanh Oai, thuở trẻ buông tuồng, không chịu ở trong vòng câu thúc. Khi ông đến trọ học ở làng Thiết Ứng, huyện Đông Ngàn, cổng làng có cái miếu yêu tinh rất thiêng, ông vẫn thường đùa nghịch. Một đêm ngồi học, thấy một người con gái áo trắng quần đen, ren rén đi đến, ngồi ở bên cạnh bàn học. Ông cho là một cô con gái lẳng lơ, cầm bút viết đùa ở khoảng không hai chữ “tróc phọc” (130) rồi ôm lấy. Vừa ôm thì thoát chốc đã không thấy gì, nhưng buông tay ra thì nàng vẫn ngồi đấy, bấy giờ mới biết nàng là một yêu nữ. Nàng ngồi lẳng lúc lâu không thể đi được, kêu van ông tha cho. Ông nhất định không nghe. Gà đã gáy nàng kêu van rằng:

- U mình khác nẻo, sao lại bức bách nhau như vậy, há không nghe chuyện đốt soi sùng tê ở hòn Ngưu Chử(131) ư?

Ông hứa tha cho, và hỏi về tiền trình của mình. Nàng nói:

- Tiết lộ cơ giời, tội lỗi không nhỏ, nhưng đối với ông thì tôi không dám giấu. Ông sau sẽ đỗ Đông các cả hai nước, mong đừng quên tôi.

Ông nhận nhời rồi viết vào khoảng không một chữ “giải” (132). Nàng thoát chốc đã biến đi mất. Sau đó một lát thì sấm mưa ùng ùng rồi nghe thấy người ta nói là cái miếu yêu tinh đã bị sét đánh tan nát.

Sau ông thi đỗ tiến sĩ khoa Giáp Thìn niên hiệu Bảo Thái. Thi Đông các cũng trúng cách. Phụng mệnh đi sứ Tàu, gặp kỳ thi Đông các, cũng lại trúng cách. Cảm vì lời nói linh nghiệm, mỗi bữa ăn thường đặt đĩa bát khẩn mời. Ông làm quan trong triều, cứng thẳng không kiêng tránh người quyền yếu. Khoảng năm Cảnh Hưng, quan đến Ngự sử. Bấy giờ chức Thượng phủ là Luyện quận công Đỗ Thế Giai, vì là bầy tôi cũ ở nơi tiềm ẩn, nên được chúa rất tin yêu, cầm quyền chính có vẻ chuyên quyết. Ông xin chúa chém đầu viên ấy, chúa rất khen là người thẳng. Khi về trí sĩ, được tặng chức Thượng thư. Con gái ông gả cho con giai ông Tô Thế Huy ở làng Bình Đặng. Mới ăn hỏi xong thì người con giai chết. Người con gái về nhà họ Tô chịu tang. Sau bà mẹ là Mỗ phu nhân thương vì trẻ trung, ép đi tái giá. Nàng nói:

- Chính chuyên một tiết là đạo người đàn bà, đâu còn nghĩ đến sự gì nữa.

Mẹ chồng là Mỗ phu nhân cũng khuyên, nhưng nàng thề không lấy ai cả rồi già đời ở nhà chồng.

ÔNG NGUYỄN TRẬT

Kính Phủ

Ông Nguyễn Trật người làng Nguyệt Viên huyện Hoằng Hóa (Thanh Hóa). Tuổi trẻ thi đỗ khoa hương rồi bỏ học đã lâu, không nhìn đến sách vở nữa. Bấy giờ có viên trúng thức Mỗ ở làng Bột Thái trong cùng huyện, học rộng văn hay, tự cậy tài mình lấy khoa bảng dễ như giở bàn tay vậy. Có ông cụ già đến chơi trong hạt, giỏi nghề địa lý, thường đến nhà Mỗ bảo rằng:

- Lão mեն tài học của thầy, nay có ngôi đất phát tiến sĩ khoa này, nếu thầy muốn để mả thì lão xin biếu.

Mỗ nói:

- Khoa bảng tự tay tôi sẽ làm ra được, hà tất phải nhờ đến thuật phong thủy.

Ông cụ già im lặng rồi đi. Đến làng Nguyệt Viên tìm vào nhà ông Trật, cụ già cũng bảo như vậy. Ông Trật cảm tạ mà rằng:

- Giàu sang ai là người chẳng muốn, nhưng tôi bỏ học đã lâu, đâu còn dám mong điều ấy nữa.

Cụ già cười:

- Tiến sĩ phải học mới được thì có gì là lạ.

Cụ già ở đấy mấy tháng, ông tiếp đãi rất là kính cẩn. Rồi ông cụ cho ông ngôi đất ấy, và bảo lấy sách vở ra đốt hết đi. Ai thấy thế cũng cười là nhảm.

Đến khoa thi hội ấy, ông miến cưỡng sắm sửa hành trang tới kinh. Cùng với các người quen cùng trọ một nhà, rồi trường thứ nhất, trường thứ hai, nhờ sức giúp đỡ được trúng. Trường thứ ba nhật được mảnh giấy, theo đúng mà chép cũng trúng. Đến trường thứ tư trước khi vào mấy ngày, các bạn cùng trọ đều đi ra ngoài xoay lấy tiền nhu dụng vào trường, ông lại ở nhà trọ ngủ ngày, chiêm bao thấy có vị thần bảo:

- Khương! Khương!

Tỉnh dậy ông nghĩ:

- Khương chắc là gừng rồi!

Hôm vào trường, ông bèn đem theo gừng vào. Bấy giờ tiết xuân giá rét, ông ở trong trường thì đốt lửa đun nước để sưởi ấm. Chiều tối, bên cạnh có một thí sinh vật vã kêu rên vì đau bụng lắm, nghe ra thì chính là viên trúng thức Mỗ ở làng Bột Thái. Ông đun nước gừng đổ cho uống. Một lát, người ấy lấy ra một quyển văn mà bảo:

- Đó là bài văn rất đặc ý của tôi, may chưa đề tên, xin để đền báo. Mong ông anh công ra khỏi trường, dù chết cũng không bán khoán gì nữa.

Ông y theo lời. Ra khỏi trường, Mỗ lại phát bệnh mà chết.

Rồi đó ông trúng cách, ở kinh đô người ta huyền truyền cả lên. Việc tiết lộ ra. Triều đình bãi kỳ thi đình. Lâu lâu mới trao cho chức quan tiến sĩ trút áo vải. Từ đấy bèn thành lệ [\(133\)](#).

ÔNG VÕ SỬỞNG

Tùng Niên

Trong năm Cảnh Hưng, Hoàng thái tử bị phế, giam ở dinh viên nội thần Thiều quận công. Trúng thức Võ Sưởng là cháu tăng của cụ Thám hoa Võ Thành, hậm hực đau đớn, bèn cử hợp nghĩa sĩ, mưu việc phản chính. Việc tiết lộ ra, bị đem hành hình ở bến Đông. Những người thân cận và bè bạn, đều nín hơi không ai dám nhìn đoái đến. Có viên giám sinh Nguyễn Liên người làng Phan Khê huyện Lương Tài, đem rượu đến để cùng ông Sưởng quyết biệt. Ông uống rượu say, làm bài thơ để tặng Nguyễn Liên trong có câu:

一身自任綱常重

Nhất thân tự nhiệm cương thường trọng.

Nghĩa là: Một thân gánh lấy cương thường nặng; rồi vươn cổ ra chịu chết.

Nguyễn Liên lo liệu việc tang cho chu tất. Năm Đinh Mùi niên hiệu Chiêu Thống, ông được truy tặng tước vương và người con nuôi của ông là Hiệu được phong quan. Triều đình lại bàn dựng đền để tinh biểu. Năm Kỷ Dậu vạc đổi, Hiệu theo vua sang Yên Kinh rồi mất tại đất khách, có người đầy tớ đem tang về.

CHUYẾT CÔNG THIÊN SƯ

Tùng Niên

Chùa Phật Tích ở núi Lạn Kha, do vua Anh Tông nhà Lý dựng lên, cung son điện vẽ, san sát trong núi. Có người can, vua cười mà bảo:

- Đó là cái duyên xưa của trẫm.

Hồi tiên triều trung hưng, có người thầy tu ở bên Tàu là Chuyết Công thiền sư, đi thuyền bẻ chở hơn ba vạn quyển kinh *Tam Tạng* sang nam, lên núi Lạn Kha, hoảng nhiên như có hiểu ra một điều gì, nhân làm nhà trụ trì ở đấy. Ở được hơn một năm, kinh *Tam Tạng* bị chuột gặm mất đến một nửa, sư lại về Tàu lấy kinh đem sang. Sau đời Lý Trần, đạo Phật lại hưng thịnh lên đều là công sức của sư cả.

Ông Trang nguyên Nguyễn Đăng Đạo người làng Hoài Bảo thuở nhỏ đi học qua chùa ấy, sư thường lấy giàu cau ra thết. Một hôm ông đùa: viết một chữ 獻 *hiến* ở dưới đáy hộp giàu rồi đi. Sư đón đường lúc ông về rồi mời vào bảo rằng:

- Đó là hai chữ 南犬 *nam khuyển* hợp lại. Ta vốn biết nhà thầy là trạng nguyên nước Nam, nhưng thầy có muốn nổi tiếng ở tận triều đình Trung Quốc không?

Ông giật mình sụp lạy xin dạy bảo cho. Sư trao cho một quyển sách mà bảo:

- Đó là một quyển sách bí mật, khoảng năm Sùng Trinh, Thuận Trị bản in bị cháy; nhà thầy nên ghi nhớ lấy.

Rồi sau ông thi đỗ và phụng mệnh đi sứ Tàu. Trong khi nhàn rỗi ở quán khách thường được vua Tàu vời vào hỏi han, ông viện dẫn cổ kim nhiều điều ra ngoài ý nghĩ của người ta, được vua Tàu rất là khen ngợi, ban cấp rất hậu. Như vậy đã đúng như lời của sư nói.

Sư nguyên họ Lý tên là Thiên Tô, cùng tên với vua Lý Anh Tông. Chân thân đến nay hãy còn. Có người ngờ sư là hậu thân của vua Anh Tông.

ĐỀN LINH LANG

Tùng Niên

Hồ Tây thuộc huyện Quảng Đức, là một nơi phong cảnh đẹp ở kinh sư. Khói sóng mơ hồ trông rất bát ngát. Các vua đời nhà Lý thường ngự giá ra chơi ở đấy. Một hôm có một cô gái quê giặt lụa ở bên bờ hồ, vua trông thấy đem lòng yêu, vờ vào hành cung cột gheo. Người con gái về nhà có chửa, sinh ra được một con trai, mặt mũi vuông tượng. Năm đứa trẻ lên 8 tuổi, các người kỳ cựu trong làng đem việc ấy tâu lên. Vua vờ vào cung, cho dự vào hàng cuối trong các hoàng tử. Không bao lâu cậu hoàng tử ấy lên đậu, mỗi hạt đậu to như hạt ngô, liền xin xít không hở chỗ nào, đến ba tháng giòi mà vẫn chẳng khỏi; các thầy thuốc nhà nước đều phải bó tay, không còn xoay xỏa kể gì được. Vua đến thăm thử dài, thương hại. Chợt hoàng tử tâu với vua rằng:

- Con bị đày xuống có kỳ, xin vua cha bắt tất phải buồn phiền lắm, con sắp sửa đi đây. Nếu vua cha có lòng rủ thương, thì xin sai lập cho con mấy gian đền thờ ở chỗ nào con đi mất.

Vua bằng lòng. Hoàng tử liền bảo buông màn, đuổi hết những người hầu hạ ra. Chờng một trống canh, mở màn xem, thấy có một con thuồng luồng từ trên nệm bò xuống dưới đất rồi quày quảy đi, đến bờ hồ Linh Lang ngóng cổ nhìn những cây cổ thụ và trái núi đất rồi bò xuống nước biến mất. Người đi dò theo về tâu với vua, vua truyền chỉ lập đền(134); thường phong cho đến Thượng đẳng thần, cùng đền Bạch Mã đều là vị Đại thành hoàng ở Kinh đô. Mỗi năm cứ ngày lập xuân, quan coi việc đem trâu đất đến dưới đền làm lễ nghênh xuân, các triều sau đều theo lệ ấy.

CHÙA KIM LIÊN

Tùng Niên

Mùa thu năm Đinh Tỵ (1797), tôi cùng các ông Nguyễn Thạch Hiên, Nguyễn Kính Phủ, Hoàng Hy Đỗ, đến chơi chùa Kim Liên ở làng Nghi Tàm, nơi trụ trì cũ của hòa thượng Huệ là nội thị của chúa Uy Vương. Chùa xoay lưng ra sông Nhị Hà, Hồ Tây diều quanh ở trước mặt, khói sóng man mác, trời nước một màu. Lốp trong lốp ngoài đều năm gian, trong năm Cảnh Hưng lấy gỗ ở chùa Quán Sứ mà dựng nên, làm rất tỉ mỉ và kiên cố. Đàng phía tả có mấy cái gò, xen lẫn vào trong khoảng nước hồ, tháp gạch xây ở trên, khóm trúc cội tùng phơ phất. Đàng hậu đường có một pho tượng, đội mũ cầm hốt và mặc áo văn lĩnh, hai chân đứng không, mày râu như vẽ, truyền rằng đó là ngự dung của chúa Uy Vương. Bấy giờ chú tiểu trong chùa đang bẻ hoa đồng về tiến cúng, đón mời khách vào ngồi chơi. Sân thềm xen lẫn cỏ và đá. Cúc giậu mới vàng, cùng nhau ra xem ngắm lúc lâu rồi về.

Chao ôi, mây trắng chó xanh, biến đổi đi trong chớp mắt. Người xem đây cũng nên tỉnh ngộ ra vậy.

THÁNH TÔNG HOÀNG ĐẾ

Tùng Niên

Đức Quang Thục hoàng thái hậu tiên triều thừa còn là người thường, ở ngụ tại phía tây nam nhà Quốc tử giám. Nước hồ bao bọc chỗ nhà ở, các thầy tướng số cho là có khí thiên tử. Bà thường vì họ hàng mà đi lại với các bà phi tần ở trong cung, vua Thái Tông trông thấy bà yêu thương đến, về nhà bèn có mang. Đúng kỳ sinh ra được một người con giai, thiên tư tuyệt lạ. Thừa nhỏ người con giai theo mẹ ở lẫn trong đám dân chúng, nổi tiếng về văn học. Vua Thái Tông nghe tiếng vờ vào, phong cho tước vương. Đến sau nhân khi Lệ Đức hầu bị phế, các đại thần đón vị vương này lập lên làm vua, đó là vua Thánh Tông. Vua tự chỗ ngôi nhà ở cũ của Thái hậu, dựng ra tòa điện Huy Văn, bên cạnh dựng ngôi chùa Dục Khánh.

Khi trước Thái hậu có mang, chiêm bao đến chỗ Thượng đế, thấy Thượng đế sai một vị tiên đồng giáng thế, làm vua nước Nam, và sai một ngọc nữ xuống để sánh đôi. Tiên đồng không vâng chỉ ngay, Thượng đế giận, ném hòn ngọc khuê làm xây xát ở trán. Tiên đồng dập đầu lay tạ, xin ban cho một người giúp việc. Thượng đế trở một viên trong ban sai theo đi giúp. Viên ấy cố từ. Ngài hấy vào vai không cho từ. Lúc bừng tỉnh giấc thì sinh ra vua Thánh Tông, vết ngọc khuê ở trên trán hấy còn rõ rệt.

Khi đã lên ngôi đại bảo, vua tôn bà mẹ lên làm Hoàng thái hậu. Thường dò tìm người trong chiêm bao không gặp, lòng vẫn không vui. Khoảng đầu niên hiệu Thái Hòa, Tế Văn hầu Nguyễn Trãi phải tội, có người con gái bị bắt vào quan sung vào hàng gái nữ nhạc. Người con gái ấy tư sắc tuyệt đẹp, tuổi đã 17, 18 mà vẫn không biết nói.

Đến nay theo đồng bạn vào cung hầu yến, vì cảm nên chỉ ngồi gõ phách. Khi vua bước lên ngự tọa, người con gái bỗng cầm phách hát, tiếng vang lanh lảnh, phảng phất như khúc điệu Quân thiên. Vua lấy làm lạ hỏi, thì thấy người con gái nói năng đi đứng, giống hệt người ngọc nữ trên chỗ Thượng đế, bèn thu nạp vào hậu cung, sách lập làm Trường Lạc hoàng hậu.

Khoa Quý Mùi niên hiệu Quang Thuận thứ tư, ngày truyền loa về kỳ thi đình, Trạng nguyên Lương Thế Vinh vào bài yết, hai vai hơi lệch không được bằng phẳng. Vua kinh dị, sai vào bài yết Hoàng thái hậu, Thái hậu nhớ lại mộng cũ thì thấy hình mạo Lương rất đúng. Hai cung đều rất vui vẻ. Vua bèn trao cho Lương làm chức Hàn lâm Thị độc, dự vào hàng 28 ngôi sao ở trên Tào Đàn. Những thơ văn xướng họa, có chép ở trong các tập *Thiên Nam dư hạ* và bức đồ *Bình Nam chi chưởng*.

Chùa Dục Khánh sau lầm ra là chùa Hoa Văn. Điện ở phía tả, thờ thần khảm đức Quang Thục hoàng thái hậu. Khoảng năm Dương Đức đời Trung hưng, Tây cung hoàng thái hậu chữa lại chùa Khán Sơn, phía hữu chính điện thờ ngự dung đức Thần Tông Uyên hoàng đế. Hồi vạc đổi trở về sau, chùa Khán Sơn đổ nát, ngự dung thiên đến chùa Dục Khánh, nay ở gian hữu nếp tiền đường; có người lầm bảo là tượng đức Thánh Tông.

(Người con gái hát có câu: Hẹn nhau từ thừa Thiên đình, lòng nào nữ phụ tâm tình thế ru?)

THƠ ĐỀ SAU

坐策興亡一愴然

Tọa sách hưng vong nhất thảng nhiên,

無窮人世奈何天

Vô cùng nhân thế nại hà thiên.

鄭黎自作離膏蟹

Trịnh Lê tự tác ly cao giải,

岳惠爭誇得腐鳶

Nhạc Huệ tranh khoa đắc hủ diên.

切齒烏南鵬郡劍

Thiệt xỉ Ô nam Bằng quận Kiếm,

傷心燕北馬僮甄

Thương tâm Yên bắc mã đồng chuyên.

那堪讀竟桑滄傳

Na kham độc cánh Tang thương truyện,

此日還今又百年

Thử nhật hoàn kim hựu bách niên.

Tháng Trọng thu năm Bính Thân niên hiệu Thành Thái⁽¹³⁵⁾

*Kẻ hậu học Phó bảng khoa Canh Thìn,
Quang Lộc tự Thiếu Khanh, Đồng Giang Phạm Văn Tâm*

Bái đề

Dịch:

Nghĩ cuộc hưng vong luống ngậm ngùi,

Khôn đem thế sự hỏi ông trời.

Trịnh Lê của để lia mai cứng,

Nhạc Huệ điều khoe được miếng hôi.

Tím ruột quận Bằng gương Huế sắc,

Đau lòng bồi ngựa gạch Yên tươi.

Tang thương truyện đọc buồn sao xiết,

Lại một trăm năm cách đấy rồi.

--- HẾT ---

TỦ SÁCH ALPHA DI SẢN - GÓC NHÌN SỬ VIỆT

Là một trong những quốc gia có truyền thống văn hóa lâu đời, nhưng một vấn đề Việt Nam đang phải đối mặt chính là sự đứt gãy về mặt lịch sử - văn hóa. Tức thế hệ trẻ ngày nay không còn được đọc hay hiểu được những gì ông cha ta đã viết. Ngoài trừ giới nghiên cứu, đại bộ phận học sinh, sinh viên ít hoặc không có thói quen tìm đọc những thư tịch cổ của ông cha. Góp phần dẫn đến tình trạng đó là việc rất nhiều tài liệu thư tịch cổ quý giá của ông cha ta hoặc nằm sâu trong các kho tàng của các viện nghiên cứu như Viện Sử học Việt Nam, Viện Triết, Viện Hán-Nôm, Thư viện Quốc gia..., hoặc thuộc về các tổ chức cá nhân sưu tầm sách cổ.

Trước thực tế trên, Công ty cổ phần sách Alpha (Alpha Books) xây dựng đề án Alpha Di sản, mục đích dịch thuật, tái bản các tài liệu, thư tịch cổ có giá trị... Hơn hết, Alpha Books mong muốn xây dựng lại nguồn tài liệu phong phú, đa dạng, chất lượng cho các cơ quan, trường học, thư viện, các trung tâm nghiên cứu và cá nhân, nhằm gìn giữ vốn quý văn hóa của dân tộc.

Sách đã xuất bản:

1. *Nguyễn Văn Vĩnh (1882-1936) - Nhất Tâm*
2. *Giai thoại và sấm ký Trạng Trình - Phạm Đan Quế*
3. *Gia Định Tổng trấn Tả quân Lê Văn Duyệt - Ngô Tất Tố*
4. *Lương Ngọc Quyến - Đào Trinh Nhất*
5. *Phan Đình Phùng - Đào Trinh Nhất*
6. *Nam Bộ với triều Nguyễn và Huế xưa - Nguyễn Đắc Xuân*
7. *Bắc cung hoàng hậu Lê Ngọc Hân thời ở Huế - Nguyễn Đắc Xuân*
8. *Vua bà Triệu Ẩu - Nguyễn Tử Siêu*
9. *Ngô Vương Quyền - Trần Thanh Mại*
10. *Việt Nam anh kiệt - Phạm Minh Kiên*
11. *Bánh xe khứ quốc - Phan Trần Chúc*
12. *Việt Nam Lê Thái Tổ - Nguyễn Chánh Sắt*

Sách gốc ghi Phạm Đình Hồ mất năm 1840, nhưng chúng tôi theo Trần Văn Giáp, trong Lược truyện các tác gia Việt Nam (tập 1) thì Phạm Đình Hồ mất năm 1839. (BT) Huyện này do phủ Bình Giang kiêm lý. Vua Tần Thủy Hoàng đốt sách chôn học trò. Ban Cố và Tư Mã Thiên là hai nhà làm sử đời Hán. Bính Thân (1896). Tiểu xuân là tháng Mười, thượng cán là thượng tuần. Tiếng xưng cha mình đối với người khác. (BT) Toàn bộ những chú thích có đề (BT) là của người biên tập Ông Nguyễn Hoàn. Chưa rõ tên. Ông trạng Vũ Duê. Đời nhà Chu bên Tàu, trong triều đặt ra hai chức Tả sử và Hữu sử; Tả sử chép việc vua làm, Hữu sử chép việc vua nói. Câu này ở thiên Lễ vận trong Kinh Lễ. Phần nhiều chuyện ghi rõ tên của một trong hai tác giả, nhưng thỉnh thoảng cũng có những chuyện bỏ trống, vậy xin cứ để khuyết nghi. Chợ này ở phía Tây Nam hồ Gươm bấy giờ. Nơi vua tạm trú (BT). Núi Thầy. Quân tử chỉ nhà Nho chân chính. Phủ Phụng Thiên bấy giờ lĩnh hai huyện Thọ Xương, Quảng Đức, là đất kinh kỳ, chứ không thuộc vào trấn nào. Cũng như phủ Thừa Thiên ở Trung kỳ sau này thống hạt sáu huyện, là đất kinh kỳ, chứ không thuộc tỉnh nào. Quảng Đức đến năm Gia Long thứ tư đổi là Vĩnh Thuận. Nguyễn Công Hãng (1679-1732) người làng Phù Chẩn, huyện Đông Ngạn, trấn Kinh Bắc, làm tể tướng về triều các vua Dụ Tông và Vĩnh Khánh, rồi bị chúa Trịnh Giang biếm chức và bắt phải tự tử từ năm Long Đức nguyên niên (1732). Ở đây phải là Nguyễn Hoàn (1731-1791), người làng Lan Khê, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đậu tiến sĩ năm 1743, đời Trịnh Sâm, làm đến chức Thái phó quốc lão phong tước Hoãn quận công chứ không phải Nguyễn Công Hãng. Niên hiệu của vua Hy Tông (1680-1705). Mỗi kỷ là 12 năm. Bấy giờ vua Hiến Tông trị vì năm thứ 46. Cái vạc để thờ ở trước miếu nhà vua. Vạc đổi là nói sự thay triều đổi họ, nhà Lê mất. Tây Sơn lên, tức năm 1788. Tức Trịnh Sâm (1767-1782) Quảng hàn là cung trăng. Quân thiên là khúc nhạc trên trời. Khải nghĩa như tàu. (BT) Thuộc tỉnh Vĩnh Phúc. Phủ tức là nhà ở của những ông quan to. (BT) Nghi việc quốc chính. Năm này Bắc Bình Vương đem quân ra Bắc diệt Trịnh (1786). Nay là huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Nguyễn Văn Giai người làng Phù Lưu trong huyện này. Con rể chúa. Chúa ở đây là Trịnh Tùng (1570-1623). Phó mẫu là người giữ việc trông nom dạy bảo quận chúa lúc nhỏ. Vì ông nghĩ cá không có đuôi, tức là không có hậu. Chỗ này có hai dòng hình như mất chữ nên thiếu nghĩa, tạm lược. Nay là làng Côi Tri. (BT) Tục gọi khăn mào gà. Lúc trước, bác nông phu còn đội cái khăn ma, nên không ai trông thấy; mất cái khăn, bác mới hiện chân hình. Mũ phốc đầu tức là mũ cánh chuồn. Hai cánh nguyên xưa là hai cánh đai buộc ở đằng sau, sau mới làm bằng sắt để giương ra như vậy. 1709-1729. (BT) Thuộc Lạng Sơn. Hặc cũng như bắt bẻ. (BT) Chỉ nhà Thanh. (BT) Tương truyền, nước giếng ở thành Cổ Loa mà đem rửa ngọc thì viên ngọc sáng ngời. (BT) Áo có miếng thêu dính vào đằng trước và đằng sau, gọi là bổ phục. Dùng các hình thêu chim muông để chia định văn võ và cao thấp. Đời Lê, giấy tờ của các quan đệ lên chúa Trịnh gọi là tờ khải; nói với chúa cũng gọi là khải. Ông tổ năm đời Trung Liệt công là người nước ta, theo quân Minh sang Trung Hoa, nối đời ở lại thành Ứng Sơn (Hồ Bắc). Trung Liệt công tên là Liễn, đỗ tiến sĩ nhà Minh, làm quan đến Tả đô ngự sử, vì hặc Ngụy Trung Hiền mà bị hại. Sau được truy phong và lập đền thờ. Nhà cũ hãy còn. Khi ông Công Hãng đi sứ, con cháu có đem những đạo số cũ ra cho xem. Xem chữ viết, đếm nét mà bói. (BT) Cấp lưu là dòng nước chảy xiết; dừng thoái là mạnh dần rút lui. Ý nói làm quan đương lúc đắc ý nên cáo về. Chữ cảnh trên có chữ nhật là mặt trời, dưới có chữ kinh là kinh đô. Chú sinh là việc sinh tử. (BT) Một kỷ là mười hai năm. Nhà riêng. (BT) Tức Trịnh Sâm (1767-1782). (BT) Tình hình gần đây. (BT) Là đất của chúa Nguyễn thời kỳ đó, nay là Quảng Nam và Thừa Thiên. Tức sông Gianh. (BT) Chàng Năm ở trong chuyện này là ông Đào Duy Từ. Tiềm đế: Ngôi nhà của vị vua lúc chưa lên làm vua. (BT) Chuyện Ngự phủ vào Đào nguyên. Tục gọi làng Gia, thuộc huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội bây giờ. Thông là làng Đoàn Tùng. Thượng Thông trở ông Đỗ Ưông, Thượng Nhữ trở ông Nhữ Công Tông. Đông Luân là làng ông Bùi Thế Vinh. Thuộc Sơn Tây, Hà Nội. Bích Cơ là tên một người đàn bà. Chưa rõ việc này là việc gì. Hồi lang: hành lang uốn khúc. (BT) Nơi được người ta thờ cúng đời đời. (BT) Phù lục: Bùa phép, bùa chú. (BT) Tinh biểu: ban khen, khen ngợi. (BT) Tỉnh nguyên là đỗ đầu tỉnh. (BT) Nghĩa là: Soi gương vẽ mây, một nét hóa thành hai nét. Song chữ điểm ở đây là tên bà Điểm, thành ra nghĩa là một bà Điểm hóa hai bà Điểm. Nghĩa là: Kề ao ngắm nguyệt, một vàng hóa thành hai vàng. Song chữ luân ở đây lại là tên ông Luân, thành ra nghĩa là một ông Luân thành hai ông Luân. Tức ngày giỗ. (BT) Tức Hà Nội ngày nay. (BT) Bà này không phải sinh mẫu vua Thái Tông, nhưng có

công nuôi dạy, nên vua cũng coi như mẹ. Hán Cao Tổ khi còn hàn vi, hay vào ẩn nấu ở núi Mang Đường; sách nói là khi ấy, thường có đám mây ngũ sắc che ở trên. Hán Cao Tổ bị quân Sở vây ở Tuy Thủy, nhờ có một trận gió bão tung cát mù mịt, mới được giải vây mà thoát nạn. Khi vua Quang Võ hết lương ở sông Hồ Đà, có Phùng Di dâng cơm chiêm để vua xơi, lại khi vua bị đói ở Vu Lâm đình, Phùng Di dâng cháo đậu. Tôn kính sau khi đã chết. (BT) Chỉ cõi âm phủ. (BT) Tức Lê Trãi Công lao to lớn. (BT) Đòi xưa, cúng tế thường tết chó cỏ, nạn rồng đất để cúng, cúng xong thì vất đi. Vì thế, người ta thường lấy chó cỏ rồng đất để nói ví người hay vật, khi không được người ta cần dùng đến nữa. Người ta cũng thường dùng ví những công thần khi đã đánh dẹp cho nhà vua xong rồi, bị nhà vua rẻ bỏ. Nay là huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. (BT) Nghệ An. (BT) Tề chỉnh, ngay ngắn, nghiêm túc. (BT) Giường nghĩa là mối (tức quân, sự, phụ). (BT) Đào Khả là một vị danh tướng đời Tấn (265-420) ở Trung Quốc. Chuyện này nhiều chi tiết giống chuyện Mạnh Khương nữ. Nàng Mạnh Khương đời Tần Thủy Hoàng khóc đổ Trường Thành, chuyện có từ đời Đường. Tức tháng Sáu. (BT) Tháng chạp. (BT) Chữ sẵn trong Kinh dịch. (BT) Một danh mục về khoa cử, suýt soát với tú tài. Lấy tên làng gọi thay tên người tức ông Nguyễn Công Phong. (BT) Công dự tiếp ký là sách của Vũ Phương Đề, người làng Mộ Trạch, huyện Đường An (Hải Dương) đỗ tiến sĩ, làm quan đến Đông các học sĩ. (BT) Dài dòng, nhiều lời. (BT) Trạm đặt quan tài khi nghỉ ở dọc đường và bày lễ cúng tế. (BT) Gần Rú Thành (Nghệ An). Huyết thực là được người ta cúng tế. Vì cúng tế có giết trâu bò, nên gọi là huyết thực. Phan Huy Chú nói Tả Ao tiên sinh tên là Hoàng Chiêm. Có bản viết Quỷ miếu nham yêu sơn bất cải, nghĩa là miếu ma ở trên núi không thay đổi. Trong sách này, có hai chuyện về Nguyễn Văn Giai, chắc do hai tác giả viết về một người. Khấu Chuẩn là người đời Tống, đỗ tiến sĩ, làm đến Tể tướng đời Tống Chân Tông. Giặc Khiết Đan vào cướp, Tham tri chính sự là Vương Khâm Nhược khuyên vua chạy xuống Kim Lăng, nhưng Khấu Chuẩn khuyên vua lên bắc thân chinh cho vững lòng quân sĩ. Sau đó, vua Tống đánh lui được quân Khiết Đan, cùng nghi hòa ở Thiên Uyên, đất nước được yên ổn. Nhưng vua Tống lấy việc nghị hòa ấy làm xấu hổ, lại nhân Vương Khâm Nhược vốn thù ghét Khấu Chuẩn, hết sức đặt lời gièm pha, vì thế Khấu Chuẩn bị bãi chức Tể tướng lên trấn thủ miền Bắc. Khi sai ông đi, vua có nói: “Then khóa cửa bắc (bắc môn tỏa thước) phi Khấu Chuẩn không xong”. Đóng cửa bó tay chỉ việc Khâm Nhược giữ Thiên Uyên gặp quân giặc đến. Đàn tế trên đỉnh Thái Sơn là việc phong thiện do Khâm Nhược bày ra cho vua Chân Tông. 104. Giặc Ninh Xá chỉ cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ ở làng Ninh Xá (Hải Dương), năm Kỷ Mùi (1739) và thất bại năm Tân Sửu (1741). Giặc Ninh Xá chỉ cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ ở làng Ninh Xá (Hải Dương), năm Kỷ Mùi (1739) và thất bại năm Tân Sửu (1741). Nguyễn Hữu Cầu tục gọi là Quận He, người Hải Dương, tham gia cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Cừ, hoạt động ở vùng Đồ Sơn, Vân Đồn, từng đem quân đánh thành Kinh Bắc. Mất năm Tân Mùi (1751). Phạm Đình Trọng có mộ người tỉnh Hải Dương làm một đạo quân riêng. Đỗ Thế Giai lấy chuyện ấy nói gièm với Trịnh Doanh, vì thế mà hai người hiềm khích. Bảy khiếu là mắt, tai, mũi và miệng. (BT) Lễ đối với một vị thái tử sắp được nối ngôi vua. Nghĩa là niên hiệu Chính Lịch thứ hai tạo ra. Nhưng ở nước ta không có niên hiệu ấy. Chỉ có ở bên Tàu, về đời nhà Đường, Tung Lâm là vua nước Bột Hải ở miền đông bắc nước Tàu, và ở bên Nhật đời Cao Thương Viên Thiên hoàng xưng niên hiệu này. Không hiểu cái khánh ấy từ đâu mà lại có niên hiệu như thế? Hay là hai chữ Chính Lịch, sách chép lầm chăng? Hiện giờ ở chùa Thiên Mục có cái khánh, nhưng không đúng như cái khánh chép ở đây. Uy Vương tức Trịnh Giang (1729-1740). (BT) Nghĩa là tám cảnh ở miền sông Tiêu Tương nước Tàu, do Tống Dịch đời Tống vẽ. Sông Tiêu Tương thuộc về đất Sở đời xưa. Khách Sở chỉ Khuất Nguyên. Ông là người tôi trung bị gièm rồi bị đui, phần uất tự trầm ở sông Mich La. Trong khúc Ly tao của ông có câu: “Hộ phục ngải dĩ doanh yêu hề, vị u lan kỳ bất bội”. Có ý than thở kẻ dở thì được tiến dụng mà người hay thì bị ghét bỏ. Nga Hoàng, Nữ Anh là hai vợ vua Ngu Thuấn. Tục truyền vua Thuấn băng ở đất Thương Ngô, hai bà này theo xuống đến sông Tương, khóc lóc thảm thiết, nước mắt vấy vào những khóm trúc thành ra vắn ngắn. Từ đấy vùng này riêng sinh ra một giống trúc có vắn. Trong bài Ngu phủ từ của Khuất Nguyên, có nói khi ông bị đui, chơi ở bến sông, gặp lão phùng chài, cùng nhau nói chuyện. Sau đó lão phùng chài vừa chở thuyền đi vừa hát: “Nước sông Thương Lương trong chừ, để rửa dải mũ ta. Nước sông Thương Lương đục chừ, để rửa bàn chân ta”. Vua Tống Thái Tổ đêm tuyết đến

nhà Tể tướng Triệu Phổ, gõ cửa vào chơi, hỏi ý kiến về việc nên đánh Bắc Hán hay không. Có thể tạm hiểu 2 câu này như sau: “Cửa ngoài gõ mấy tiếng, ngón tay truyền báo tờ chiếu chỉ không lời; Quy mơ rộng một trời, cổ họng thông tới nơi quan hà chưa đến”. Ý nói vua vào nhà tể tướng để bàn việc Bắc Hán (theo Trương Chính). Đêm hôm ấy Tống Tổ cùng Triệu Phổ uống rượu, bàn tính việc nước; non sông ngủ ngày bên cạnh trở nước Bắc Hán. Trong Kinh Thư gọi ông Nghiêu là Phóng Huân, gọi ông Thuấn là Trùng Hoa. Hai câu này nói đức của thánh Khổng, như hai vua Nghiêu Thuấn, chỉ khác Nghiêu Thuấn có ngôi làm vua mà ngài thì không ngôi; như giời đất, nhưng giời đất, mà giời im lặng không nói gì mà ngài thì lại nói ra mọi nhời để dạy bảo thiên hạ. Vua A Dục là vua nước Ấn Độ đời xưa, mới đây người ta dịch là Du Du Già, nghĩa là không lo lắng gì cả. Sau khi Phật Thích Già tịch diệt được một trăm năm (266 trước Tây lịch), vua lên trị vì xứ Trung Ấn Độ. Khi trước theo đạo Bà La Môn, làm nhiều sự tàn bạo, giết hại cả anh em. Sau khi lên ngôi vua, đổi thờ đạo Phật thi hành nhân chính, hết sức ủng hộ cho đạo Phật. Đạo Phật truyền rộng ra nước ngoài, phần nhiều nhờ sức nhà vua. Mất trước Tây lịch 3 năm. Phong nguyệt vô biên là chữ sẵn trong sách nghĩa là gió lặng rất nhiều không có bờ bến nào. Đây ông Cảo viết hai chữ 虫二, tức là chỉ viết phần ruột của hai chữ 風月, ý bảo phong nguyệt không có những nét ngoài biên, tức thành ra ý nghĩa bốn chữ phong nguyệt vô biên. Bốn công trình lớn là tượng Quỳnh Lâm, vạc Phổ Minh, chuông Quy Điền và tháp Báo Thiên. Kỷ thực: Ghi chép sự thực. (BT) Họ Nguyễn cũ tức là chúa Nguyễn ở phương Nam, tiên tổ của bản triều, gọi thế để phân biệt với họ Nguyễn mới là nhà Tây Sơn. Bá Di, Thúc Tề là người đời nhà Ân, nối đời chịu tước phong của nhà Ân. Nhà Ân mất, nhà Chu lên, hai ông lên ẩn ở trên đỉnh núi Thủ Dương, ăn rau trừ bữa rồi chết đói chứ không chịu xuống ăn thóc nhà Chu. Triệu Phổ, Vương Chất là hai vị đại thần nhà Hậu Chu. Tống Thái Tổ chiếm ngôi nhà Hậu Chu, hai người trước còn trừ trừ, sau cũng sụp lạy ở dưới thềm rồi nhận quan chức. Ông Cơ Tử là bầy tôi nhà Ân, sau khi mất nước về thăm cố đô, trông thấy những dinh tòa cũ thành ra cánh đồng lúa, buồn rầu cảm động, có làm bài ca Mạch tú. Ông Văn Thiên Tường đời Tống, sau khi nước mất bị bắt giải lên miền bắc, lúc đi qua bể Linh Đỉnh, ông làm bài thơ trong có câu: 零丁洋裡嘆零丁 Linh đĩnh dương lý thán linh đĩnh, nghĩa là trong bể Linh Đỉnh than nỗi mình linh đĩnh. Nghĩa là vua tôi chân chính gặp gỡ nhau, nói Lưu Bị và Gia Cát Lượng. Hai vế đối nhau gọi là một liên. Bất trối. Ôn Kiên đời Tấn qua hòn Ngưu Chử đốt cái sừng tê soi xuống vực, thấy các hình yêu quái hiện ra. Về nhà, đêm mộng thấy người đến trách và ra vẻ thù oán. Nghĩa là cõi. Chỗ này nói thành lệ thế nào, dịch giả chưa hiểu. Theo sử và sách ngoài thì khoa này (Vĩnh Tộ, Quý Hợi - 1623) vì việc giả mạo ấy tiết lộ ra, triều đình bãi kỳ thi đình. Sau lâu mới cho các người trúng cách cứ theo bảng hội về vinh quy, không được yết tên lên bảng vàng. Đền Voi Phục ở Thủ Lệ, Hà Nội bây giờ. Tức năm 1896. The expansion, approved by the National Assembly in late May, 2008, makes Hanoi the 17th largest capital in the world with a total area of more than 3,300 sq.km. The new capital also sees in its fold Vinh Phuc province's Me Linh district and four communes of Hoa Binh province's Luong Son district. Abraham Maslow's hierarchy of needs is a theory in psychology: Physiological (breathing, food, water, sleep, sex...); Safety (security of body, of employment, of health, of property...); Love/Belonging (friendship, family...); Esteem (achievement, respect of others or by others...); Self-actualization (morality, creativity, spontaneity...) Hunchbacked Liu was a famous character in Chinese history, under Qianlong Dynasty. He was hunchbacked and ugly but talented. A princess fell in love with him because of his intelligence. He was also appointed Prime Minister by King Qianlong. Hai Thuong Lan Ong was a talented physician working under King Le and Lord Trinh. Giao Chi: Former place name of a part of Vietnam, known since about 250 BC. According to legend, Lạc Long Quan and Au Co were the first ancestors of Vietnamese people. In Xuan Dieu's novel "Toa Nhi Kieu", the author named the two insipid female characters "Grain of Rice" Ghosts in the legends retold by the locals in Vietnam Ghosts in the legends retold by the locals in Vietnam Ghosts in the legends retold by the locals in Vietnam Names of the famous pedagoguists Jan Amot Comenski: Pedagogics theorist that was called "The father of pedagogism of modern times" November 20th: National Teacher's Day Tức Ngô Thời Sĩ Kéo. (BT) Bắp đùi. (BT) Khoảng giữa thế kỷ. (BT) Trịnh Bồng là con cả Uy Nam vương, thuộc về ngành trưởng. Tướng của Nguyễn Hữu Chinh.

Trình Bồng. Chỗ mọi người đều nghe, thấy. (BT) Khóm. (BT) Dòng chữ viết nhỏ đề tên họ và ngày tháng ở trên các bức họa hay các bức đối xứng. (BT) Bàu rượu khi về nên gương uống. Tờ mây lúc rảnh chớ năng coi Bông hoa trong động còn tươi mãi, Dòng nước vòng trần luồng chảy xuôi! Bài này nguyên có tên là Tiên tử tổng Lưu Nguyễn xuất động. (BT) Trong động cát xanh trời đất lạ, Bên cây lá thắm, thánng ngày dài. Dưới hoa ước có ai ra đó, Để chó nhà tiên khỏi sủa người. Tiên tử tổng Lưu Nguyễn xuất động. (BT) Ở đây ý nhắc đến bài Lưu Nguyễn động trung ngộ tiên tử. (BT) Lấy vợ khác, sau khi vợ trước chết. Nhất. Nhị. Tháng thứ hai của mùa xuân. (BT) Tức “cửa thành bị cháy, tai họa lây cả cả”, ý nói tới những tai họa do bên ngoài đưa đến một cách oan uổng. (BT) Lòi ra, trời ra. (BT) Dịch: Tựa thuyền ngựa mặt trông trời rộng. Lạnh lẽo sao mờ ba bốn ngôi. Không ăn khớp, không hòa nhập. Ba năm đao hiệu đã đầy đủ. Một nghĩa vua tôi chữa hết nào. 1. dịch văn: Gào khóc trời khôn hỏi. Buồn thảm có còn chi? Sống thẹn cùng Học sĩ, Một chết chỉ như về. Ý nói bệnh nặng, sắp mất. Thuộc quản hạt. Tức Biển Đông. Theo truyền thuyết cổ phương Đông có cây dâu rồng lòng gọi là Phù Tang hay Khổng Tang, là nơi thần Mặt trời nghỉ ngơi trước khi cưỡi xe lửa du hành ngang qua bầu trời từ Đông sang Tây, do đó Phù Tang hàm nghĩa văn chương chỉ nơi Mặt trời mọc. Chính vì vậy Nhật Bản còn được gọi là Phù Tang. Ai Lao: Đất nước Lào ngày nay. Bồn Man: Còn gọi là Mường Bồn hay Muang Phuan, và sau là Trấn Ninh, là một quốc gia cổ, nay không còn, từng tồn tại trên bán đảo Đông Dương, tại vị trí ngày nay thuộc tỉnh Xiêng Khoảng, một phần các tỉnh Hủa Phăn đến Khăm Muộn, ở phía Đông nước Lào, và một phần các tỉnh miền Bắc Trung bộ Việt Nam (khoảng Nghệ An đến Quảng Bình). Có tài liệu chép là Lê Thì Hiến. Con gái Triệt Khanh công Nguyễn Đình Tư Nay thuộc Hà Nội. Tục gọi Bà Chúa Vàng. Mẫu vị tử quý. Trích Khâm định Việt sử thông giám cương mục, Quyển 43 tr.29A. Trình Căn. Còn gọi là Quốc sư Quận công. Những địa danh thuộc huyện Chương Mỹ (Hà Nội) ngày nay. Năm 1516, vua Lê Chiêu Tông đã cho dựng hành cung rồi sai đào sông, khai suối quanh núi để du ngoạn mỗi khi nhàn rỗi. Còn gọi là Lê Hiến Tông. Trừ Trình Doanh. Nguyễn Thị Ngọc Diễm. Tục gọi là Bà Chúa Đổ. Còn gọi là lễ Cầu đảo. Có tài liệu chép là Lê Duy Cận. Thái tử Lê Duy Vỹ. Trình Cương (1709 - 1729). Con Trình Bính. Chức võ quan cao cấp chỉ huy một đạo quân thời xưa. Tài liệu khác chép là Hoàng Công Chất, thủ lĩnh một cuộc khởi nghĩa nông dân Đảng ngoài lớn vào giữa thế kỷ XVIII, chống lại triều đình vua Lê chúa Trịnh trong 30 năm. Đứng đầu Quốc Tử Giám là các chức quan Tế tửu (tương đương Hiệu trưởng đại học), Tư nghiệp (tương đương với Hiệu phó đại học) Tháng giữa mùa. Trích Khâm Định Việt sử thông giám cương mục, Quyển 43 tr.12. Giám đốc Quốc Tử Giám. Chức quan to nhất trong triều đình phong kiến thời Lê - Trịnh. Chức quan đại thần đứng hàng thứ 2 trong phủ chúa. 1. Trích Vũ trung tùy bút. Trâm hốt: Trâm cài và hốt cầm (một dụng cụ cài tóc của người xưa); Hoa bào (áo có thêu hoặc vẽ hoa văn trang trí). Con, cháu quan lại được cấp danh vị ấm sinh để thừa hưởng danh vọng của cha, ông. Con trai Lê Quý Đôn. Vợ Trình Doanh. Hoàng Ngũ Phúc (1713-1776) là danh tướng thời Lê Trung Hưng. Ông quê ở Yên Dũng (Bắc Giang). Hoàng Ngũ Phúc có công lớn trong việc đánh dẹp các cuộc khởi nghĩa nông dân Đảng Ngoài và là tổng chỉ huy cuộc “Nam tiến” đánh Đảng Trong, mở mang đất đai Bắc Hà tới Quảng Nam. Có sách chép là Ái Vân quan. Còn có tên là núi Đá Bia, ngọn núi cao nhất trong khối núi Đại Lãnh thuộc dãy núi Đèo Cả, hiện ở xã Hòa Xuân Nam, huyện Đông Hòa, phía Nam tỉnh Phú Yên. Tương ứng với hai chữ “Đảng Trong” và khu vực của chúa Nguyễn. Về đời Lê, tỉnh Hà Tĩnh thuộc về đất Nghệ An. Thượng kinh ký sự của Hải Thương Lãn Ông. Kẻ Chợ. Còn gọi là sông Hồng. Ngày mừng một và ngày rằm. Suy giảm. Ở vào địa phận hai làng Kim Liên và Trung Tự (Hà Nội) bây giờ. Trình Tùng. 500 người. Trích Vũ trung tùy bút. Nghĩa là phụng mệnh canh giữ. Ý ở đây là lấy để dâng lên chúa. Đem các nội giám phải ở luôn trong phủ như học sinh lưu trú ngày nay vậy. (từ cũ) những người cùng một lớp, ngang hàng. Giấu giếm một cách phi pháp. Trích Tang thương ngẫu lục. Thái phi Vũ Thị Ngọc Nguyên, còn gọi là bà Chúa Me, người Bình Giang (Hải Dương). Những cuộc họp mặt quan trọng giữa vua và bá quan văn võ, mỗi tháng hai lần vào mừng một và ngày rằm. Descriptive du ruyanme de Tonquin. Phiên ở phủ cũng như các bộ bên triều đường vua Lê. Bùi Sĩ Lâm người Quảng Xương (Thanh Hóa) là nhà chính trị quân sự đầu thế kỷ XVII. Ông đóng vai trò to lớn trong công cuộc phục hưng nhà Lê (Lê Trung Hưng). Ông cũng là người có công lớn đối với họ Trịnh, đặc biệt là chúa Trịnh Tùng Khâm định Việt sử thông giám cương mục chép là Nguyễn Quốc Trinh. Trích Đại Việt

sử ký toàn thư. Vương quốc Anh. Nghìn lẻ một đêm. Loại súng mỗi bằng lửa. Võ học Võ kinh. Tôn Võ đời Chiến Quốc. Văn là Hương thí. Lục Thao (Khương Thái công), Tam lược (Hoàng Thạch Công), Tư Mã pháp (Tư Mã Nương Thư), Tôn Tử binh pháp (Tôn Vũ), Ngô Tử (Ngô Khởi), Úy Liêu Tử (Úy Liêu), Đường Thái Tông Lý Vệ công vấn đối (Vệ Cảnh Vũ công Lý Tĩnh). Quận He: Tức Nguyễn Hữu Cầu, người huyện Thanh Hà (Hải Dương), trước vì nghèo nên đi làm cướp, sau theo Nguyễn Cừ khởi nghĩa. Khi Nguyễn Cừ bị bắt, Nguyễn Hữu Cầu đem thủ hạ về giữ núi Đờ Sơn và đất Vân Đồn. Năm 1743, Quận He giết được Thủy Đạo đốc binh là Trịnh Bảng, tự xưng làm Đông Đạo Thống Quốc Bảo Dân Đại Tướng Quân, thanh thế lừng lẫy. Quận Hẻo: Tức Nguyễn Danh Phương, người xã Tiên Sơn, huyện Yên Lạc nay là xã Tiên Sơn, phường Hội Hạp, thị xã Vĩnh Yên, trước làm thủ hạ của các thủ lĩnh Tế và Bồng khởi nghĩa ở Sơn Tây. .sup Chỉ Lê Duy Mật động. Là những đại công thần của chúa Nguyễn tại Đàng. Trong thời Trịnh Nguyễn phân tranh. có công phò tá nhiều đời chúa. Nguyễn, đánh lui nhiều cuộc “Nam tiến” của chúa Trịnh, giữ vững lãnh thổ Đàng Trong, Tài năng ở mức trung bình. Hoàng Ngũ Phúc: Sđd Phạm Đình Trọng: Tướng thời Lê Mạt, có công dẹp khởi nghĩa nông dân Đàng Ngoài. Vì nhà Lê với nhà Hán bên Trung Hoa. Nguyễn Kiệm. Trỏ tổ tiên họ Nguyễn. Trích Đại Nam thực lục tiền biên. Hoàng Ngũ Phúc tuổi già, đã về hưu, vì việc này lại được ra làm quan. Trỏ Ngũ Phúc. Sau khi mưa tạnh nên đi chơi thuyền. Cây cỏ sợ không phải cây cỏ nhà Chu. Nghĩa bóng chỉ chúa Trịnh cướp quyền vua Lê. Trịnh Sâm. Trọng Tế đỗ tiến sĩ, trước đã làm quan, vì có tội bị bãi. Triều vi Việt khê nữ, mộ tác Ngô cung phi. Thượng quan tương sự (chỉ Nguyễn Hoàn vì ông được phong là Quốc sự) mà nàng tiên nga (Đặng Thị Huệ) khéo cắt. 公每得蓮茶即走馬上進盛王即命烹召宣妃同賞宣妃最好蓮蕊 Cửa nhỏ thông sang buồng hoặc nhà bên cạnh. Lao, phong, cổ, lại gọi là tứ chứng nan y. Hàng chắn song bao quanh bao lớn (phần nhô ra ngoài hiên có lan can). Nến trắng. Phần nhiều tài liệu khác chép là Điện Đô vương Trịnh Cán chỉ sống đến năm 6 tuổi. Còn gọi là “giấc Hoàng Lương” hoặc “giấc Hòe An”, ý nói công danh phú quý là hư ảo, đời người chẳng qua chỉ ngắn ngủi như một giấc mộng. Một thứ lễ nghi khi nhà vừa có tang, ở đây ý chỉ một buổi lễ sau khi Tĩnh Đô vương qua đời. Khi Tĩnh Đô vương mới mất, Dương Thái phi ngờ là sinh thời vương đã bị Tuyên phi bùa thuốc nên cho mở quan tài ra mà đối cả các đồ khâm liệm. Tức giỗ 2 năm 3 tháng sau ngày mất. Canh Tý. Phố Phan Bội Châu. Phố Hai Bà Trưng. Phố Lê Duẩn. Tác giả. Năm Cảnh Hưng 41, Canh Tý (1780). Chồng của vú em, tiếng Bắc gọi là bố Tuyên Phi Đặng Thị Huệ. Trẻ con đại tiểu tiện gọi là bĩnh. Để cho người khác gặp mặt hoặc tiếp xúc trực tiếp. Thiện phụ: Người đầu bếp. Chọc tức, chọc giận. Nén chịu, nín nhịn trong lòng. Ý nói sau khi mọi người đã ăn xong. Cướp ngôi. Âm thầm câu kết. Chức giữ việc viết lách sách vở. Hà Như Sơn là điển thư riêng cho Vương tử Khải. Lúc ấy Khải còn là Tông. Nghĩa như bất pháp Tức Huy Quân công. Thầy dạy học cho Vương tử Bạt của cha. Sau vì kiêng hai tên vua Tự Đức (Phúc Thì, Hồng Nhậm) nên gọi tránh là Ngô Thời Nhiệm Ý chỉ con người sống hai mặt. Thao thủ: Đức hạnh hằng ngày, cách xử thế lập thân ở đời. Những chức quan trong bộ máy nhà chúa. Tang vật làm chứng cho sự tham nhũng. Ý chỉ người cha. Tức là phủ chúa Trịnh. Tức là chúa Trịnh Sâm Tức là Đặng Thị Huệ, Bà chúa Chè. Sở Mục Vương và Tùy Dương Quảng đều giết bố để cướp ngôi. Sắp nguy đến nơi. Chử trong Tả truyện. Dịch tạm là: Áo cừu lung tung, một nhà ba ông, theo ai cho xong? Chỉ Hoàng Đình Bảo vì y là phò mã. Tục ngữ có câu: Tốt áo như ông phò mã. Chỉ Đặng Thị Huệ: Tuyên phi của Tĩnh Vương, mẹ đẻ ra Vương tử Cán. Về sau. Ra mắt Chúa thượng. Sau đổi là Nguyễn Khản Ý chỉ Chúa thượng chết, giống như “băng hà”. Tự hợp làm điều bất chính. Thế tử Thương Thần nước Sở giết cha mà cướp ngôi. Tự nhiên, bỗng nhiên Đương làm quan mà cha mẹ chết, thôi làm quan về chịu tang, gọi là đình gian Tham tụng bấy giờ quyền như Tế tướng. Chỉ Dương Trọng Tế. Giường của vua, chúa. Thuật để mả, đặt hướng nhà. Thường gọi làm là địa lý. Không là vua, không là bá mà quyền nghiêng thiên hạ. Hơn hai trăm năm rồi thì vạ xảy ra ngay bên cạnh vách. Đem ra tra tấn ở giữa triều đình. Lên mặt ta đây hơn người (BT). Khi đó Vương tử Tông đã bị truất xuống làm Quý tử và đổi tên là Khải. Tạ Danh Thùy dùng chữ trong Tả truyện: “Vô hữu phế giả, quân hà dĩ hưng?” Chữ sách vẫn có ảnh hưởng to làm cho lời nói có uy thanh hơn. Thứ tự vợ chúa trong cung: Chính phi hoặc nguyên phi, tần, tiệp dư, tu dung. Trịnh Lệ là con Trịnh Doanh, em Trịnh Sâm, chú Trịnh Khải. Con gái Trịnh Doanh, vợ Hoàng Đình Bảo. Làng Hoàng Mai nằm trên đất Kẻ Mơ. Kẻ Mơ xưa bao gồm cả ba làng Hoàng Mai, Tương Mai, Mai Động ngày nay.

Người ta vẫn quen gọi làng Hoàng Mai là Mơ rượu - vì ở đây nấu được rượu ngon nổi tiếng, Mai Động là Mơ táo còn Tương Mai là Mơ xôi. Rượu Mơ đã đi vào phương ngôn, ca dao: “Rượu Kẻ Mơ, cờ Mộ Trạch”. Nghề nấu rượu ở Kẻ Mơ đến nay không còn nữa Equinoxe d’automne: Hôm ngày đêm đều nhau. Rục rịch tiến hành hoạt động. Khu vực trước cửa ga Hà Nội ngày nay. Ô Đồng Lầm nằm trên làng cổ Đồng Lầm nay là ngã tư Kim Liên - Đại Cồ Việt. Bạn cùng đọc sách. Bói bằng cỏ thi là một hình thức bói Dịch, lập quẻ bằng cách sắp các cọng cỏ thi theo một quy tắc riêng. Lòng giận của chúng nhân không thể xúc phạm được. Năm 1674 lính Tam phủ giết Tham tưng Nguyễn Quốc Trinh và phá nhà Phạm Công Trứ; năm 1741 họ lại phá nhà và chực giết Tham tưng Nguyễn Quý Cảnh. Lính Tam phủ nói câu ấy để dọa Nguyễn Trọng Viêm. Không thể dừng, cực chẳng đã. Nguyễn Hoãn, Tiến sĩ (1743), tước Hoàn Quận công Trinh Doanh Trinh Giang, anh ruột Doanh. Trường Albert Sarraut (tiếng Pháp: Lycée Albert Sarraut) là một trong những trường trung học nổi tiếng nhất ở Đông Dương, được thành lập từ năm 1919 tại Hà Nội, giải thể năm 1965. Bài thơ ấy, xin tạm dịch ra quốc âm: Khuya khoắt nghe tin đã sớn lòng, Mở thư đập án xiết kinh hoàng! Các ông đến thế, mong gì nữa! Thiên đạo ngày nay có nữa không? Sắc viết để trống tên để người được hưởng tha hồ muốn điền tên ai thì điền. Năm Bính Ngọ, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 47, lịch Tây 1786. Chúa Trịnh đối với những vị lão thần nhiều khi gọi là tiên sinh (đối với quan văn) hoặc công (đối với quan võ). Một dạng văn bản của chúa truyền tới các quan đầu trấn, phủ. Ấn riêng của chúa Trịnh, việc quan trọng lắm mới dùng đến. Nước nhà còn mất ở một trận này, ông gắng sức nhé. Hoạn quan hầu gần nhà chúa. Tức Trịnh Tùng. Trung thành, ngay thẳng, trong sạch. Tức là Tiến sĩ Nguyễn Thượng, người làng Vân Diêm, huyện Đông Ngàn, trấn Kinh Bắc. Mất ngôi, mất chức. Lên ngôi trị vì. Mưu việc lanh lẹ, lo việc chu đáo, thật là khí tượng một vị lão thành. Tập khải tấu (báo cáo). Một loại mũ có gắn móng rồng. Xướng tên các ông Tiến sĩ. Thị là coi, sự là quân. Chăm chỉ, lanh lẹ. Bùi Huy Bích làm Hành tham tưng. Hy sinh vì tổ quốc. Khu Quảng Bá ngày nay. Tham quan ô lại. Người Mông Cổ đến năm Tân Mùi (năm 1271) niên hiệu Thiệu Long thứ 14 đời vua Trần Thánh Tông (1258-1278) thì đổi quốc hiệu làm Đại Nguyên. Còn Thát Đát vốn là tên gọi biệt bộ giống Mạt Hạt; sau bèn là tên gọi Mông Cổ (đời Trần ta, quân sĩ thích hai chữ “sát Thát” nghĩa là giết rợ Thát Đát). Đến khi nhà Nguyên mất (1367), tông giống Mông Cổ chạy về Mạc Bắc, bỏ quốc hiệu Nguyên, xưng là Thát Đát. Vì vậy, sách này tùy tiện, hoặc gọi Mông Cổ hoặc gọi Nguyên, đều là một cả. * Trần Thánh Tông (1258-1278): Đây là thời gian tại vị. (BT) * Tất cả chú thích đề BT trong sách này là của người biên tập. Thời gian tại vị. (BT) Tuy có mấy sách chép ngày sinh của ngài, nhưng thiết tưởng không đủ căn cứ. Cuốn Trần triều thế phả hành trạng (sách viết trường Bác Cổ, số A 663, tờ 22a) chép ngài sinh ngày mồng mười, tháng chạp, năm Nhâm Tý, niên hiệu Nguyên Phong thứ hai. Thế tức là năm 1252. Nếu ngài sinh vào năm ấy, mà đến năm Đinh Tỵ (1257), Nguyên Phong thứ bảy, theo sử Toàn thư (quyển 5 tờ 22a) thì ngài đã làm Tiết chế, coi quản hết các tướng trong các quân thủy, bộ chống giữ biên giới, chẳng hóa ra bấy giờ ngài mới lên 5 tuổi mà đã làm Tiết chế như một vị Tổng Tư lệnh thủy lục quân ngày nay ư? Trong cuốn Hưng Đạo đại vương của Lam Sơn (xuất bản năm 1946) dựa tài liệu trong Đào Khê dã sử cũng chép ngài “sinh ngày 10 tháng chạp (không chép năm ta mà chỉ chừa 1228) thọ 72 tuổi”. Nay xét ngày ngài sinh ấy nếu không có xuất xứ từ chính sử thì đều là do người sau ước đoán cả. Thời gian tại vị. (BT) Sau bà được truy tôn là Khâm Từ Bảo Thánh hoàng thái hậu. Sau bà được sắc phong là Trang chính từ thực nghi phạm trình thuận u nhân trình nhất. Một nhánh thuộc sông Thái Bình ở giáp giới hai tỉnh Kiến An và Thái Bình. Thời gian tại vị. (BT) Nay thuộc huyện Đông Triều, tỉnh Hải Dương. * Một số địa danh phân định ranh giới hành chính (huyện, tỉnh...) được tác giả chú ý trong sách này nay đã đổi khác. Việc khảo cứu cho rõ ràng xin được hoàn thiện trong lần xuất bản sau. (BT) Xưa ta nói “thiên hạ” là theo nghĩa hẹp, tức cũng như nay nói “nước” hoặc “quốc gia”. Tướng của Hưng Đạo vương, ngoài mấy người có tên trong sử như Dã Tượng, Yết Kiêu và Nguyễn Địa Lô, còn có những tướng này mà chính sử không thấy chép: Cao Mang, Đại Hành, Hùng Thắng, Nghĩa Xuyên, Tào Bân, Huyền Du... (theo Trần triều thế phả hành trạng và Trần gia điển tích thống biên). Ngoại xâm. (BT) Thượng tướng cũng như Thủ tướng ngày nay. Nay là Kiếp Bạc ở Lục Đầu giang thuộc huyện Chí Linh, Hải Dương. Chỉ đức Trần Quốc Tuấn. Nguyên sử, An Nam chí lược và Toàn thư... đều in “mộc bằng chữ xuân” (椿). Có nhiều sách, báo quốc ngữ chép là Sài Thung,

vì “Xuân” (椿) và “Thung” (椿) mặt chữ gần giống nhau. Nay là huyện Phú Dục, tỉnh Thái Bình. Toàn thư, quyển 6, tờ 10b-11a chép là “hoàn khí” (環器), có lẽ sử thần muốn nói là cái chĩnh hay cái vại chằng? Sách Trần gia tự điển thống biên, tờ 84b chép là táng vào một thứ đồ bằng đồng. Ở phần rừng, ấp An Sinh, thuộc huyện Đông Triều, Hải Dương. Trong sử Toàn thư quyển 6, tờ 10b-11a chép là “thả yêu tốc hủ” (旦要速朽). Sử cũ giải thích về việc ngài di chúc ấy: “Chùng vì từ khi thống lĩnh quân đội phòng ngự ở Lạng Giang, giặc Nguyên hai lần sang xâm, đều bị đánh bại, nên ngài lo rằng sau này hoặc gia có nạn bị giặc khai quật mồ mả lên chằng”. Toàn thư quyển 6, tờ 10b-11a. Năm 1245 nhằm năm Ất Tỵ. Trong sách này, đôi chỗ tác giả có sự nhầm lẫn về niên can, niên chi, chúng tôi xin cước chú thêm. (BT) Năm 1247 nhằm năm Đinh Mùi. (BT) Các quân này đều là Túc vệ binh, gồm quân Thiên thuộc, quân Thánh dục và quân Thần sách. Số bốn (Tứ thiên, Tứ Thánh, Tứ thần), chắc là mỗi quân chia làm bốn vệ, nên mới gọi là “tứ” nhưng sử cũ không chép rõ. Thiên Trường (nay là phủ Xuân Trường, Nam Định) là quê nhà Trần, nên lấy binh Thiên Trường và các lộ xung quanh làm quân Túc vệ. Nguyên văn chữ Hán chép là: “Kỳ dư sung Cấm vệ, Cấm binh tam đẳng sung trao nhi đoàn đội” (其餘充禁衛禁兵三等充掉兒團隊). Nguyên văn trong An Nam chí lược chép là: “Hựu quyền tiệp tuần giả nhị, chương tập vũ nghệ” (又權捷俊者二掌習武藝). Nghĩa là bốn đô và một lang ấy đều có tả và hữu. Ví dụ: Tả Thánh dục đô, Hữu Thánh dục đô... 會稽舊事, 君須記; 驩, 演猶存十萬兵. Hoan, Diển tức Hoan châu và Diển châu nay là Nghệ An. Đinh Mùi. (BT) Chế độ này còn thi hành đến mãi năm Mậu Ngọ (1378) đời Trần Phế Đế (1377-1388). Đơn binh ở các lộ đời đời phải đi lính, không được làm quan (Toàn thư, quyển 8, tờ 2a-b; Cương mục, quyển 10, tờ 44b). * Trần Phế Đế (1377-1388): Đây là thời gian tại vị. (BT) Tức là đảo “De la table”, một hòn đảo hình dài, hướng đông bắc - tây nam, lớn và ở ngoài hơn hết đám quần đảo (gần Hòn Gai) trong vịnh Bắc Bộ. (Xem bản đồ ở cuối sách). Thứ nón đan bằng nan dương (thanh bì trúc), do làng Ma Lô ở Hồng Lộ (nay là Hải Dương) chế tạo, nên mới gọi theo tên làng ấy. Nhưng vì lâu ngày, tên riêng của nón đã chuyển thành tên chung, nên chữ “nón ma lô” không phải viết hoa. Hồi Minh thuộc đổi làm huyện Chí Linh. Nay thuộc tỉnh Hải Dương. Nay thuộc Lạng Sơn. Đời Lê đổi làm huyện Phượng Nhân (hoặc Phượng Nhỡn), nay thuộc tỉnh Bắc Giang. Kho bạc nhà nước. (BT) Đời Trần đặt làng Túc Mặc (quê các vua Trần, nay thuộc phủ Xuân Trường, tỉnh Nam Định) làm làng Thiên Thuộc; phàm binh lính tuyển ở làng ấy thì gọi là “Thiên thuộc quân”. Nguyên văn trong Toàn thư, quyển 5, tờ 41a chép: “Khủng khí lực nãi dã” (恐氣力餒也) Nguyên văn trong Cương mục, quyển 7, tờ 23b chép: “Vũ dũng lực dã” (務勇力也) Biết sơ qua, không sâu. (BT) Nhà thiên xạ ở Trung Hoa xưa. Nhà thiên xạ ở Trung Hoa xưa. Xin coi toàn văn bài Hịch qua bản dịch ở chương chín. Căn cứ vào lời Đỗ Khắc Chung nói: “Do lòng trung phần, họ tự thích chữ đầy thôi”. (Toàn thư, quyển 5, tờ 46b). Giết rợ Thát Đát, tức là Mông Cổ. Bến Đông sông Cái nay là Hồng Hà ở địa phận huyện Thương Phúc (Hà Đông). Toàn thư, quyển 5, tờ 45b-46b; Cương mục, quyển 7, tờ 33a-34b. Tức là Thiên Trường, Long Hưng, Quốc Oai, Bắc Giang, Hải Đông, Trường Yên, Kiến Xương, Hồng, Khoái, Thanh Hoa, Hoàng Giang và Diển Châu. Lộ ở đời Trần cũng như thừa tuyên ở đời Lê và tỉnh ở đời Nguyễn. Như Tân Bình, Nghệ An, Thái Nguyên và Lạng Giang. Như trại Quy Hóa, trại An Bang... Cương mục giải nghĩa “sách” là “thôn”, e chưa được đúng. Tưởng phải nên nói: “sách là làng mọi tức là những làng trình độ hãy còn chưa tiến hóa”. “Hoành” là hạng người phải tội đồ, bị liệt làm nô lệ. Ba xã này thuộc huyện Đông Triều, Hải Dương. Tên một trại, thuộc huyện Yên Hưng, Quảng Yên. Nay là Bàn Than thuộc huyện Quế Dương (giáp Lục Đầu) tỉnh Bắc Ninh. Nguyên văn: Giai viết: “Chiến!” Vạn nhân đồng từ, như xuất nhất khẩu (皆曰: “戰”萬人同許, 如出一口). Toàn thư chép là: “Mễ tam thăng trị tiền nhất cưỡng”. Cương mục chép là: “Mễ nhất thăng trị tiền nhất cưỡng”. Đây theo Toàn thư - Mỗi thăng là 316 tấc khối, ăn 10,354688 công thăng. Người trưởng họ trong tông thất. An Nam chí lược chỉ chép như thế, chứ không cắt nghĩa. Vậy nay tưởng nên giải thích cho rõ: Đó là một việc ngụ ý khuyến nông. Nhân tiết lập xuân, bắt đầu ấm áp, có thể khởi sự canh nông, cho nên quốc quân cử một người trong họ đứng thay má, dùng roi hồi trâu cày ruộng. Làm lễ xong thì dự tiệc ăn mừng. Năm 1244 nhằm năm Giáp Thìn. (BT) Nguyên văn chép là “tiến tân” (dâng của mới). Nguyên văn là “bộ liệt”. Người bị hình phạt giam cầm nhiều năm. (BT) Hạng nô lệ (hoành) phải làm ruộng “cảo điền”. Đơn vị đo lường ngày xưa. Nguyên văn là “thăng” (升). “Thăng” của Trung Hoa xưa: 10 hạp là 1 thăng. Mỗi thăng bằng 316 tấc khối, tức là

10,354688 công thăng. Theo An Nam chí lược thì lối đong lường của ta xưa cũng như của Trung Hoa, vậy có thể nói: “thưng” ta với “thăng” tàu là một. Câu này rất khó hiểu. Tra Từ nguyên thì “lương” có nghĩa là “thuế ruộng, thuế đất”; “thuế” theo Hán thư có nghĩa là thuê một phần mười về ruộng công và thuế do những hạng công (thợ), thương (buôn bán), ngu (quan coi nút và chằm), hành (quan coi rừng núi) góp vào. Vậy ý chừng câu trong An Nam chí lược ấy muốn nói: nông không phải đóng thuế ruộng, thương không phải góp thuế buôn bán. Có lẽ tức là thứ tiền “thần dịch” như An Nam chí lược đã chép. Năm 1248 nhằm năm Mậu Thân. (BT) Trần Phế Đế. (BT) Đòi Trần, mỗi quan 10 tiền, mỗi tiền 70 hoặc 69 đồng kẽm. Quyên góp để làm việc thiện. (BT) Có điều nên nhớ: đòi Trần tuy có công nghiệp sinh hoạt rồi, nhưng người thợ bấy giờ chỉ là hạng người làm việc thủ công theo lối công nghệ gia đình, chứ không giống như công nhân là hạng thợ thuyền bán sức lao động ngày nay. Bấy giờ gọi “mẫu” là “diện”; mỗi “diện” tức một “mẫu”. Phạm tội trộm, cướp. Nguyên văn: “nhất thường cứu phần” (一償九分). Nguyên văn “Cùng dân bất cấp giả hứa điển thực ư nhân” (窮民不給者許典贖於人). Phiêu bạt. (BT) Đòi Trần Thuận Tôn mới đặt phép hạn chế ruộng, chỉ trừ đại vương và trưởng công chúa thì ruộng không phải hạn chế, còn thứ dân thì ruộng không được quá 10 mẫu. Thời gian tại vị. (BT) Đòi Lê gọi là đòi “khán xuân”. Theo lịch thì Hàn thực vào hai ngày trước tiết Thanh minh. Tục ta thường ăn tết Hàn thực vào ngày mồng ba tháng ba. Thụy Bà là chị vua Trần Thái và là cô đức Hưng Đạo. Trong An Nam chí lược, có chỗ cũng nói đến một công chúa hồi đầu Trần tên là Thụy Tư. Có lẽ cùng là một người mà mỗi sách in một khác, vì chữ “bà” (婆) và chữ “tư” (姿) gần giống nhau. Coi bài Hịch tướng sĩ của Trần Hưng Đạo. Coi phần “Phong tục” trong An Nam chí lược. Toàn thư, quyển 5, tờ 7a; Cương mục, quyển 6, tờ 11b. Nay thuộc phủ Xuân Trường, tỉnh Nam Định. An Nam chí lược, quyển 1, tờ 12a. An Nam chí lược, quyển 1, tờ 11a. An Nam chí lược, quyển 1, tờ 11a. Căn cứ vào lời của sử thần Ngô Sĩ Liên (người thế kỷ mười lăm) bàn ở sử Toàn thư, quyển 5, tờ 18a: “... Không với người khác họ mà với người cùng họ, kết hôn nhân: chỉ có nhà Trần làm thế...” (Dịch theo nguyên văn chữ Hán). Người huyện Thanh Lâm, tỉnh Hải Dương. Toàn thư, quyển 5, tờ 41 chép về việc này rằng: bấy giờ có cá sấu đến sông Lô. Vua (Trần Nhân Tông) sai Hình bộ Thượng thư Nguyễn Thuyên làm văn ném vào trong sông: cá sấu tự rời đi. Vua cho việc đó giống chuyện Hàn Dũ (đời Đường) bèn cho đổi họ làm họ Hàn. Thuyên lại giỏi phú thi quốc ngữ (nôm). Nước ta phú thi hay dùng quốc ngữ thực bắt đầu từ đây. Đến đời Trần Anh Tông (1293-1314) có Thiên chương Học sĩ Nguyễn Sĩ Cổ cũng giỏi thơ phú nôm. * Trần Anh Tông (1293-1314): Đây là thời gian tại vị. (BT) Nguyên văn câu này: “... Hoặc dụng thổ ngữ vi thi phú, nhạc phả, tiện ư ca ngâm”. Đó vì tác giả An Nam chí lược, tuy là người Việt nhưng khi viết sách ấy, lại tự đứng vào địa vị như một người Mông Cổ mà viết, nên mới gọi tiếng ta là “thổ ngữ” (土語). Trong An Nam chí lược chép Trần Tấn “thường tác Việt chí” và “Lê Hưu” (không có chữ “văn” đệm giữa) “tu Việt chí”. Như vậy rất có thể là cùng một bộ Đại Việt sử ký mà Trần Tấn là người làm trước (tác), còn Lê Văn Hưu là người sửa lại (tu). Về vấn đề này, xin coi thêm bài Nước ta có sử từ đời nào của Hoa Bằng, đăng Tri Tân số 6, trang 2. Nho giáo, Đạo giáo, Phật giáo. (BT) Giáp thứ nhất, giáp thứ ba. Việc giáng này đến đời Trần Anh Tông vẫn cứ tiến hành. Sử chép: năm Hưng Long thứ 14 (1306), Nguyễn Sĩ Cổ do chức Thiên chương Học sĩ làm việc giảng Ngũ kinh. Xưa dùng tiếng “tú tài” có nghĩa như là kẻ sĩ, tức là chỉ về hạng người nhỏ sĩ và thầy thuốc,... Nguyên văn có chép trong Nguyên sử, quyển 209. Sẽ dẫn và dịch ở chương năm. Xin đơn cử một việc như: tháng giêng, năm Mậu Thìn (1268), vua Trần Thánh Tông bảo các vương hầu trong họ tông thất, tan châu, vào trong điện nội và nhà Lan đình, cùng nhau ăn uống, có khi tối đến, không về được thì đặt gối dài, chăn rộng, liên giường ngủ chung để tỏ tình hữu ái. Đó là thực hành lời ngài thường nói cùng các anh em bà con trong họ: “... Chỗ đồng bào máu mủ, lo thì cùng lo, vui thì cùng vui” (Toàn thư, quyển 5, tờ 31b). Tuy cũng có một vài tên phản quốc như Trần Ích Tắc và Trần Kiện, nhưng đó là con số rất nhỏ. Điều nhận thức được sau một quá trình. (BT) Giác ngộ người khác, tế độ người khác. Phần lớn sử liệu ghi 618-907. (BT) Có sách chép là A Loa Đài và chua là Agôtai. Có sách chép là: “Koubilai”. Triều Tiên. (BT) Nga. (BT) Tiếng Mông Cổ, có ý nghĩa là những kẻ “được nhờ ân sủng của Thiên tử”. Quân các vệ như năm vệ: Tả, Hữu, Trung, Tiền, Hậu và Đường Ngột vệ, Quý Xích vệ, Vũ vệ Tả hữu đô úy vệ... 2. Trần Bạch Đằng năm Mậu Tý (1288), ta bắt được nhiều tướng Mông Cổ trong có Vạn hộ, Thiên hộ, tức là hạng võ quan cao cấp cầm đầu quân

đội trong Vạn hộ phủ ở lộ hoặc trong Thiên hộ sở ở huyện bên Nguyên đấy. “Quân Mông Cổ” (danh từ quân sự) là quân trong bản tộc Mông Cổ, quân thám mã xích là quân trong các bộ tộc. Thám mã xích nghĩa là quân trấn thú. Sau khi diệt được Kim, Mông Cổ tuyển người bắc bộ Trung Quốc làm lính, gọi là Hán quân; sau khi diệt được Tống, lại tuyển những người nam bộ Trung Quốc làm lính, gọi là tân phụ quân. Tức là Ngột Lương Hợp Thai (Wouleangotai). Toàn thư, chép là “năm mươi vạn quân”. Theo Tân biên cao trung bản quốc sử, quyển giữa, trang 139. Cõi Les Mongots et la Papauté của Paul Pelliot, chương nhất, trang 4. Sẽ trình bày ở chương “Cuộc chiến thắng Mông Cổ lần thứ nhất”. Tức năm Đinh Tỵ (1257). Hai sứ giả này đều bị ta giam giữ ở trong ngục, đến khi thả ra thì một người chết. Xưa dùng tiếng “tú tài” có nghĩa như là kẻ sĩ, tức chỉ những hạng nho sĩ, thầy thuốc,... nói trên. Tức là “Đạt lỗ Hoa xích”. Tiếng Mông Cổ, mà đời Thanh dịch lại, nghĩa là Quan trưởng Mông Cổ. Theo chế độ nhà Nguyên thì các cấp hành chính và quân sự, trên từ lộ, dưới đến huyện, ở các hành sảnh, đều dùng người Mông Cổ làm “Đạt lỗ Hoa xích” hoặc gọi “Đạt lỗ Cát tề”. Tháng một ở đây chỉ tháng 11 âm lịch. (BT) Chỉ triều đình Mông Cổ. Chỉ triều đình Mông Cổ. Tháng chạp, năm Canh Thân (1260), Mông Cổ đưa chiếu thư sang bảo ta: Đối với quan liêu, sĩ, thứ trong nước, phạm mũ áo, điển lễ, phong tục, nhất nhất cứ để y theo pháp chế có sẵn của Bản quốc. Tức năm Quý Hợi (1263) đời Nguyên Thế Tổ Hốt Tất Liệt. Chỉ viên đứng đầu Trung thư sảnh bên Mông Cổ. Chỉ nước Mông Cổ. Chỉ vua Mông Cổ. Có sách phiên âm lầm là Sài Thung. Tức là những khoản đòi Quốc vương phải sang châu và con em nhà vua phải sang làm con tin,... như trên đã nói. Chỉ vua Trần Thái Tôn. Bon Trịnh Quốc Toản và một người họ Phạm tước Minh tự sang sứ Mông Cổ từ năm Kỷ Mão (1279). Có lẽ là sảnh Bình Chương như dinh thủ tướng ngày nay. Chỉ cuộc Mông Cổ sang xâm lần thứ nhất (Đinh Tỵ, 1257). Chỉ vua Trần Thái Tôn. Sẽ trình bày ở chương “Cuộc chiến thắng Mông Cổ lần thứ hai”. Do Sứ bộ Trung lượng Đại phu Trần Đức Quân và Tán lang Trần Tự Tông đem quốc thư sang. Xem bản đồ số 1 ở cuối sách. Nay là huyện Ung Ninh, tỉnh Quảng Tây. Nay là huyện Quế Lâm, tỉnh Quảng Tây. Nay là tỉnh Hồ Bắc. Khúc sông Cái (nay gọi Hồng Hà) từ mạn Lào Cai xuống Ngã Ba Hạc gọi là sông Thao. Không rõ ở đâu bây giờ. Trong An Nam chí lược chép là Lê Tần. Có lẽ Tần là tên cũ, sau được vua Trần khen thưởng vì có công lớn trong cuộc kháng chiến Mông Cổ lần thứ nhất này, nên Tần được đổi tên là Phụ Trần, lấy nghĩa rằng họ Lê giúp nhà Trần chăng? Sử cũ chép là sông Phú Lương. Thế là nhận nhầm sông Hồng Hà làm sông Phú Lương, tức sông Cầu, ở địa phận huyện Phúc Lương, tỉnh Thái Nguyên. Trong An Nam chí lược chỗ thì in là “Kỳ Trích”, chỗ thì in là “Cụ Trích”, vì chữ “kỳ” và chữ “cụ” gần giống nhau. Bến Đông (Đông Tân) sông Cái ở địa phận huyện Thượng Phúc (Hà Đông). Cũng gọi Thiên Mạc, tức là khúc sông Cái bên bãi Màn Trù thuộc tỉnh Hưng Yên. Tức như chức Kinh doãn đời sau. Theo Nguyên sử, quyển 209, tờ 5b. Có lẽ trói bằng thứ thừng bện bằng lát tre? Cũng theo Nguyên sử. Nay thuộc Hưng Hóa, Phú Thọ. Xem bản đồ số 2 ở cuối sách. Nay thuộc làng Bàn Than, huyện Quế Dương, tỉnh Bắc Ninh. Nay là Vân Hải thuộc tỉnh Quảng Yên, tức là hòn đảo “De La Table” (xem bản đồ). Một nhánh sông Thái Bình (xem bản đồ). Bến Đông (Đông Tân) sông Cái nay gọi là Hồng Hà thuộc địa phận huyện Thượng Phúc (Hà Đông). Chẳng hạn các cửa ải ở miền Lạng Sơn và mạn Thanh, Nghệ... Bấy giờ được vua Mông Cổ phong làm Trấn Nam vương. Đây dựa tài liệu trong An Nam chí lược, nhưng chưa rõ là tên một người hay hai người. Đợi khảo sau. Thuộc Lạng Sơn (xem bản đồ). Trong An Nam chí lược chép là Cấp Lĩnh. Thế tức là Khưu Cấp Lĩnh mà sử Cương mục chưa là phố Kỳ Lừa thuộc Ôn Châu, tỉnh Lạng Sơn ngày nay. Cũng đọc là Khả Li, có sách chép là Khả Ly, thuộc Lạng Sơn. Cũng thuộc Lạng Sơn, trong An Nam chí lược chép là “Anh Nhi”; còn Toàn thư, và Cương mục đều chép là “Nữ Nhi”. Thuộc Lạng Sơn. Việc cử Trần Quang Khải này vào ngày 28 tháng giêng năm Ất Dậu (1285). Nguyên văn: “Phàm quốc nội quận huyện, giả hữu ngoại khẩu chí, đương tử chiến, hoặc lực bất địch, hứa ư sơn trạch đào toán, bất đắc nghinh hàng”. (Nguyên sử, quyển 209, tờ 5b). Đây theo An Nam chí lược quyển 4, tờ 1b. Còn Toàn thư, quyển 5, tờ 44b chép: ngày 26 tháng chạp năm Giáp Thân (1284), giặc Nguyên xâm phạm các cửa ải Vĩnh Châu, Nội Bàng, Thiết Lược, Chi Lăng. Theo Nguyên sử, quyển 209, tờ 5. Thuộc miền Quảng Yên ngày nay. Tục gọi là bầu Chi Lăng. Nay thuộc tổng Chi Lăng gần ga Tuần Muội ở châu Ôn, tỉnh Lạng Sơn. An Nam chí lược chép Chi Lăng tức là “Lão thứ quan” (nghĩa là cửa chuột già). Đền hồi Minh thuộc đời làm huyện Chí Linh. Nay thuộc tỉnh Hải Dương. Đến đời Lê đổi làm huyện Phượng Nhãn (hoặc Nhỡn). Nay

thuộc tỉnh Bắc Giang. Đây theo An Nam chí lược. Nay không rõ Bài Than ở vào đâu. Nhưng có lẽ là Bình Than. Vì “Bài” và “Bình” âm gần nhau. Sử Toàn thư, chép là “dục thủy trận”. Nay đều thuộc tỉnh Bắc Ninh. Khoảng 5-7 giờ sáng. Tức là Thiên Mạc ở bên sông Cái thuộc Hưng Yên. Trong An Nam chí lược chép là “ải Thiên Hán” và chỉ chép tước của Trần Bình Trọng là Bảo Nghĩa hầu chứ không chép tên. Nay là ba huyện Bình Chính, Minh Chính và Bồ Trạch thuộc tỉnh Quảng Bình. Việc cử Trần Quang Khải này vào ngày 28 tháng giêng năm Ất Dậu (1285), tức là sau khi Trần Bình Trọng đã tử quốc được bảy hôm, vậy mà cuốn Việt Nam sử lược, quyển thượng (in lần thứ hai, năm 1928, trang 121), tác giả Trần Trọng Kim chép: “... Sai Thượng tướng Trần Quang Khải đưa binh vào đóng mặt Nghệ An... và Trần Bình Trọng ở lại giữ Thiên Trường...”. Con của Tinh quốc Đại vương Trần Quốc Khang. Thuộc địa phận Thanh Hóa. Khúc sông Cái thuộc huyện Nam Xang tỉnh Hà Nam. Trong An Nam chí lược in là Trần Tú Tuấn. An Nam chí lược chép ngày ấy (mồng sáu tháng hai) Thanh Hóa và Nghệ An đều hàng. Đây theo An Nam chí lược. Còn trong Toàn thư, quyển 5, tờ 47a chép: “sai người (không nói rõ sai ai), đưa công chúa An Tư (em út của Trần Thánh Tông) cho Thoát Hoan để thư nghị nước”. Không rõ ngày nay ở đâu. Thuộc địa phận xã Đại Bàng, huyện Nghi Dương, tỉnh Hải Dương. Thuộc xã Tam Trĩ châu Tiên Yên, tỉnh Quảng Yên. An Nam chí lược, quyển 4, tờ 2b in lầm là “Tam Thì”. Thuộc miền biển Thanh Hóa. Con thứ vua Trần Thái Tông, vẫn ngầm có ý muốn cướp ngôi nên đã từng viết thư bí mật gửi khách buôn ở Vân Đồn “rước” Mông Cổ đem quân sang xâm lược. Sau khi hàng giặc, Tắc được giặc phong An Nam quốc vương. Kịp khi Mông Cổ thua trận, Tắc xấu hổ, chết già ở bên Nguyên. Thuộc xã Chương Dương, huyện Thượng Phúc, phủ Thường Tín, tỉnh Hà Đông. Việc khắc phục kinh đô này, An Nam chí lược chép vào tháng tư, còn sử Toàn thư, và sử Cương mục đều đặt vào việc ở tháng năm, là vì mãi đến mồng mười tháng năm ấy hai vua Trần mới biết tin. Nay là Thuận Hóa, tức Huế. Xem bản đồ số 2. Đây là lời vua Trần Nhân Tông, vậy mà trong Việt Nam sử lược, quyển thượng (in lần thứ hai, 1928), tác giả Trần Trọng Kim lại chép là lời tâu của Hưng Đạo vương, và đoạn dưới dịch khác đi rằng: “... Vậy nay nên sai một tướng đem quân ra đón đường mà đánh thì chắc phá được” (trang 123). Khúc sông Cái thuộc huyện Đông An, tỉnh Hưng Yên. An Nam chí lược, quyển 4, tờ 3a chép “Tướng Toa Đô là Lễ Cước Trương làm phản”. Có lẽ Lễ Cước Trương tức là Trương Hiến, mà “làm phản” là chỉ về việc đầu hàng bên ta. Trong trận này ta bắt được cả bọn Tế thần (như Thủ tướng ngày nay) Chiêm Thành là Ba Lậu Kê, Na Liên 30 người vì theo Toa Đô. Đến tháng sáu năm Ất Dậu (1285), ta sai người đưa chúng về nước. Tức là Ôn Châu, thuộc Lạng Sơn. (Xem bản đồ số 2). Theo Toàn thư, quyển 5, tờ 46b-47a; An Nam chí lược, quyển 19, tờ 3a-b. Xưa ở miền thượng du tỉnh Sơn Tây, nay thuộc Phú Thọ. Như chức Thổ tri châu. Không rõ bây giờ ở vào đâu. Theo Toàn thư, quyển 5 và An Nam chí lược quyển 4. Đây theo đúng nguyên văn in trong sử Toàn thư là bản ra trước hơn cả. Trong Hoàng Việt văn tuyển, quyển 2, tờ 2b, đặt bài thơ này của Trần Quang Khải vào dưới đầu đề là Tông giá hoàn kinh sư (theo ngữ giá về kinh đô), có in khác một chữ “đương” trong câu ba: “Thái bình đương trí lực”. Nếu cần phải dịch cả bài thơ này ra văn vần thì dịch thể này: Cướp giáo bến Chương Dương, Bắ Hồ cửa Hàm Tử. Thái bình, gắng sức lên! Non nước này muôn thuở.. Xem bản đồ số 3 ở cuối sách. Theo binh chế Mông Cổ, thì Mông Cổ quân là quân lính tuyển ở những người trong Mông Cổ tộc; Hán quân là quân lính tuyển ở những người tại Bắc bộ Trung Quốc, sau khi Mông Cổ đã diệt được Kim; Vân Nam binh là những quân lính tuyển ở tỉnh Vân Nam. Quân lính tuyển ở các đông mán như Lê Man động ở Quảng Đông gọi là Lê binh. Binh chế Mông Cổ có đặt 12 cánh (dục) Lê binh. Đều thuộc Quảng Đông. An Nam chí lược quyển 4, tờ 3a chép có mười vạn; sử Toàn thư, chép năm mươi vạn; sử Cương mục theo Nguyên sử chép ba mươi vạn. Là Khâm huyện thuộc tỉnh Quảng Đông. Vạn Ninh nay là Hải Ninh Móng Cái. Trần Da chắc là một tướng trong tông thất nhà Trần, đóng giữ mặt biển. Sử Toàn thư, và sử Khâm định không chép việc Trần Da này. Đây theo An Nam chí lược. Có lẽ là một núi ở gần miền Móng Cái ngày nay. Đây là chuyến vận lương thứ nhất bị ta đánh đắm. Còn chuyến thứ hai vào ngày 11 tháng giêng, năm Mậu Tý (1288) lương thuyền Trương Văn Hồ bị phó tướng Trần Khánh Dư đánh: đắm ở cửa Lục. An Nam chí lược chép là Trình Bằng; Cương mục chép là Trình Bằng Phi. Thuộc huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh. Sau đổi là Kinh Bắc, nay gồm Bắc Giang và Bắc Ninh. Thuộc tỉnh Quảng Tây. Thuộc tỉnh Lạng Sơn ngày nay. Thuộc địa phận tỉnh Cao Bằng ngày nay. Trong An Nam chí lược, quyển 19, tờ 3b chép là Bình Giang.

Nay thuộc huyện Hưng Nhân tỉnh Thái Bình. Quan tài nhà vua làm bằng gỗ tử, gọi là “tử cung” (梓宮). Các tỉnh duyên hải bên Trung Quốc bấy giờ đều có tiểu thuyền để thao luyện thủy binh ra biển, đi tuần, bắt giặc cướp. Trong An Nam chí lược chép: “Trương Văn Hổ thoát tiên đụng phải quân ta ở cửa An Bang” (thuộc Quảng Yên). Ở phần biển gần Hòn Gai ngày nay. Hán văn trong Toàn thư, và Cương mục chép là “Lục thủy dương”. An Nam chí lược chép: “Thuyền lương bị hãm, Văn Hổ cuời một chiếc thuyền côi, chạy về Khâm Châu”. (Là Khâm huyện, thuộc tỉnh Quảng Đông). Đây theo Cương mục, quyển 8, tờ 4a-5b. Còn Toàn thư, quyển 5, tờ 54a-b chép Trương Văn Hổ bị bại vào trận Bạch Đằng, chứ không phải vào trận Vân Đồn: “... Kịp Văn Hổ đến, phụ binh ở hai bên bờ (sông Bạch Đằng) hăng hái đánh: Văn Hổ lại bị thua. Nước thủy triều rút xuống rất gấp. Thuyền lương Trương Văn Hổ mắc vào cọc, đắm chìm gần hết. Người Nguyên chết đuối rất nhiều...” (Quyển 5, tờ 54a-b). Theo An Nam chí lược quyển 4, tờ 4b, thì nhờ có tả hữu can ngăn, Thoát Hoan mới thôi việc đốt thành; nhưng sử Toàn thư, chép Thượng hoàng Thánh Tôn phải ngự ở Thị vệ lang, là vì cung điện giặc đốt cả. Theo Trung Hoa thông sử, trang 125. Thuộc tỉnh Lạng Sơn. Thuộc Lạng Sơn. Đây thuộc Lạng Sơn. Đây theo sử Cương mục, quyển 8, tờ 8a-b. Còn An Nam chí lược chép: Hữu thừa Trình Bằng bèn hỏi dò những bộ lão bị chúng bắt được và đang đem bắt ép phải dẫn chúng dò đường khác chạy trốn. Khi đại quân Mông Cổ ra khỏi ải Nội Bàng quân ta lại đánh chặn, cắt đứt toán sau của giặc. Vạn hộ Đáp Thích Xích và Lưu Thế Anh đánh lại: quân ta phải chạy... Thuộc Lạng Sơn. Trong An Nam chí lược chép là “Anh Nhi”. Xưa thuộc châu Tư Minh bên Trung Quốc. Đến năm 1426 mới thuộc về ta. Đời Lê, gộp cả Lộc Châu với châu Tây Bình, đặt làm châu Lộc Bình. Nay thuộc Lạng Sơn. (Xem bản đồ số 3). Đây theo An Nam chí lược quyển 4, tờ 4b-5a; Cương mục, quyển 8, tờ 9a. Còn Toàn thư, quyển 5, tờ 54b chép Thoát Hoan và A Thai đem quân về Tư Minh, bị thổ quan Hoàng Nghệ bắt được, đem dâng vua Trần. Toàn thư, quyển 5, tờ 54a-b chép Nguyễn Khoái trong trận này, có bắt được Bình chương Mông Cổ Áo Lỗ Xích. Một tước phong đời Trần. Tên một tướng Mông Cổ. Nhiều sách báo quốc ngữ lầm làm hai người. Toàn thư, quyển 5, tờ 54b. Mộ vua Trần Thái Tông, ở phủ Long Hưng (nay ở làng Thái Dương thuộc huyện Hưng Nhân, Thái Bình, còn mộ vua Trần và đền thờ những bậc vĩ nhân đời Trần). Toàn thư, quyển 5, tờ 54b. Hán Cao Tổ (206-195 TCN) bị Hạng Vũ vây, gấp quá, Tán bèn giả là Hán Cao, thay ra hàng Sở: vì thế, Hán Cao trốn thoát còn Tán bị Hạng Vũ thiêu chết. Sách Tả truyện chép Sở Chiêu vương bị giặc lấy giáo đâm, Do Vu chìa lưng mình ra che đỡ cho Sở Chiêu. Dự Nguỵ người nước Tấn, đời Chiến Quốc (481-221 TCN); thờ Trí Bá. Khi Triệu Tương Tử và Hàn Ngụy diệt Trí Bá, Nguỵ bèn sơn mình như quý, nuốt than làm câm, mưu giết Tương Tử để báo thù cho Trí Bá; nhưng hai lần cùng bị Tương Tử bắt được. Lần trước, được Tương Tử thả ra; lần sau, Nguỵ đòi xin cái áo của Tương Tử mà đánh để tỏ ý trả thù cho Trí Bá rồi tự sát. Đường Thái Tông (627-649) tên là Lý Thế Dân, khi còn làm Tàn vương, có đánh nhau với Vương Thế Sung, bị Thế Sung vây khốn, nhờ có Kính Đức cứu giúp mới thoát được vòng vây. * Đường Thái Tông (627-649): Đây là thời gian tại vị. (BT) Đời Đường Huyền Tôn (713-755), An Lộc Sơn nổi loạn, Kiêu Khanh giữ lòng trung nghĩa, không chịu theo giặc. * Đường Huyền Tôn (713-755): Đây là thời gian tại vị. (BT) Người đời Tống. Hoặc Nguyễn Sơn Lập. Tức là thành Hợp Châu, vì thành này ở núi Điều Ngự, nên mới đặt tên như thế. Nay thuộc phủ Trùng Khánh, tỉnh Tứ Xuyên, Trung Hoa. Khi Mông Kha bên Nguyên xâm nhà Tống, vây thành này, viên Tri châu thành Điều Ngự bên Tống là Vương Kiên (Nguyên sử chép là Vương Kiên, không có chữ đệm là “Công”), cố sức chống giữ được hàng năm tháng, khiến quân địch không hạ nổi thành. Quân Nguyên phải giải vây, rút về. Tức Mông Ké, vua Mông Cổ, miếu hiệu là Hiến Tôn, anh Hốt Tất Liệt. Tức Wouleangotai mà Nguyên sử chép là Ngột Lương Hợp Thai (hoặc Ngột Lương Cáp Thai). Thông giám tập lãm chép là Ô Đặc Lý Cáp Đạt. Toàn thư, và Cương mục đều chép là Cân Tu Tư, còn Hoàng Việt văn tuyển in là Xích Tu Tư vì “Cân”(斤) và “Xích”(斤) mặt chữ gần giống nhau. Sau là Đại Lễ, hoặc Đại Lý, nay là Vân Nam. Tức Mông Cổ. Tức Nguyên Thế Tổ. Sau khi lấy được Đại Lý (nay là Vân Nam) Nguyên Thế Tổ bèn phong cho con là Hốt Kha Xích làm Vân Nam vương để cai trị. Theo Cương mục có hai chữ “bất năng”, Toàn thư, không có. Theo Toàn thư, chép là “thường” (嘗). Còn Cương mục và Hoàng Việt văn tuyển đều in là “đương” (當). Đây theo Toàn thư, quyển 6, tờ 11b-14a chép là “trung quốc”, nên dịch là “nước trung ương”. Chừng đức Trần Hưng Đạo, tác giả bài hịch, bấy giờ, muốn nâng cao địa vị quốc gia lên để

khích lệ tướng sĩ, nên mới nói nước mình là “trung quốc”, mà mặt sát Mông Cổ là di địch (gọi trùm Mông Cổ là “di tù”). Bùi Tồn Am, khi soạn bộ Hoàng Việt văn tuyển có lẽ không thấu rõ cái thâm ý ấy của đức Trần Hưng Đạo, nên tưởng sử cũ in lầm bèn dám tự tiện đổi hai chữ “trung quốc” làm “bang quốc”. (Xem Hoàng Việt văn tuyển, quyển 7, tờ 1b-4b). Theo Từ nguyên, thì “thái thường” chỉ có hai nghĩa: cờ thái thường và chức quan đời Hán giữ lễ nghi nơi tôn miếu. Đây nói “nhạc thái thường” có lẽ là một thứ nhạc thờ đời Trần dùng để tế tự nơi tông miếu chăng? Đời phong kiến, phàm đất mà khanh, đại phu được phong để thu lấy thuế má làm bổng lộc, gọi là “thái ấp” hoặc “thực ấp”. Lối xưa, khi ai đã chết, sắp đem chôn, thì người ta xét theo đức tính bình sinh của nấy mà đặt cho tên hiệu để thay cho tên húy. Sau theo chế độ phong kiến, xã hội chia nhiều giai cấp: vua quan mới được gọi là “tên thụy” người thường gọi là “tên hiệu”. Tên thụy xấu như “U vương” (vua Tối tăm) và “Lệ vương” (vua Hung dữ) đời Chu. Nguyên văn là “thổ hỏa tích tân”, chữ trong Hán thư, đem lửa để ở dưới chỗ chứa củi mà nằm lên trên; thấy lửa chưa kịp bốc cháy, đã vội gọi là yên ổn. Ý nói phải lo cái vạ ngấm ngấm. Nguyên văn là “trùng canh suy tê”, chữ trong Sở từ. Ý nói phải kiêng răn quá lắm. Đều là những thiện xạ bên Trung Quốc xưa. Đều là những thiện xạ bên Trung Quốc xưa. Đời Tống, chỗ nhà để cho mách mọi ở. Khi họ vào triều cần gọi là “cảo nhai”. Do điển trong Thế thuyết (Vương Tử Kính đêm nằm trong nhà, có bọn trộm vào nhà, vợ vét hết cả đồ đạc. Vương thủng thẳng bảo: “Chiếc chiếu xanh là đồ lâu đời của nhà ta, các anh phải bớt lại đấy”.) Xưa dùng huyết con sinh để cúng tế, nên gọi sự được hưởng cúng tế là “huyết thực”. Theo lời chua trong Dư địa chí của Nguyễn Trãi, thì triều Lý có đào sông Bình Lỗ để tiện đi lại ở miền Thái Nguyên. Vậy thành Bình Lỗ chắc ở địa phận Thái Nguyên Chỉ đức Trần Hưng Đạo. Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. Cửu cung qui thân là: Thái nhất, Nhiếp đề, Quyền chủ, Chiêu đao, Thiên phù, Thanh long, Hàm trì, Thái âm và Thiên nhất. Nếu tính theo phép lịch, thì Cửu cung gồm chín vì sao này: Thiên bình, Thiên nhuế, Thiên hành, Thiên phụ, Thiên cầm, Thiên tâm, Thiên trụ, Thiên nhâm và Thiên anh. Giết chết. Phương hướng thuận lợi. Sao lạnh. Thần dữ. Ông tướng hung ác. Ba điều lành. Năm điều dữ. Nguyên văn: “Cử quốc nghênh địch” (舉國迎敵). Nguyên văn: “Cử quốc cự địch” (舉國拒敵). Dọn sạch đồng nội, không để thóc lúa cho quân địch được lợi. Ở Hòn Gai bây giờ. An Nam chí lược, quyển 13, tờ 4a chép: “Quan quân (chỉ quân Mông Cổ) dục chiến bất đắc”. Chẳng hạn: trận Tây Kết có nhiều đạo quân như quân Trần Nhật Duật, quân Trần Quang Khải, quân Trần Quốc Toản, quân Nguyễn Khoái và quân hai vua Trần cùng đến dự chiến. Làm trước để chế trị người. Theo tài liệu trong An Nam chí lược như trong chương tám đã thuật. Nặng nóng. (BT) Xem thêm “Bảng kê những tên phản quốc, hàng giặc Nguyên” ở cuối sách. Về điểm địa lý này, tác giả Trần Trọng Kim có viết ở Việt Nam văn học sử, quyển thượng (in lần thứ hai, năm 1928) trang 140 rằng: “... Triệu Võ Vương đóng đô ở Phiên Ngung, tức là gần thành Quảng Châu bây giờ, mà châu Khâm, châu Liêm thì ở giáp giới nước ta. Lẽ nào đi đánh Trường Sa ở tỉnh Hồ Nam mà lại quay trở lại châu Khâm, châu Liêm... Có lẽ rằng Hưng Đạo vương lúc nói chuyện đó tưởng rằng kinh đô của Triệu Võ Vương ở đâu bên nước ta bây giờ, cho nên mới nói như thế chẳng”. Cũng như ngày nay gọi là “quốc tế”. (德威遠暢) nghĩa là “công đức và oai danh truyền rộng ra trận nơi xa”. Hưng Đạo đại vương. Theo báo Kiến quốc, số 1, ngày 11, tháng 10, năm 1949. Câu đối ấy thế này: “Vạn Kiếp hữu sơn giai kiếm khí – Lục Đầu vô thủy bất thu thanh”. Với tất cả mọi sự dè dặt, kể viết chỉ xin thuật bài thơ của nhà báo Nhật này theo như ông Lam Sơn đã kể lại trong cuốn Hưng Đạo đại vương, trang 11. Lại theo ông Lam Sơn, thì dưới bài thơ này, nhà báo Nhật ấy có viết thêm mấy câu, đại ý: “Cũng hồi thế kỷ mười hai (có lẽ in lầm hoặc nhớ lầm; thực ra bây giờ là thế kỷ mười ba, chứ không phải mười hai), hơn hai mươi vạn quân Mông Cổ cũng dầm dộ (rầm rộ) chực kéo sang đánh chiếm nước Nhật, nhưng chưa tới nơi đã bị trận sóng gió gớm ghê, dao (bao) nhiêu chiến thuyền đều bị chìm đắm, quân địch chết đuối gần hết, sống sót trở về không còn được vạn người...” (Về việc nước Nhật gặp cái may này mà thoát vạ Mông Cổ xâm lược, nhiều bộ sử ta và sử Trung Hoa cũng đã nói đến). 1. Ruộng ở nơi đầm lầy, dưới là bùn loãng, nước ở mặt trên cùng cỏ dại mọc thành tầng, thành lớp. Ruộng rộc thường rất sâu, đến thắt lưng thậm chí còn đến ngực người. Do đó, canh tác trên đất ruộng loại này thường khó khăn vì không thể cày bừa dễ dàng như ruộng bậc thang hay ruộng nước ở đồng bằng. (BT) * Tất cả chú thích đề BT trong sách này là của người biên tập. 2. Thánh Thiên không những là một đại công thần khai quốc mà còn là một tướng

lĩnh cao cấp đã được Hai Bà Trưng giao phó những trọng trách trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mã Viện. Truyền thuyết dân gian cho biết chính Thánh Thiên đã đánh tan quân Mã Viện ở Hợp Phố và sau đó đã dự trận Lãng Bạc với Hai Bà Trưng. Cũng có truyền thuyết nói Thánh Thiên đã chặn đánh quân Mã Viện ngay ở Quỷ Môn Quan (Lạng Sơn) khiến Mã Viện phải lui lại và tìm đường khác vào Âu Lạc. Nhân dân thời xưa đã dựng đền Nghè ở An Biên (Hải Phòng) để mãi mãi tưởng nhớ Lê Chân, người nữ anh hùng. Truyền trên soạn theo thần tích miếu thờ Thục nương ở xã Phương Lâu, huyện Phù Ninh, Vĩnh Phú. Thục nương được thờ ở Tiên La (Thái Bình), ở Phương Lâu và ở Đức Bác (tức Liệp Trang, huyện Lập Thạch). Ngày sinh thần là ngày mười lăm tháng tám năm Tân Sửu, ngày khánh hạ vào mồng mười tháng ba và ngày hóa thần là ngày mười tám tháng ba. Theo thần tích thời hậu Lê do Hàn Lâm Đông các Đại học sĩ Nguyễn Bính phụng soạn, và bản sao của dân Phương Lâu, có phụ lục các triều vua bao phong cho Thục nương thì Thục nương được phong thần lần lượt như sau: Thời Trưng vương, sắc phong: Bát Nạn đại tướng quân Trinh Thục công chúa. Thời vua Lê Thánh Tông, sắc phong: Ý đức đoan trang Trinh Thục công chúa. Thời Minh Mạng nhà Nguyễn, sắc phong: Dục bảo trung hưng linh phù chi thần. Thời Khải Định nhà Nguyễn, sắc phong: Dục bảo trung hưng linh phù Thượng đẳng thần. Vào thời trước, trong các ngày lễ tưởng nhớ Thục nương tức Bát Nạn công chúa, ở Vĩnh Phú có bơi chải, hát Xoan, tức hát đúm, cỗ đều bày trên mâm đan lót lá. Biển âm của Sư. Việc nặng nhọc mà người dân phải làm trong thời phong kiến, thực dân. (BT) Nàng Nội và cha mẹ đều được thờ ở xã Minh Nông và xã Minh Phương, huyện Hạc Trì nay là thành phố Việt Trì. Ở đây còn có một cánh đồng có tên là Đồng Cô, nhân dân nói rằng đó là ruộng của Nàng Nội giao cho dân làng để thu hoa lợi thờ cúng cha mẹ nàng. Lê Thị Hoa người đạo Sơn Nam, huyện Thiên Bản (thuộc tỉnh Nam Hà), cha là Lê Thái và mẹ là Dương Thị Tạo. Nàng nổi lên chống giặc trả thù chồng ở quê mình. Sau khi thất bại, nàng không hề nản chí, lánh vào quận Cửu Chân, huyện Nga Sơn (Thanh Hóa) kiên trì xây dựng căn cứ, tập hợp lực lượng trong bảy năm để tiến theo Hai Bà Trưng đánh đổ ách thống trị ngoại tộc ngót hai trăm năm đè nặng lên dân Việt. Theo tài liệu Ty Văn hóa Thanh Hóa thì nơi mà Lê Thị Hoa tìm đến để khai khẩn đất hoang, chuẩn bị lực lượng khởi nghĩa ở Thanh Hóa là làng An Hội. Sau khi nhân dân ta giành lại được độc lập dân tộc và bà Trưng Trắc lên ngôi vua, bà Lê Thị Hoa cùng bốn con trở lại Nga Sơn để xây dựng vùng này thành một nơi dân cư đông đúc, trù phú và bà mất vào mùa xuân năm sau, ngày 25 tháng hai âm lịch. “Thiên Sứ” nói trong truyền trên thuộc tỉnh Thái Nguyên. Hồ Đè và Hồ Hác đều được thờ ở đền Nhà Bà và đình thôn Đông Cao, xã Tráng Việt, huyện Yên Lãng, tỉnh Vĩnh Phú Nơi Xuân nương gieo mình, theo truyền thuyết, hôm sau mỗi đùn lên thành gò, nhân dân gọi đấy là mộ Xuân nương. Năm ngày sau khi Xuân nương tử tiết, ngày hai mươi tháng hai, đồn trại Hương Nha bị giặc phá, các thần quan đều tử tiết. Châu Đại Man gồm các miền rừng núi đồng bãi thuộc các huyện Tam Nông, Thanh Thủy, Thanh Sơn, Cẩm Khê. Dọc đường quốc lộ từ bến đò Ngọc Tháp (Phú Thọ) tới bến Trung Hà, các xã Hương Nha, Vực Trường, Thanh Uyên, Tam Cường, Cổ Tiết, Hương Nộn đều có thờ Xuân nương. Theo các cu ở địa phương thì các đền miếu này xây dựng trên dấu máu những nơi nàng Xuân đánh với Mã Viện trong trận cuối cùng của đời nàng. Chùa ở Hương Nộn nói trong truyền thuyết trên là chùa Khánh Long tự dựng ở mỏm cao bên sông Thao gọi là Phác Sơn, thuộc xã Hương Nộn trước gọi là hương Tuế Phong, cũng gọi là Kẻ Xoan. Các xã Thanh Uyên (gồm Tiền Áo, Giá Áo, Nam Cường), Tam Cường và Hương Nha là khu vực chiến trường Xuân nương và Thi Bằng đánh với quân Hán. Miếu thờ Xuân nương ở Hương Nha có hai đôi câu đối như sau: 1 - “Yếu điệu phù Trưng trung quán nhật Quật cường cự Hán tiết lãng sương” (Đại ý: Người yếu điệu phù vua Trưng, lòng trung tranh sáng với mặt trời. Quật cường cự với giặc Hán, khí tiết thẳng cả thời gian). 2 - “Anh kiệt vô song, vạn cổ thanh danh lưu nữ sử Quân thần câu hóa, nhất không trung nghĩa tối thanh thiên” (Đại ý: Anh kiệt không hai, danh tiếng ngàn đời lưu vào sử sách những người con gái. Vua tôi cùng mất, lòng trung nghĩa làm trời xanh vàng vặc cũng không bằng). Nói riêng về tục lệ cầu tế ở xã Hương Nha: mọi lễ dâng Xuân nương đều làm cỗ chay, có bánh dày, mật mía và củ mài. Các lễ tế mười vị thần quan và quân sĩ đều mổ trâu, nồi da nấu thịt, cỗ bày trên mâm tre đan lót lá chuối, lá ngổa, lá ngô đồng. Ngày tiệc, mở hội ở bến Lão Châu tức bến Đông, có trò trình nghề (rước các nghề nghiệp), cày bừa, té nước vào nhau (diễn xướng lễ nghi nông nghiệp) hái dâu, bán kén, chọi gà, đánh vật, kéo quân, trai gái hát đối đáp. Xã

Quang Húc ở đầu con sông Bứa (còn có tên là sông Mỹ Giang) có miếu Cây Quân thờ nàng Quỳnh và miếu Cây Sấu thờ nàng Quế. Núi Bứa trong truyền thuyết trên, nay có tên là núi Nàng hời Nàng hời, có thuyết cho rằng vì hai nàng mất trên núi nên núi có tên như vậy, với ý nghĩa là nhân dân than khóc hai nàng. Nguyệt Điện Đàm Ngọc Nga là người con gái bất khuất của sông Đà đã cùng với nhân dân khởi nghĩa ở hữu ngạn sông vùng huyện Thanh Thủy và một phần Thanh Sơn (thuộc tỉnh Vĩnh Phú) mà nơi căn cứ là các xã Tu Vũ, Yên Mao (Thanh Thủy) và Yên Sơn, Yên Lương (Thanh Sơn). Các hang động nói trong chuyện kể trên nay là Hang Pheo ở Yên Sơn chứa được hàng trăm người và các hang Tôm, hang Cá, hang Lợn, hang Gà, hang Trâu... ở xã Yên Lương. Nơi Nguyệt Điện xây dựng đồn trại ở đầu sông Cháy theo lệnh Hai Bà Trưng thuộc xã Tây Cốc và xã Ngọc Quan, huyện Đoan Hùng (Vĩnh Phú) và xã Yên Kỳ, huyện Hạ Hòa (Vĩnh Phú), ở những nơi này còn dấu vết đồn trại bằng đá tương truyền của Nguyệt Điện xây dựng. Ở Tây Cốc có mồ Nguyệt Điện thuộc xóm Ca Đình đắp bằng đá. Ở nơi đồn trại này hiện còn dấu tích của những giếng đá mà theo truyền thuyết là của quân bà Nguyệt Điện đào để lấy nước ăn. Trên sườn núi Đầu thuộc Ca Đình (Tây Cốc) giáp Ngọc Quan bây giờ còn một nền đất và các tảng đá kê, tục truyền là vọng gác của khu đồn trại. Đình làng Cả Đình được xây dựng ngay trên mảnh đất mà các cụ truyền rằng đó là nơi Nguyệt Điện đặt trung dinh. Thần tích cho biết vua Trưng phong Đàm Ngọc Nga là: "Nguyệt Điện Tế thể công chúa", vậy Nguyệt Điện là tước hiệu của Đàm Ngọc Nga. Thời Trần Nhân Tông, Nguyệt Điện được phong "Nguyệt Điện Tiên Nga công chúa, Huệ hòa gia hạnh uyển mị phu nhân". Vua Lê Thái Tổ phong: "Nguyệt Điện Nga hoàng công chúa, Anh linh sắc chỉ trinh nhất từ đường phu nhân". Ngày sinh: tháng hai ngày mười lăm. Ngày hóa: tháng năm ngày mồng năm. Trang Song Quan trong truyện Thiệu Hoa này là xã Hiền Quan, huyện Tam Nông, Vĩnh Phú, có đền và miếu thờ Thiệu Hoa và chùa Phúc Khánh là chùa làng cũng có thờ. Miếu Thiệu Hoa dựng ngay bên bờ sông, theo truyền thuyết là nơi thuở chẵn trâu, Thiệu Hoa thường ngồi vá quần áo. Trong miếu, trên bàn thờ có bày một cái mũng sơn son thếp vàng trong có vài mụn giẻ rách tượng trưng cho thời niên thiếu khổ cực của Thiệu Hoa. Hàng năm, trong các ngày hội làng kỉ niệm Thiệu Hoa, dân đều tổ chức đánh phết, diễu quân để tưởng nhớ vị nữ anh hùng. Nhật Chiêu nơi Khâu Ni tu hành và khởi nghĩa nay là thôn Cựu Ấp, xã Liên Châu, huyện Yên Lạc, thời Hậu Lê tên là Nhật Chiêu trang, thời Nguyễn đổi là Nhật Chiêu. Ở đây có đền thờ Khâu Ni công chúa, còn đạo sắc phong từ thời Đinh Tiên Hoàng. Tục truyền rằng khi Đinh Tiên Hoàng đi đánh sứ quân Kiều Công Hãn ở Phong Châu - Bạch Hạc, có nghỉ ở Huyền cổ tự, mộng thấy Khâu Ni hiện đến, xin âm phù và tự xưng là "Chuyển phàm tử Khâu Ni". Sau khi dẹp xong các sứ quân, thống nhất đất nước, Đinh Tiên Hoàng phong cho Khâu Ni làm Thượng đẳng phúc thần, giao cho trang Nhật Chiêu làm hộ nhi giữ việc cúng tế. Lê Đại Hành năm Thiên Phúc phong "Công chúa Huệ gia trinh phục phu nhân". Lê Thái Tổ cũng có sắc phong, cho kiêng bốn chữ "A nương Khâu Ni". Khi vua Trần Thái Tông đánh giặc Nguyên ở sông Lô, nói là được Khâu Ni báo mộng âm phù nên sau cũng phong cho Khâu Ni. Cầu sinh ngày mười lăm tháng hai, bàn trên cỗ chay. Cầu hóa ngày mười tháng chạp, bàn trên cỗ chay. Kiêng mặc quần áo màu vàng đỏ khi hành lễ vì khi ra quân Khâu Ni mặc y phục vàng đỏ. Các ngày cầu tế nói trên có tiệc trâu thui cả con, dân làng và người qua đường không phân già trẻ, lớn bé, mỗi người một dao xẻo thịt ăn ngay tại chỗ. Ngày mồng sáu tháng giêng có tục cướp cầu, cướp cò, bơi trải. Vĩnh Hoa công chúa được thờ ở đình Nghênh Tiên, xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc. Tiên Nha trang nói trong truyền thuyết trên chính là Nghênh Tiên, có thể gồm thêm một số thôn lân cận. Vua Lê Đại Hành phong là "Vĩnh Hoa nương linh hiển nữ quốc công chúa", lại phong là "Hằng Nga uyển mị trinh thực phu nhân tôn thần". Lê Thái Tổ (Lê Lợi) phong là "Đức hạnh đoan trang trinh tiết phu nhân". Trang Lũng Ngòi, Gò May và Đàm Luân thuộc xã Lũng Hòa, huyện Vĩnh Tường, Vĩnh Phú, có thể thời Lê Ngọc Trinh căn cứ Đàm Luân còn gồm cả xã Bồ Sao. Khu căn cứ này nằm ở gần cầu Việt Trì, ngã ba Bạch Hạc, mé Hà Nội về và đường quốc lộ 2 chạy qua xã ngày nay. Nhân dân địa phương thờ Lê Ngọc Trinh với lòng tưởng nhớ anh hùng ở miếu Lũng Ngòi, đình Lũng Ngòi và đình Hòa Loan. Trong các ngày cầu tế có tục hú đáo, kéo co mang tính chất kỷ niệm dựa theo truyền thuyết. Hú đáo thôn Lũng Ngòi (hay Lũng Ngoại): trai gái lấy đá ném vào một cái cọc chôn cách mười bước chân, cứ trúng cọc là được. Kéo co, trai gái chia làm hai phe thi nhau kéo co bằng một chiếc dây song. Các cụ nói rằng hú đáo và kéo co ở đây không phải là trò chơi hội làng mà là để nhắc lại

kỳ tích anh hùng của Ngọc Trinh nương, khi nương bị vây hãm lấy dải yếm bọc đá để đánh giặc. Sau hòn đá rơi về địa phận Lũng Ngòi nên Lũng Ngòi hú đáo còn dải yếm bay về địa phận Hòa Loan nên Hòa Loan kéo co. Thiết lĩnh (鐵領) là một binh khí cổ truyền, thuộc loại binh khí cán dài, phơi thai từ dụng cụ nông nghiệp để đập lúa. Đó là loại côn nhị khúc đặc thù của người Việt, có một khúc dài và một khúc ngắn nối liền nhau bằng dây thừng hoặc xích sắt. (BT) Thần tích xã Văn Lang, huyện Hạ Hòa, Vĩnh Phú chép rằng sau trận hạ thành Luy Lâu, hai chị em Lê Thị Lan, Lê Anh Tuấn được phong ấp ở Đường Lâm và có trở lại trang Văn Lang rồi cả hai đều mất ở đó vào ngày hai mươi lăm tháng tám âm lịch. Núi non địa thế miêu tả trong trận trên, được kể lại theo truyền thuyết địa phương. Dãy núi này là nơi ba huyện Hạ Hòa, Cẩm Khê, Yên Lập tiếp giáp nhau, và ngọn núi cao nhất có Ao Giời sau này được đặt tên là núi An. Theo lời các cụ, nàng Lê Thị Lan đã mất ở đó. Các địa hình và địa danh Ao Giời, Tiên mẹ Tiên con, khe Nước chồi, Đồng thóc, Đồng phì nhiều đều là có thật. Ở đây chúng tôi ngờ rằng, chữ “Phật” (佛) trong tên “Phật Nguyệt” được ghép từ bộ “Nhân đứng” (亻) trong chữ “Đình” (亻) họ của ông và chữ “Phất” (弗) trong chữ “Phí” (費) (?) họ của bà. (BT) Phật Nguyệt công chúa là một người con gái anh hùng của sông Thao, vì bất bình trước cảnh lầm than của nhân dân mà tuốt gươm đứng dậy, kiên trì mưu trí, thu phục được hào kiệt, tuổi trẻ gánh việc lớn, làm nên được công nghiệp hiển hách, nêu cao chủ nghĩa anh hùng của dân tộc ta hồi đầu Công nguyên. Phật Nguyệt được thờ ở các xã Thanh Vân, Phương Lĩnh thuộc huyện Thanh Ba, Vĩnh Phú. Đền thờ Phật Nguyệt ở Phương Lĩnh có đôi câu đối: “Tích trù Động Đình uy trấn Hán Phương lưu thanh sử lực phù Trưng”. Nghĩa: “Sự tích hiển hách còn lưu ở Động Đình, uy trấn nhà Hán. Danh thơm lưu truyền sử xanh, sức mạnh phù vua Trưng”. Viết theo tài liệu của Vũ Tuấn Sán. Vũ Tuấn Sán có dịch thơ cổ và câu đối để vịnh Phương Dung, Đào Kỳ, xin được giới thiệu như sau: “Sinh vi tướng, tử vi thần Vạn cổ cương thường hệ tử thân Loa địa song đôi thu nguyệt ảnh Anh hùng liệt nữ tướng quân phần”. Dịch: “Sống làm tướng giỏi, chết làm thần Muôn thuở cương thường nặng tấm thân Đôi nắm thành Loa trăng chiếu sáng Hào kiệt anh thư mộ tướng quân”. Câu đối: “Vĩ lý Phục Ba thi, loan giá lâm lưu không ảm hận. Bất li Tiên Trấn giáp, Loa thành quy mã thương trì thanh”. Dịch: “Chưa bọc xác Phục Ba, sống cảnh xa loan còn vang ướm hận. Chẳng rời giáp Tiên Trấn, ngựa về thành Ốc vẫn vọng âm thanh”. Đôi vợ chồng anh hùng Hùng Bảo – Trần Nang được các triều đại trước kia phong là “thượng đẳng thần”, được thờ ở Toàn Liệt (xã Tự Lập, huyện Yên Lãng, Vĩnh Phú), và ở Thái Lai (xã Tiến Thịnh, Yên Lãng). Thái Lai còn thờ cả ông Trần Hậu là cha nàng Trần Nang vì đây là nơi Trần Hậu được chôn cất tại Vườn Quàn. Theo thần tích nàng Quốc ở đình Hoàng Xá, xã Kiều Kỳ, huyện Gia Lâm (ngoại thành Hà Nội) thì mẹ nàng Quốc họ Đào, quê ở Kiệt Đặc, Chí Linh, Hải Hưng, tu ở núi Thiên Thai, trang Đông Cửu, huyện Gia Bình (huyện Gia Hưng, Hà Bắc). Cũng thần tích này nói rằng nàng Quốc sinh ra dưới một gốc đào khu Hoàng Xá, trang Hạ Tố (thuộc xã Kiều Kỳ). Vật trang sức hình cái nắp có đính những tua màu đẹp hoặc chòm lông dài. (BT) Tam nương, Tuấn công và An Bình Lý đều được thờ ở đình Quất Lưu, huyện Bình Xuyên, Vĩnh Phú, các vị đầu mục cũng được thờ ở hạ ban. Đình Quất Lưu có câu đối ghi lại công đức các anh hùng như sau: “Hộ quốc tiêm cừ, tam noãn linh thần tam tác tướng. Xả sinh thủ nghĩa, lục trùng dũng sĩ lục thành nhân” (Giúp nước rửa thù, ba vị linh thần cùng sinh làm tướng. Quên mình giữ nghĩa, sáu trang tráng sĩ nay đã nên danh). Trên thượng ban có đôi câu đối: “Trương Vương tả quân tướng – Lê gia thứ phúc thần”. Hội đình Quất Lưu được tổ chức vào ngày mười tháng giêng, lễ có đánh vật và thi mười bốn thứ bánh nếp; ngày mười hai tháng mười một tiệc kỵ nhật, tục hèm có bún và cá kho. Theo các cụ, huyện Tam Dương trong truyện Tam nương gồm huyện Bình Xuyên và một phần đất đai các huyện Vĩnh Tường và Yên Lạc (Vĩnh Phú). Quý Lan được thờ phụng hương khói với lòng tưởng nhớ anh hùng ở xã Liên Sơn, huyện Lập Thạch, Vĩnh Phú. Đó chính là trang Tinh Luyện, nơi nàng đã sinh ra và đã hy sinh oanh liệt. Quý Lan được thờ ở các miếu Khuôn, Đáp, Cầu, đỉnh Thán Sơn. Nơi Quý Lan tắm trước khi lên núi, theo các cụ, là con suối Mả Mèo. Ngọn núi mà Quý Lan tử tiết sau được đặt tên là núi Nái, cũng gọi là núi Mồ. Quý Lan cũng còn được nhân dân địa phương gọi là Nái Sơn công chúa. Theo thần tích, Quý Lan sinh ngày mồng mười tháng hai âm lịch và mất ngày mười bốn tháng bảy âm lịch. Ở xã Hương Nộn, ngày cầu Xuân nương, các phường xoan Kim Đức và An Thái (Phù Ninh) sang hát chầu theo tục lệ, hát từ chập tối tới gà gáy sáng và liền trong ba ngày. Trong các buổi hát thờ ấy, trước bàn thờ

Xuân nương có sáu người con gái xinh đẹp chưa chồng, mặc quần áo xanh đỏ, chít khăn chéo hai bên sườn, cầm kiếm và hộp trà, đứng nghiêm suốt buổi lễ. Miếu Hương Nộn cho tới kháng chiến chống Pháp còn một bức tranh thờ vẽ Xuân nương ngồi giữa, sau lưng có sáu nữ tốt cầm kiếm đứng hầu, xung quanh là cây cảnh và các nam binh nữ tốt. Tranh ấy nay đã mất. Dân địa phương kiêng tiếng Xuân, tiếng ả, tiếng nương, và các tiếng Hiền, Hoa là tên mẹ Xuân nương, tiếng Sát là tên cha Xuân nương. Theo thần tích ở Hương Nha, khi quan thái thú Lê Thiện là tướng của vua Lê Thái Tổ (Lê Lợi) đem quân đánh giặc Minh có qua đây, đêm mộng thấy Xuân nương hiện lên cho biết sẽ âm phù cho nghĩa quân thắng giặc. Sau khi lên ngôi, vua Lê Thái Tổ có sắc phong cho Xuân nương là “Đệ bát vị Đông cung công chúa Xuân nương”, phong các thập bộ thần quan là đại vương, giao cho dân sở tại tu sửa đền miếu hương khói đời đời. Phong Xuân nương là “Đệ bát vị” vì nàng là con thứ tám. Niên hiệu Thiệu Bảo. Các năm trong ngoặc đơn của sách này chỉ thời gian tại vị của các vị vua. Cuốn sách biên chép nhiều tư liệu lịch sử, tham khảo ở các nguồn khác nhau, nên có một số điểm chưa đồng nhất. Người biên tập sử dụng Khâm định việt sử thông giám cương mục (Quốc Sử Quán), Lịch triều hiến chương loại chí (Phan Huy Chú), Việt Nam sử lược (Trần Trọng Kim)... làm tư liệu đối chiếu. Về bản chữ Hán, do chất lượng bản gốc không thực sự tốt, chúng tôi đã hết sức cố gắng đảm bảo độ chính xác nhất có thể và có tham khảo đối chiếu với nhiều tài liệu khác. Tài sơ học lậu, khó tránh khỏi sai sót, rất mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc gần xa. Chú thích trong sách này là của người biên tập, ngoại trừ một vài chú thích có dấu (*) là của sách gốc. Thô kệch. Sách gốc chép là “Nam di”, đối chiếu với bản chữ Hán thì là “Man di”. Nghe phong phanh, nghe đồn. Sách gốc chép là “Vũ thị”, nhưng ở đây đang nói về Cù thị. Đối chiếu với bản chữ Hán thì chữ ở đây đúng là “Cù thị”. Sách gốc chép là “Triệu Khuông Dân”. Giao phó trọng trách quân sự. Vốn, vẫn. Nhậm chức. Bảo vệ. Đầu đuôi của sự việc. Hay Phạm Cự Lượng Sách gốc chép là “Lý Nhược Khuyết”, đối chiếu lại bản chữ Hán thì là “Lý Nhược”. Trao trả. Sách gốc chép là 1018-1225 Sách gốc chép là 1034-1078. Sách gốc chép là 1068-1078. Sách gốc chép là Lưu Gi. Người xem xét việc công tại địa phương, thời xưa. Sách gốc chép là 1048. Sách gốc chép 1133-1175. Sách gốc chép là “Tổng Hiến Tông”. Trong sử sách Tàu, đời nhà Tống không có miếu hiệu Tống Hiến Tông, trước đó có nói đến năm Giáp Thân (1164) thì phù hợp với đời Tống Hiếu Tông (1162-1189). Sách gốc chép là 1040-1225. Sách gốc chép là Ngột Lường Hợp Thai (Vouleangotai). Hốt Tất Liệt Sách gốc chép là “Bách lạc thiên”, đối chiếu bản chữ Hán thì là “Bạch lạc thiên”. Sách gốc chép là “Giáng châu long”, đối chiếu bản chữ Hán thì là “Giang châu long”. Ách tắc. Sách gốc chép là “Nguyễn Hạnh Thông”, đối chiếu bản chữ Hán thì là “Nguyễn Mạnh Thông”. Sách gốc chép là “Nguyễn Đại Pháp”. Sách gốc chép là 1364. Sách gốc chép là Hồ Hán Thương. Sách gốc chép là “Lê Canh Tuấn”, đối chiếu bản chữ Hán và một số tài liệu khác thì là “Lê Cảnh Tuấn”. Sách gốc chép là Thân Báo Tư. Sách gốc chép là Trần Khoang, đối chiếu lại bản chữ Hán thì là Trần Khang. Sách gốc chép là “Yến Kinh”. Ở đây chính xác gọi là “Yên Kinh” là một tên phổ biến khác không chính thức của Bắc Kinh, Trung Quốc. Về tên thật của Trần Thiêm Bình, sử sách đề cập khác nhau. Theo Đại Việt sử ký toàn thư, Thiêm Bình có tên là Nguyễn Khang, Khâm định Việt sử thông giám cương mục thì ghi Thiêm Bình vốn có tên là Trần Khang. Sách gốc chép là “Lê Trân”, đối chiếu bản chữ Hán thì là “Lê Vận”. Sách gốc chép là Lương Như Hốt. Dung. Năm Ất Ty (1425) vua Minh Nhân Tông mất. (*) Quý thị là quan đại phu nước Lỗ đời Xuân thu. Chuyên Du là một nước phụ thuộc của nước Lỗ. Câu này là mượn lời của đức Khổng Tử, ý nói triều đình nhà Minh cứ để ý vào việc viễn chinh không lo nội trị, khéo mà họa biến lại xảy ra ngay bên kề vách như là việc Cao Hư làm phản cũng chưa biết chừng. (*) Sử ký: Vương Thông lấy chuông Quy Điền, vạc Phổ Minh, hủy đi để đúc súng đạn, lại đắp cao thêm lũy thành Đông Quan, đào hào, đóng cọc. (*) Đinh Mùi. Ai Nam quan, nay là Hữu Nghị Quan. Thất phu. Minh Thái Tổ lúc mới khởi binh, dựng nước là nước Ngô. (*) Bấy giờ hậu chúa nhà Nguyên còn giữ ở phía Bắc, đặt niên hiệu là Thiên Nguyên. (*) Lưu Bị Chiêu Liệt đế nhà Thục Hán. Khi ấy vua Lê Lợi tạm lập Trần Cảo lên ngôi, tự xưng là con cháu nhà Trần. (*) Sách Lịch triều hiến chương của Phan Huy Chú nói có một người vàng. (*) Sách gốc chép là Chinh lược. Nước Lào. Bằng nhãn. Kỷ Mùi. Cầu mưa. Bản chữ Hán chép là 9 lạng. Bản chữ Hán chép là một đôi hạc bằng bạc. Sách gốc chép là 1570-1620. Sách gốc chép là Nguyễn Nhân Thiêm. Sách gốc chép là “Triều Khánh thuộc Quảng Tây”. Ở đây có sự nhầm lẫn về địa danh. Theo sử sách Tàu, năm

1644, quân Thanh tiến vào quan nội, triều thần nhà Minh dời xuống phía Nam. Minh Đế Vương Chu Do Lang cháu Minh Thần Tông xưng đế tại đất Triệu Khánh, Quảng Đông, lấy niên hiệu là Vĩnh Lịch, tại vị 16 năm (1646-1662). Sau này, nhà Thanh truy đuổi gắt gao, ông chạy sang Miến Điện, nhưng rồi vẫn bị Ngô Tam Quế bắt được và xử tử tại Côn Minh. Sách gốc chép là “Trịnh Trang”, đối chiếu bản chữ Hán thì là “Trịnh Tráng”. Sách gốc chép là 1781-1788. Sách gốc chép là 1662-1622. Loại vải trắng mịn, khổ rộng. Hiện có nhiều tài liệu ghi chép khác nhau về thời gian vua Quang Trung lên ngôi. Theo Đại Nam chính biên liệt truyện là ngày 25 tháng 11 năm Mậu Thân (1788); Hoàng Lê nhất thống chí (Ngô Gia Văn Phái) là ngày 25 tháng chạp năm Mậu Thân (1788). Sách gốc chép là “Kiền Long”. Trong cuốn sách này sử dụng song song cả hai tên gọi Kiền Long và Càn Long, để thuận tiện cho tra cứu chúng tôi mạn phép được đổi thống nhất là “Càn Long”. Có thể là Trịnh Bồng. Vua Lê Hiến Tông (1740-1786) mất ngày 17 tháng 7 năm Bính Ngọ (1786). (*) Chuốc. Hay Ngô Văn Sở, một danh tướng nhà Tây Sơn. Sách gốc chép là “Hắc Thiệu Tông”, đối chiếu bản chữ Hán thì là “Hách Thiệu Tông”. Nguyên văn chép là sông Phú Lương. (*) Ra lệnh, răn đe. Quá quắt. Vùng biên giới. Bản gốc chép là “Đặng Văn Chân”, đối chiếu bản chữ Hán thì là “Đặng Văn Chân”. Voi đực. Nguyên nhân, lý do. (Hay khúc nôi, khúc nhôi) nổi niềm khó nói, đầu đuôi sự việc. Gần gũi. Sách gốc chép là “Vũ Văn Dung”. Có tài liệu chép là Chương Chấn võ quân. Sách gốc chép là “Hổ xá”, đối chiếu bản chữ Hán thì là “Hộ xá”, nghĩa là nơi tiếp rước, hộ tống. Sách gốc chép là “Lê Thân”, đối chiếu bản chữ Hán thì là “Lê Tuấn”. Sách gốc chép là “Nguyễn Tử Giản”, đối chiếu bản chữ Hán thì là “Nguyễn Tư Giản”. Có tài liệu chép là “Bùi Ân Niên”, tức Bùi Văn Di (1833-1895), còn gọi là Bùi Di, tự Ân Niên. Jules Patenôtre - Sứ thần Cộng hòa Pháp. Tài liệu khác chép là Trình Tuyên. (1) Nam Đế: lẽ ra phải dịch là “hoàng đế nước Nam” nhưng đây vì dịch thơ cốt giữ vần điệu nên tạm dịch là Vua Nam. Lý Thường Kiệt viết Nam đế là để khẳng định Nam đế đường đường sánh với Bắc đế (hoàng đế Trung Quốc). Người Việt dùng chữ vua để chỉ cả đế lẫn vương, nhưng theo cách viết của người Trung Quốc (mà xưa ta tiếp nhận) thì đế và vương khác nhau. Đế là ngôi cao nhất (thiên tử) và vương là bậc sau đế (chư hầu của thiên tử). (2) Nam Đế: lẽ ra phải dịch là “hoàng đế nước Nam” nhưng đây vì dịch thơ cốt giữ vần điệu nên tạm dịch là Vua Nam. Lý Thường Kiệt viết Nam đế là để khẳng định Nam đế đường đường sánh với Bắc đế (hoàng đế Trung Quốc). Người Việt dùng chữ vua để chỉ cả đế lẫn vương, nhưng theo cách viết của người Trung Quốc (mà xưa ta tiếp nhận) thì đế và vương khác nhau. Đế là ngôi cao nhất (thiên tử) và vương là bậc sau đế (chư hầu của thiên tử). 1. Là ăn cây trái, giống như cây xoài ở phía Nam nhưng trái nhỏ, khi chín thì chua hơn. 1. Thuyết nhà Phật gọi xá li là tinh túy do tinh khí tụ lại khi đốt xác, lửa không đốt cháy được nên gọi là bảo. Tương truyền người nào học Phật thành thì thân hóa như thế. (1) Lời sấm truyền bao giờ cũng chứa đầy sự bí hiểm, vì thế mà rất khó dịch, thậm chí, rất khó mà hiểu nổi. Trên đây chỉ là lời dịch đại để về ý mà thôi. (1) : Hòa – đao – mộc ghép lại, có âm Hán Việt là lê, đây chỉ họ Lê, chỉ ngôi vua của Lê Long Đĩnh. Rụng là rụng xuống, ý nói sẽ mất đi. (2) : Thập – bát – tử ghép lại có âm Hán Việt là lý, chỉ họ Lý. Chữ thành ngụ ý được dựng lên. Cả câu nói triều Lý sẽ được dựng lên. (3) : Đông – a ghép lại có âm Hán Việt là trần, chỉ họ Trần. Họ vốn có nguồn gốc từ Trung Quốc nên mới có hai chữ nhập địa. (4) : Cây lạ sẽ tái sinh ngụ ý rằng, sau cũng có triều Lê, song đó lại là một họ Lê hoàn toàn khác. (5) : Ý chỉ rằng sẽ có Thiên Tử. Xưa, người ta vẫn coi Thanh Hóa là Tây còn Thăng Long là Đông. (6) Xin vui lòng đọc thêm tập 51 giai thoại thời Lý (tập thứ hai của bộ Việt sử giai thoại) để rõ thêm những tích này. Bất cộng đới thiên: không đội trời chung. Ý nói đấm cho vãi cú đấm. Ý nói muốn chém đầu. Người hải tặc: (Những) người sống ven biển. Tương Dực Đế làm vua từ 1510 đến 1516, ngang đời Võ Tôn nhà Minh. Niên hiệu Hồng Thuận thứ 5, tây lịch 1514. Chữ Pháp. Binh khí xưa, mũi dài, cán nhọn, dùng để đâm. Một loại vũ khí trong thập bát ban võ nghệ. Giản theo như gốc tích ban đầu là một cây roi bằng tre hoặc cành gỗ, có chiều dài khoảng 60-70 cm. Về sau thì người ta còn dùng giản làm bằng kim loại. Bản gốc dùng ngôn ngữ biểu đạt phần nhiều khác với văn phạm hiện nay, người biên tập mạn phép thống nhất từ ngữ cho gần gũi với bạn đọc hiện nay. Rất mong nhận được ý kiến tích cực của bạn đọc gần xa. Búa, rìu to dùng để phá núi hoặc sử dụng như một loại binh khí cổ. Dứt lời. Cú vọ. Xào xạc. Lá cọ. Người đứng đầu vùng dân tộc Mường thời trước. Quay, xoay Suy yếu trước tác động bên ngoài. (từ cũ) người làm ruộng thuê. Dao quắm hình lưỡi liềm, lắp vào cán dài, dùng để cắt những vật

trên cao hoặc chữa cháy. Đồ dùng kim loại, nhọn đầu, xiên vào lòng vật gì để thăm dò. Vật có đầu nhọn hình cung phía trên bằng sắt hoặc tre, cắm vào một tấm gỗ để đánh bẫy. Rên rầm. Nhà thờ, bãi đường. Dồn vào thế bắt buộc, ép buộc. Cách nhau. Chồm dậy trên hai chân với một sức hăng đột ngột do quá hoảng sợ. Gặp, đối diện. Vũ khí cổ, cán dài, đầu nhọn và cong như con rắn. Lạnh lẽ. Mỗi một Độc giả, bạn đọc. Có tài liệu chép bà sinh tại miền núi Quan Yên (hay Quan Yên), quận Cửu Chân (nay thuộc làng Quan Yên hay còn gọi là Yên Thôn, xã Đình Tiến, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa). Lịch sử vua Trưng ở truyện Hai bà đánh giặc. (chú thích gốc) Bản gốc chép là "Sơn Tây", ở đây có một sự nhầm lẫn, vùng nước Lô khi xưa nay thuộc tỉnh Sơn Đông Trung Quốc. Nay là huyện Thương Ngô tỉnh Quảng Tây Trung Quốc. Có tài liệu chép là Vu Dương. (từ cũ) Tài giỏi hơn người. Trần trọc. Phòng bên cạnh. Nến, sáp nến. Cất lên tiếng nhạc. Lớn. Lễ hai vợ chồng uống chung một chén rượu trong đêm tân hôn, theo phong tục thời trước. Loài cá mực, trong có thứ nước đen, dùng thứ ấy viết thành chữ, chỉ để lâu thời phai hết - cổ nhân gọi là "Ô tặc mực". Chạm đến, cảm động đến. Câu này vốn ở trong Kinh Thi, nghĩa là: Lòng tôi chẳng phải chiếu, cuốn lại được nào? Lòng tôi chẳng phải đá, chuyển đi được nào? Cái danh, cái đỉnh. Giọt nước của đồng hồ thời xưa. Đời Xuân Thu, Sở Tương vương đến núi Vu sơn du ngoạn. Một hôm nằm mơ gặp một thiếu nữ tuyệt sắc, rồi cùng chung chăn gối. Sau khi cùng giai nhân thoả tình ân ái, nhà vua hỏi thì nàng ấy thưa rằng: - Thiếp là thần nữ núi Vu Sơn, qua chơi đất Cao Đường, vốn cùng nhà vua có tiền duyên, nay được gặp gỡ thật thoả lòng mong ước. Thiếp có nhiệm vụ buổi mai làm mây, chiều làm mưa ở Dương Đài. Nói xong đoạn biến mất. Ngoảnh lại. Rốt cuộc. Tên đầy đủ là Sở Văn Vương, vua thứ 21 nước Sở, chư hầu của nhà Chu trong lịch sử Trung Quốc. Ngây ngất. Âm khác của an ủi. Quan làm việc dưới quyền một quan lớn thời phong kiến. Tên khác của chim hồng hoàng. Biểu thị sự quý trọng. Hầu hạ và ngủ cùng. Kiệt kiệt, tài giỏi hơn người. Công lao. Giám sát, chỉ huy. Đánh đuổi, xua đuổi. Tên tự của Tào Tháo. Đề phòng, ngăn chặn sự tranh giành. Hay Tào A Man, tên hời hợt của Tào Tháo. Bản đồ một vùng, một nước. Âm khác của soái, tướng chỉ huy quân đội thời phong kiến. (hay xảy) chột, bồng. Bằng lòng như thế. Có quan hệ mật thiết. Giả sử như. Đối lại. Một trong những kế trong Tam thập lục kế, được hiểu nôm na là ra tay trước để chiếm ưu thế, để đoạt lợi, để giành lấy chiến thắng trước khi đối phương kịp hành động. Đặt điều nói xấu. Rửa sạch mọi giận lớn. Phần mặt phẳng nhô ra ngoài hiên, xung quanh có lan can. Âm khác là bao lơn. Áo giáp có một miếng cứng đệm ngực. Tự hợp lại làm điều bất chính, nhưng ở đây là từ mang nghĩa tốt. Nhân chỗ trống, thừa lúc sơ hở. Duy trì cái cũ. Chẳng biết phải làm sao. Trần trọc. Nhánh quân. Quân do thám. Năm 201 sau Kỷ nguyên, tra lịch pháp thì nhằm năm Tân Ty, năm 210 mới là năm Canh Dần. Lòng chim trả. Ngà voi. Lệ chi là quả vải. Người cha đã khuất. Lời tuyên thệ. Viên chức sơ cấp thời phong kiến. Đơn vị hành chính thời trước. Tính kế lâu dài. Cũng nói giở giời, bày vẽ thêm. Công thần khai quốc nhà Hán trong lịch sử Trung Quốc. Chiếu theo sự thương lượng, bàn bạc. Âm Hán Việt, ý nói kết thúc. Lời khuyên bảo. Nằm sóng sượt. Xuất xứ: kẻ sĩ ra làm quan hoặc lui về ở ẩn. Thăng tiến nhanh. Đề bạt, cất nhắc. Chứng cứ thực. Nơi giam hãm, ý ở đây là dùng kế để giam lỏng, giám sát. Hay dầm dờ (một dạng kết cấu trong xây dựng). Dụng cụ làm bằng ống tre nhỏ, đeo nhọn hai đầu để xóc lúa, rơm. (từ cũ) Cha mẹ. Chim cùng họ sáo, lông đen mượt, hai tai có vệt trắng, sau mắt có hai mẩu thịt vàng, bắt chước được tiếng người. Đồ đựng bằng sành, hình trụ, thân hơi phình, đáy lõm. Dụng cụ thời cũ dùng để đo lường chất hạt rời, phần mười của đấu, khoảng bằng một lít. Cách nói tắt, ý nói con cá sấu. (hay giày) giẫm đi giẫm lại. Đắm. Ký thác, gửi gắm. (từ cũ) biểu thị ý nghi ngờ. Dòm ngó, nghe trộm. Thời kỳ xa xưa nhất trong lịch sử loài người. Từng đồng. Cẩn nhắc, dẫn đo. Thông báo. Khuyên. Ý nói đảng thuộc địa phương đứng ra khởi binh. Vậy nên. Lợi dụng việc công để mưu lợi. Người đầy tớ già. Nắm thật chặt, không buông. Cởi. Hai thích khách nổi tiếng bậc nhất thời Xuân Thu Chiến Quốc. Chặt bằng vật có lưỡi sắc. Hiệp. Vươn dài để với. Lấy nhàn để đối phó với mỗi một. Ngay thẳng, đứng đắn. Vật trước áo. Lầm bầm. Hưởng ứng. Hay ro ró, ru rú. Cờ xí. Nói rõ quyết định, ý nghĩa của việc cần làm. Mưu sâu lo xa. Tự tập đông đảo. Quay lại. Có thù với nhau. Để lại, lưu lại lâu. Gậy lớn, hai đầu bằng nhau dùng làm khí giới. Nhô ra, thò ra. Dao quắm. Nơi canh gác đầu làng. Cây cùng họ dâu tằm, lá có răng cưa, cứng và sắc, thường trồng làm hàng rào. Phương ngữ, ý nói kềm. Thiêu cháy đen thui. Người ở. Một loại vũ khí, dùng để bắn tên, gần giống nỏ. Nhẫn nhụi. Ôi! Hiền thê! ...Hiền thê hay ác phụ?! Ý nói quyên góp, ủng

hộ. Trận pháp trong binh pháp cổ đại Trung Quốc, còn có tên gọi là Ngũ hành trận. Nó dựa theo thể trận biến hóa của Ngũ hành (Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ). Trận pháp dùng để tu luyện Bộ Liên Hoa. Chia làm hai loại lớn nhỏ. Tiểu Liên Hoa trận do 16 mộc nhân tạo thành, đại Liên Hoa Trận có 64 cái, sắp xếp theo bố cục bát quái. Cởi. Âm khác của trình. Dân binh miền núi. Thu nhận, nạp dụng. Chuyển giao lương thực. (từ cũ) người phụ nữ có tài. Đường dẫn nước hẹp và nông hoặc chỗ sâu nhất của dòng sông. Rúc vào. Cầu treo. Bình đựng rượu bằng sành, thân phình to, cổ dài. Đi chơi không có mục đích. Tức mộc khiên. Cầu phao. Tin báo thắng trận. Quân tuần tra để giữ gìn an ninh. Âm khác của bao vây. Đi một cách nhanh chóng. Dùng, sử dụng. Vua Bà Lệ Hải. Tức Mê Linh. Đem gông cổ rồi áp giải đi. Ý là nên dùng mưu, không thể dùng sức. Khởi hành ngay trong ngày. Sấm nhanh không kịp bịt tai, xuất kỳ bất ý, hành động bất ngờ khiến đối phương không kịp trở tay. Quản Trọng, Nhạc Phi hai nhà quân sự nổi tiếng Trung Quốc. Lượm lúa nhỏ được buộc gọn lại. Con đỏ. Chết do giặc giết. Lấy yếu thắng mạnh, lấy nhu khắc cương, thật thật giả giả. Đi theo, theo về. Đường lui. Rầy rà, phiền phức. Lo lắng. Chặn đánh. Chạy trốn tìm đường thoát chết. Do dự, chưa quyết định dứt khoát. Đánh chặn ngang. Nay là làng Phú Điền, xã Triệu Lộc, huyện Hậu Lộc tỉnh Thanh Hóa

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Table of Contents

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU

QUY CÁCH BIÊN TẬP

TIỂU DÀN

TIỂU TRUYỆN PHẠM ĐÌNH HỒ

TIỂU TRUYỆN NGUYỄN AN

TỰA

I.

II.

PHẦN I. TANG THƯƠNG NGẪU LỤC - QUYỂN THƯỢNG

THÂN TÔNG HOÀNG ĐẾ (13)

HIẾN TÔNG HOÀNG ĐẾ

CHUYÊN CỬ TRONG PHỦ CHÚA

ÔNG NGUYỄN DUY THÌ

HỒ GƯƠNG

ÔNG NGUYỄN VĂN GIAI

NGƯỜI NÔNG PHU Ở NHƯ KINH

NGƯỜI NÔNG PHU Ở AN MÔ

MA ĐÔNG XUÂN

ÔNG NGUYỄN CÔNG HẰNG

ÔNG NGUYỄN BÁ DƯƠNG

QUÂN MÃ ĐĂNG LÂN

THÀNH ĐẠO TỬ

ÔNG LÊ THÌ HIẾN

ÔNG ĐỖ THỂ GIAI ÔNG HOÀNG NGŨ PHÚC

CHÙA TIÊN TÍCH

LIỆT PHỤ ĐOÀN PHỤ NHÂN

NGƯỜI LÀM MƯƠN Ở KINH THÀNH

ÔNG LÊ ANH TUẤN

ÔNG BUI THỂ VINH

ÔNG NGUYỄN CÔNG HOÀN

ÔNG LÊ HỮU KIỀU

ÔNG NGUYỄN TRỌNG THƯỜNG

BÀI KÝ CHƠI NÚI PHẬT TÍCH - (CHÙA THẦY)

DẬT SỬ CỬA CỤ THÁI TẾ

ÔNG ĐAM THẬN HUY

ÔNG LÊ TUẤN MẬU

ÔNG DƯƠNG BANG BẢN

ÔNG UÔNG SĨ ĐOAN

HỌA HỒ

ĐƯA CON ĐEN

HANG NÚI

ANH KẼ TRỘM LÀNG LÂM HỘ

ÔNG ĐỖ UÔNG

TƯỢNG QUÂN ĐOÀN THƯỢNG

SÔNG DỪNG

NÚI ĐỘNG LIỆT

NÚI RẾT

NỘI ĐẠO TRÀNG

BÀ VỢ THỨ ÔNG NGUYỄN KIỀU

PHẦN II. TANG THƯƠNG NGẪU LỤC - QUYỂN HẠ

ÔNG CHU VĂN TRINH
ÔNG LÊ TRẠI
ÔNG BUI CẨM HỔ
THƠ MA
ÔNG PHẠM NGŨ LÃO
THI HỘI
MÁ MẸ ĐÀO KHẢN
CÁI MIẾU CÔ Ở CỬA ĐÔNG HOA
TƯỢNG GIÀ LAM Ở NGÔI CHÙA ĐỒNG
BIA NÚI THÀNH NAM
CỤ THÁI TÊ TÔI
SÔNG ĐỘC
MÁ TỔ QUẬN BẰNG
MIẾU THANH CẨM
DẠT SỰ CỦA ÔNG TIÊN HỌ PHẠM.
ÔNG ĐẶNG CHẤT
ÔNG NGUYỄN TÔNG KHUÊ
QUAN QUẬN LỘC Ở HÀM GIANG
TÁ AO TIÊN SINH.
THÀNH CỬ TRIỀU KHẨU
ÔNG VŨ DUỆ
ÔNG NGUYỄN VĂN GIAI(102)
MIẾU THUẬN DƯƠNG TỔ SƯ
NGƯỜI KHÔNG LỘ
ÔNG PHẠM ĐÌNH TRỌNG
CHÙA THIÊN MỤ
HỘ HOÀN KIỂM
CỬA KINH THÀNH
ÔNG HOÀNG SÂM
ÔNG ĐẶNG TRẦN CÔN
MẸ RANH CÀN SÁT
ĐỀN TRẦN VÔ
NÚI DỤC THỦY
MÁ TỔ HỌ NGUYỄN LÀNG QUẾ Ồ
ÔNG SÂM
ÔNG DƯƠNG CÔNG CAO
ÔNG NGUYỄN ĐẶNG CÁO
ÔNG BUI HUY BÍCH
THÁP BẢO THIÊN
TIÊN QUÂN CHÙA
NGƯỜI BÁN THAN
II
III
I
II
III
IV
PHẠM TẤU
ÔNG VÔ CÔNG TRẦN
ÔNG NGUYỄN TRẬT
ÔNG VÔ SƯƠNG
CHUYẾT CÔNG THIỀN SƯ
ĐỀN LINH LẠNG
CHÙA KIM LIÊN

THÁNH TÔNG HOÀNG ĐẾ
THƠ ĐỀ SAU
TỪ SÁCH ALPHA DI SẢN - GÓC NHÌN SỬ VIỆT